

NGUYỄN ĐỨC THUẬN

*Văn chương
một thời
để nhớ*

Bất khuyết



vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Bất Khuất

Nguyễn Đức Thuận

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

BẤT KHUẤT

Một Bài Học Lớn Lao Về Đạo Lý Làm Người Của Người Cách Mạng

TUYỂN VĂN

Pecarangdo

Lao Gia Định “trung Tâm” Thủ Đức Và Tổng Nha

Côn Đảo

Xác Định Lập Trường Không “ly Khai” Hàng Ngũ Cộng Sản

Một bài học lớn lao về đạo lý làm người của người cách mạng

Theo dõi bước chân Nguyễn Đức Thuận trên từng trang, từng trang BẤT KHUẤT, người đọc nhiều lúc nín thở, hồi hộp, xúc động đến trào nước mắt, trái tim căng lên, sôi sục máu căm thù. Nguyễn Đức Thuận dẫn chúng ta đi theo anh trên con đường đầy đau thương, khổ ải, trong hơn ba ngàn ngày, trải qua những lò giết người cực kỳ man rợ, man rợ hơn cả bọn đao phủ thời Trung cổ, hơn cả bọn phát xít Hitle.

Qua gần ba nghìn cửa ải, từ Pêcarangđo, nhà lao Gia Định, trung tâm Thủ Đức, Tổng nha đến Côn Đảo, sa vào những chuồng cọp, địa ngục trần gian đầy rẫy ác ôn quỷ dữ là tập đoàn đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai mỗ bụng ăn gan, uống máu người không biết tanh, Nguyễn Đức Thuận cùng với biết bao nhiêu chiến sĩ cộng sản kiên cường, biết bao nhiêu người Việt Nam yêu nước, đã đối mặt với quân thù, chống chèo cờ ba que, chống học tập “tổ cộng”, chống “ly khai” tới cùng. Tám năm trời đằng đẳng, ba ngàn ngày mà mỗi phút, mỗi giây, mạng người bị treo bằng một sợi tóc mỏng manh, chơi vơi trên một vực thẳm kinh hồn. Hơn một ngàn đồng bào đồng chí chúng ta đã hy sinh. Nhưng Nguyễn Đức Thuận và những con người kiên cường như anh vẫn đứng vững trong chuồng cọp, đánh bại lũ diêm vương quỷ sứ, đẩy lùi bàn tay thần chết, bắt lũ chúng phải quỳ lạy dưới chân mình.

Mỗi trang BẤT KHUẤT là một trang thấm máu và nước mắt, tràn đầy một sức sống mãnh liệt, vang lên tiếng hát yêu đời, yêu cuộc sống, yêu con người, vang lên bài ca chiến thắng không bao giờ tắt. Với trên bốn trăm trang hồi ký, Nguyễn Đức Thuận đã phản ánh sâu sắc cuộc sống anh hùng với tinh thần cách mạng tiến công của những con người có thực, vạch trần hiện thực đen tối trong những địa ngục của xã hội miền Nam dưới gót sắt của một lũ sói lang mặt người dạ thú. BẤT KHUẤT tỏa ra một niềm tin bất diệt vào sự nghiệp cách mạng, vào lý tưởng cộng sản chủ nghĩa giải phóng con người, nêu cao phẩm giá của những con người nhân thức được quy luật và chân giá trị cuộc sống, biết sống và biết chết xứng đáng là Người.

I. THÀ CHẾT TỰ DO CÒN HƠN SỐNG NÔ LỆ .

Từ xưa đến nay, sống và chết vẫn là vấn đề nóng hổi được đặt ra ở bất kỳ một thời đại nào, một dân tộc nào. Sống sao cho ra sống, chết sao cho ra chết, bởi vì người ta sống chỉ có một lần, chết cũng chỉ có một lần mà thôi. Thực ra, nào ai ở trên đời này lại thích chết. Tất cả mọi người đều muốn sống tự do và có hạnh phúc. Nhưng tham sống sợ chết không phải là lẽ thường của mọi người, mà chỉ là tâm lý chung của những phường giá áo túi cơm, của những kẻ sống cho thể xác, sống cho bản năng động vật của mình. Họ sợ cái chết của thể xác mà đành để mặc tâm hồn chết mãi mãi trong im lặng, trong cô đơn, trong vô nghĩa, hoặc trong sự cầm tù.

“Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”. “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Những lời kêu gọi đánh thép của Hồ Chủ tịch trong những ngày toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp trước kia và đối với những hành động xâm lược của đế quốc Mỹ ngày nay, đã nói lên chân lý về con đường sống và chết; chân lý đó được thể hiện ở những con người kiên cường trong BẤT KHUẤT.

Phát huy đạo lý làm người của cha ông chúng ta, những người cộng sản, những người theo lý tưởng cộng sản, nhân dân cả nước ta từ Nam chí Bắc nhất định không chịu sống cúi đầu, quỳ gối, không chịu làm nô lệ sống kiếp ngựa trâu, vì đó không phải là lẽ sống, vì “đó là sự tồn tại vật vờ không xứng đáng với con người” (Phu xích).

Từ trong buổi bình minh của lịch sử nước ta, cậu bé làng Gióng vươn mình lên cao mười trượng đánh tan quân thù cướp nước rồi bay bổng lên trời, cho đến Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Quang Trung, Trần Phú, Minh Khai, Hoàng Văn Thụ, Lý Tự Trọng, Võ Thị Sáu, Nguyễn Văn Trỗi... vẫn mãi mãi sống trong lòng nhân dân. Nhân dân ta bao giờ cũng lạc quan, mơ ước và kiên quyết đấu tranh giành lấy một cuộc sống hạnh phúc, tự do; nếu có phải hy sinh thì nhân dân ta nhìn nhận cái chết vinh quang là một lẽ

sống. Trần Bình Trọng đã mắng vào mặt quân thù xâm lược: “Tao thà làm ma nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc”. Hoàng Văn Thụ trước giờ lên máy chém vẫn bình tĩnh và thanh thản với câu thơ bất diệt: “Ngọc nát còn hơn giữ ngôi lành”.

Nguyễn Đức Thuận và các đồng chí, đồng bào yêu nước đã tiếp tục phát huy truyền thống về đạo lý làm người đở của nhân dân ta, nêu cao lẽ sống vì dân vì nước, vì hạnh phúc chung của mọi người. Khi bọn tay sai đế quốc Mỹ tìm đủ cách dáo dạt, tra tấn, phỉnh phờ anh: “Ông không “ly khai” thì tiếng hát, tiếng chào cờ, tiếng hô khẩu hiệu ở trại Hai hỏi có thêm được là bao? Cũng chỉ vang thêm một tí ti. Nhưng đối với bản thân ông thì lại là cả một vấn đề sống chết. Và đối với vợ con ông thì là cả một vấn đề hạnh phúc hay mồ côi góa bụa... Chết đi, ông còn gì nữa? Mất hết! Đảng nào biết cho ông? Vợ con nào biết cho ông? Ông để lại được gì cho vợ, cho con?” Anh đã trả lời dứt khoát: “Với chúng tôi, không phải chỉ có vấn đề sống chết và hạnh phúc cá nhân. Bên cạnh cái sống, cái chết và hạnh phúc cá nhân là những điều chúng tôi rất quý trọng – chính vì quý trọng mà chúng tôi làm cách mạng, còn có uy tín của Đảng, còn có lí tưởng cách mạng, còn có phẩm chất của con người mà chúng tôi coi cao hơn tất cả. Chúng tôi yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, do đó cuộc sống và cái chết của chúng tôi đều nhằm phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Tôi chết ở đây cũng như góp một viên gạch vào sự nghiệp giải phóng đất nước. Tôi làm tiếp truyền thống chống ngoại xâm của ông cha ta. Tôi chết đi là nối gót tiền nhân, nối gót các đồng chí của tôi...”

Đúng như thế. “Có cái chết hóa thành bất tử” như Tố Hữu đã nói. Và cái chết của những con người kiên cường, dũng cảm như anh Tín, anh Hiếu, ông già Ngọc, anh Đại... cùng với hàng ngàn hàng vạn đồng chí, đồng bào chúng ta ở Côn Đảo sẵn sàng đón lấy cái chết không chịu cúi đầu, đã trở thành bất tử, tiếp tục tấm gương hy sinh bất tử của cha ông chúng ta, của các mẹ, các chị, các bậc đàn anh cách mạng, đem lại thành quả cách mạng ngày nay. Những con người ấy đã ngã xuống mà vẫn không thể nào chết được, bởi vì: Không thể chết những người dân yêu nước.

Bởi vì:

*Chúng đã giết, nhưng làm sao giết được
Hồn chúng tôi quấn quanh cùng đất nước
Như bóng dừa ôm những xóm làng yêu.*

(Tố Hữu)

Và đã là con người với cái phẩm chất cao quý của loài người thì: “Thà chết tự do còn hơn sống nô lệ” (Lời Hồ Chủ tịch).

II. ĐẾ QUỐC MỸ VÀ BÈ LŨ TAY SAI HỦY DIỆT CUỘC SỐNG, HỦY DIỆT CON NGƯỜI

Trái với chúng ta, chúng nó sợ chết, tranh cướp nhau, đâm chém nhau để mà sống, sống gấp, sống vội như những con thú vật. Nếu có cái chết của chúng ta hóa thành không chết, sống mãi mãi trong lòng mọi người, thì cái sống của chúng nó chẳng hơn gì cái chết. Chúng nó là ai? Là bọn đế quốc Mỹ xâm lược cùng với bè lũ tay sai đồ tể, ác ôn lớn bé từ Diệm, Nhu, Minh, Khánh cho tới Thiệu, Kỳ, Hương, lúc nhúc một bầy mặt người dạ thú, chà đạp lên cuộc sống, hủy diệt con người.

Bảo Đại làm cái nhà để chơi gái và đánh bạc ngay giữ sở thú, thì ngày nay cũng cái “chuồng” đầy hành động thú tính ấy là cái Pecarangdo, cái sào huyệt giết người lừng kháp miền Nam của bè lũ đế quốc Mỹ và tay sai. Đánh bạc giữa các con thú, chơi gái giữa các con thú, giết người giữa các con thú, âu cũng là một thói quen thú vật tất nhiên của tên trùm phong kiến trước kia và tên trùm đế quốc với bè lũ tay sai của nó ngày nay. Những khái niệm biệt thự, nhà thổ, nhà chứa, lò giết người, đối với bọn chúng chỉ là một, không có gì lạ.

Ngay từ buổi đầu sa vào cạm bẫy của chúng, Nguyễn Đức Thuận đã bị những con người thú giở trò cướp giật. Chúng bắt anh cởi giày, tụt bít tất, tháo thắt lưng, đồng hồ, kính râm để chúng khám người anh; ngay trước mặt anh, những kẻ mệnh danh là “đại diện pháp luật” ấy đã trắng trợn thủ luôn mỗi đứa một thú.

Rời từ đó trở đi, Pecarangdo đến nhà lao Gia Định, trung tâm Thủ Đức, Tổng nha, Phú Lợi,

Côn Đảo với lao Hai, lao Một, chuồng cọp, Nguyễn Đức Thuận đã lần lượt cho chúng ta gặp rất nhiều con người thú, “những con người mà phần thú vật thì suy nghĩ hành động mà phần người thì chỉ có ăn, hút, hưởng lạc”. Chúng ta nhìn thấy rõ chân tướng của những “lon, mũ măng, dây vang, dây bạc oai vệ phủ lên các bộ mặt nhầy mỡ, các bộ ngực béo núc” với “những con mắt lơ lảo cổ tươi tỉnh nhưng vẫn đục ngầu những âm mưu và dã tâm”. Với một vài nét, dưới ngòi bút của Nguyễn Đức Thuận, những con người thú hiện lên trong BẤT KHUẤT mỗi đứa một vẻ.

Chúng ta hãy điếm qua mặt chúng nó. Thăng Bạch Văn Bốn tỉnh trưởng Côn Sơn, tên ma vương Côn Đảo, bụng phê, tay cầm can, gặp ai đánh nấy, sống như một vua con, “mọi quyền sinh sát trong tay nó, mọi thứ của cải ở Côn Đảo thuộc về nó. Khắp Côn Đảo, thứ gì ra tiền là vào túi nó. Xoài, nhãn, dứa, chuối, con tôm, cái tép, bông sen, hạt lúa cho chí bãi cứt bò đều là tài sản của nó. Chỗ nào cũng biển “cấm hái”, “cấm ngắt”, “cấm nhặt”. Công chức của nó thò tay lấy cũng bị phạt, bị cúp lương. Một tên lính bảo an đã nói với tù: “Cục cứt chim cũng là của thiếu tá”. Thăng Lê Văn Thế thay thăng Bốn cũng không kém. Khi nó về Sài Gòn, “đồ đạc của nó xếp chặt một phần ba tàu, rất đồi mồi, sa lông mây và các thứ hòm gỗ, khiêng lên kìn kìn, đầy một góc sân vẫn chưa hết”. Cả hai thăng ma vương này cũng không thua kém mấy tên côn đồ tay sai về mặt đánh người. Khi tính thú trào lên đến cổ thì chúng mất hết cả cái oai vệ của lon, áo, mũ măng; chúng sùi bọt mép, dấm vào ngực thét, lù lù đứng ở cửa nhìn các người tù, bước nhện vào khám thộp ngay lấy ngực người tù và dấm liên hồi vào mặt, thúc mũi giày nhện vào ngực, lia gót giày vào sau đầu... Có những thăng như thăng đại úy Năm lúc nào mồm cũng “đ.me”, báo cáo với tỉnh trưởng cũng “đ.me”, “đ.me” tuốt chẳng kiêng nể ai cả. Có thăng như thăng đại úy Giỏi làm ra bộ hiền từ, “bao giờ cũng hạ mũ, kính cẩn, hai tay khoanh trước ngực, cái mũ cặp nách, cúi đầu nghe anh em tố cáo chế độ nhà tù”, “nó đứng im nghe mắt chớp chớp, ra vẻ vừa ăn năn, vừa ngạc nhiên”, cố phỉnh phờ, bịp bợm, dụ dỗ. Có những thăng như thăng Thông, thăng Yên dạy nghề cho bọn tay sai, lấy tù làm bao cát cho chúng tập và đánh ra mẩu theo ngón Huê Kỳ. “Thăng thầy ra mẩu đánh người tù, thăng trò học ngón mới cũng đánh vào người tù, mỗi tối chúng dạy nhau như vậy phải mất vài ba người tù gãy xương học mẩu”.

Những con người thú khác cũng khoác áo làm chính trị, cũng màu mè tự xưng là “yêu nước”, là “mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân” thì thế nào? Nguyễn Đức Thuận đã thuật lại cho chúng ta nghe một câu chuyện nhỏ bỉ ổi và nực cười: “Một hôm đã khuya, tôi chợt nhận thấy khiêng một người vào. Người này khóc hu hu, rất to, rất thê thảm. Vừa khóc vừa nỉ non: “Vợ tôi còn thơ đại ở tận bên Pháp. Tôi bị vô đây, ai đỡ đần tôi. Ông nào có thể giúp tôi báo tin cho vợ tôi được thì tôi xin đền ơn” – Hỏi ra mới biết người ấy là Bùi Lương, chủ tịch Tổng công đoàn lao công”. Chúng ta hãy nghe thăng Phan Trọng Chinh nói với anh Hoàng Minh Trí: “Anh Trí, anh có nhận rằng những người “quốc gia” chúng mình tồi không? Tồi lắm anh ạ! Lúc chưa bị bắt thì thế này, thế nọ, lúc bị bắt thì chưa ăn cái tát nào đã khai ra rông rỗng. Như ông Đán ấy, khai ra có đến mấy trăm người... Khi vào tù thì làm đơn xin Diệm Nhu tha lỗi, xin được ra tù hợp tác với Diệm, Nhu đánh Việt cộng... bây giờ ra Côn Đảo lại làm đơn như thế nữa đấy, mười mấy người ký rồi...”.

Nói tóm lại, từ con người thú lớn đến con người thú nhỏ, từ cao cấp đến hạ cấp, cái triết lý sống của chúng nó chung quy chỉ là cái triết lý sống của chủ nghĩa “đóp”. Những đứa hạ cấp thì nói toạc ngay ra: “Chẳng lý tưởng, chẳng Tổ quốc, chẳng đồng bào gì cả. Chỉ có “đóp”. “Đóp” trên hết. “Đóp” muôn năm. Bọn cầm quyền ở Sài Gòn từ Diệm, Nhu đến Thiệu, Kỳ, Hương cũng chỉ có “đóp”. Và đúng như Nguyễn Đức Thuận đã vạch trần: “có khác là khác ở chỗ chúng nó không nói thẳng ra, chúng chẳng khoác lên người chúng cái vỏ màu mè “quốc gia” và chúng toàn “đóp” đô la, “đóp” rất nhiều đô là mà thôi”. Những thứ “chủ nghĩa nhân vị”, “thuyết duy linh” chỉ là những thứ ngụy luận sặc mùi bùa mê tìm cách che đậy cho cái chiêu bài “quốc gia” giả hiệu, che đậy những khẩu hiệu ở lỗ mồm chúng về tự do, về dân chủ... để “đóp”. Cả bọn thầy chúng là những tên Giôn sơn, Đin Ratxo, Mác Namara... cũng vậy, nếu có khác là khác ở chỗ chúng “đóp” ở khắp nơi trên thế giới và âm mưu “đóp” của thăng thầy thâm độc hơn lũ trò. Nhưng dù cho có quỷ quyết thâm độc đến mấy chẳng nữa, chúng nó cũng chẳng lừa dối được ai. Bộ mặt thật của chúng càng lộ nguyên hình.

Chà đạp, giày xéo phẩm giá con người, hủy diệt con người, hủy diệt cuộc sống của người

khắc để giành lấy cuộc sống vật chất thú vật cho cá nhân mình, đó là mục đích của bọn trùm đế quốc Mỹ xâm lược và của bọn côn đồ lưu manh, ác ôn lớn nhỏ tay sai cho chúng ở miền Nam nước ta, ở khắp nơi trên thế giới. Thông qua BẤT KHUẤT chúng ta thấy rõ mục đích đó, đã tâm đó.

III. MỤC ĐÍCH CỦA CHÚNG TA LÀ ĐẤU TRANH VÌ CUỘC SỐNG, VÌ CON NGƯỜI.

Còn chúng ta, mục đích của chúng ta là đấu tranh vì cuộc sống, vì con người. Chúng ta cương quyết xóa bỏ mọi tình trạng áp bức bóc lột, giải phóng con người, đem lại cho loài người tự do và hạnh phúc toàn diện về mọi mặt vật chất và tinh thần. Vì mục đích ấy, chúng ta không bao giờ ngần ngại hy sinh lợi ích nhỏ bứ của cá nhân mình để chiếm lấy bầu trời và trái đất cho những người lao động. Chúng ta dám xả thân quên mình vì cách mạng như đồng chí Lê Duẩn đã nói, để giải phóng con người khỏi những đại ngục âm u của chế độ độc tài áp bức và bóc lột.

Nguyễn Đức Thuận và những đồng chí, đồng bào yêu nước trong BẤT KHUẤT, ngay từ lúc mới xa vào tay giặc, đã xác định cho mình mục đích và lập trường như thế, vì cuộc sống, vì con người. Trước những dụ dỗ mua chuộc của giặc, nào chức vị, nào tiền tài, nào xe hơi, nhà lầu, gái đẹp... đối với anh đều là của giả, của giả hết. Anh tự nghĩ: “Cả cái chế độ của chúng ta là giả, là đen tối, là phản động, là thủ đoạn, lừa gạt. Cái chế độ xây dựng trên xương máu của nhân dân ấy, tôi nguyện rửa nó, tôi phải đập phá nó, tôi không thêm thứ giả của nó hết”. Và anh tâm niệm: “Không luyến tiếc bất cứ cái gì ở trên đời này, chỉ một lòng hướng về với Đảng, với dân, tất cả các cái khác đều vô nghĩa”.

Toàn tâm toàn ý hướng về với Đảng, với dân, xả thân vì cách mạng, hy sinh hạnh phúc cá nhân mình, coi tất cả cái khác là vô nghĩa, phải chăng đó cũng là một thứ chủ nghĩa khắc kỷ như bọn phản động vẫn thường rêu rao. Không! Húng ta không phải là những kẻ “tử vì đạo”, bởi vì lý tưởng của chúng ta không phải là một đạo giáo. Chúng ta quên mình vì sự nghiệp cách mạng, vì tự do và hạnh phúc chung của dân tộc, của giai cấp cần lao, của nhân loại, bởi vì tất cả mọi hạnh phúc cá nhân chỉ có thể có được một cách toàn vẹn và chân chính khi nào xã hội thực sự được tự do, dân tộc, giai cấp cần lao, loài người thực sự giải phóng khỏi ách áp bức bóc lột. Không có độc lập và thống nhất Tổ quốc, không có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản thì không có gì thực sự là hòa bình, ấm no, hạnh phúc cho mọi người. Nhận thức rõ như thế, Nguyễn Đức Thuận đã khẳng định: “Bắt đầu từ lúc này, tôi càng nhận rõ mỗi ý nghĩ, mỗi cảm giác, mỗi ký ức đầu còn là của tôi nữa. Tất cả tôi đã thuộc về cách mạng. Cách mạng trao cho tôi, và tôi nguyện làm một người quản lý trung thành, quyết giữ gìn toàn vẹn tài sản của cách mạng”.

Nguyễn Đức Thuận cùng các đồng chí, đồng bào yêu nước sẵn sàng chờ đợi mọi thứ cực hình, sẵn sàng đi vào địa ngục đương đầu với bày quỷ dữ, giữ vững khí tiết của người cộng sản luôn luôn như bông hoa trước ngực, hương thơm muôn thuở”.

Dù đau khổ không phai đức độ

Dù gian nguy không phụ lời thề.

Mặc cho thuốc độc bùa mê

Thủy chung giữ vững lời thề sắt son.

Từ những cuộc tra tấn đùng đèn khủng khiếp ở Pêcarăngđơ đến những cực hình khác đây anh đến bên miệng hố của thần chết, Nguyễn Đức Thuận và các đồng chí, đồng bào yêu nước luôn luôn giữ thể chủ động, rất vững vàng, tự tin, toát ra ý chí “người tao chúng mày có thể róc từng miếng xương, xẻo từng miếng thịt: tìm tao, chúng mày có thể bóp cho nó ngừng đập, nhưng óc tao, tinh thần tao, tinh thần cách mạng và bộ óc khoa học của người cộng sản thì vạn kiếp chúng mày cũng không sai khiến nổi”. Và bọn giặc đã lần lượt cúi đầu trước khí tiết bất khuất ấy. Tinh thần chịu đựng hy sinh của anh và đồng đội thực là kỳ diệu. Nguyễn Đức Thuận đã đứng dưới hai ngọn đèn một nghìn óát, đứng không đổi chân, không ăn không uống, không ngủ, đứng trong trạng thái mấp mé sự hôn mê mà vẫn đứng, không phải đứng một lần mà nhiều lần, có lần suốt ba ngày ba đêm liền. Chúng cứ hỏi, anh cứ đứng. Chúng thay nhau quần anh, một mình anh đương đầu với tất cả. Khi cái chết đã đến gần bên, anh tự nhủ: “Mình khuất phục là hết sức nguy hiểm, là tự mình bôi nhọ mấy chữ người cộng sản, là tự mình phủ nhận

chân lý chủ nghĩa Mác – Lênin bách chiến bách thắng. Bọn chúng mày là cái gì? Mình không thèm đo sức với chúng”. Những lúc ấy Lênin đến với anh, Hồ Chủ tịch đến với anh, các vị anh hùng dân tộc, các vị tiền bối cách mạng đến với anh, sống trong anh, nâng anh lên, tiếp cho anh thêm sinh lực để giữ vững khí thế tiến công và chiến thắng địch. Cũng có lúc hình ảnh của những đồng bào đã nuôi nấng anh, giúp đỡ anh trong lòng Sài Gòn, hiện lên trong đầu óc anh; anh nhớ từng trái bắp, trái na, từng chùm nhãn mà các bác, các mẹ, các chị, các cháu cho anh ăn; những cái đó nhắc anh phải chịu đựng mọi cực hình để bảo vệ đồng bào đã hết lòng vì cách mạng. Có lúc anh noi gương của người con gái anh hùng Võ Thị Sáu, anh tự nhủ: “Võ Thị Sáu, tuổi Đảng, tuổi đời đều kém ta nhưng ta không mong gì hơn, chỉ mong làm được như Sáu đã làm”. Những tấm gương kiên cường luôn luôn đập lên đầu thù mà đi của các đồng bào, đồng chí quanh anh như Hà Minh Trí, ông già Ngọc, em Mười, anh Phan Trọng Bình, anh Ngô Đến, anh Tín, anh Hiếu, anh Sơn v.v... đều là những bìa học động viên anh, giáo dục anh, nâng anh lên từng giwof, từng phút trước đã tâm đánh phá, dụ dỗ và truy bức trương kỳ của địch.

Lý tưởng cộng sản chủ nghĩa phát huy cao độ lòng yêu nước, thương dân, căm thù địch, thấm sâu vào trái tim, vào bộ óc của anh, làm cho anh có một sức mạnh phi thường, trở thành gang thép, không một lò lửa nào có thể nung chảy được, “trơ như đá, vững như đồng, ai lay chẳng chuyển ai rung chẳng rời”.

Nhưng không phải chỉ có một mình Nguyễn Đức Thuận. Các chiến sĩ cộng sản kiên cường đều có sức sống mãnh liệt ấy. Ngày nay toàn thể nhân dân Việt Nam từ Nam chí Bắc dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta đều có một sức sống mãnh liệt, coi thường cái chết để bảo vệ cuộc sống, xây dựng cuộc sống độc lập tự do cho dân tộc, cho giai cấp cần lao và cho nhân loại. Sức sống ấy không phải chỉ thể hiện ở trong nhà tù đương đầu với kẻ địch như những con người kiên cường trong BẮT KHUẤT, mà còn thể hiện ở ngoài mặt trận, ở trong công trường, nông trường, xí nghiệp, hợp tác xã, cơ quan trường học... ở khắp nơi từ tiền tuyến đến hậu phương, trong sản xuất cũng như trong chiến đấu. Bất kỳ ở đâu, chúng ta cũng thấy hàng ngày, hàng giờ biết bao sự việc anh hùng, biết bao nhiêu những người tốt việc tốt trong hàng ngũ những con người Việt Nam bình thường yêu nước. Thời đại chúng ta là một thời đại anh hùng, dân tộc ta là một dân tộc anh hùng.

Bởi vì chúng ta có truyền thống anh hùng được tiếp tục và nâng cao dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta và của Hồ Chủ tịch. Bởi vì nhân dân ta đã nhận thức sâu sắc rằng mục đích của cuộc sống, phẩm giá của con người là đấu tranh vì cuộc sống, vì con người.

IV. NHÂN DÂN TA NHẤT ĐỊNH THẮNG VÌ NHÂN DÂN TA BIẾT LÀM NGƯỜI VÀ CÓ ĐẠO LÝ LÀM NGƯỜI.

Đế quốc Mỹ xâm lược biết nguồn gốc của sức sống mãnh liệt ấy của nhân dân ta. Đó là lý tưởng cộng sản chủ nghĩa phát huy cao độ truyền thống yêu nước với đạo lý làm người của dân tộc ta, ngày nay được sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam và Hồ Chủ tịch, đã thấm sâu vào trong đời sống của toàn thể nhân dân ta. Sức sống “người” ấy như gió bão đang cuốn sạch những rác rưởi của mọi cuộc sống “thú vật”. Cho nên, là thú vật, chúng nó phải ra sức dùng mọi âm mưu tiêu diệt cái sức sống ấy “người” ấy, tiêu diệt cái nguồn gốc của sức sống ấy.

BẮT KHUẤT đã tố cáo và lên án đanh thép những âm mưu cực kỳ phản động của đế quốc mỹ và bè lũ tay sai. Chúng đánh phá cả về tổ chức lẫn tư tưởng và trường kỳ truy bức tư tưởng đến cung. Đó là điều mà đế quốc Mỹ đã rút được qua tổng kết kinh nghiệm chống cộng sản ở trên toàn thế giới. BẮT KHUẤT đã thuật lại cho chúng ta rất tỉ mỉ về hành động và âm mưu đánh phá dữ dội, ác liệt vào thể xác, trường kỳ đầy ải người tù cho đến lúc mấp mé cái chết, rồi truy bức tư tưởng làm cho người tù phải chịu khai báo, chịu chào cờ ba que, chịu học tập “tổ cộng”, chịu “ly khai” chủ nghĩa cộng sản. Tinh vi hơn nữa là chúng vừa đánh phá ác liệt, vừa dụ dỗ, vừa dùng đòn tâm lý. Sau những trận tra tấn ác liệt, đánh cho người tù đau đớn đến lúc gần chết thì chúng lại xoay ra chiến dịch bác ái, cho ăn uống cực kỳ sang trọng, kích động và khơi lên lòng thèm khát cuộc sống riêng cho cá nhân mình mà xa rời cách mạng trong một phút. Lúc đó, chúng đẩy mạnh tới, rồi qua cầu rút ván, làm cho người tù không quay trở lại được, dần dần đi theo chúng vào con đường chống đối cách mạng.

Bằng đủ mọi hình thức, quân thù hòng tiêu diệt khí tiết của người đảng viên cộng sản và

lòng yêu nước của nhân dân ta, hòng tiêu diệt ý chí phản đấucủa đồng bào, đồng chí ta, nhằm đạt yêu cầu tối đa là buộc người tù trở thành đối tượng của cách mạng. Chúng lợi dụng những người tạm thời chịu đầu hàng khuất phục chúng, làm công cụ tuyên truyền tô son trát phấn cho chúng; yêu cầu tối thiểu là gieo rắc tình trạng hoài nghi đối với người tù để dsu này làm hạn chế sức hoạt động của họ. Làm cho người tù phải chịu chào cờ, học tập tổ cộng, chịu ca hát và hô khẩu hiệu của chúng, chúng cũng đạt được yêu cầu là trước mắt người ta chính nghĩa và phi nghĩa lộn sòng, chính nghĩa là mơ hồ.

BẤT KHUẤT đã đi sâu miêu tả, phân tích những thủ đoạn và âm mưu dã man, đê hèn của quân thù được thể hiện ra ở nhiều khía cạnh xảo quyệt, tinh vi. Nhưng với tất cả những thủ đoạn ấy, dù bằng bất cứ một hình thức xảo trá nào, dù bằng bất kỳ một khoa học kỹ thuật tinh vi nào, giặc Mỹ và bè lũ tay sai cũng không lừa được ai. Và chính chúng cũng đã thừa nhận và phải thốt ra: “chính sách cải huấn chẳng cải được ai”.

Nguyễn Đức Thuận không đơn độc. Dù trong bất kỳ hoàn cảnh bị cô lập đến đâu, anh vẫn sống trong lòng Đảng, trong lòng tập thể. Và cùng với các đồng chí, đồng bào yêu nước đoàn kết thành một khối vững chắc dưới sự lãnh đạo của Đảng, biết bao nhiêu người trong đó có anh đã giương cao lá cờ bất khuất, quyết chiến quyết thắng, đứng vững trên mảnh đất xã hội chủ nghĩa ngay trong địa ngục của wuyr dữ, bảo vệ khí tiết của người cộng sản, lần lượt đánh bại mọi âm mưu của kẻ thù.

Em Hội, học sinh 19 tuổi, khi bọn địch hỏi theo ai, em trả lời: “Theo những người cộng sản là người yêu nước nhất, kháng chiến có công nhât”. Chúng nói xấu cộng sản, anh Ba tức Ngàn chỉ vào tai nói: “Hỏi vô đề chớ nói cái chi chi, tôi nghe không lot. Tai tôi lòi”. Anh Hạnh là thầy giá, gặp thằng học trò cũ phỉnh phờ anh, dụ dỗ anh, anh đáp: “Từ ngày tôi vào tù, tôi đã hiểu chủ nghĩa cộng sản là chính nghĩa, các ông là phi nghĩa. Tôi đã thấy rõ ai bán nước phản dân và ai vì dân vì nước, cho nên tôi theo cộng sản”. Biết ông già Ngọc không phải là đảng viên, chúng hỏi: “Ông mắc nợ gì cộng sản mà cứ đeo lấy họ ở đây mà chịu chết?”. Lần nào cũng như lần nào, ông chỉ trả lời một câu: “Cộng sản giải phóng cho nước cho dân, tôi mắc nợ họ cái khoaen đó. Tôi sống từng này tuổi, sướng có, khổ có, chỉ thiếu cái chết vinh quang thôi, cho nên tôi ở lại với họ, chết cho cách mạng”. Anh Lưu Chí Hiếu ốm nặng, thổ ra hàng tở máu, chúng bỏ mặc rồi dụ dỗ anh nếu “ly khai” sẽ đem ra bệnh xá, anh ung dung trả lời: “Tao không thêm ly khai”. Nghe hai tiếng “không thêm” của anh mà chúng ta không sao ngăn được nước mắt. Anh Trần Trung Tín tuyệt thực hai mươi ngày liền để biểu thị ý chí quyết không “ly khai”; địch không cho anh uống nước, anh vẫn tiếp tục không ăn không uống. Nằm li bì sắp chết tình cờ có thư và quà của vợ anh gửi tới, chúng tưởng bở đem vào hỏi anh nếu “ly khai” sẽ đọc thư cho anh nghe, nhưng anh không thêm trả lời.

Những hành động đấu tranh dũng cảm, kiên cường ấy diễn ra hàng ngày hàng giờ, giằng co với địch làm cho chúng phải chùn tay lại, đành chịu thua và khiếp phục. Thằng Lam Sơn nhất nhất phải nghe lời anh Thuận, mỗi khi anh đi ra nhà xí, nó phải dất sẵn dưới mái nhà một tờ báo để anh xem. Thằng Tám đã phải quỳ dưới chân các anh mà nói: :Chúng tôi đã thấy vũ lực không thể thắng nói trái tim người, xin các ông xóa bỏ mọi hận thù cũ”.

Chúng ta nhất định thắng bởi vì chúng ta biết sống làm người và có đạo lý làm người. Chúng nó khiếp phục chúng ta và chúng nó nhất định thua bởi vì chúng nó sống kiếp thú vật, phi nghĩa, sống cũng như chết.

V. KIÊN QUYẾT ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN ĐỂ BẢO VỆ PHẨM GIÁ CON NGƯỜI.

Giữa cái sống và cái chết, không phải Nguyễn Đức Thuận và các đồng chí, đồng bào yêu nước của chúng ta liều mạng mà chết, hoặc chờ đón cái chết nhẹ tựa lông hồng, như những anh hùng thần thoại. Không, không phải họ là những siêu nhân, những thần thánh. Họ chỉ là những con người bình thường nhưng họ có lý tưởng lam người của chủ nghĩa cộng sản. Mà muốn giữ vững được lý tưởng làm người ấy, họ phải trải qua những cuộc vật lộn với bản thân mình vô cùng gay gắt. Mỗi phút mỗi giây ấy lòng tham sống sợ chết đến mê hoặc họ bằng nhiều thứ nguy luận làm lu mờ ý tưởng, làm trùn gân cốt đấu tranh. Anh Tín đã từng bản khoản mãi trước hai chữ “ly khai” và cái dấu hỏi ở trên tường xà lim. Anh Bình đã từng vật vã biết bao

nhều đêm không ngủ, và Nguyễn Đức Thuận cũng đã từng bao nhiêu lần đi đi lại lại hết đêm trong trại giam chuồng cộp chật hẹp, vật lộn với cái cá nhân nhỏ bé của mình.

Kẻ địch dồn người tù chạy quanh cũi chết, nếu người tù không “ly khai” thì cũng sống trong cũi chết, trong khi đó địch ngỏ một cánh cửa “ly khai”. Chỉ một phút do dự, nếu anh không đấu tranh được với bản thân, mon mem đi gần tới cánh cửa đó, là cujgs đánh phá cực kỳ ác liệt làm cho bản năng ham sống sợ chết của anh trỗi dậy thật mạnh mà tặc lưỡi nhào qua cửa.

Nguyễn Đức Thuận đã phân tích sâu sắc những cuộc vật lộn dai dẳng như thế với chủ nghĩa cá nhân. Anh nói: “Cần nói thật công bằng rằng ở trong tù cái diện của chủ nghĩa cá nhân đã mở rộng ra cả những điều mong ước chính đáng, tối cần thiết, chỉ vì lúc này những cái đó không có lợi cho cuộc đấu tranh giữ vững khí tiết mà tôi”.

Nhớ vợ thương con là tình cảm chính đáng. Nhưng nếu cứ như anah Van suốt đêm ngày lúc nào cũng nghĩ đến vợ, đến con, quá gánh nặng thương nhớ, rồi không thể thắng được sự giằng co giữa tình cảm gia đình và tình cảm cách mạng, giữa cái sống và cái chết của cá nhân anh, anh tự tử. Đau khổ quá mà tự sát, đó là chỗ yếu hèn của anh. Địch cứu chữa cho anh , anh sống; rồi từ chỗ yếu hèn mà tự tử dẫn đến chỗ yếu hèn mà “ly khai”. Nhưng “ly khai” rồi, anh hối hận mà hóa ra câm bặt từ đấy.

Cần hiểu tình hình bên ngoài đối với người tù là cần thiết. Thế nhưng anh Mười Đ đã quá chú trọng đến việc thăm hỏi tình hình bên ngoài, gặp ai cũng hỏi, gặp ai cũng sẵn đón. Sự chú trọng của anh đối với tình hình quá khác thường, nó là biểu hiện của động cơ chiến đấu vì tình hình. Cho nên mặc dù qua bao nhiêu cửa ải, đã nhiều lần đứng vững trong chuồng cộp, thế mà anh bị gục trong một phút vì anh chưa trông thấy tình hình sáng sủa.

Có những anh chiến đấu kiên cường bao nhiêu năm, thế mà bên miệng cái chết đã tặc lưỡi “ly khai” rồi hối hận mà phát điên hoặc chết. Thế là không thắng được bản thân trong một phút thôi mà sa ngã.

Nguyễn Đức Thuận đã kể lại những chuỗi ngày vật lộn với địch, với mình, dài đằng đẵng, diễn ra liên tục, gay go phức tạp, đau khổ. Có lúc anh tưởng chừng như phát điên. Có lúc anh tập hô khẩu hiệu, sợ điên sẽ nói lảm nhảm có hại cho uy tín của Đảng. Có lúc anh vừa hạ quyết tâm xong, trở mình nghe chỗ xương gầy kêu đánh cục và đau bắn người lên, thế là lại lộn vòn ngay lập tức cái ý nghĩ: có nên chết chẳng?”. Có lúc anh vừa xác định xong phải chết mới thắng được địch thì chợt nhớ tới những ngày khổ ải đã qua và ngó trông những ngày sắp tới, thế là lại thừ ra: mình đến bước này có “ly khai” cũng được thôi chứ nhỉ? Cố gắng đến bước này là chẳng kém ai rồi, nếu có kém thì cũng chỉ kém những người đã chết. Như vậy Đảng cũng chiếu cố mà tha thứ cho thôi...”. Có lúc chỉ vì một câu chuyện không đâu, như nghe tin phao đồn vệ tinh Liên Xô lên mặt trăng, bắt gặp người mặt trăng đưa về trái đất mà anh Bình cũng thần thờ suốt mấy ngày: “ Trời ơi, chết lúc này uống quá. Về đi, về mà xem người mặt trăng thế nào chứ!”.

Mà nào có thể thôi đâu, còn phải gạt bỏ hết bao nhiêu thứ luận điệu đường mật thủ thủ bên tai hàng ngày:

- Các ông ạ, chấp kinh cũng có phải có lúc tòng quyền chứ.
- Ông ký giấy “ly khai” nhưng bụng không “ly khai” thì ai làm được gì ông? Chẳng lẽ vì câu nệ một chút thủ tục giấy tờ mà ông định chết, bỏ dở đấu tranh à?
- Hay là các ông có tư tưởng anh hùng cái thế, muốn làm những chuyện phi thường, hơn đời? v.v...

Cuộc vật lộn giằng co với ý nghĩa cá nhân chủ nghĩa của bản thân diễn ra đồng thời và xen kẽ với cuộc vật lộn giằng co với địch, cả ngày lẫn đêm, chỉ trừ khi nào nhắm mắt ngủ. Hễ mở mắt là lập tức trong người lại thành ra bãi chiến trường của hai ý nghĩ sống và chết vật lộn nhau. “Ở trong tù, kẻ thù tư tưởng gắn liền với đời sống cá nhân mình, với vợ con gia đình mình, với cái đau đớn cụ thể trên da thịt mình... Nó hiện lên bằng lời nói dịu dàng của người vợ, nó hiện lên cả bằng những lý lẽ có vẻ cách mạng nữa”.

Nguyễn Minh Thuận đã cho chúng ta rất nhiều kinh nghiệm phong phú về cuộc đấu tranh gian khổ chống chủ nghĩa cá nhân, một bài học cảnh giác sâu sắc đối với mọi việc, mọi hành

đồng, mọi ý nghĩ của bản thân mình, từ cái lớn đến cái nhỏ, từ cái thực tế đến cái viễn vông, từ cái gần đến cái xa, từ cái cụ thể đến cái trừu tượng, nhiều cái chỉ sơ ý một chút thôi là rất có khả năng làm trùng gân, trùng cốt, buông xuôi.

Lênin đã nói: “Tôi không sợ khổ, không sợ chết. Tôi chỉ sợ không thắng nổi những phút yếu đuối của lòng tôi, và đối với tôi, chiến thắng vẻ vang nhất là chiến thắng bản thân”. Con người ta vốn rất bình thường, nhưng trở thành được anh hùng chính là vì có lý tưởng đúng đắn về cuộc sống. Và kiên quyết đấu tranh không ngừng chống chủ nghĩa cá nhân, chiến thắng những phút yếu đuối của bản thân mình, làm chủ được mình, mới giữ vững được lý tưởng, bảo toàn được cuộc sống có giá trị, nêu cao được khí tiết, phẩm giá con người.

VI. THA THIẾT YÊU CUỘC SỐNG, SỐNG CHIẾN ĐẤU VÀ CHIẾN THẮNG

Không tham sống sợ chết, sẵn sàng đi vào cái chết một cách chiến thắng; nhưng không ở đâu bằng ở đây, ta thấy những con người **BẤT KHUẤT** yêu tha thiết cuộc sống, tranh thủ sống và tận hưởng từng giờ từng phút cái đẹp của cuộc sống.

Trong chuồng cốp, các anh đã tạo ra cho riêng mình mooth thiên đường xã hội chủ nghĩa để mà sống, mà lao động, đấu tranh, học tập, vui chơi. Chúng ta hãy nghe Nguyễn Đức Thuận tả lại:

“Sáng 5 giờ, kêng báo thức toàn lao, anh em dậy, giả dụ anh em chưa buồn dậy, chúng cũng không làm giả nổi. Từng cụm chuyền tay nhau chiếc điều cày, điều cày bằng lọ thuốc penixilin mài thủng một lỗ nhỏ ở vai làm nổ điều, xe bằng thân cây bút chì mực. Về một dùm thuốc lào, “cò kè” rít một hơi dài, phủ khói um khảm rồi lục tục mỗi người một cục giẻ, một mảnh sành..., lên lớp văn hóa. Việc học hành đã thành một yêu cầu mãnh liệt của anh em tù. Đây là một lớp toán, kia một lớp văn, góc này lớp địa lý, góc nọ lớp sử. Học cả điện, học cả máy nổ, học cả chụp ảnh, lái xe hơi... Học cả âm nhạc nữa. Những buổi thảo luận chính trị - một môn học quan trọng hàng đầu – bao giờ cũng sôi nổi. Anh em thảo luận đủ thứ: thời sự, đường lối cách mạng, chủ trương đấu tranh trong tù, phân tích một hiện tượng mới nhận thấy ở địch... cách đối phó...

Trong khám lúc nào cũng rúc rích tiếng cười. Giữa các giờ học tập là giờ “sản xuất”. Thôi thì khắp khám ran ran các tiếng gõ lon, tiếng cưa đột giây cáp làm kim, tiếng mài gáo dừa, xương bò, vỏ ốc tai tượng làm “cà rá”, tiếng khoan các bàn chải đánh răng làm bột thuốc lá v.v... Nhấn gáo dừa đen bóng như huyền lại có vân rất đẹp. Lập lắc nhôm có khắc tên họ cẩn thận. Kim khâu bằng một sợi dây cáp, lỗ kim đục bằng cái ống cưa thuốc tiêm, vậy mà vẫn sắc và có phần không hay gãy như mua kim ngoài chợ...

Buổi tối, trong khám nhộn nhịp hẳn. Đây rạp chiếu bóng”, kia rạp tuồng”. Và nọ “tiệm ăn”. Mỗi chỗ một toán bá vai bá cổ nhau chuyện nỏ như bắp rang. Rạp “chiếu bóng” kể chuyện phim đã xem hoặc đã nghe ở người khác. Rạp “tuồng” cũng kể. Nhưng khán giả vẫn đông, hết chỗ, vòng trong, vòng ngoài, có khi phải chiếu, phải diễn mấy lượt mới đủ.

Bọn địch đầy ải, bỏ người tù chết bệnh, chết tật, chết dần, chết mòn, nhưng anh em đã nhất quyết sống, uống nước phân để mà sống, ăn cỏ để mà sống, cắt máu ở ngón tay ra cho đồng chí mình mút để mà sống, ăn sống nuốt tươi như người nguyên thủy. Nguyễn Đức Thuận nói: “Đúng, chúng tôi đã mút sống từ con ốc sên nhỏ bằng hạt đỗ bắt được dưới một tảng đá, đến nuốt chửng các thứ chuột mới để còn đỏ hỏn trong hang và thạch sùng trên vách”. Muốn sống ngay thẳng, muốn sống trung thành với sự nghiệp cách mạng, muốn sống làm người thực sự, các đồng chí đồng bào của chúng ta ở Côn Đảo đã phải giành lấy sự sống một cách xót xa, đau thương như thế.

Không ở đâu tình yêu thương yêu đồng bào, đồng chí, bảo toàn cuộc sống cho nhau lại có thể hơn được ở đây. Họ thương nhau hơn cả ruột thịt, “anh chỉ rên một tiếng là mọi người quây lại lo lắng, anh chỉ ú ớ một tiếng mê sảng là chùng quanh hồi hộp lắng nghe...Suốt thời gian anh bị ốm, lúc nào cũng có ít nhất một bàn tay đặt trên người anh xoa bóp”.

Không ở đâu tình thương vợ thương con lại tha thiết hơn ở đây. Có lần trong đêm giao thừa, Nguyễn Đức Thuận thấy mừng tượng như thấy mấy đứa con và vợ anh hiện lên, và lúc đó lòng anh xốn xang tưởng chừng như anh chỉ cần im lặng một chút là hình ảnh vợ con hóa thành người thật sự ở bên cạnh anh. Anh nói: “Tôi run run giơ tay lên, vuốt tóc mấy đứa con tưởng

tương đương gương những con mắt đen láy và tròn xoe nhìn tôi...”. Nhưng rồi anh nói với con anh mà cũng là tự nhủ lòng mình: “Các con cố tìm mọi cách về thăm quê nội và nói với họ hàng rằng ba đã làm tròn những lời dạy dỗ, đã không làm điều gì để ô nhục cho gia đình họ Bùi”. Và anh tin tưởng rằng nhất định anh sẽ sống, chiến đấu và chiến thắng để trở về với vợ con anh.

Có những lúc anh nằm nhìn mê mải những tia nắng mặt trời lấp lánh, những hạt bụi lọt vào trong khám tối, hoặc say sưa ngắm một ánh trăng xanh rọi sáng bệ nằm. Anh Bình có một nếp quen là tháng nào cũng dành được mấy đêm ngắm trăng, hầu như bao giờ anh cũng bắt được trăng từ mái ngói hỏ ở chuồng cạp.

Bọn địch đưa Nguyễn Đức Thuận ra biển, định quăng anh xuống đó. Trước giờ chết anh cảm thấy lâng lâng, nhẹ nhẹ, anh nhìn đất nước mênh mông, dịu lãng mà càng thêm yêu mến đất nước cảnh vật vô cùng. Anh nhìn hòn núi Chúa, thấy nó hùng vĩ chứ không ghê rợn như những đêm mưa bão. Nhìn lên sườn núi, thấy một vệt sáng xanh, anh nhớ mang máng một câu thơ cổ, “nhớ từ cái sáng trăng lưng sườn núi mà không sao nhớ ra được lời thơ. Một câu thơ Đường thì phải”. Anh nhìn bãi cát trắng, nhìn những nắm mồi bên hàng dương, anh tự nhủ: “Trăng sáng, biển khơi, núi cao, trời rộng. Chết trong đó với cái khí tiết không hề suy suyển. Được lắm!”. Trước giờ chết, anh lại càng yêu mến cảnh vật, yêu mến thiên nhiên, yêu mến cuộc sống, thương thức cái đẹp của núi sông, đất nước mà không hề xao xuyến dao động, sẵn sàng đi vào cái chết một cách chiến thắng.

Đảng đã chấp cho anh một đôi cánh bay cao, mở cho anh một đôi mắt tròn sáng, gắn sâu vào tim óc anh lý trí đúng đắn và tình cảm phong phú, để nhận thức đúng trong cuộc sống với tư thế của kẻ chiến thắng. Sống trong lòng Đảng, trong lòng nhân dân, được sự giúp đỡ triu mến của tập thể, ủa quần chúng, tiếp thu truyền thống về đạo lý làm người của nhân dân ta, Nguyễn Đức Thuận và các đồng chí, đồng bào yêu nước của chúng ta đã hiểu rõ cái đẹp chân chính của cuộc sống, tha thiết yêu cuộc sống, sống xứng đáng với danh hiệu con người là sống chiến đấu và chiến thắng. Những người sa vào tay giặc, dù có phải hy sinh, cũng chết với cái chết xứng đáng của con người: chết chiến thắng.

KẾT LUẬN

Những con người trong BẤT KHUẤT không phải là những con người tưởng tượng, mà là những con người có thực bằng xương bằng thịt, những con người thể hiện vẻ đẹp theo quan điểm mỹ học cộng sản chủ nghĩa của chúng ta. Họ sống bình thường, nhưng trong cuộc sống đấu tranh họ đã thống nhất được trong mình họ cái đẹp của cuộc sống con người với cái đạo đức, cái phẩm giá làm người. Họ đã chứng minh rằng ngày nay lý tưởng đã được biến thành hiện thực, và với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, họ đã chiến thắng trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Họ đã làm nổi bật sự gắn liền cá nhân với tập thể, với xã hội: và xác định rằng hạnh phúc con người chỉ có thể có được khi con người đấu tranh vì hạnh phúc chung cho mọi người, như Mác đã nói: “Hạnh phúc là đấu tranh. Đấu hàng hoàn cảnh, khước từ đấu tranh tức là hạ thấp phẩm giá con người”. Trong họ không có mâu thuẫn giữa mục đích chủ quan của cá nhân họ với ý nghĩa lịch sử khách quan của cuộc sống xã hội. Không có sự mâu thuẫn giữa họ với quần chúng. Cuộc sống của họ bao giờ cũng kết hợp chặt chẽ với cuộc sống của quần chúng. Và một khi lý tưởng cộng sản chủ nghĩa phát huy cao độ truyền thống yêu nước với đạo lý làm người của ông cha ta, thấm sâu vào cuộc sống của mọi người dưới ánh sáng của Đảng, thì nó đem lại cho con người ta một sức sống mãnh liệt, tuyệt vời, làm cho con người càng yêu mến tha thiết cuộc sống lạ càng sẵn sàng đi vào cõi chết khi cần thiết để bảo vệ lấy cuộc sống, xây dựng cuộc sống tươi đẹp, tiến lên phía trước. Do đó, lạc quan là cái tất yếu đối với họ, họ không mang theo cái bi kịch của sự hy sinh cá nhân.

BẤT KHUẤT với những con người có thực, xứng đáng là người, đã cho chúng ta một bài học lớn về chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nêu rõ quan điểm đúng đắn về cuộc sống và cái chết, về đạo lý làm người của người cách mạng.

BẤT KHUẤT giúp cho chúng ta thấy rõ hiện thực vĩ đại của đất nước ta chính là cơ sở, là nguồn gốc cho nền mỹ học của chúng ta, cho việc xây dựng sáng tạo nhân vật điển hình tích cực của nền văn học nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

BẤT KHUẤT còn khẳng định rõ sự nghiệp bảo vệ phẩm giá con người, đấu tranh giải phóng

con người phải gắn liền với sự nghiệp xây dựng một xã hội mới với những con người mới, một xã hội không có người bóc lột người trong đó mọi người đều được cải tạo giáo dục trở thành những người lao động có tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa mình vì mọi người.

Trong việc xây dựng con người mới, nhà trường của chúng ta giữ một vị trí rất quan trọng. Thẩm nhuần tinh thần BẤT KHUẤT mình vì mọi người, người thầy giáo “càng yêu người bao nhiêu thì càng yêu nghề bấy nhiêu”. Học sinh cũng vậy, với tinh thần BẤT KHUẤT các em không chỉ học riêng cho mình mà là học vì mọi người, vì sự nghiệp cách mạng của đất nước và của cả loài người.

Được Đảng ta và Bác Hồ lãnh đạo giáo dục dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin, toàn dân ta đã và đang ra sức phát huy và nâng cao truyền thống đạo lý làm người của ông ta ta trở thành đạo lý làm người của người cách mạng, của con người mới, người lao động xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

“Cần kiệm liêm chính”, “chí công vô tư”, “trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”, những lời dạy chí tình của Đảng và Bác Hồ thấm sâu vào bộ óc và trái tim của toàn dân ta, biến thành những việc tốt, những việc lớn anh hùng và những việc nhỏ anh hùng trong đời sống hàng ngày trên đất nước ta.

Không phải chỉ trong cái địa ngục trần gian ở xã hội miền Nam mới xuất hiện những con người bình thường mà anh hùng như BẤT KHUẤT đã thuật lại. Ngày nay, từ tiền tuyến đến hậu phương, trong cao trào thi đua chống Mỹ cứu nước và xây dựng xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa anh hùng cách mạng đang trở thành phổ biến. Một phong trào học tập và noi gương những người tốt, thi đua làm những việc tốt đang diễn ra sôi nổi, sâu rộng chưa từng cách có, nêu cao khí thế tiến công cách mạng trên khắp các mặt sản xuất và chiến đấu. Bên cạnh những tấm gương sáng ngời của BẤT KHUẤT, bên cạnh biết bao nhiêu anh hùng dũng sĩ và chiến sĩ thi đua, lại còn hàng ngàn hàng vạn những người bình thường thuộc đủ các dân tộc, các tầng lớp, các giới, các lứa tuổi, từ những ông bà già cả đến thanh niên, thiếu niên, nhi đồng, hàng ngày hàng giờ làm những việc tốt ích nước lợi dân. Không phải chỉ có những việc lớn tốt mới anh hùng, mà những việc nhỏ tốt cũng anh hùng, bởi vì tất cả những việc đó đều biểu hiện cái khí thế cách mạng của con người mới ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, mình vì mọi người. Xây dựng con người mới, người anh hùng cách mạng chính là bắt đầu từ những việc làm tốt hàng ngày, việc tuy nhỏ ai ai cũng có thể làm được nhưng là những việc làm mình vì mọi người. Đó là đạo đức, là văn minh, là thuần phong mỹ tục của xã hội Việt Nam ta.

“Trên đất nước ta đang diễn ra cuộc chiến đấu quyết liệt giữa chính nghĩa và phi nghĩa, giữa văn minh và bạo tàn”. Chính nghĩa nhất định sẽ thắng phi nghĩa, văn minh nhất định sẽ thắng bạo tàn. Hơn mười năm nay, với dã tâm xâm lược tàn bạo, hủy diệt con người, hủy diệt cuộc sống, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đã dựng lên biết bao nhiêu địa ngục và kéo lê máy chém đi khắp miền Nam nhưng chúng vẫn không thể nào tiêu diệt được lòng yêu nước với ý chí sắt đá của đồng bào miền Nam hướng về Đảng, về dân, về Hồ Chủ tịch. Tuyệt vọng, liều lĩnh và điên cuồng chẳng khác gì loài quỷ dữ, đế quốc Mỹ leo thang ra miền Bắc, ném bom giết hại đồng bào ta, định phá sạch, đốt sạch, định tiêu diệt cuộc sống trên đất nước ta, hòng thực hiện và bành trướng chủ nghĩa “độc tự do” trong cái thế giới tự do độc của chúng. Nhưng chúng nó đã hoang mang, điên đầu và tính nhảm. Trong địa ngục miền Nam, chúng vừa dụ dỗ vừa điên cuồng tàn sát, mà vẫn phải quỳ gối khiếp phục những người cộng sản và đồng bào yêu nước. Chúng không biết rút kinh nghiệm của bài học BẤT KHUẤT ấy. Chúng đã vấp phải bàn tay thép của toàn thể nhân dân Việt Nam bất khuất, anh hùng. Và sự thật là nhân dân Việt Nam đã và đang giáng cho chúng những đòn chí mạng, làm cho chúng thất điên bát đảo, thua hết keo này đến keo khác. Ngày nay nhân dân thế giới đều phỉ nhổ vào mặt chúng. Càng bị cô lập chúng càng lục đục, hoang mang; chính bọn chúng cũng phải thú nhận rằng: “Việt Nam là một chữ hình như vượt ra ngoài sự hiểu biết của mọi người. Nó không còn chỉ có ý nghĩa là một khu vực hay một dân tộc. Nó có nghĩa là trạng thái hoàn toàn hoang mang mà từ trạng thái đó đẻ ra những hành động điên rồ” (hành động điên rồ của giặc Mỹ xâm lược, HHG) (Báo Washington Evening Star 13.9.67) – David Lawrence).

Mặc dù chúng có âm mưu mồm nói “đàm phán hòa bình” giả dối mà gây chiến tranh ác liệt đến đâu chẳng nữa, nhân dân Việt Nam nhất định sẽ quật ngã hoàn toàn và quét sạch sành sanh giặc Mỹ xâm lược ra khỏi đất nước.

Noi gương các đồng chí, đồng bào trong BẤT KHUẤT, chúng ta hãy sống sao cho xứng đáng làm Người, gương cao ngon cờ trăm trận trăm thắng của Đảng ta, theo tiếng gọi của Hồ Chủ tịch, thừa thắng xông lên đánh bại quân thù, bảo vệ cuộc sống, bảo vệ con người, bảo vệ non sông đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ hòa bình cho nhân loại.

Tháng 5 – 1969

HÀ HUY GIÁP

TUYỂN VĂN

Pecarangdo

Chiều chủ nhật ngày 29-7-1956, đồng chí Nguyễn Đức Thuận vào Sở thú Sài Gòn gặp liên lạc. Tình cờ thằng Lam Sơn bắt gặp, chỉ cho dịch bắt.

Bắt được đồng chí Nguyễn Đức Thuận, dịch hý hửng tưởng sẽ khai thác được những tài liệu quan trọng, nắm được đầu mối để đánh phá phong trào cách mạng. Bước đầu chúng dùng mảnh khốe dụ dỗ, mua chuộc. Nhưng kẻ địch đã lầm. Chúc vị, tiền tài, xe hơi, nhà lầu, gái đẹp, tất cả không thể mấy may lung lạc tinh thần đồng chí Nguyễn Đức Thuận. Giai đoạn “đường mật” chấm dứt. Giai đoạn “máu” bắt đầu. Lũ ác ôn đánh, đánh không kể ngày đêm, rất bất ngờ. Các thứ dùi cui, gậy, cục mây quất vào người đồng chí như mưa. Bọn chúng thi nhau đâm, đá, đập, lao báng súng vào ngực đồng chí, “lên gối”, bóp cổ, dận gót giày vào đúng tim, lấy bông tẩm ét xăng đốt các mạch máu và đường gân... Bị lũ “đầu trâu mặt ngựa” đánh đập, thân thể đồng chí “mềm oặt như một tàu rau héo”, đầy máu, các đầu ngón chân ngón tay giập nát, nhiều lần đồng chí ngất đi. Về phòng giam, khi tỉnh dậy, đồng chí chỉ nằm được một chiều, ở một chỗ mà ăn, ngủ, đái, ỉa... Chết đi sống lại, đau đớn khủng khiếp, nhưng đồng chí không hề khai nửa lời, “im lặng hoặc không. Không biết, không quen, không có, không, không và không”, quyết tâm thực hiện phương châm: quyết thắng, và lời dạy của Hồ Chủ tịch: “Trung với Đảng, hiếu với dân...”

... Tôi bước vào phòng điều tra rất vững vàng, tự tin. Tôi muốn nhìn thẳng, muốn cho cả người tôi toát ra cái ý chí: người tao, chúng mày có thể róc từng miếng xương, xẻo từng miếng thịt; tim tao, chúng mày có thể bóp cho nó ngừng đập nhưng óc tao, tinh thần tao, tinh thần cách mạng và bộ óc khoa học của người cộng sản thì vạn kiếp chúng mày cũng không sai khiến nổi...

Lần này, chúng áp dụng cách tra tấn hoàn toàn mới thật. Tôi là người đầu tiên bị bọn P42 thí nghiệm cách này, cách tra tấn trường kỳ kết hợp với thẩm vấn liên hồi và đứng đèn. Chúng chọn hai mươi lăm thằng ở bên “phủ tổng thống”, chỗ thằng Nhu sang, chia ra bốn nhóm. Mỗi nhóm làm hai ca ngày đêm, mỗi ca ba giờ, thay phiên nhau quần tôi không lúc nào ngừng. Trưởng nhóm là mấy thằng An, Ân, Lãm và một đứa tôi quên tên, toàn là sĩ quan tình báo đã học ở Mỹ, Nhật, Đài Loan, Philipin. Thằng nào cũng được nhồi sọ đủ các luận điệu phản động, đủ các mảnh khốe xảo quyết và đủ các thủ dã tâm. Về mặt thâm hiểm, đều cáng, bất nhân, thì phải nhận rằng không đâu dạy giỏi bằng các trường tình báo Mỹ, không ai dạy giỏi bằng các “cố vấn” Mỹ. Qua mấy thằng An, Ân, Lãm này, ta thấy ngay được kho học Mỹ đã đào tạo người hóa thú đầy đủ đến thế nào. Thật sự chúng là những người – thú, những con người mà phần thú vật thì suy nghĩ, hành động và phần người thì chỉ có ăn hút, hưởng lạc...

Nhóm thằng An làm việc với tôi trước tiên. Thằng này xưa là tri huyện đại lý Hoàn Long, Hà Nội. Nó có nghề hỏi cung nham hiểm lắm. Nó bắt tôi đứng chống hai tay vào tường, chân cách tường đúng bốn hàng gạch hoa, người đổ choãi về đằng trước. Tôi chưa kịp đứng yên trong cái tư thế quái gở này thì tự nhiên thấy mắt chói lóa. Hai ngọn đèn ở cách hai bên gáy tôi chùng một gang thỉnh linh bật sáng trưng, mỗi ngọn mạnh đến năm trăm oát. Lập tức người tôi hầm hập lên ngay. Ánh đèn như khoan rọi tun tút, nhu phanh phui mọi bụi óc tôi. Đầu tôi lúc ong ong, lúc âm u, lúc co thắt, lúc nở giãn, lúc đông đặc, lúc chảy loãng. Thật khó mà tả cái cảm giác này. Người tôi bút rút muốn hét lên. Mắt lóa ra từng vầng sáng nhưc buốt.

Tôi toan lặn dưng ra đất, thấy kệ chúng làm gì thì làm, chứ không đứng thế này nữa. Nhưng ngay lúc đó một ý nghĩ bỗng ngăn tôi lại: mình đã để chúng bắt được, ắt phải bị chúng tra tấn. Nó tra tấn mình là quyền của nó, mình không chịu cho nó tra tấn là quyền của mình, mình không chịu cho nó tra tấn cũng được, nhưng như vậy chộc tức nó, nó có thể giết mình sớm hơn... Đành chịu để cho nó tra tấn thôi vậy, không có cách nào khác bây giờ... Có cách nào tốt nhất là chịu đựng, làm cho chúng thấy cách nào của chúng, mình cũng không sợ, cách nào của

chúng đối với mình cũng không ăn thua. Mình không đứng đèn thì thế nào chúng cũng bắt phải đứng bằng được mà rồi chúng có thể giết ngay mình được lắm. Với lại mình không đứng chúng lại cho rằng mình sợ cái kiểu này. Hừ, cứ đứng chịu đựng mà đứng để cho chúng thấy thể xác của mình, tội chúng làm gì cũng được, nhưng tinh thần của mình thì bất khả xâm phạm...

Đứng rồi, cố gắng chịu đựng, sống thêm giờ nào hay giờ ấy, sống thêm một giờ là thêm một giờ trực diện chiến đấu với quân thù.

Bọn chúng cất tiếng hỏi tôi. Những câu hỏi không bao giờ ngừng nữa.

Tiếng hỏi tới từ sau lưng, nhẹ nhàng:

-Hồi nhỏ có thương ông già, bà già không?

Tôi không trả lời. Tiếng hỏi lại lặp lại ngay, không ngừng một giây:

-Bà già ông đâu?

-Chết rồi.

-Ông già ông đâu?

-Chết rồi.

-Hồi nhỏ có thương ông, bà già không?

-Thương chứ.

-Ông đi học từ mấy tuổi?

-Quên rồi.

Tôi thường nói chệch đi cả. Sống thì nói chết, có thì nói không.

-Học lớp mấy?

-Lớp ba trường làng.

-Thầy giáo tên gì?

-Tên Trình – chẳng là vì trong nhà trường thường nói giáo trình thì chúng hỏi giáo gì, tôi nói luôn “Trình”.

-Lúc ông lên năm, mẹ đi chợ có hay mua quà không?

-Không nhớ.

-Lên sáu?

-Cũng không nhớ.

-Thế lên mười có nhớ không?

-Mang máng là có quà.

-Ông có sợ ông già không?

-Không! – Sự thật là tôi rất sợ, bố tôi nghiêm lắm.

-Ông già có hay đánh không?

-Không!

-Ông già có hay đánh không?

-Không.

Như tích tắc đều đặn của đồng hồ, những câu hỏi vọng tới không ngừng, nhỏ nhẹ nhưng dồn dập.

-Ông sinh quán ở Thạch Phú hử?

-Phải!

-Hồi nhỏ đi học có hay bị bạn đánh không?

-Bé người cho nên cũng hay bị bắt nạt.

-Ống không phải là người Nam Bộ!... Người Nam Bộ không nói bắt nạt...

Ở mà phải, tôi vừa trót lỡ không dùng từ ăn hiếp. Đành vội chữa:

-Tôi sanh trong này nhưng cha mẹ là người Bắc nên nói còn lại.

Chúng gài bẫy xem tôi có thật là người Nam Bộ không. Tôi lại phải hết sức thận trọng. Đừng nói “đình” mà nói “nhà việc”, đừng nói “ăn tiêu”

mà nói “tiêu xài”. Bọn này ngóc ngách, láu lỉnh lắm.

Đến lúc này, người tôi bắt đầu cuồn lên. Hai ngọn đèn như tăng thêm mãi sức nóng. Mồ hôi tràn trên da, tràn trên người, chảy ướt đất.

Đầu tôi ong ong, nhức nhối, trong khi tiếng chúng hỏi cứ nhỏ nhẹ ra vẻ thủ thỉ tâm sự, nghe mới ghét làm sao.

-Bố mẹ ông người tỉnh nào ngoài Bắc?

Tôi không trả lời.

-Ông có hay đau yếu không?

Tôi không trả lời.

-Ông có mấy anh chị em?

Các câu hỏi có vẻ dồn dập hơn. Tôi vẫn không trả lời. Tôi đang phán đoán xem chúng hỏi lăng nhăng như vậy nhằm mục đích gì. Hỏi gì lại hỏi từ lúc lên năm tuổi đến đi học có bị ăn hiếp hay không? Sao không hỏi đến các hoạt động của tôi?

À thôi! Chúng muốn dò hỏi tâm lý tôi, tìm xem tôi yêu thương, ghét, muốn, lo, buồn, thích, sợ cái gì đó thôi. Chúng tìm ra cái này rồi sẽ dùng chiến tranh tâm lý đối với tôi đây, chúng sẽ kết hợp với việc khêu gợi những đòi hỏi bức thiết của cơ thể, tình cảm tôi đây. Đúng là kiểu Mỹ. Mỹ thì Mỹ, cóc cần! Mỹ cũng không phá nổi được bộ óc của người cộng sản... Tôi sẽ luôn luôn giữ thế chủ động, tôi tự dẫn tôi như vậy, phải luôn luôn chủ động, không trả lời chúng một khi chưa hiểu dụng ý của chúng, một khi chưa suy nghĩ cẩn thận. Cái thằng địch có một lời nào, một hành động nào của nó lại không có ý đồ đâu. Phải tìm cho ra ý đồ của chúng rồi chủ trương đối phó và quyết tâm hành động. Nhận cho ra ý của địch, có chủ trương đối phó và quyết tâm hành động, phải rồi, quyết tâm hành động. Ba cái này gắn liền với nhau mà giải quyết, giải quyết cho thật nhanh, gọn... Còn phương châm là gì? Là thế này nhé: mày hỏi là quyền của mày, tao nói hay không là quyền của tao. Tao nói hay im, hoàn toàn do tao định đoạt, mày không dùng bất cứ cách nào buộc tao nói theo ý mày được đâu.

Nghĩ như thế, tôi bỏ tay khỏi tường định đứng thẳng lên. Chúng liền hét “cúi như cũ!”.

Đứng đèn thế này, thần kinh đã bàng hoàng rối loạn, khó lòng tự chủ được, chúng lại cứ hỏi liên miên, làm cho tai không được yên, óc không được nghỉ và miệng thì nói hoài, nói hoài, có khi tưởng mình sắp đâm ra mê sảng, lú lẫn đến nơi. Tôi hơi lo: “Chúng làm mãi, nhờ mình mê lú đi, buột ra cái gì thì chết. Phải có cách đề phòng mới được”. Và tôi luôn mồm nhẩm hai chữ “không biết”, “không biết” ... để nếu tôi mê đi, cái mồm cũng sẽ quen mà thốt ra như máy: “Không biết”, “không biết” ...

-Đi học thường hay xếp hạng mấy trong lớp?

-Không biết!

-Bè bạn thời nhỏ thế nào?

-Không biết!

-Có hay đánh lộn không?

-Không biết!

Hoặc là im. Hoặc là “không biết”. Nhưng chúng cứ lăng nhăng hỏi, không tức, không nản...

Nhóm thằng Ân lục tục đến thay nhóm thằng An. Hết một ca ba giờ rồi. Ba giờ sao lâu quá xá vậy? Mà chúng không cho tôi nghỉ, không cho tôi đổi chân là làm sao? Hai ngọn đèn cháy bùng bùng như hai lò lửa sau gáy. Đầu tôi choáng váng. Có khi cả thần xác lâng lâng tựa hồ bập bênh, lơ lửng trên mây, dưới gió vậy. Đầu gối lỏng dần, chân tê dại, lưng cứng đờ và mắt tủa ra từng

quầng sáng gay gắt.

Chúng tiếp tục hỏi, không ngừng một phút:

-Trên đời ông thích nhất cái gì?

-Chẳng biết nữa.

-Có uống rượu không?

-Không!

-Có hút thuốc không?

-Không!

-Có thích ca hát không?

-Không!

Phái nhận rằng, trong cơn chịu đựng dai dẳng căng thẳng, toàn thân ê ẩm, rã rời, chỉ muốn lăn kềnh ra cho quên tất cả mọi sự đau đớn, con người ra rất dễ trả lời cho xong chuyện, rất dễ buông xuôi. Cách thẩm vấn kết hợp đứng đèn này quả là thâm độc.

Nhóm thẳng Lâm lại đã tới thay nhóm thẳng Ân. Thế là sáu giờ liền, chúng không cho trở mình, không cho ngồi, không cho nằm, không cho ăn, không cho uống, không cho ngủ.

Hai ngọn đèn lúc này thành hai vật rất nặng đè trĩu đầu tôi xuống mà chà mà xát. Tôi cảm thấy tủy sống tôi đặc lại từng thỏi. Tôi cảm thấy óc tôi vỡ ra. Hình như có hai quả núi sùm sụp trên vai tôi...

Chúng cứ đều đều hỏi:

-Ông ghét nhất cái gì?

-Tôi ghét nhất người nào hống hách hành hạ tôi. Tôi cáu, trả lời như gắt và nghe rõ tiếng chúng cười.

Chúng biết tôi nói đúng.

-Ông sợ nhất cái gì?

-Không biết sợ cái gì!

Lúc này, tôi định ninh là chết. Tôi cảm thấy cái chết đã kề bên, gần lắm rồi. Có những lúc lạ như vậy, con người có thể cảm thấy cái chết cụ thể như khi cảm thấy đói, mệt vậy. Tôi nghĩ: "Thôi, cứ giữ vững vài giờ nữa cho thật toàn thắng. Ở trên đời này còn cái gì vẻ vang bằng chết cho sự nghiệp cách mạng. Mấy đứa con nhỏ của mình mồ côi cha thì được mình để lại cho một di sản quý: mình đã hành động đúng như một người cộng sản..."

Mồ hôi can từ bao giờ không biết nữa. Toàn thân tôi bây giờ khô cong. Môi giộp lên và lưỡi đưa đi đưa lại vướng rấp trong hàm. Hai ngọn đèn tựa hồ đã hút khô hết tất cả những hạch tiết nước trong người tôi. Mắt hoa, đầu ngây ngất, tôi ngỡ mình đang đứng nhờ trên chiếc cọc lung lay, hai chiếc cọc ấy xuyên dần lên ngực tôi, xuyên ngược mãi lên và sắp xuyên tới óc...

Tinh thần chịu đựng của con người thật là kỳ diệu. Tôi đã đứng dưới hai ngọn đèn một nghìn óát, đứng không đổi chân, đứng không ăn, không uống, không ngủ, đứng trong trạng thái mấp mé sự hôn mê như vậy suốt một đêm, một ngày. Mà còn nữa, đã hết đâu!

Nhóm thẳng Ân lại đã tới. Nó vừa buông mình xuống ghế đã nói luôn:

- Ông Thịnh kia, tóc bạc trắng cả rồi đó! Nghĩ lắm phải không? Tưởng Giới Thạch bị bắt ở Tây An có một đêm cũng bạc đầu...

Tôi đồ rằng nó nói láo để dọa tôi; nhưng ngờ đâu sau đó mấy hôm, giật mấy sợi tóc xuống xem thì ra bạc thật. Chỉ một ngày một đêm đứng đèn, tóc tôi đang đen mà trắng gần hết cả đầu!

Chúng cứ hỏi, tôi cứ đứng. Chúng thay nhóm này đến nhóm khác quần tôi, tôi cứ một mình đương đầu với tất cả. Rất lạ. Trong tôi lúc này không hề gợn qua bóng dáng vợ con, không hề lớn vốn bóng dáng một lạc thú nào, kể cả miếng ăn, miếng uống. Ngay đứa con gái, tôi rất yêu, rất thương – cháu rất ngoan, rất kháu – tôi cũng không nghĩ tới nữa. Khi cái chết đã gần ngay

bên, tôi nhắm mắt lại tự nhủ: “Khi không mong gì hơn, chỉ mong làm được cái việc Võ Thị Sáu đã làm. Mình khuất phục là hết sức nguy hiểm, là tự mình bội nọ mấy chữ người cộng sản, là tự mình phủ định chân lý “chủ nghĩa Mac – Lenin, bách chiến bách thắng” ... Bọn chúng là cái gì? Mình không thềm đo sức với chúng. Mình không đặt vấn đề đo sức coi ai sẽ thắng, vì đặt vấn đề đo sức như vậy là chưa khẳng định ý chí quyết thắng địch. Ý chí của ta là quyết thắng chúng kia mà. Phải nhớ rằng trước quân thù thế nào mình cũng là người của cách mạng... Thế nào mới xứng đáng là người của cách mạng? ...”.

Dần dần những câu hỏi nhỏ nhẹ tuôn ra liên tiếp trở thành một cực hình thật sự: chúng chẳng khác những nhát búa nện vào màng tai tôi, rung chuyển cả đầu óc.

-Ông nuôi vịt cho hăng thì cho vịt ăn bằng lúa gì?

- ...

-Ông ở Thạch Phú lên Sài Gòn bằng xe gì?

- ...

-Giá hột vịt ở chợ Cầu Ông Lãnh bao nhiêu một hột? Một chục?

- ...

Có tiếng chúng thở dài ra vẻ ngán ngẩm. Cái thở dài ấy cũng là một thứ điệu bộ, kiểu cách thôi. Tự nhiên nghe tiếng thở dài, tôi lại cảm thấy hình như chúng lắc đầu và nháy mắt với nhau. Tôi càng im.

Đã hết một đêm thứ hai. Lại hết thêm một ngày thứ hai.

Lại sắp sửa hết đêm thứ ba đây!

Sao tôi lại có thể đứng lâu đến thế này được? Hai cổ chân tôi xuống máu to bằng hai cái vò rồi. Ông quần tôi may khá rộng bây giờ ôm vừa khít cổ chân, chật căng. Đầu tôi quay cuồng, đảo lộn, bâng khuâng, chập chờn, nửa tỉnh, nửa mê. Chính trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê này, tôi nghĩ đến những đồng bào đã nuôi nấng, giúp đỡ tôi trong lòng Sài Gòn đầy rẫy sự khùng bố, bắt bớ, chém giết, tù đầy để cho tôi hoạt động cách mạng như thế nào. Tôi nhớ như in trong óc hình ảnh anh chị X, cháu Hai, cháu Ba, cháu Tư v.v... chắt chiu nuôi nấng tôi.

Chị đi chợ bao giờ cũng có quà cho tôi; anh đi đâu về cũng mua cho tôi vài ba tờ báo. Tôi tuy sống cô đơn, xa vợ xa con nhưng được sự đùm bọc của gia đình anh chị X, vẫn cảm thấy ấm lòng. Tôi nhớ lại từng trái bắp, trái măng cầu, từng chùm nhãn mà chị và các cháu cho tôi ăn. Những ý nghĩ này bảo tôi phải ráng chịu đựng mọi cực hình của quân thù để bảo vệ đồng bào đã cứu mang tôi, đã hết lòng về cách mạng. Điều đó có một sức mạnh ràng buộc thiêng liêng vô cùng.

Trong trạng thái mê mê tỉnh tỉnh này, cái chết của chị Võ Thị Sáu cũng hiện lên rất rõ trước mắt tôi. Một người bạn tôi bị tù ở Côn Đảo trong kháng chiến về đã nói cho tôi nghe chuyện Võ Thị Sáu hy sinh bất khuất. Từ đó tôi cảm phục, luôn luôn tự dặn lòng: Võ Thị Sáu tuổi đảng, tuổi đời đều kém ta, nhưng ta không mong gì hơn, chỉ mong làm được như Sáu đã làm. Tự tưởng Võ Thị Sáu, cái chết anh dũng của Võ Thị Sáu đã chiếm lĩnh đầu óc tôi. Có lúc quần quai dưới đất chịu đòn, tôi chỉ còn thấy có hình dáng Võ Thị Sáu, hình dáng do tôi tưởng tượng ra. Cũng như trong chính lúc này, tôi đang thấy Võ Thị Sáu rất gần, ở ngay trước mặt. Rõ ràng tôi bước theo chị và con đường mát dần, mát dần. Tôi đã bước ra khỏi hai ngọn đèn không bao giờ biết và tôi lần dần ra đất. Bọn địch gạt bàn ghế, nhảy xổ đến. Dúi cùi, gậy gộc, gót giày giáng tới tấp xuống. Chúng cho rằng tôi ngã ra như vậy là đã đến cái phút chúng dẫn tới chút nữa thì có thể cưỡng được tinh thần tôi, buộc tôi phải đầu hàng, khai báo. Cho nên, đòn của chúng lúc này độc ác vô cùng.

Hai thằng xốc nách tôi lên cho đứng trở lại dưới đèn, tôi lại tự động ngã quay lơ. Năm sáu lần như thế, chúng phải giữ cho đứng. Nhưng mới giữ được một vài phút, chúng đã đẩy tôi ra:

-Đ mẹ, cái thằng cộng sản này ghê thật! Mình đứng xa xa vài ba phút đã nóng không chịu được mà nó đứng những hai ngày ba đêm, ở ngay bên dưới, ghê thật!

Sau chúng nó kê ghế để tôi ngồi. Tôi ngồi cũng ngã. Chúng phải ngồi cạnh giữ tôi. Nhưng như

thể chúng lại không chịu ánh đèn. Loay hoay mãi, chúng đành kéo ghế tôi ra xa khỏi hai ngọn đèn vậy. Lúc này, thằng An ngồi trước mặt tôi, hỏi tiếp như cũ. Tôi không trả lời, nó liền bắt ngờ giẫm mạnh vào mấy ngón chân bị dập của tôi. Nó đã để ý thấy những chỗ nào nên phạm tới ở người tôi. Tôi giật nảy, choáng lên như bị chém rụng mất nửa người. Máu chảy ra các khe nhón chân âm ỉ. Rồi cứ thế, nó hỏi một câu, tôi không trả lời nó lại giẫm. Tôi đau buốt nhưng nghiêng răng chịu. Mày giẫm mặc bà mày, tao không nói! Bây giờ nó đã hỏi xan đến cơ sở, tổ chức, công tác của tôi...

Suốt một ngày thứ tư, chúng hành hạ tôi như thế. Hỏi và giẫm, hỏi và giẫm. Nhìn xuống mấy đầu ngón chân thấy nhòe nhoẹt, đỏ lôm, tưởng chừng nát như cả rồi. Chiều đến, sau bốn hôm bắt tôi nhìn hoàn toàn, chúng bê lên một ít cơm và ít nước. Tôi không đụng qua một hột. Tôi nghĩ: “Đảng nào cũng chết tới nơi, ăn uống làm gì cho kéo dài đau đớn”. Lúc này, tôi thấy chết là sướng nhất, nhẹ nhàng nhất.

Nhưng đến đêm, trong khi chúng đánh, tôi lại chợt nghĩ ra, thấy chủ trương nhìn vừa rồi là sai. Đó phải chăng là tư tưởng tiêu cực, là một hình thức tự sát, là một cách trốn tránh sự đau khổ. Rõ ràng nhất Chẳng phải tôi vẫn thường tâm niệm rằng nếu bị bắt tôi sẽ cố chứng minh bằng hạnh động cái chân lý “ chủ nghĩa Mác – Lênin ở đâu cũng đúng” đó sao? Khi sa lưới quân thù, người cộng sản đâu phải chỉ có mỗi một nhiệm vụ là bảo toàn cơ sở, tổ chức và những bí mật của cách mạng. Ngay trong lúc bị giam cầm, người cộng sản cũng phải thực hiện nhiệm vụ bảo vệ tính chất bách chiến bách thắng của chủ nghĩa Mác – Lênin, phải thực hiện nhiệm vụ đấu tranh chống mọi sự bất công, áp bức, bóc lột. Tôi nhìn để chết thì có khác nào tôi tiêu cực tự sát để thoái thác nhiệm vụ đó.

Suy tính như vậy, sáng hôm sau tôi ăn. Đau cũng cố nuốt, cố ăn. Thằng An nói, ra vẻ sành sỏi: -Chúng tôi biết, các ông ghê lắm. Hôm qua ông nhìn là để đấu tranh, hôm nay ông ăn cũng là để đấu tranh!

“Mày mà thấy tao ăn là để đấu tranh thì tau đạt quá, tao hả quá. Cho chúng mày mở mắt ra, tao không thua chúng mày đâu!” Vừa ăn tôi vừa nhủ thầm, bụng cũng thấy khoái.

Cả ngày và tối hôm đó, chúng tiếp tục hỏi, tiếp tục đánh. Tôi tiếp tục im. Tôi lẩn xuống đất, chúng lại đặt lên ghế, lại tiếp tục đánh mãi. Đến sáng ngày thứ sáu của đợt này, tôi ngã vật ra, hoàn toàn bất tỉnh...

Lại nằm liệt một chiều suốt một tuần liền dưới phòng giam. Ăn nằm, ỉa nằm, đái nằm... mọi thứ đều là nằm tại một chỗ...

Sau đợt đứng đèn lần thứ nhất, kẻ địch tẩm bổ cho đồng chí Nguyễn Đức Thuận mau lại sức để đánh tiếp truy hỏi cho ra thật nhanh những cơ sở cách mạng.

Một chiều, đồng chí Thuận và anh K. lợi dụng lúc ra bể nước rửa bát, trao đổi tình hình. Anh K. khuyên đồng chí Thuận nhận “trọng kháng chiến có làm thanh niên, có làm liên lạc” để cho chúng lập được hồ sơ, còn nguyên tắc phải tuyệt đối bảo vệ bí mật của Đảng, bảo vệ cơ sở, bảo vệ đồng chí, cần sống để trở về hoạt động.

Suốt đêm ấy, đồng chí Thuận tính toán phân vân. Sáng sau, khi địch căn vặn, đồng chí chỉ nhận “hồi 1945, 1946, có vào thanh niên cứu quốc, trước làm bình dân học vụ, sau làm liên lạc...”. Mặc dầu không khai thêm điều gì và ngay những điều đã khai cũng không đúng sự thật, nhưng cả ngày và đêm đó đồng chí Thuận đã tự phê phán nghiêm khắc việc làm đó, coi đó là biểu hiện của sự đầu hàng, khuất phục trước quân thù, nuôi ảo tưởng ở quân thù, ranh giới địch ta chưa dứt khoát, bỏ nhiệm vụ đấu tranh hiện tại, yếu đuối, non kém, không bảo toàn khí tiết... Đó là một sai lầm, ghi lại để răn mình suốt đời. Suốt đêm đó đồng chí không hề chợp mắt, tự phê phán và chuẩn bị tư tưởng bước vào đợt đấu tranh ác liệt sắp tới...

Không phải đợi lâu, đợt đứng đèn thứ hai đến ngay sáng hôm sau. Qua một đêm tự phê bình, tôi cảm thấy bình tĩnh. Vừa vào phòng điều tra, liếc xem cung cách của chúng, tôi biết ngay lần này lại món đứng đèn. Nhưng hai cái bóng đèn hôm nay sao mà to vậy? To quá! Nhìn hai bóng đèn to quá cỡ, tôi lảng lảng đứng vào bên tường, không cần để chúng phải khiển. Tôi thầm nhủ: “Kỳ này tao sẽ đứng lâu hơn kỳ trước cho chúng mày biết tay. Chúng mày đừng tưởng tao đã dao động và đầu hàng chúng mày đâu!”.

Với cái đau, ai lại nói rằng quen được bao giờ, tôi nghiệm thấy như thế. Da thịt con người ta bị chạm đến là đau, lần nào cũng giống lần nào, cái thuyết “dạn đòn” không đứng vững đâu. Nhưng một khi con người đã chuẩn bị tinh thần chịu đựng thì cái đau cơ hồ thấy có bớt đi thật và nhất là nó không làm cho người ta sợ nữa.

Lần này, những cảm giác đau đớn của lần đứng đèn trước trở lại, đủ hết, duy chỉ có điều là ghê gớm gấp bội. Tôi phải đứng dưới hai bóng đèn, mỗi bóng mạnh một nghìn oát.

Và tôi đã đứng như thế ba ngày, ba đêm liền, lâu hơn đợt trước, đợt trước chỉ có hai ngày, ba đêm. Ba ngày, ba đêm hoàn toàn không ăn, không uống. Ba ngày, ba đêm hoàn toàn không nằm, không ngồi. Ba ngày, ba đêm thần kinh bị các câu hỏi liên tiếp, dồn dập tới rã rời...

Rồi cuối cùng, hết sức, tôi lại lăn đùng ra đất. Chúng lại xúm vào đánh, đá. Tôi lại ngất đi...

Khi tỉnh dậy, tôi thấy mình ngồi trong một chiếc xa lông. Bọn chúng đang tùm tùm tán các thứ chuyện chơi gái, nhậu nhẹt ở gần đấy.

-Kìa, tỉnh rồi hả, ông Thịnh? Nay, chúng tôi có vợ con kè kè ngay bên mà vẫn phải có xăm, có gái tiêu khiển thêm, ông không vợ chắc nẫu lắm đấy nhỉ?

Tôi im lặng.

-Phở Bắc vào đây đánh bại hủ tiếu mất rồi. Phở ở Sài Gòn tiệm nào ngon, ông Thịnh?

-Tôi không ở Sài Gòn tôi không biết!

-Thế sao biết cắt áo ở tiệm Nôva?

Chúng đã vạch cổ áo tôi xem cái nhãn Nôva ở đó, Nôva là một tiệm may áo sơ mu có tiếng ở Sài Gòn.

-Tôi mua vải ở chợ, hỏi thăm, người ta chỉ.

Chúng hỏi nhiều ccaau bâng quơ có liên quan tới phố xá, sinh hoạt, thói quen của Sài Gòn. Nhưng lan man mãi cũng chẳng moi được gì ở tôi. Thăng Lãm đứng đầu một nhóm, cáu quá, sùng sộ dọa:

-Ông không chịu khai, được! Mai chúng tôi sẽ đưa ông ra Sở thú cho đồng bào đấu tố ông. Người ta sẽ xẻo thịt ông, sẽ quăng ông vào cho cạp xéo.

Tôi nghĩ: “Cố nội mày cũng không dám đưa tao ra trước đồng bào. Mày đưa tao ra càng tốt. Tao sẽ có nhân dân bao che mà cái mặt hung bạo của chúng mày sẽ trơ trụi ra ở đấy!”.

Chúng bắt đầu xoay sang lái nhải nói xấu, xuyên tạc tình hình miền Bắc. Rồi ca ngợi tô son vẽ phấn cho chế độ của chúng. Những là “bằng ngoại giao mà giành độc lập”, những là “có quốc hội lập hiến”, những là “được Hoa Kỳ và bao nhiêu nước thừa nhận...”. Tôi cứ nín thinh nhưng trong bụng lại vui mừng: “Thế là tinh thần của tao đã đập bẹp được ý chí của tụi bay định dùng bạo lực để thắng tao. Tụi bay phải chuyển hướng rồi. Bây giờ tụi bay quay sang nói xấu Đảng và miền Bắc, định đánh vào danh dự ta à? Đừng hòng!”.

Ngày thứ năm của đợt đứng đèn này là vào ca thăng Ân, nó ngồi ở bàn lấy bút ký vào một tờ giấy rồi chìa cho tôi, hỏi:

-Chữ gì đây?

Tôi nhìn thấy rõ nó bắt trước chữ ký của hồ Chủ tịch. Nhưng tôi đáp:

-Cái chữ trong tay ông viết ra!

Thăng Ân trắng mặt lại, cười khẩy:

-Giỏi, giỏi đấy! Khen cho là lanh! Chữ trong ông viết ra...Chữ trong tay ông viết ra... Vừa nói nó vừa đi men bàn đến đề tôi ra đánh.

Thăng nay tinh vi, thâm hiểm lắm. Nếu tôi không tỉnh táo mà trả lời:

“Đó là chữ ký của Hồ Chủ tịch” thì hóa ra vô tình tôi đã nhìn nó ở cái thế của lãnh tụ. Và nó đánh giá tinh thần tôi là hoang mang, không bình tĩnh. Đằng này tôi nói “Chữ trong tay ông viết ra” thì mặc xác nó, nó muốn viết nhăng viết cuội gì thân kệ nó chứ.

Thế là hết cách rồi. Sang ngày thứ sáu, chúng nắm lấy giấy thông hành và bằng lái xe của tôi

để hỏi. Chúng coi hai thứ này là hai tang vật nguy hiểm cho tôi cho nên chúng dành lại sau cùng. Hơn nữa, thoát đầu chúng tưởng rằng bạo lực có thể đánh thắng ngay được tôi, chẳng cần đến tang vật.

Giấy thông hành và bằng lái xe đều do cơ sở lấy cho. Mấy bữa qua, chúng đã hỏi tới nhưng tôi im không nói. Bây giờ ngồi đối diện chúng, chúng chỉ hỏi có việc ấy, không nói không xong. Nói thế nào thì lại rất bí. Không nói, chúng đánh càng dữ. Tôi lúng túng quá, một mặt cứ ý cho chúng đánh, mặt khác cố moi óc kiếm câu trả lời. Cuối cùng, lóe ra một ý:

-Tôi ở sâu trong cánh đồng, không có giấy thông hành, không đi đâu được, rất buồn. Tôi tìm một ông trong Hội đồng hương chánh biểu ông ấy hai ngàn đồng rồi năn nỉ ông ấy lấy giúp cho.

Chúng giơ tay đánh liền:

-Bị bắt rồi còn toan phá hoại, chia rẽ nội bộ chúng tôi!

Nhưng kiếm được câu trả lời tốt, tôi cứ trước sau như thế nói. Còn bằng lái xe? Tôi khai là trường Văn Tân cấp. Chúng nói chúng đã điều tr rồi, trường Văn Tân bảo không hề cấp. Tôi cãi: “Bây giờ người ta nói thế nào là tùy ở người ta”. Chúng lại hỏi: “Ai dạy?”. Tôi đáp: “Thầy Tư”. Chúng dồn: “Thầy Tư tên gì?”. Tôi nói: “Chỉ biết thứ, không biết tên!”. Trong Nam kêu nhau bằng thứ, không kêu nhau bằng tên, thầy Tư có hàng nghìn, hàng vạn. Và ở Văn Tân có ai là thầy Tư hay không tôi cũng chẳng biết. Tôi chỉ biết trường dạy lái xe Văn Tân qua sự quảng cáo trên báo mà thôi.

Hai quân bài tử chúng dành đến phút cuối cùng mới xì ra cũng chẳng đem lại tích sự gì.

Một thằng đứng ở ngoài thò mặt vào, ngoẹo đầu đặt lên cánh tay giơ theo mép cửa – bọn tình báo này sính học đòi lối “yêu hùng” Mỹ, điệu bộ kiêu cách, lối bịch lăm kia – hất hàm hỏi:

-Ông có biết Lam Sơn không?

- Tôi không biết.

- Thế a! Vậy sẽ cho ông biết nhá! Nó tròn xoe mắt, ra vẻ ngây thơ rồi huýt sáo miệng chạy đi. Tôi nghĩ: “Chúng mày đưa thằng Lam Sơn lên đây đối chất tao để uy hiếp tao, tao sẽ dùng uy quyền của cách mạng đè bẹp nó, không cho nó ló mòi phản động ra được cho mà xem”.

Lát sau, thằng tình baod thích giả đồ hồn nhiên, phóng khoáng kia trở lại. Nó lại ngoẹo đầu nhún chân, chìa tay ra cửa, theo lối chào ở trên sân khấu. Một cái mặt thiết bì, mắt lé thò vào: thằng Lam Sơn.

Tôi dồn hết sức cố đứng thẳng lên, một tay chống vào bàn, một tay chĩa vào giữa mặt nó, quắc mắt nói:

-Bây giờ tao mới biết mày. Tao nghĩ rằng mày cũng có vợ có con, mày cũng muốn sống thế mà mày lại đi làm cái điều khốn nạn vô nhân thì nhất định đời mày sẽ không trọn vẹn mà vợ con mày cũng sẽ đau khổ vì mày!

Lúc đó tưởng tôi dữ tợn thế nào không biết, chỉ thấy thằng Lam Sơn xám ngoét cả mặt lại. Thằng tình báo chán chó cái thớ của thằng Lam Sơn quá, bèn nắm lấy vai nó đẩy ra rồi đóng sầm cửa lại. Tiết mục đánh lại bắt đầu. Tôi cứ nằm ôm đầu cho chúng đánh, trong lòng hả hê. Thế ra ngay ở trong tù, uy thế cách mạng vẫn trấn áp được những thằng phản bội.

Đến chiều, bọn thằng Di tự nhiên dịu giọng bảo tôi:

-Ông gan lì lắm! Ông không chịu khai gì hết, mặc dù mọi cái ở trong đầu ông kia kìa. Bây giờ chúng tôi buộc phải nhẫn tâm dùng đến một thứ rất kinh khủng để bừa óc ông ra mà lấy những cái đó.

“Mày nói dóc! Bừa óc tao ra thì tao chết rồi còn lấy được gì nữa. Lại bịp!”. Tôi nghĩ như vậy nhưng chưa biết chúng định làm gì.

Nó nói tiếp:

-Đó là cái máy “biết sự thật” của Hoa Kỳ. Ông không nói kệ ông, cái máy ấy lắp vào ông, tự nó, nó khắc nó thay ông.

Chúng tán dương cái máy một chập. Nào tinh vi, hiệu nghiệm, nào hiện đại, tối tân. Ai giả, ai

thật biết hết. Ai nghĩ gì trong đầu cũng biết hết. Cuối cùng chúng vờ như ái ngại hộ tôi:

-Nhưng đã phải dùng đến cái máy ấy thì nếu không chết, người ông cũng chẳng ra cái gì nữa đâu. Thân thể ông sẽ bị tàn phế, lưng còng mà tay thì run rẩy suốt đời, cầm cái tằm cũng không nổi... Nào, nghĩ kỹ đi, tự mình nói hay để cái máy nói...

Tôi có nghe loáng thoáng đến cái máy này. Đầu như nhiều người khi bị chúng dọa bằng cái máy này đã sợ. Riêng tôi, tôi không tin cái máy này tài tình đến thế. Theo tôi, không có kỹ thuật, máy móc hiện đại nào lại bắt được người cộng sản nói ra những điều bí mật, một người khi ấy quyết chết để giữ gìn những điều ấy. Do đó tôi nói:

-Các ông dùng máy gì cũng được. Các ông đánh chết tôi cũng vậy thôi. Máy nào cũng chẳng hành hạ được bằng các ông đã hành hạ tôi hơn một tháng nay đâu.

Tôi nói có lý chẳng – máy nào tra tấn, dày ả tôi ghê rợn được bằng chúng nó – mà sau đó không thấy chúng đem cái máy ra điều tra tôi? Sự thật là bọn chúng đã nản lắm. Chúng biết tôi gan lì thế nào rồi, chúng biết được tinh thần quyết chết của tôi rồi. Và thực tế cái máy này cũng không có tác dụng như chúng nói.

Sẩm chiều ngày thứ chín này, chúng trói tôi lại dắt ra giữa phòng, chỉ vào hai miếng vỏ sấu riêng:

-Quỳ xuống!

Bọn chúng đứng đầy cả ở chung quanh, chờ đợi. Đây là phép cuối cùng của chúng.

Tôi đáp rất thông thả, dong dạc, dần từng tiếng”

-Không biết quỳ!

Như theo một lời hô, tất cả chúng nó nhảy bổ vào quật tôi ra đất. Rồi chúng dẫm, đá, cào cấu, cắn xé, bóp cổ. Chúng càng đánh càng găm rít, tôi càng thấy chúng thất bại, càng thấy chúng lép vế, thấp hèn. Đó là trận đòn điên của một lũ người – thú có bao lực trong tay tự cảm thấy rõ rằng mình đang thua kém. Trận đòn này đánh dấu một thắng lợi mới nữa của tôi. Nó cũng chấp hết cái đợt đứng đèn thứ hai kéo dài đúng chín ngày chín đêm, gần gấp đôi đợt trước. Nó cũng đánh dấu hết giai đoạn “máu” ở P42.

Biết tôi không bao giờ khuất phục – mà cũng không còn cách nào khác hành hạ tôi nữa – bọn chúng quay ra định làm nhục tôi. Chúng bắt tôi quỳ trước mặt chúng. Nhưng chúng lầm. Người cộng sản ai biết cúi đầu, quỳ gối bao giờ!

Hơn một tháng ròng, hai thằng quan thầy Mỹ ngày hai buổi đến mách nước cho bọn đầu sỏ Ngô Đình Nhu, Trần Kim Tuyến, Nguyễn Ngọc Lễ, thiếu tá Nhân nghiên cứu cách tra tấn, khai thác tôi. Bọn này lại ngày hai buổi trực tiếp điều khiển lũ thằng An, Ân, Lãm v.v... quần tôi. Chúng đã dùng mọi thủ đoạn, mọi biện pháp, nào là mua chuộc, dụ dỗ về quyền lợi vật chất, địa vị, gái đẹp, nào là dùng vũ lực đánh thật mạnh, thật ác liệt vào thân thể tôi, nào là chiến tranh tâm lý, nào là khoa học kỹ thuật hiện đại, kết hợp kỹ thuật thẩm vấn liên hồi với kỹ thuật tra tấn đứng đèn làm rối loạn thần kinh, nào là tác động tinh thần cao độ về cái chết... Nhưng chubgs vẫ khong khai thác được gì ở tôi, vẫn không lập nổi hồ sơ của tôi, vẫn không tạo ra được một có nào để buộc tội tôi làm án. Rồi, sau đó tôi được biết thêm, cả những thằng tướng chóp bu trong ngành công an tình báo của chúng như bọn Nguyễn Ngọc Lễ, Trần Kim Tuyến cũng đã phải dẫn xác đến dự một vài buổi thẩm vấn tôi trong hai đợt đứng đèn. Nhưng hồ sơ của tôi, chúng chỉ hạ được mấy chữ lèo tèo: “Tên: Phạm Văn Thịnh. Bố mẹ: chết. Vợ con: không. Nghề nghiệp: chặn vịt hăng. Đầu kháng chiến, tham gia thanh niên cứu quốc, làm liên lạc...”.

Hồ sơ ấy cho đến khi tôi thoát khỏi nhà tù của chúng, cũng chỉ vồn vện có ngần ấy, không được một nửa chữ nào điền thêm. Chúng buộc phải bỏ tù tôi, không án...

Lao Gia Định “trung Tâm” Thủ Đức Và Tổng Nha

Sau hơn một tháng bị tra tấn, đồng chí Nguyễn Đức Thuận phải sống cuộc đời xà lim hai mươi bảy tháng cơ cực, tinh thần luôn luôn căng thẳng vì phải suy nghĩ đối phó với kẻ thù. Bọn ác ôn liên tục khai thác, đồng chí Thuận vẫn giữ vững tinh thần. Có thời cơ thuận lợi, đồng chí tranh thủ làm công tác dịch vận, uy tín ngày càng tăng.

Bên ngoài, Đảng đã bắt được liên lạc với đồng chí, nhiều lần bố trí kế hoạch vượt ngục, nhưng không thực hiện được. Có khi thời cơ thuận lợi, nhưng không thực hiện được. Có khi thời cơ thuận lợi, nhưng tuân theo lời Đảng, đồng chí không mạo hiểm vượt ngục. Trong tù, ở hoàn cảnh bị giam hãm o ép, đồng chí luôn nghĩ phải làm việc giúp ích cho Đảng. Hễ có dịp, đồng chí tranh thủ gặp gỡ anh chị em tù hỏi han nắm tình hình, làm tổng kết kinh nghiệm chống khủng bố trắng của địch. Hầu hết thời gian, đồng chí dành làm bản tổng kết, kịp gửi một đồng chí được trả lại tự do mang ra nộp cho Đảng. Nắm được mọi âm mưu khủng bố của địch, đồng chí Thuận ngày đêm suy nghĩ tìm biện pháp đối phó, giúp cho những đồng chí bị bắt giữ vững được lập trường, giữ gìn được khí tiết, bảo vệ được đội ngũ.

Ở P42, đồng chí Thuận trữ rất nhiều thứ: vải, kim, lưỡi dao cạo, hộp, gậy sắt, kéo ... dùng cho sinh hoạt và giấu rất khéo địch không thể mò ra. Cũng ở đây, đồng chí chuẩn bị tự sát. Phải phần đầu hét sức bảo vệ khí tiết, nhưng đồng chí cho rằng phải phòng ngừa mọi mặt, nếu cảm thấy không vững thì phải tự sát, mặc dầu đồng chí hiểu rằng tự sát là sai, là tiêu cực. Đồng chí đã gạt bỏ được ý nghĩ tự sát trước khi rời P42 và xác định rõ ràng: phải ráng đứng vững đến phút cuối cùng, đúng đắn ngay cả trong cái chết.

Tháng 10 – 1958, tôi dời hẳn P42.

Sáng ấy, chúng vào gọi tôi ra, dặn mang theo hết quần áo. Đi đâu? Tôi lập tức đặt câu hỏi.

Ngoài sân, tù đã ngồi kín cả. Mấy chiếc cam nhông nhỏ rì rì nổ máy. “Đi Gia Định rồi”. Ốc tôi thoáng nghĩ. Đây toàn xe cam nhông nhỏ, không phải loại xe du lịch hay gíp của P42. Số xe VN. Tức là số xe các cơ quan ở cấp “trung ương” như P42, nhưng mãi bây giờ, tám giờ sáng, xe mới tới đón. Như vậy, không thể đi xa, chỉ loanh quanh Sài gòn và có nhiều khả năng là Gia Định. Quả nhiên, sau khi chúng tạt Pe Êt Ô làm số Phui xong, chúng tôi bị đưa về nhà lao Gia Định. Nơi này, bên ngoài cửa đề Tỉnh đoàn bảo an, trong là nhà lao. Vào cổng rồi đi hun hút một đoạn đường hẻm dài và chui qua bốn tấm cửa sắt mới tới chỗ nhốt tù.

Đưa tù đi khỏi P42, địch sửa lại nó thành một sào huyệt giết người hiện đại nhất. Sau lần sửa này, P42 có hầm acid, chỉ việc ấy người xuống là phi tang, có đường ngầm thông ra chuồng cọp. Sở thú, chỉ cần tổng người xuống rồi thả cọp đói vào, cho người và cọp gặp nhau là gọn chuyện. Xà lim xây dưới mặt đất hết, tù như ở âm phủ.

Trưa hôm đầu tiên đến Gia Định, chúng tôi ngồi ăn cơm ở sân cứ lê vào gần cửa các phòng giam. Mấy anh đứng trong song sắt, nhân lúc bọn gác không có, vọng ra:

-Đâu tới?

-Pecarangdo.

Tình cờ có anh BĐ trong số anh em hỏi nọ. BĐ biết tôi từ hồi kháng chiến, tôi không biết anh. Thấy tôi, BĐ báo ngay với liên chi ủy nhà lao. Liên chi ủy phân công luôn một đồng chí thường vụ cùng ở “xan” B với tôi giúp đỡ tôi. Tất cả những việc này đều làm bí mật, tôi không hay.

Hôm ấy, tôi đang khiêng thùng “heo” đi đổ, chợt anh BĐ ngồi phoir nắng ở bên hè, hỏi:

-Thịnh bên Pecarangdo phải không?

-Phải! Tôi đáp và ngờ: sao lại hỏi như vậy? Có ý gì? Nào biết anh BĐ hỏi thế để báo đồng chí bí thư liên chi ủy gặp tôi cho chắc chắn.

Lát sau, đổ thùng heo xong, ra bể nước rửa tay, tôi thấy một người lạ mặt, cao gầy, vẻ ốm yếu, đến bên. Người này bỗng cất giọng miền Trung, rất thấp:

-Tôi là B trước đây có biết anh, bây giờ anh em chỉ định làm bí thư liên chi ủy nhà lao, tôi gặp anh bữa nay để anh nhận mặt, sau có việc gì thì trao đổi với anh.

Tôi im lặng.

Người này tiếp:

-Lúc anh chưa bị bắt, tôi đã biết anh. Đến khi anh bị bắt, anh Ba lại giao tôi lo việc giải thoát cho anh.

Tôi vẫn im lặng.

Người này lại tiếp:

-Kế hoạch giải thoát ấy thế này: bên ... tìm cách cho anh ra P42 một cách hợp pháp rồi ... rồi ... Người này nói một số việc chuẩn bị cụ thể vượt P42 cho tôi tin.

Tôi vẫn im lặng, nhưng trong bụng dạ xao xuyến lắm rồi. Ra chính người chuẩn bị cho tôi vượt P42 một lần khác nữa là đồng chí bí thư này đây. Giá như khi thường, tôi đã ôm chầm lấy đồng chí.

Về đến “xan”, tôi hỏi một vài anh em quen về đồng chí bí thư, nhất là về thời gian đồng chí ở trong tù. Được biết đồng chí rất tốt. Ôi chao, tôi mừng rơn. Thôi, gặp tổ chức rồi, gặp Đảng rồi. Người tôi xốn xang, tung bừng. Một niềm phấn khởi lạ thường, thứ phấn khởi lúc sắp được hành động, sắp được thực hiện một việc mình ao ước từ lâu, cứ như từng đợt sóng dội lên trong lòng tôi. Từ nay, thế là tôi bắt đầu lại được đem năng lực của mình ra đóng góp vào công việc chung của Đảng, từ nay tôi bắt đầu lại được phục vụ, được chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng.

Như hiểu tâm trạng tôi, đồng chí bí thư lại tìm tôi. Ở “xan” A, nhưng đồng chí thừa lúc “xan” B ăn cơm đã lén ra. Hai anh em ngồi bên miệng cống nói chuyện.

Tôi hỏi luôn:

- Về âm mưu địch bắt tù học tập “tố cộng”, chào cò, “ly khai”, chủ trương của Đảng thế nào, anh rõ không?

-Cái ấy Đảng có chỉ thị ...

-Chỉ thị sao? – Tôi hỏi dồn.

-Phàm là đảng viên phải chống!

-Đúng quá! – Tôi khẽ reo ... - Đúng quá! Chỉ thị cụ thể, anh nói kỹ cho tôi nghe với.

-Cụ thể ra sao, tôi cũng không hay đâu. Chỉ biết tinh thần là bất luận thế nào cũng phải chống các cái đó, đồng thời phải bảo vệ cơ sở, phải không cho quân thù tách rời kháng chiến với cộng sản.

Gặng hỏi mãi đồng chí cũng không nói được hơn, chúng tôi chia tay nhau.

Đối với tôi, đây là một cuộc gặp gỡ đáng nhớ. Nói sao cho hết sự vui mừng của tôi. Nỗi băn khoăn canh cánh bấy lâu trong lòng tôi đã được Đảng gỡ cho rồi. Những điều tôi nghĩ không trái với tinh thần chỉ thị của Đảng.

Tôi đã có kinh nghiệm: ở trong tù hay ở nơi bị mất liên lạc với tổ chức, bất kỳ chỉ thị, chủ trương nào do một cá nhân truyền đạt, mình cũng phải lắng nghe với một thái độ phân tích chu đáo. Thường thường người truyền đạt hay trình bày theo ý chủ quan của mình. Ở trong tù, đấu tranh gay gắt giữa sống và chết, điều này càng hay xảy ra. Anh sợ đấu tranh, anh chỉ nhấn cái mặt khôn khéo, tranh thủ, nhẹ cái mặt tích cực chống địch. Đảng này, nghe đồng chí bí thư, tôi thấy tinh thần truyền đạt là kiên quyết chống âm mưu của địch, tinh thần ấy phù hợp với lập trường và nguyên tắc tư tưởng của Đảng: không thỏa hiệp, không đầu hàng ... Suy nghĩ như vậy, tôi rút ra kết luận: Một, đồng chí bí thư truyền đạt rất trung thực chỉ thị của Đảng. Hai, đã nhận được chỉ thị của Đảng, tôi phải có nghĩa vụ chấp hành, có nghĩa vụ phổ biến sâu rộng cho mọi đảng viên trong tù cùng biết, cùng chấp hành.

Nhưng một lúc sau, tôi lại băn khoăn. Ừ, chống thì đúng là chống rồi, nhưng chống thế nào đây?

Chẳng có những đồng chí đã từng nói: nhận chào cờ, học tập ... để tránh khủng bố, chống bằng những hình thức tiêu cực cũng là chống đấy sao? Chỗ này chỉ thị lại không nói, ấy mới khó.

Tôi lại hỏi đồng chí bí thư, nhưng chỉ được mỗi một câu: “không rõ”.

Cứ để mập mờ thế này mãi chẳng? Lúc này là lúc cần đến tinh thần trách nhiệm, tinh thần chủ động của đảng viên đối với việc chấp hành chỉ thị của Đảng đây. Tôi đề nghị liên chi ủy cho tôi được dự thảo nội dung cụ thể cho chỉ thị chống chào cờ, học tập “ly khai”. Tôi nghĩ: “Không thể bó tay ngồi chờ chỉ thị cụ thể của Đảng trong

khi ở nhiều nơi kẻ thù đang bắt các đảng viên ta chống lại Đảng. Bây giờ, trước mắt cần vạch gấp một kế hoạch cụ thể chống lại địch như thế nào để bảo toàn khí tiết đảng viên, bảo toàn uy tín của Đảng. Cần cứ tinh thần chỉ thị của Đảng mà vạch ra, sau này đúng hoặc sai như thế nào, sẽ có Đảng kiểm điểm”.

Và tôi thảo nội dung chỉ thị bảo vệ khí tiết, bảo vệ cơ sở.

Do đã tổng kết tình hình đánh phá cách mạng của địch, tôi có thể nghĩ không vất vả lắm một bản chỉ thị gồm mấy điểm như sau:

Một, vạch rõ tính chất phản động và yếu hèn của ngụy quyền Sài Gòn. Đồng thời phân tích sự cấu kết giữa đế quốc Mỹ và bọn địa chủ phong kiến, tư sản mại bản và các phần tử phản động khác ở miền Nam. Trong điểm này, cần nêu bật tiền đồ thất bại của cách mạng và tính chất đấu tranh quyết liệt một sống một chết giữa ta với địch. Cuộc đấu tranh gay gắt này đòi hỏi nhiều hy sinh.

Hai, vạch âm mưu đánh phá của địch, đánh phá cả về tổ chức và về chính trị ở trong nhà tù.

Ba, phân tích các vấn đề khí tiết đảng viên và giữ vững uy tín cách mạng. Trong điểm này, nhấn mạnh rằng uy tín của cách mạng vô cùng rộng lớn, cái thế của cách mạng đang phát triển, gắn chặt với tiền đồ của dân tộc và tiền đồ của cách mạng thế giới. Đánh giá lực lượng ta và lực lượng địch không thể chỉ nhìn số lượng đơn thuần hay nhìn một hoàn cảnh cá biệt nào, ví dụ: ở trong tù, về thế, về số lượng, ta là yếu, ta là ít. Nhưng nhìn cái thế chung đi lên của cách mạng trong và ngoài nước, nếu phát huy cái ưu thế tuyệt đối của người cộng sản bị bắt vào tù là tinh thần bất khuất của chủ nghĩa anh hùng cách mạng thì dầu ở tù, ta cũng có khả năng thắng địch và nhất định thắng. Ở tù, phá được âm mưu của địch là thắng, dù phải hy sinh.

Trong điểm này, tôi nhớ mãi câu giải nghĩa khí tiết đảng viên: “Khí tiết đảng viên như bông hoa trước ngực, hương thơm muôn thuở...”. Sau này, ở Côn Đảo, nhiều đồng chí rất thích câu đó.

Bốn, nêu ra những phương thức đấu tranh chống lại âm mưu của địch. Bất cứ đảng viên nào cũng phải cố gắng phấn đấu chống mặt đối mặt, tức là chống tích cực nhất, chống thẳng thừng. Đứng trước quân thù, nói hằn hoi rằng: “Ta là đảng viên, ta không học tập “tố cộng”, ta là đảng viên, ta chết cũng không “ly khai” hàng ngũ cộng sản”. Đảng viên cần giáo dục, tuyên truyền quần chúng cùng chống. Nếu quần chúng cùng chống chính diện thì càng nêu cao uy tín của Đảng, càng đánh bại được âm mưu của địch. Trước sự đánh giá ác liệt của địch, hàng ngũ bị phân hóa, những ai không chống được chính diện thì phải tập hợp lại thành một phong trào tiếp tục đấu tranh chống địch bằng các hình thức thấp như chống học trong lúc học, chống chào cờ trong lúc chào cờ v.v. ... đấu tranh đòi hỏi cải thiện đời sống, cải thiện chế độ nhà tù, dần dần chuyển lên đấu tranh chính diện.

Năm, nói rõ cuộc đấu tranh trong tù là một bộ phận của sự nghiệp đấu tranh cách mạng, tính chất của nó hết sức ác liệt, nó quan hệ tới đời sống và chết của cá nhân đảng viên, cho nên Đảng kêu gọi đảng viên nỗ lực chiến đấu bảo toàn khí tiết, bảo toàn uy tín của cách mạng.

Nội dung này, tôi nghĩ liền ba ngày ba đêm. Tôi biết rồi đây nó sẽ phổ biến đi bằng cách truyền miệng cho nên tôi cố gắng thảo luận thật ngắn gọn, dễ nhớ và không để cho người nghe có thể hiểu thành hai ý. Tôi cần nhắc từng chữ. Dập xóa trong đầu cẩn thận. Ví dụ: Chữ “chống” thế nào cũng phải kèm chữ “tích cực” vì chống có ba bảy đường sống.

Tôi mời đồng chí thường vụ liên chi ủy lại một góc nhà. Tôi nằm dài theo một chân tường,

đồng chí ấy nằm dài theo một chân tường khác, đầu chúng tôi quya vào nhau và tôi đọc, đồng chí ấy ghi. Tôi đề nghị liên chi ủy nếu chấp nhận nội dung này, thì sửa chữa, bổ sung và cho phổ biến như nghị quyết của liên chi ủy. Việc thảo tài liệu này là việc chung của liên chi ủy, mỗi cá nhân chỉ có nghĩa vụ thực hiện nghị quyết mà thôi.

Thảo luận xong, liên chi ủy cho tôi biết: “Liên chi ủy đã thông qua nghị quyết bảo vệ khí tiết, bảo vệ uy tín cách mạng. Liên chi ủy chủ trương phát động toàn thể đảng viên học tập nghị quyết này”.

Nhà lao Gia Định là một nơi tạm giam tù của Tổng nha cảnh sát công an. Tù các tỉnh thường về đây rồi mới chia đi các nhà lao khác nên nhà lao Gia Định thành một trung tâm học tập nghị quyết bảo vệ khí tiết; sau khi học, anh em tù đem đi phổ biến được đến khắp mọi nơi.

Ôi, tả sao cho hết những giây phút xúc động của tôi khi thấy các đồng chí ta quây quần từng nhóm, từng nhóm học tập nghị quyết của liên chi ủy. Cơm xong, mọi thứ cò, cò tướng, cò gánh, cò chân chó... đủ cả, bày la liệt, đây một bàn, kia một bàn, tùm nãm tùm ba lại, tay đẩy quân cò, mồm thảo nghị quyết.

Anh em tù ở Gia Định đã học thuộc lòng toàn văn nghị quyết. Và nghị quyết bảo vệ khí tiết, bảo vệ uy tín cách mạng theo người tù Gia Định đi đến tất cả các nhà lao ở miền Nam, phất cao mãi ngọn cờ bất khuất của những người cộng sản.

Khi ra Côn Đảo, tôi lại được nghe anh em ở đây thuộc từng câu nghị quyết. “Khí tiết người đảng viên như từng bông hoa trước ngực, hương thơm muôn thuở...”. Câu ấy gần như một châm ngôn, ngày này anh em nhắc tới. Dịch cũng biết và chúng cũng gọi đó là “chỉ thị bảo vệ khí tiết”. Chúng ngỡ chỉ thị đó ở ngoài gửi vào và chúng rất cay. Đánh thế nào cũng không tìm ra mối. Tù nào cũng thuộc. Đánh lại càng thuộc. Chỉ thị đã vào tim, vào óc đảng viên,

Không khí trong “xan” B từ lúc học tập chỉ thị có khác. Anh em vui hơn, đoàn kết hơn. Đối với bọn nhân viên dịch, thái độ của anh em đàng hoàng hơn. Có một đồng chí không như vậy. Rầu rầu cả ngày. Hay thở dài một mình.

Anh tên là Q bị bắt ở Bình Thuận, vào tù thường giữ kẽ với mọi người. Đoán anh có vấn đề, tôi la cà làm thân. Tôi thấy ái ngại cho anh. Thương anh nữa.

Có lẽ vì tôi chân thành, sau vài ba lần trò chuyện, anh Q nói thật với tôi tất cả. Anh bị bắt đã trót khai báo. Khai báo tuốt! và anh coi đời anh như thế là bỏ đi rồi.

-Tôi bây giờ hết nhẵn, anh ạ. Không còn một chút gì nữa!

-Có thật như vậy không? Tôi hỏi.

-Cũng có đồng chí bảo tôi: “Thôi làm lại, thua keo này bày keo khác, buồn chi lắm thế!” nhưng tôi xấu hổ vô cùng. Tôi tự tay phá đổ tất cả, tôi buồn lắm, anh ơi! – Anh Q nhăn mặt nói.

Tôi nói:

-Khai báo là có lỗi lớn, không thể ví với chuyện được thua thông thường mà nói “thua keo này bày keo khác”. Chẳng lẽ khai báo keo này xong, lại bày keo khác ra để rồi lại khai báo nữa hay sao? Tôi không tán thành nói như thế. Không làm anh yên tâm đâu. Anh cũng không dễ tự xoa bằng câu đó đâu. Trong vấn đề chính trị, cái quan trọng nhất là phải biết gấp gáp rút ra bài học và gấp gáp ngăn ngừa sai lầm...

Tôi trình bày cho anh Q thấy rõ sự nghiêm trọng của sai lầm khai báo.

Khai báo đến cái mức của anh thì khá nặng, rất nặng. Anh ăn năn, đau khổ, điề đó tất nhiên. Trong đời anh, anh còn nhiều lần nghĩ lại sai lầm này, còn nhiều lần ăn năn đau khổ nữa. Nhưng thái độ bi quan ủ rũ như bây giờ của anh cũng không đúng. Nó có hại. Đã sai lầm lại lao vào sai lầm nữa. Vào tù mà không còn chí khí thì khó sống lắm, tôi đã có kinh nghiệm, tôi biết. Kẻ thù mong ta tiêu ma chí khí – thằng Cẩn đã nói ra mồm: “Đánh phá Việt cộng kỳ cho tan nát về khí tiết và hủy hoại về tâm hồn” đấy – mà mình cứ rũ rượi, sầu thảm thế này, kẻ thù nó sướng lắm chứ. Mình có để cho nó sướng được không? Có để cho nó lại thắng mình nữa không? Chắc không! Vậy là anh vẫn còn một chút đó! Đâu phải mất hết! Cái một chút còn lại ấy, anh phải giữ gìn và phấn đấu thực hiện, tiến lên...

Tôi nhắc anh Q rằng trong cuốn Tuyên ngôn của Đảng cộng sản, Mác, Ăngghen có viết đại ý: đối với chủ nghĩa tư bản, dĩ vãng thống trị hiện tại, nhưng đối với chủ nghĩa cộng sản lại là hiện thực thống trị dĩ vãng. Từ nguyên lý ấy suy ra có thể thấy người cộng sản phải hoạt động cho nhiệm vụ cách mạng trước mắt. Người cộng sản không thể tiếc cái xưa, thất vọng vì cái xưa hay không thể ngồi hứa suông “tôi sẽ thế này, tôi sẽ thế nọ” mà không làm gì cho nhiệm vụ trước mắt cả. Nhiệm vụ trước mắt ở trong tù là gì? Là đoàn kết chống âm mưu của địch...

-Nhưng anh em không tín nhiệm tôi. Anh Q. nói.

-Anh càng không làm gì, anh em càng không tín nhiệm. Anh nhận ra sai lầm, căm thù địch đẩy anh tới chỗ sa ngã, anh đấu tranh chống lại nó, ai không tín nhiệm? Anh nên cẩn thận kéo chẳng những dĩ vãng sai lầm mà hiện tại cũng sai lầm nốt. Không làm được nhiệm vụ hiện tại thì không thể có tương lai, đấu tranh cho hiện tại cũng là đấu tranh cho tương lai, anh ạ!

Anh Q im lặng và bắt đầu sà vào chỗ đông người. Anh bắt đầu cười – tuy còn gượng – rồi bắt đầu nhận việc này, việc nọ của tập thể.

Anh LVS. Bị bắt cùng vụ với anh Q thấy vậy hỏi tôi: “Anh nói chuyện với anh Q thế nào mà có hiệu quả vậy?”. Tôi nói: “Trước nhất là vì tôi căm thù địch và thaath thà thương anh Q là người đã bị quân thù là hoen ố cuộc đời, thứ hai là vì tôi không muốn mooth ai còn chút tinh thần chống địch lại không được huy động vào hàng ngũ. Anh Q buồn vì lương tâm cắn rứt đó thôi, trong cái buồn đó có mặt nào tiêu cực, nhưng nó vẫn bao hàm một tình cảm đối với cách mạng và tinh thần căm thù địch”.

-Nghe anh nói chuyện với anh Q thấy rất ít nói tình hình cách mạng đang sáng sửa để động viên, sao vậy? Anh L.V.S. hỏi

-Động viên thuần túy bằng tình hình, chẳng may tình hình tạm thời xấu đi thì lấy gì mà động viên, không nói nguyên tắc tư tưởng và tình cảm cách mạng để làm cho người ta ý lại vào tình hình, sinh ra tâm lý dễ làm khó bỏ. Với lại, anh ấy như thế nói tình hình anh ấy càng thêm tiêu cực...

Anh LVS đồn đi thế nào, anh em từ đó toàn phân công tôi giúp đỡ, động viên những đồng chí mắc sai lầm khi bị bắt hay ở tù như anh Q.

Tôi luôn luôn tự nhắc không được mong hưởng thụ hơn người. Ở trong tù, mong hưởng thụ hơn người có hai cách: đầu hàng địch hay ăn chặn của đồng chí. Mọi việc, mọi kỷ luật do tập thể đặt ra, tôi nhất định phải tuân theo. Vì chậ, lệ “xan” B đặt ra ai mới vào phải nằm sát bên cầu tiêu. Cầu tiêu ở ngay trong “xan”, là một thùng sắt cắt đôi, trên miệng ngáng hai thang gỗ để ngồi, không có nắp. Nằm giữa phòng, đã thấy mùi hôi thối lộn mửa, nói gì đến ở sát bên. Anh em dành chỗ khác cho tôi, tôi cứ theo đúng lệ, nằm ngay bên cầu tiêu, đợi có người mới tới, tôi mới xích vào trong.

Bây giờ ở đây địch chưa giở trò “tổ cộng”. Tù bị cầm cố chặt trong “xan”. Ngày, ra sân hai bữa cơm, mỗi bữa dăm phút. Còn thì cứ mù mịt trong nhà. Mái thấp, không có cửa sổ. Cha, cái nóng mới kinh khủng làm sao. Mỗi “xan” đáng giam bốn năm chục tù, chúng lèn đến hơn một trăm. Chậ quá, tù phải thay phiên nhau đứng cho người khác có chỗ ngủ. Sau đó, anh em có sáng kiến giao thêm việc cho những người đứng chực chỗ: quạt. Cầm quần áo giữ mạnh cho có gió đỡ ngột. Nửa đêm thức giấc, ngó nhìn anh em đồng chí, xếp chậ như củ, nhợt nhạt li bì, mấy chục con người khác mặt mày hốc hác, trần trụi trơ xương đứng quạt một hàng dài dưới bóng điện lù mù, thấy cái cảnh thê thảm này mà đau lòng, căm tức.

Lúc này có những anh em mới bị bắt vào đây thông báo cho một số tin. Tình hình xây dựng ở ngoài Bắc rất đáng phấn khởi. Đồng chí thông báo có trí nhớ khá lắm. Nhớ từng con số. Xây mấy trường đại học? Đại học Y khoa có bao nhiêu sinh viên? Các nước mới độc lập khâm phục ta về cái việc dạy học đại học bằng tiếng mẹ đẻ ... Anh tả nhà máy cơ khí Hà Nội rất rành, như thể vừa ở đó bước ra xong. Các thứ sản phẩm của nhà máy này về mặt chính xác đạt những bao nhiêu, bao nhiêu (lại dẫn con số). Máy móc hiện đại thế nào, có thứ máy bào gì mà cái bàn máy để vừa lọt một chiếc ô tô ... Tóm lại, miền Bắc đang thẳng tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Về quốc tế, anh em cho biết kết quả hộ nghị các đảng ở Matxcova năm 1957. Ai cũng nhớ bốn đặc điểm và năm nguyên tắc trong bản tuyên bố.

Nhưng tôi sung sướng nhất là khi được phổ biến về đường lối cách mạng miền Nam.

Từ đầu năm 1956, những lần tôi gặp anh Ba, anh đã nói cho nghe vài luận điểm cơ bản (lúc ấy có nét đã rõ, có nét còn mờ). Bây giờ đường lối của Đảng đang biến thành sức mạnh vật chất thay đổi cụ diện đấu tranh giai cấp và giải phóng dân tộc sang cái thể có lợi cho ta. Miền Nam phải làm cách mạng giành chính quyền. Điểm này đối với tôi thật là thấm thía. Từ lâu, tôi cũng đã suy nghĩ về con đường tiến lên của cách mạng miền Nam. Bọn Việt gian đầu sỏ ngày một phản đông, ngày một lệ thuộc vào Mỹ. Chúng phản đối tổng tuyển cử hiệp thương thống nhất đất nước, chúng đàn áp nhân dân, âm mưu Bắc tiến ... Nhân dân miền Nam đã đấu tranh. Nhưng phương hướng, phương thức ...? Nghĩ lung mà chưa thấy. Khi được nghe phổ biến, tôi khoái nhất điều này.

Hôm nghe phổ biến, nằm thao thức suốt đêm.

Mùng sáu tết âm lịch năm Kỷ Hợi (1959) dịch chuyển đồng chí Nguyễn Đức Thuận đi Ôma – tức Tổng nha cảnh sát trung ương – làm lại hồ sơ. Ở Oma, bọn dịch lại hăm dọa, dụ dỗ, tra tấn, nhưng đồng chí vẫn không hề khai một lời nào. Chừng một tháng chúng đuổi đồng chí về Gia Định. Ngày 20 -3- 1959 dịch đưa đồng chí đi Thủ Đức. Tại đây dịch đang bắt tù chính trị học tập “tổ cộng”. Chiều hôm đó, mấy người trong “ban đại diện” và “ban học tập” của “trại” E đến báo đồng chí “học”. Đồng chí không “học” vì không thể ngồi nghiêm chỉnh nghe chúng chửi Đảng, đề cao chúng. Tối hôm ấy đồng chí hỏi dò biết được anh em Gia Định đến Thủ Đức chống “học” công khai, gay gắt từ đầu, bị dịch nhốt hầm khói. Đồng chí Thuận chủ trương chống “học” theo cách của mình, tranh thủ tìm hiểu tình hình. Hết người của dịch đến dụ, lại “người của ta” tới khuyên. Đồng chí đấu tranh phê phán những quan điểm sai lầm của các đồng chí Thủ Đức. Đồng chí không ở tổ nào, cứ “xé rào” liên hệ với anh em, và được biết: phong trào chống “học” không liên được vì “Trung tâm ủy ở đây chủ trương học”. Cuối cùng anh Đ bí thư Trung tâm ủy gặp đồng chí Thuận khuyên học, đưa ra những lý lẽ “trường kỳ mai phục”, “tránh bộc lộ lực lượng”, “hòa mình với quần chúng” ... Đồng chí Thuận giữ vững lập trường nguyên tắc của Đảng đấu tranh lại, phân tích sai lầm của Trung tâm ủy. Suy tính kỹ, đồng chí không thi hành nghị quyết của Trung tâm ủy, kiên quyết giữ uy tín của Đảng và khí tiết Đảng viên. Dịch đánh hơi biết chuyện, chúng đe dọa, nhưng đồng chí không sợ, đang bận khoản tìm người để bàn bạc thì may gặp được hai anh Sáng, Hỷ mà dịch vừa đưa ở Gia Định tới nhốt ở “trại” E. Ba người bàn bạc thống nhất chủ trương, tìm cách phổ biến cho anh Đ và một số anh em khác chỉ thị chống “ly khai”, chống chào cờ, chống học tập “tổ cộng” và kiên quyết bảo vệ cơ sở như liên chi ủy nhà tù Gia định đã quyết định. Mặt khác cố gắng tranh thủ anh Đ và Trung tâm ủy kiểm thảo chủ trương, đường lối công tác của các anh ấy trong thời gian qua. Kiểm thảo rồi, trung tâm ủy nhận thấy chủ trương sai lầm, hữu khuynh, dần dần lãnh đạo anh em đấu tranh với dịch, đòi giải quyết yêu sách cải thiện đời sống, tiến tới đòi bỏ giờ học “tổ cộng”.

Đến đây, dịch bắt mấy chục anh em “trại” E tra tấn và bắt đồng chí Thuận nhốt hầm khói. Ở hầm khói mười bốn đồng chí tổ chức học tập chỉ thị bảo vệ khí tiết. Năm chị ở xà lim bên cạnh đòi học, ghi chép giữ làm tài liệu. Dịch khám xét, bắt năm chị ra bót Hàng Keo tra tấn...

... Quá nửa đêm, một thằng công an vào:

-Ông Thịnh đâu? Mang đồ đi!

Tôi xách cái túi con ra.

Chẳng thà chết giữa biển khơi, chứ lại chết đuối trong đĩa đèn thế này, chán thật! Chỉ vì cái chuyện không cảnh giác rất dai dột kia mà để xảy ra nông nổi gì thì tôi ân hận lắm đây. Chết chuyển này không thoải mái tí nào. Thôi đành chịu vậy, chứ biết làm sao bây giờ, lại một phen nữa sống chết với quân thù ... Vừa đi dọc hành lang, tôi vừa nghĩ lan man. Hình ảnh tra tấn dựng ngay trước mắt. Nghe rõ mồn một tiếng tôi dẫn các chị hỏi nọ: “Chớ ghi, chớ ghi!”. Thú thật, tâm trạng tôi lúc này có phần ngao ngán. Tôi giận các chị quá.

Xe chạy đến chợ Thủ Đức đỗ lại, thằng Quảng còng tay tôi vào cọc xe rồi để tôi ngồi một mình ở đó, nó dẫn bọn lâu la vào một tiệm gọi đồ nhậu nhet. Chợ đêm vắng ngắt. Mấy cái tiệm nhỏ trống hoác. Vài bóng người lượn lờ. Trai thì mật vụ, chỉ điểm, lưu manh. Gái thì điểm đảng, dĩ thỏa. Tôi nhìn trước sau, định chúng hớ cơ là tháo còng tẩu thoát.

Nhưng thằng Quảng đã huýt sáo mồm gọi một thằng vận áo bà ba đen đang lớn vồn gần đó lại rí tai. Thằng này đến bên xe, mở cửa leo lên, ghéch chân vào thành ghế đằng trước. Mồm sặc hơi men, nó lè nhè đổ tôi:

-Không có sao ... không có ... sao ... à, cái việc này yên trí, không ... có ... sao ... đừng chạy ... hi hi!

Một lúc nó lại: “Rồi đâu lại vào đó, nghe, đừng chạy, không có ... sao ... sao ... hi!”.

Một đứa con gái mặc quần xa tanh trắng, áo cánh lụa trắng ưỡn eo qua. Thằng mật vụ say nhìn chăm chăm vào mặt đứa gái điếm. Đứa gái điếm liếc mắt đưa tình, rồi dẫu mỗ ỏn ẻn:

-Anh cho em ăn hủ tiếu với!

-Được thôi, mua cho em anh thì được thôi! Thằng này thò đầu ra kêu trống không:

-Này, làm cho cô đây một tô, nghe!

-Dạ, xin làm ngay.

Người đàn bà chủ tiệm dạ ran. Thằng này chắc hoành hành tác quái ở cái chợ này dữ lắm.

Đứa gái điếm chạy vào, cười rung rúc. Lát sau, trở ra, đi sát thằng kia:

-Tí nữa lại với em nhá!

-ừ, em cứ về, tí nữa qua tới! – Cái giọng say âu yếm dúi lại.

Bức tranh xã hội đô thị miền Nam ban đêm đó!

Mấy chú bé đánh giày đeo hòm gỗ chạy giạt từ hè này sang hè khác. Những cái bóng lon ton. Một em đeo hòm đến bên cạnh xe, tò mò nhìn tôi, hai con mắt dò hỏi. Tôi mỉm cười. Hai con mắt khẽ nheo lại, thiện cảm. “Bây giờ trốn ra thì cháu này sẽ giúp được mình đây!” tôi nghĩ thầm. Cái bóng đen gầy mất hút sau một góc tường ...

Xe lại chạy. Đi ngã Bình Lợi. Bắt đầu hết đèn hai bên đường. Cánh đồng tối om đầy gió. Nơi này tôi rất quen, thuộc lâu từng ô mía, từng con đường, từng mô đất. Có dạo tôi đã nằm về ở đây. Tôi như thấy lại các bờ mía, đất tơi và mát. Nhiều ý nghĩ, nhiều cảm giác, sự vui buồn, tự nhiên cũng chen lẫn hỗn độn trong tôi. Bị giam ở ngục kín mãi, bây giờ ra gặp trời rộng đất dài, con người lang lang như vậy sao? Anh đèn xa xa chiếu hắt lên trời và đặt những mảng vàng rọi, mịn màng trên cánh đồng thăm thẳm. Những bông hoa mía rực lóe lên từng chùm mềm phớt phất trước ngọn đèn pha rồi lại biến mất. Những hạt phấn hoa tựa hồ đọng sáng một lúc lâu. Đã có lần tôi đi trong một cái ruộng mía nào ở quãng này. Cũng cái bờ rào thấp kia! Không, ở đoạn trên nữa. Đoạn ấy có một cây cầu bằng ván gỗ. Từ cây cầu ấy vào nhà cơ sở tôi không xa ... Có chằm lửa lập lòe trong cái bao la của đồng mía đêm. Nhà một nông dân hay đồng lá mía khô bà con thường vun vào đốt lúc tối? Tôi thì tay bị còng lên thành xe, nhìn dọi vào đồng mía đêm như muốn thấu hết khung cảnh mênh mông này. Đất nước giàu thật! Sau này ở đây dựng nhà máy đường. Anh gì ở Gia Định thông báo tình hình miền Bắc có nói đến nhà máy liên hợp. Chắc to lắm? Chú bé đánh giày sẽ vào làm ở đây ... Những ý nghĩ nhẹ, gọi cảm thoát ẩn, thoát hiện trong óc tôi. Những ngọn mía vút lóe lên lại tắt. Chợt hiện lên rất nhanh trước mắt tôi hình ảnh Đình Tiên Hoàng cờ lau đánh giặc. Hình ảnh hùng tráng này, tôi tưởng tượng từ hồi còn nhỏ, mấy chục năm ròng quên đi, bây giờ trở lại. Ừ, những ngọn cờ lau rất giống hoa mía và những lá mía loang loáng kia giống các thanh gươm trường thật ... Người bùng lên, sáng khoái. Gió lùa vào xe ào ào.

Tới cầu Bình Lợi. Đèn hai bên đường sáng trưng. Những ý nghĩ đột nhiên nhòa đi im ắng. Tôi như vừa ra khỏi một giấc mơ.

Xe thẳng tới bót Hàng Keo. À, cái ổ giết người này, ai lạ!

Chúng dẫn tôi vào ngay phòng điều tra.

Chị Trinh đang rũ rượi ở giữa phòng. Trán chị vỡ một miếng. Máu chảy dọc sống mũi, tràn qua hai lông xuống cằm, lán mấy vệt ở cổ và ngực. Tóc chị rối xòa hình như ướt, thấy bết lại từng mảng. Quần áo rách như có người xé đều ra. Chúng đánh chị suốt từ chiều.

Tôi đến đứng ở góc phòng. Thằng Xuân ác ôn hỏi chị Trinh:

-Ai đây?

Chị Trinh nhìn tôi không nói.

Xuân chìa tài liệu học tập của chị Trinh ra cho tôi coi rồi hỏi:

-Có biết gì đây không?

-Tôi không biết! Trong khi trả lời, tôi nghĩ rất nhanh: “Ờ giấy dán lại rồi, nhưng đọc không rõ mạch lạc nữa, tốt lắm! Việc này không đáng ngại. Địch không thể khai thác được gì hơn. Chẳng qua một bản viết chì lồm bồm vài câu “chống học”, “bảo vệ khí tiết” ... Nếu chị Trinh nhận là chị tự nghĩ ra và tự viết ra thì cũng thôi thôi, không có sao. Bây giờ làm thế nào mách được cho chị Trinh?”.

Thằng Xuân quát:

-Không biết! Còn ngọt còn không biết!

Tôi nói luôn:

-Khốn nạn, cái này nếu của ai, cứ nhận là xong, chứ có gì đâu mà chối!

Câu này tôi cốt để chị Trinh nghe.

Xong, tôi bồi theo một câu:

-Đây không phải văn kiện gì ghê gớm, viết bằng bút chì, chẳng có đầu mà chẳng có đuôi ...

Câu này cốt ảnh hưởng đến thằng Xuân. Gợi ý chuyện này không có gì quan trọng cả, làm to đã không đến đâu lại có thể phiền lụy thêm, cho qua đi là tốt nhất.

Thằng Xuân bập ngay lấy:

-Đúng, chỉ cần biết của ai thôi ... Biết không?

-Tôi không biết! Tôi đáp.

Chúng lôi chị Trinh vào một góc, kéo tôi ra giữa phòng. Rồi dúi cui nện côm cốp vào đầu vào lưng tôi. Thoi, đập, bẻ xương, lên gối, đấm ngón. Huỳnh huých một lúc rất lâu, chúng ngừng tay:

-Tại để con bé này ở đây cho nên nó không nói!

Điều chị Trinh đi, chúng lại xúm vào tôi. Chúng đánh như đập đất. Chợt cửa phòng mở đánh thành. Thằng Đâu, ác ôn khét tiến ở Hàng Keo, đập cửa nhảy vào, rít lên:

-Mày không khai làm tao mất ngủ! Này ...

Nó nhắc bồng chiếc ghế gỗ gõ lên, giáng vào ngang sườn tôi. Tôi nghe thấy hai tiếng “ự” và “rắc” liền cùng một lúc. Thằng Đâu cứ thế gõ phang tới tấp. Mặt nó nhợt nhạt, những mụn trứng cá đầy trên mặt nó lại đỏ sần lên. Đánh đến lúc phờ ra, nó quẳng ghế, cò chân thật cao song phi vào mỏ ác tôi rồi dựa lưng vào tường thở rốc. Người tôi có lẽ xương cốt rời giập hết!

Xuân hét:

-Kêu con Trinh lên!

Tôi bị đánh đã mềm nhừ, nhưng nhìn chị Trinh vào, tôi vẫn thấy ái ngại, tội nghiệp quá. Một người con gái tuổi còn nhỏ, ốm yếu mà bị bọn súc vật này đánh đập thế kia.

Xuân hỏi chị Trinh:

-Tài liệu của ai?

Chị Trinh lặng im, không đáp.

Lòng tôi vô cùng thương xót người nữ đồng chí trẻ tuổi. Quân thù tàn bạo, man rợ đến bước này! VẤN đề này không quan trọng gì, tôi có nhận cũng không sao. Tôi nói:

-Đúng, tài liệu của tôi!

-Lấy ở đâu ra? Ai đưa? Thằng Xuân chồm lên.

-Tôi tự nghĩ ra. Tôi quen chị Trinh trong dịp đi cùng xe từ Gia Định về Thủ Đức. Về đây ở hai xà lim cách nhau một tấm cửa. Hồi một giờ trưa hôm nay thấy hai bên đều ngủ yên mà chị Trinh thức, tôi gọi chị, nói cho chị ghi, bảo chị gặp ai thì nói lại cho biết để cùng chống học.

Chiều thì các ông vào xét thấy ...

Chúng ngừng đánh ngay. Chúng không muốn làm to chuyện thật. Vì có gì đâu? Chống học phải vào xà lim, vào xà lim lại tuyên truyền chống học. Có thể thôi!

Tôi bị còng tay giam ở Hàng Keo.

Lưng tôi bị dùi cui lòi sắt đánh tím rạn lên không sao nằm ngửa được. Hai bên sườn nắn thấy lún như trái cây ủng. Khi ra sân ăn cơm, tôi cởi áo mình trần, ngồi xoay lưng cho mọi người nhìn rõ. Bọn công an thấy lưng tôi cũng phải lắc đầu. Thằng Quảng chắc không muốn tôi tố cáo chúng nó, bảo tôi:

-Mặc áo vô, ông Thịnh!

-Mặc rất lắm!

-Sao để đến nỗi thế? – Nó kháy – Tại tuyên truyền chống người ta chứ gì?

-Tại các ông đánh dã man quá, chứ sao lại tại tôi!

Cái lưng tím lịm đến mấy tháng sau mới khỏi.

Ở Hàng Khay mấy tháng ròng toàn bị còng tay. Hai người một còng, tối ngày sáng đêm, không bao giờ mở. Khi ăn cơm người này cúi xuống và cơm xong, người kia mới lại cúi xuống và được.

Tháng 11 năm 1959, chúng thả tôi về Thủ Đức, nhốt “trại” kỷ luật. Chúng tôi biết sắp đi Côn Đảo đến nơi rồi.

Khuya ngày 19 – 12 – 1959, chúng gọi chúng tôi ra. Nhà bếp đang đổ lửa, chúng tôi đi ngang qua nói với vào:

-Chào anh em, chúng tôi đi đảo. Chúc anh em mạnh khỏe, hoàn thành nhiệm vụ.

Tới cửa nhà lao, chúng tôi chào vọng vào nhà các vợ con binh lính, nhân viên dịch:

-Nhà cầm quyền đem đầy những người yêu nước chúng tôi ra Côn Đảo. Xin gửi lời chào đồng bào!

Ba mươi người chúng tôi ngồi một xe bọc kín. Trước sao chúng tôi, có mấy chiếc xe thiết giáp nghiêng xích rầm rầm. Sau cùng là một chiếc cần cẩu. Thằng trung úy, phó quản đốc nhà tù Thủ Đức ngồi xe gip đưa chúng tôi đi.

Tới rặng cây đường Hồng Thập Tự, rồi ra bến Ba Son. Xe chở tù đổ kín sân Ba Son rồi. Thoáng thấy cái Pegio 203 của thằng Cò Nhowngj và cái mặt nó hầm hầm ở bàn giấy giữa sân. Thằng này uống máu người không tanh, làm angketto ở bót Catina thời Pháp, nay vẫn tiếp tục nghiệp xưa giết hại những người cách mạng và đồng bào. Chúng tôi ngồi xếp hàng năm, cạnh bờ sông.

Trời hửng sáng. Mặt sông lặn tẩn. Mặt anh em tù nổi lên trắng bệch, hốc hác. Có tiếng người gọi tôi:

-Ông Thịnh! ... Ông Thịnh!...

Trung úy Phạm Văn Quang! Vẫn đóm dáng, chải chuốt, Quang từ chỗ tù Thủ Đức bước lại phía tôi: “Sao đó mà phải đi đấy? Ngoan cố lắm hả ông Thịnh?”.

Tôi đáp:

-À, trung úy, chào trung úy. Đâu phải tại tôi, tại các ông đàn áp những người cách mạng.

Quang cười:

-Bây giờ ông chào tôi, sau này ông lờ đi đấy!

Thằng này hay tình cờ gặp tôi. Và gặp lần nào cũng sẵn đón hỏi chuyện, cũng bóng gió đến vấn đề này. Một hôm ở Thủ Đức, tôi đang gánh đất đổ bãi bóng rổ trong nhà lao, Quang về kiểm tra nhà lao đã cố tìm tôi. Hăn và tôi nhắc lại những câu đã nói ở P42. Nhưng có điều, lúc tôi mới nói: “Tôi sẽ ...” hăn ngắt lời tôi, tiếp luôn: “Gặp ở Hà Nội nhá, ông Thịnh?”. Hăn vẫn không quên dạm lại cái ý xưa. Tôi nói:

-Những người cách mạng chúng tôi là những người có thủy có chung.
Chúng tôi lần lượt xuống tàu.

Côn Đảo

Anh em tù hàng một bước xuống cầu tàu. tiếng cồng sắt xích sắt khua xoang xoảng.

Dọc hai bên đường xuống cầu tàu, cách hai mét lại một tên lính, lưỡi lê lăm lăm cầm họng súng. Cả những bộ xương biết cử động là chúng tôi, chúng cũng khiếp sợ!

Chuyến tù ra đảo lần này phần đông là tù Phú Lợi. Thằng Đỗ Đình Kỳ, quê đâu như ở vùng Định Bảng, Bắc Ninh, đại úy trưởng khu “chuyển hướng” ở nhà tù Phú Lợi, áp tải đi. Thằng này đánh tù, giết tù đã khét tiếng. Nó chuyên nghiên cứu cách đánh phá tổ chức của ta ở trong tù. Một tay nó nắm rất nhiều tù gian, mật vụ ... Theo nó cùng đi có thằng trung sĩ Trị cũng lưng tiếng ác ôn. Trong kháng chiến, thằng Trị này phản bội, theo Pháp, vào linh commangdo, nay tự vỗ ngực nhận một cách hãnh diện là “hung thần Phú Lợi”. Làm trong cái ban điều tra của nhà tù Phú Lợi, cái lao động chính của nó là sử dụng cho nhanh cho mạnh hai quả đấm, hai mũi giày và quay hòm điện. Ngày nào cũng đánh người, ngày nào cũng ngửi máu người, cũng nghe tiếng người la, lâu dần thành tật. Ở phòng điều tra ra, đi khật khưỡng như say, nó nói: “Ngày nào tao không lấy máu Việt cộng, ngày ấy tao ăn không ngon”.

Và để cho ngon cơm, nó đánh các bà già chóng học tập “tổ cộng” như đánh kết. Đấm thật lực vào giữa các bộ mặt rần reo, móm mém, nó khoái trá. Thấy các mớ tóc bạc bết đỏ máu tươi, nó cười. Dấn sâu vào con đường phản động, thùng này có lúc giật mình chột dạ nhưng lại tặc lưỡi: “Đã cưới cjoj thì phải cưới tuốt luôn!”.

Hai thằng Kỳ, Trị này hay có lối lột truồng anh chị em tù ở Phú Lợi, đem nhốt xà lim kín mít rồi bơm nước ở hầm cứt vào cho ngập đến cổ. Ngâm đến lúc nào tù ngắc ngoải, chúng mới tháo nước ra.

Bây giờ thằng quỷ sứ Trị này ra đảo, máu sẽ lại đổ nhiều thêm ở đảo đây ...

Anh em tù Phú Lợi xuống tàu trước, 30 người Thủ Đức chúng tôi xuống tàu sau.

Tàu là loại tàu há mồm của hải quân nguy. Bước xuống tàu, tôi thăm hỏi: cái tàu số 401 này, thời mỗ mà thwujc dân Pháp đã đổ quân lên càn quét đồng bào ta ở những đâu? Hầm tàu lộ thiên. Tù nằm ngay ở sàn tàu, chân cồng liền vào một thanh sắt dài suốt thân tàu. Tốp Thủ Đức chúng tôi chỉ bị còng tay vào một sợi dây thùng. Nhưng chỉ một chốc sau chúng tôi đã tự mở lấy còng, giải phóng cho cổ tay mình, bằng cái cách riêng mà kẻ thù không sao biết được.

Tàu ra đảo chuyến này chật ních những tù. Lính gác đi lại lố nhố trên thành tàu. Ở mũi tàu, gài một cây đại bác 37. Tám khẩu 20 ly luôn luôn động đậy, màu đùi đạn vàng chói tương phản rất mạnh với màu sắt gỉ, màu hắc ín, màu quần áo và da mặt nhợt nhạt của tù.

Còi rúc! Khói đen nhào xuống lòng sông. Con tàu khê rùng mình.

Người tôi nao nao. Thôi từ biệt đất liền, từ biệt đồng bào. Ra đảo biết ngày nào trở lại! Tôi nhìn trân trân lên qua thân tàu cố níu lấy lần chót hình ảnh Sài Gòn. Nhưng những mái nhà, những ngọn cây và bờ con sông Sài Gòn ... tất cả đều biến mất; tầm mắt của tôi đã bị thanh tàu ngăn lại. Tâm tư tôi bời bời trong tiếng máy. Tôi còn được gặp lại các đồng chí và vợ con nữa không? Các đồng chí và vợ con tôi có hay rằng sáng nay, ngày 20-12-1959 tôi bắt đầu xa lìa hơn nữa những người thân? Không chỉ là lìa xa, có thể là lìa mãi mãi! Côn Đảo, chốn địa ngục mù mịt giữa biển khơi, phơi trắng xương chiến sĩ cách mạng và đồng bào yêu nước, tôi nào còn lạ!

Lòng trào lên nỗi nhớ Sài Gòn, nỗi nhớ đồng chí, nhớ vợ, nhớ con. Phảng phất ý nghĩ: thôi chuyển đi đảo lần này chắc sẽ vui thay ở đó.

Khởi bến Hàm Tử, sóng bắt đầu nhồi mạnh. Tàu lắc. Chim biển bay, tung những đôi cánh trắng muốt. Ến liệng uyển chuyển, sà thấp xuống mạn tàu. Nắng rót đầy khoang. Cảnh đẹp này thật trái với tình người.

Sóng vỗ vào thân tàu thành thành, đều đặn. Sóng chồm lên, rũ bồm ngàu trắng rồi hùng hổ đổ thác xuống chúng tôi. Chỉ vài con sóng, chúng tôi đã ướt sũng từ đầu đến chân. Máy bay phản

lực Mỹ hộ tống con tàu một quãng, rít lên như xé không khí.

Tôi nhớ lại lần đi đầy đầu tiên ra Côn Lôn, cách đây 16 năm. Có lẽ cũng một chuyến đường này, cũng cái màu xanh của biển này, cũng những bọt sóng này. Nhưng lần ấy, chúng tôi hơn một trăm người không bị còng, ngồi tàu buôn lớn, đi cùng hành khách. Mấy phụ nữ Pháp hỏi chúng tôi vì sao phải tù. Chúng tôi nói chúng tôi là người của Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, trong phe đồng minh, đánh Pháp đuổi Nhật, giành độc lập dân tộc. Họ tỏ vẻ kính trọng và biểu chúng tôi khá nhiều thuốc lá... Bây giờ chúng tôi chui rúc trong đáy tàu, ướt đầm. Tự nhiên hai cảnh xưa và nay hiện lên rõ rệt trước mắt tôi. Hình ảnh Côn Đảo trước đây tôi từng sống và hình ảnh Côn Đảo hiện nay tôi mới nghe nói, có lúc hầu như nhòa làm một, có lúc lại chia ra rành rọt. Rồi cái viễn cảnh ghê rợn của sự đầy ải, chết chóc thình lình nhào đến, đen tối.

Anh em tù say sóng nôn mửa. Những người ốm nằm li bì, vật vã. Những người khỏe ngồi mệt lả, ôm lấy gói đồ nghèo nàn vào bụng để che nước. Thằng Trị ăn bớt của tù, chỉ phát cho mỗi người ra đảo một ổ bánh mì và một miếng đường thẻ. Nhưng không ai thấy đói vì không tài nào ăn được lúc này.

Sự lo âu hiện lên ở mỗi con mắt mệt mỏi của người tù.

Những nòng súng đen ngòm chỉ xuống đầu tù.

Và bọn sĩ quan nguy ngồi trong cabin hếch mặt lên nghe một thằng Mỹ trẻ ranh truyền dạy điều gì. Thằng Mỹ mới chừng 22, 23 tuổi, đeo kính tăng không gọng, đội mũ ca lô viền đỏ, thỉnh thoảng đi ra ngó chúng tôi. Tôi cố ý phân biệt cái lon trên ve áo nó xem nó là hạng “cố vấn” gì, nhưng xa quá, không rõ. Anh em tức giận bảo nhau:

-Tàu này bao nhiêu người Việt Nam mà để mình nó chỉ huy kìa, bẻ cổ nó đi!

-Thằng Mỹ nắm đến cả nhà tù, không bẻ cổ chúng nó đi không được!

-Không chuyển tù nào không có “cố vấn” Mỹ ộp!

Quá trưa, tôi chợp mắt...

Gần tối, tôi tỉnh dậy. Tàu vẫn chao mạnh. Sóng lừng vùn hắt nước ào ào qua thành tàu đổ xuống chúng tôi. Lưỡi tôi mặn chát nước biển. Da sần lại vì dầm nước lâu. Rét! Hai hàm răng va vào nhau... Chân trời đã mờ thẫm. Vài nhài quạt đỏ chót bắn lên rục rở ở đằng tây. Mặt biển tím dần...

Tỉnh dậy lần sau, tôi thấy trời đầy sao thì đoán là khuya lắm rồi. Một cảm giác là lạ khiến tôi chú ý. Bên tai tôi hoàn toàn im ắng. Tiếng máy nổ nhỏ hẳn lại, gần như tắt; không có cả tiếng sóng. Con tàu chỉ hơi lạng lẽ đung đưa. Có tiếng chúng nó xì xào trên cao: “Đến rồi!”.

À, đảo! Một giai đoạn mới sắp bắt đầu đây. Giai đoạn mới ấy đang chờ chúng tôi bên kia mạn tàu. Những cái gì sắp đến? Côn Đảo thời Mỹ - Diệm khác gì Côn Đảo thời Pháp?

Mặt trời mọc ở biển rất nhanh. Chốc lát, Côn Đảo đã dựng lên lù lù trước mặt, rõ cây, rõ nhà, roc đường đi, dây điện. Tôi đứng dậy ngó lên. Núi Chúa vẫn nghiêm trang. Núi Lò Vôi vẫn sừng sững. Mùa đông, cây trụi lá để lộ ra từng mảng núi đá xám lạnh. Kia cầu tàu, kia lao 1, nhà thương, kia đường đi An Hải ra Đầm, kia đường đi Lò Vôi ra tới Hàng Dương. Chao, cảnh vật hết như xưa, cũng bức tường ấy, mái nhà đỏ ấy, cúng ngọn cây và hình như cũng cả đám mây ấy nữa. Nhưng gặp cảnh quen này, lòng tôi thấy rầu, thấy ngán làm sao!

Sà lan từ đảo áp vào tàu. Một thằng sĩ quan, trung úy VẬN, dẫn đầu một tốp lính và công an leo lên, vào cabin nói chuyện với thằng KỶ, hoa chân múa tay. Còn tù chúng tôi thì lần lượt bám dây thừng tụ xuống xà lan. Mấy chục người Thủ Đức cố tình tìm cách ngồi gần nhau để có cơ hội được về cùng một “trại”.

Sà lan cập cầu tàu. Chúng tôi một tay xách túi áo quần, tay bám đá leo lên. Nước ạn, cầu cao, leo rất chật vật. Riêng tôi, khi bám những phiến đá học của cầu tàu, lại nhớ đến biết bao kỷ niệm. Nhớ đến những người tù xe đá ra làm cầu này và chết gục ở đây. Mỗi phiến đá giá trị một mạng người. Nhớ đến ngày Cách mạng Tháng Tám. Ôi cái ngày huy hoàng bậc nhất trong một đời người. Hôm ấy, tôi đứng ở chính cái cầu tàu này, ở chỗ bên trái tôi hôm nay đây, để chờ tàu Phú Quốc và ba mươi chiếc thuyền từ đất liền ra đón. Đoàn đại biểu từ Côn Đảo do anh Phạm Hùng dẫn đầu. Đoàn đại biểu chính quyền cách mạng từ đất liền ra do anh Tưởng Dân Bảo dẫn

đầu. Đoàn tàu, thuyền nướm nượp giương buồm lướt ới. Cờ đỏ sao vàng phấp phới, vẫy vùng trên biển cả. Hai đoàn đại biểu nhảy lên reo hò. Từ tít xa, hai đoàn đại biểu bắn súng sáu chỉ thiên để chào mừng nhau. Tiếng reo hò, tiếng súng nổ vang. Côn Đảo thấy niềm vui của con người như thế nào là trong những ngày ấy.

Tại cái cầu tàu này, lúc tôi ở kíp thuộc da, tôi vẫn chiều chiều ra đứng ngắm nhìn hoàng hôn trên biển cả. Mặt trời lặn rồi, chỉ còn ánh đỏ nhuộm loang một vùng rất rộng trên nước, biển phẳng lặng như một tấm gương hồng, long tôi xao động hướng về quê hương đất nước... Lúc đó, chúng tôi đã biết rằng Cách mạng đang sôi sục không khí tiền khởi nghĩa. Đứng đối mặt về đây liền là một yêu cầu rất bức thiết của tình cảm chúng tôi lúc bấy giờ.

Tôi nằm stay Mười nhưng lên đến cầu tàu chen lấn nhau thế nào lại lạc mất. Dịch bắt tù ngồi xếp hàng năm rồi chúng đi đếm số. Lính đảo an quần áo vàng khè gác đầy bốn phía. Bọn sĩ quan, lon, dây, mề đay lủng liểng hằm hằm đi lại. BỌn tù tay sai lằng xằng quát tháo... Roi, gậy quát đen đét vào không khí. Chúng định áp đảo tinh thần chúng tôi ngay từ những phút đầu.

Tôi ngồi cúi đầu xuống lặng lẽ suy nghĩ. Sắp dần thân vào sự dầy ải, tôi miên man nghĩ tới bước đường gian truân trước mắt, bước đường ấy đầy đau thương và dài thăm thẳm.

Chúng hét tù đi. Tai tôi nghe rõ tiếng chúng hô mà lại tưởng như ở từ đâu rất xa vọng tới. Tôi muốn thây kệ tất cả. Thân thể và trí óc tôi không hòa hợp với nhau nữa.

Đi gần hết cầu tàu, lại một vật nữa đập vào mắt tôi và tôi càng ngập sâu vào thế giới ký ức. Cây bàng! Cây bàng đầu cầu vẫn xòe mấy tầng tán tròn rộng. Dưới bóng râm này, ban tổ chức chúc mừng Việt Nam độc lập chúng tôi đã họp bao nhiêu lần, những cuộc họp vui nhất, sôi nổi nhất. Lúc đó ban tổ chức đã mày mò tìm ra được ở đâu mấy bộ trống cái đen đánh trong lúc chào cờ của buổi lễ chúc mừng Việt Nam độc lập.

Sau cây bàng đến “dinh ông lớn”, cái boonggalô của tên chúa đảo người Pháp xây ngay bên đường cái, chỗ cầu tàu đổ ra. Vẫn màu xôi vàng như khi chi ủy nhà tù – anh Lê Duẩn bí thư – thường đến họp ở đó. Thoắt tôi lại nghĩ đến anh Bảy Tình, người được phân công trông nom boonggalô này. Rất nhiều niềm vui mừng đã hình thành trong ngôi nhà này đây, sau ngày Cách mạng thành công. Anh Bảy Tình đã hy sinh trong kháng chiến.

Chúng tôi thất thế đi. Bọn lính cầm súng cầm lưới lê đứng dàn ở hai bên thị uy, cách năm mét một thẳng. Sau lưng bọn này, lũ tù tay sai vô liêm sỉ không không bám lấy chúng tôi, ngoác mồm ra hô những khẩu hiệu phản động, đả đảo cái này, ủng hộ cái kia. Tứ phía ầm ầm tiếng hò la đe dọa...

Tôi khác nào đang sống biệt một chỗ. Chân bước, tai nghe tiếng quát nhưng toàn bộ tâm hồn lại ngập vào dĩ vãng.

Bản Chế! Chỗ này có cái “công xưởng” đóng thuyền, sửa tàu của bác Tôn ngày trước. Tôi thấy lại rành rành bóng bác Tôn cặm cùi búa kìm cố sửa chiếc ca nô tàng để đưa đoàn đại biểu tù về đất liền theo quyết nghị của chi ủy. Chiếc ca nô sửa chưa xong, đất liền đã cho tàu ra đón. Chiếc ca nô thế là làm cái việc đưa đại diện tù Côn Đảo ra rước đoàn tàu, thuyền và đại biểu của Chính phủ cách mạng cấp bến Côn Lôn... Tôi ngửa cổ nhìn cái gác nhỏ ngoài cửa Bản Chế. Vẫn như dạo đồng chí Võ Sĩ bố trí cho chi ủy nhà tù lên đó viết đề cương huân slueenj chính trị. Đồng chí Võ Sĩ cúng hy sinh trong kháng chiến... Bên trong Bản Chế, loáng thoáng mấy anh em tù mặc quần áo bà ba đen nhòm ra. Xưa, khi tôi ra vào đây vẫn thường thấy anh em tù ngấp nghé như vậy và tôi nhớ đến hình dáng đồng chí Phạm Hùng cầm lá đuổi đánh bóng đòi mỗi ở đó.

Khỏi Bản Chế, đụng nhà thương. Trên cổng còn hằn nét chữ Ämbuylängxơ và trên đó là dòng chữ “TRẠI 2”. À, chúng nó để lao những người “ly khai” ở nhà thương xưa đây.

Qua cổng thành lao 2, quang cảnh khác hẳn. Không huyền não lạnh ngắt như tờ. Những cây bàng trước hai dãy nhà giam rụng hết lá. Những bồn cỏ vàng lụi. Những cây nắng héo rũ ở trong khạp. Trên thành giếng tro troi một cái gàu. Trên lưng giếng vẫn con số 1921 mốc rêu. Cách đây 16 năm tôi đã thấy nó, y hệt thế.

Nhưng trên chòi gác, bọn lính đứng đầy. Và chúng ám kín cả tầng dưới nữa.

Chúng gọi tên, đếm số rồi lần lượt đưa chúng tôi vào các phòng “giam”. Tôi vào “phòng” 6. “Phòng” này ở cái dãy rước kia tôi vẫn đến khám bệnh, cái dãy tôi có thể thuộc từng viên gạch bó hè sứt sọ ra sao. Nhìn cái hiên dài đặc trắng xi măng, tôi vụt thấy lại hình ảnh anh Lê Duẩn ngồi xe chỉ, mặc áo xanh cụt tay chui cổ và chiếc quần cụt, bồ “tù phục” của Côn Đảo... Còn cái “phòng” 5, bên cạnh “phòng” 5 này, đúng là hôm tàu Phú Quốc ra đón, anh Vương Văn Huống đã đào được hầm bí mật lên một rương đầy sách lý luận bằng tiếng Pháp hoặc đã dịch ra tiếng Việt. Tôi được giao giữ cuốn “Nguyên lý chủ nghĩa Mác – Lênin” và một cuốn mất bìa, nhưng nội dung viết về triết học. Cả hai cuốn đều chép tay...

Đối diện “phòng” 6, ở dãy bên kia trước đây là nhà xác. Hồi ấy sáng nào chẳng có xe đến kéo xác tù ra vùi ở nghĩa địa Hoàng Dương. Có ngày, chính mắt tôi trông thấy lôi đi đúng ba mươi cái thây bọc trong bao bằng xơ xác. Những nắm mồ của các đồng chí ta bây giờ còn không? Tôi bất giác muốn được qua Hàng Dương viếng thăm. Không chừng tôi sẽ đó “khai hội” cùng với các đồng chí ta thôi.

Một vì xúc động, tôi bài hoải cả người.

Tới Côn Đảo, dịch tạm nhốt các đồng chí vào lao 2 – lao những người “ly khai”. Sau đó tù tay sai (còn gọi là tù gian), nhân viên cấp dưới, và cả nhân viên cấp cao thay nhau đến dụ dỗ “ly khai”. Thuyết lý, dọa nạt, dỗ dành, không kết quả, dịch chuyển các đồng chí sang lao 4 – lao của những người chống “ly khai” mà lâu nay đã quen gọi là lao 1...

... Từ lao 2 sang lao 3 xa non một kilômét. Trên quãng đường ấy, óc tôi lại tự động ôn lại thời xưa. Khi đi ngang qua sân ban, tôi thấy hiện lên rõ vô cùng, quen thuộc vô cùng lá cờ đại pháp phới tung bay trên kỳ đài hôm chúng tôi làm lễ mừng Tổ quốc độc lập. Hình ảnh lá cờ này như mở cửa cho kho kỷ niệm tự do trào tuôn ra. Thế giới kỷ ức lôi cuốn ngay tôi, tôi không cưỡng nổi. Những chi tiết hết sức nhỏ nhặt, những chi tiết có lẽ từ lúc tôi trải qua đến nay chưa nghĩ tới lần nào, bây giờ thức tỉnh ở trong đầu tôi, tưởng đâu chỉ vừa mới diễn ra hôm qua, hôm kia vậy. Tôi nhớ cả đến gốc cây mù u tôi và anh Chi Cò hay ẩn dưới bóng nó mỗi khi trời nắng phải đi qua sân ban. Tôi đưa mắt tìm nó. Kia, còn đó. Cả cái bóng râm đổ nghiêng trê mặt đất của nó vẫn hình thù như xưa.

Khỏi sân ban một lúc, đến khúc đường tôi rải đá ngày xưa. Đạo ấy, ở chỗ này tôi rải đá ngày xưa. Đạo ấy, ở chỗ này tôi đã gặp người thầy thuốc già có cảm tình với chúng tôi. Hôm đấy, rải đá xong, tôi chống xẻng đứng nghỉ. Ông thầy thuốc già ở trong nhà ra hóng mát thấy tôi hỏi vì sao bị đày ra đảo. Tôi nói vì làm cách mạng đánh Pháp, đuổi Nhật, vì muốn giải phóng đất nước, xây dựng một nước chân chính, trước sau một lòng một dạ vì dân vì nước, thà chết không chịu làm nô lệ. Ông ta lắng nghe, cuối cùng, mỉm cười kín đáo. Từ đấy, tôi đến nhà thương lần nào, ông cũng đón tôi bằng một nụ cười. Tôi xin gì, ông cũng sẵn lòng cho. Tôi thường vờ bệnh đến xin ông giấy để vào nhà thương làm công tác liên lạc. Nghe đâu trong kháng chiến, ông phục vụ tại một quân y viện ở vùng biển. Đây, chỗ hai chúng tôi nói chuyện với nhau ở đây, cạnh cái bụi cỏ gấu rậm rạp này...

Sau khúc đường đá đến đoạn nương chảy ra biển. Anh Vương Văn Huống và tôi xây cái bờ đá của đoạn nương này. Những viên đá học nhẵn bóng như mài rồi.

Chân tôi bước đi, nhưng hình ảnh cứ lần trải ra. Và tôi cứ để mặc cho mình chìm đắm trong những hình ảnh đó. Đây, nhà “batoa”! Sụp đổ điêu tàn, nhìn vào chỉ thấy có đại và rêu xanh. Kia vườn dừa! Dừa đã cao lắm và sai trái quá. Vườn dừa này cũng bàn tay tù chúng tôi chăm bón, vun trồng. Hết vườn dừa thấy một tấm biển “Cấm chụp hình”. Tấm biển này mới. Một ngôi chùa nhỏ cạnh đó. Ngôi chùa cũng mới, giữa sân chùa có một lư hương bằng xi măng. Bên trái đường là đồn bảo an với dãy tường dài có dòng khẩu hiệu kẻ thật lớn và không có dấu: “Đông tiến xa hoi” và “Việt nam cong hoa muon nam”. Tôi bất giác đọc chệch thành “Việt Nam cộng hòa muốn nằm”. Và miệng tự nhiên cứ tẩm tẩm một mình: “Đồng tiền xã hội”, “Việt Nam cộng hòa muốn nằm... nằm bẹp, hừ Việt Nam cộng hòa muốn nằm bẹp!”.

Đằng sau đồn bảo an, lấp ló dãy nhà trước kia kíp thợ hồ ở...

Đến đây thì tới lao 4, “banh” 3 ngày xưa. Thăng Kỳ, thăng Trị đã chực sẵn ở cửa, mỗi thăng cầm một sợi roi mây ở tay. Mặc kệ chúng mày, tao phải xem xem còn có những gì thay đổi

không đã. Tôi nghĩ như vậy và đưa mắt liếc nhìn khắp xung quanh: hàng bàng lớn chúng tôi thường ngồi đập đá dưới tàn bóng sum suê nay chỉ còn lại gốc. Về phía Lò Vôi, hàng bàng tự tay tôi trồng chỉ còn có một cây nay đã to bằng bắp đùi. Nhưng những cái hố tôi đào để trồng bàng, rất lạ, lại vẫn còn nguyên. Phía bãi biển, hàng cây so đũa và me cùng tay tôi trồng đã biến mất sạch. Cái vườn rau xưa kia ở trước cửa banh nay đã thành rừng ròi. Con đường ở đoạn này, anh Lê Duẩn hay qua lại lắm. Lúc ấy anh làm ở Lò Vôi và đang bận viết chương trình huấn luyện đề cương cách mạng dân chủ. Cũng ở đoạn đường này, một hôm anh Võ Sĩ nói cho chúng tôi nghe khá tỉ mỉ về hội nghị Ianta có nhiều điều lý thú...

Cổng “banh” 3, tường bên trái “banh” 3, dãy “xan” 1, 2, 3, 4 ngổn ngang gạch ngói. Ngày hòa bình mới lập lại, anh em tù của ta đã đập phá nó tan tành. “Xan” 5, “xan đề đănggiôro” ngày trước, thì không suy suyển. Tôi như nghe rõ lại cả tiếng mấy anh Phạm Hùng, Giáo Long và Ất ngồi chồm hồm may áo tù ở đây tán tào lao với anh em “xan” 7 mỗi khi chúng tôi có việc đi qua. Còn cái “xan” 7 này, chà, tôi ở đó cũng đã khá lâu đấy!... Toàn nơi quen, cảnh cũ nhưng người đã khác xưa. Theo tiếng gọi của cách mạng, chúng tôi giờ mỗi người một phương. Có người vĩnh viễn chúng tôi không bao giờ còn được cầm tay, giáp mặt nữa. Sau gần hai chục năm trời trở lại chốn này, mái đầu tôi đã lốm đốm hoa râm. Tuổi thanh xuân và tuổi trung niên của tôi thế là đều ở Côn Đảo!

Chúng đưa chúng tôi vào khám 9. Tôi tự dặn ngay tôi:

“Này, chớ mà có lại duy tâm!” Lần đi đày trước, lúc mới đến đảo, tôi ở khám 9. Lần nào cũng vậy. Lần trước sống trở về. Ấy, chỉ một chuyện ngẫu nhiên vô nghĩa như vậy nhưng nếu duy tâm cũng có thể chấp hai việc xa vời kia lại với nhau và làm nảy ra từ đó một tia hy vọng. Rồi từ hy vọng ấy có thể lại nảy ra một cái gì khác, cứ thế nhân lên. Điều này có hại hay không, chưa biết, nhưng nó đã là duy tâm thì tôi phải khắc phục nó thôi.

Bọn trật tự biên sấn vào lột truông chúng tôi ra khám xét. Xét rất ngặt, từ đầu đến chân. Bới có thể nói từng sợi tóc rồi vạch tai, ngoáy mũi, vành cả lỗ dít ... Bao nhiêu thứ gì tốt của chúng tôi, chúng cướp sạch. Quần áo, kim chỉ, thuốc men ... Cả những giẻ rách để đi ngoài cũng tịch thu bằng hết. Bốn trăm đồng anh em tù Thủ Đức cho tôi, cất làm bốn nơi khác nhau rất kín, thế mà chúng cũng moi ra lấy mất hai trăm.

Thằng Hòa, chi trưởng công an đứng dạng háng trước mặt chúng tôi, nghiêng răng lại:

- Nghe này, ở đây biết không, chỉ có hai con đường thôi, không có con đường thứ ba đâu, nhớ lấy. Một là con đường chết, chết lần, chết mòn, chết quẫn chết quai rồi quẳng xác ra Hàng Dương. Một là con đường “ly khai”, con đường này phẳng lì đi vô thì sống. Hai con đường ấy, chọn lấy con đường nào là tùy các người ... Lại nói thêm cho mà nghe. Côn Đảo đây này, Côn Đảo là thiên đường của những người cộng sản, nhưng Côn Đảo cũng là địa ngục trần gian đó, biết không!

Nó nói không ngoa. Ngó diện mạo con đồ của nó, thấy nó có thể vằm xương, xé thịt chúng tôi ra được lắm. Còn Côn Đảo là thiên đường của những người cộng sản, thằng Hòa này định mỉa mai chúng tôi đây. Nhưng thế mà ngẫm ra lại đúng. Bởi vì ngay ở giữa vòng vây chúng nó, ngay ở giữa ngục tù phát xít của chúng nó, những người cộng sản chúng tôi vẫn có một miếng đất xã hội chủ nghĩa, một pháo đài của mình. Về tinh thần, chúng tôi sống đường hoàng, không hổ thẹn, không yếu đuối, không một lúc nào xa rời trận địa và về tổ chức, chúng tôi sống như trong một chế độ xã hội chủ nghĩa, tự mình đề ra kỷ luật của mình. Trong pháo đài đó, trong dinh lũy đó, chúng tôi hành động và suy nghĩ, sinh hoạt và ước mơ như những người cộng sản. Đó há chẳng là thiên đường sao? Đối với người cộng sản, thiên đường là gì nếu không phải hạnh phúc được phấn đấu đến cùng cho lý tưởng cao quý của mình, hạnh phúc được hiến ngang bảo vệ đến cùng danh dự và uy tín của cách mạng, của Đảng, hạnh phúc được tổ chức cuộc sống theo chế độ xã hội chủ nghĩa, do mình làm chủ. Nghe thằng Hòa nói bụng tôi tính như vậy lại mừng. Tôi tự dặn lòng: tôi sẽ nhất quyết sống đến hơi thở cuối cùng trong thiên đường của người cộng sản, tại chính giữa nơi Côn Đảo ngập máu xương này. Người tôi thấy nhẹ bồng. Cái chết không còn là thứ gì ghê rợn nữa.

Nằm trên bệ xi măng lạnh toát, tôi nghĩ mãi đến cái hình ảnh “thiên đường của những người cộng sản”.

Sáng hôm sau, cửa mở, dịch lại lừa nốt những tù mới ra đảo chống “ly khai” sang khám 9. Cánh Thủ Đức lại được ở với nhau như đã mong từ khi rời Thủ Đức!

Anh em khám 9 bàn nhau cách đấu tranh. Một số cho rằng đã chống chính diện thì các mặt sinh hoạt sẽ tiến hành công khai, nhưng số đông không đồng ý, đặt phương châm: nắm chắc tình hình, tìm hiểu địch, đi bước nào vững bước ấy. Khám 9 tổ chức học tập văn hóa, thảo luận chính trị, phổ biến chỉ thị bảo vệ khí tiết đảng viên và đặc biệt thảo luận phê phán những luận điệu dụ “ly khai” của địch.

Lúc này giáp Tết Canh Tý (1960), anh em khám 9 tính nhằm đón giao thừa trước một ngày. Đón xuân trong tù nhưng mọi người vui vẻ, lạc quan tổ chức vui chơi, văn nghệ, kể chuyện Tết.

Hơn một tháng, khám 9 tương đối bình yên, nhưng mọi người nóng lòng mong được giam chung với anh em tù cũ lao 1 – những đồng chí kiên cường bất khuất làm rạng rỡ danh hiệu người chiến sĩ cách mạng, người đảng viên cộng sản. Vừa lúc địch lại dồn anh em tù chống “ly khai” bên lao 3 sang khám 9 lao 4, và lừa anh em khám 9 sang khám 11. Mặc dầu bị đánh đau ê ẩm, nhưng gặp nhau anh em vẫn vui mừng, hớn hở. Anh em tù mới mang quà đất liền trao tặng các đồng chí lao 1. Ở đây đồng chí Thuận được một người bạn cũ và anh em ở khám 11 kể lại cho biết tình hình Côn Đảo và tình hình lao 1 mấy năm qua ...

... Côn Lôn là một quần đảo nhỏ gồm hơn mười hòn đảo lớn bé – nào Hòn Bãi Cạn, Hòn Cau, Hòn Yến, nào Hòn Tre, Hòn Chuối, Hòn Dừa ... - cách Sài Gòn khoảng 14 đến 18 giờ tàu biển.

Năm năm, tháng tháng, ngày ngày, sừng sững với những quả núi đá gan gà, đá tai mèo cao hơn 300 mét trùng trùng điệp điệp, Côn Lôn phoi mình giữa tiếng gió gào sóng thét. Mùa gió chướng, cả Côn Đảo rung lên vì sức gió thổi, các mái nhà lao bằng ngói móc tường chùng sắp bị gió lừa quét tung cả đi. Thiên nhiên hùng vĩ và chế độ lao tù bạo tàn, đó là hai nét đặc sắc của Côn Đảo.

Cách đây hơn một trăm năm, Côn Đảo có chừng hơn ba nghìn dân sinh sống bằng nghề chài lưới và cày cấy tại hai làng Cổ Ống và An Hải. Mở màn xâm lược nước ta, thực dân Pháp đã lấy Côn Đảo làm căn cứ quân sự tiến đánh sáu tỉnh miền Đông Nam Bộ. Sau đó chúng chọn Côn Đảo làm nơi giam tù lớn nhất ở Đông Dương. Hơn ba nghìn dân bị đuổi hết đi nơi khác. Côn Đảo từ đó không có bóng một người dân thường, chỉ có hai lớp người: tù và những nhân viên bộ máy thống trị, đàn áp của địch.

Trong tiếng nói của dân tộc ta, hai chữ Côn Đảo có sức truyền cảm rất mạnh. Nó dựng chí căm thù, nó khơi lòng yêu nước. Bởi vì Côn Đảo, miếng đất héo lánh giam tù ấy đã gắn liền với lịch sử cách mạng giải phóng dân tộc của nước ta. Từ phong trào Cần Vương, phong trào Văn Thân chống Pháp đến phong trào khởi nghĩa Yên Bái và nhất là phong trào cách mạng dân tộc dân chủ do Đảng lãnh đạo, biết bao các bậc tiền bối cách mạng đã bị giam cầm và hy sinh ở đây! Các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta hầu hết đã trải qua nhà tù Côn Đảo, như các đồng chí Lê Hồng Phong, Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Lê Thanh Nghị, Lê Văn Lương, Hoàng Quốc Việt ...

Côn Đảo nổi tiếng là một nhà tù dã man, tàn bạo nhất Đông Dương. Côn Đảo cũng nổi tiếng là một trường đại học chính trị lớn nhất của Đảng trong thời kỳ bí mật. Vào khoảng những năm 1930 – 1935, anh em tù theo học chương trình huấn luyện cán bộ đã có hàng rương sách lý luận cơ bản chủ nghĩa Mác – Lenin bằng tiếng Việt và tiếng Pháp, trong khi luật lệ của địch ra là tù không được quyền giữ ngay cả một mảnh giấy lộn. Những năm 1935 – 1940, các đồng chí ở Côn Đảo về đã góp phần rất quan trọng vào phong trào xây dựng và phát triển Đảng cũng như vào việc tổ chức lãnh đạo Đảng. Trong cao trào cách mạng do Đảng ta lãnh đạo 1940 – 1945, nổ ra hai cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ và Bắc Sơn, thực dân Pháp đã ra sức đàn áp, bắt bớ. Lúc ấy, Côn Đảo có tới 5000 tù chính trị, hầu hết là những đảng viên cộng sản và đồng bào yêu nước. Nhưng đến ngày cách mạng tháng Tám thành công, xuống tàu dời Côn Đảo về đất liền chỉ có 1800 tù tất cả! Còn lại hơn ba nghìn người đều đã gửi thân đời đời ở giữa những cồn cát trắng lóa của nghĩa địa Hàng Dương. Hơn 1800 tù Côn Đảo về đất liền đạo đó đã là một lực lượng quan trọng góp phần to lớn vào việc tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến lần thứ nhất của dân tộc.

Trong kháng chiến, Côn Đảo lại là nơi giam tù đông nhất và tàn bạo nhất. Ở đây lại diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa những người kháng chiến bị cầm tù với bọn thực dân Pháp và bè lũ tay sai. Hòa bình được lập lại, phần lớn anh em tù Côn Đảo đã tập kết ra Bắc, nhưng thực dân Pháp vẫn giấu kín 500 tù ở đây, không chịu trả lại ta. Đến nay, nhiều người trong số 500 tù này vẫn ở Côn Đảo, làm tù nhân của hai chế độ \: Pháp – Bảo Đại và Mỹ - Diệm.

Trong chế độ thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ, Côn Đảo lại càng chìm ngập trong máu hơn đâu hết. Côn Đảo càng trở thành địa ngục vượt xa hẳn các địa ngục dưới thời Pháp – Nhật. Xưa Côn Đảo là nhà tù lớn nhất trong hệ thống nhà tù dày đặc và đẫm máu của chính quyền phản động Sài Gòn.

Tất cả những phần tử phản động xấu xa nhất, lưu manh nhất, đều cang nhất đã đến đông căn trong bộ máy đàn áp tù tại Côn Đảo. Chúng là những đứa mang đầu óc hằn thù giai cấp, hằn thù chính trị; chúng là những tên lưu manh côn đồ, đá cá lặn dưng; chúng là những kẻ bị phong kiến phản động lợi dụng ý thức thần quyền làm cho ngu si, mê muội.

Thời Pháp, những nhân viên coi tù là những cái máy. Ngày nay bọn chúng cũng chior là những cái máy, không hơn không kém. Nhưng bây giờ nguy hiểm hơn ở chỗ các cái máy này lại tự vỗ ngực: “Ta là quốc gia”, “ta là dân tộc”... Khoác cái vỏ “quốc gia” giả hiệu này vào người chúng thả sức đàn áp cách mạng, giết hại anh em tù. Bọn chúng là những cái máy được nhồi vào đầu một mớ lý luận phản động. Và, với cái mớ lý luận đó, chúng thẳng tay tàn sát nhân dân, khủng bố những người tù cách mạng. Chúng giết chóc dưới cái chiêu bài “chống cộng”.

Tuy thực chất chỉ là một bầy chó săn tồ tồ, nhưng lại có quyền hành, do đó, chúng có sự tự ái của kẻ thống trị. Sự tự ái này càng đẩy cao hơn nữa mức độ man rợ của chúng. Thấy bất lực trước ý chí của người tù cách mạng, chúng chỉ còn một cách đánh và giết. Đánh và giết để gỡ “thể diện”. Gỡ không được thì lại càng ra sức đánh giết ác liệt hơn để hồng gỡ cho bằng được; cứ như thế đi sâu mãi vào sự dã man, tàn bạo ghê tởm. Đó là sự tự ái của kẻ yếu hèn đang có quyền hành trong tay.

Bọn chúng hầu hết đã làm nghề coi tù hằng đời. Tên Bạch Văn Bốn, thiếu tá trưởng Côn Sơn, coi tù ở Côn Đảo từ thời Pháp.

Hãy điểm sơ về chúng, qua một vài khẩu khí sặc mùi máu của chúng để thấy rõ hơn cái tính thú vật trong con người chúng.

Thằng đại úy Bùi Văn Năm, trưởng lao 1, tức là lao những người chống “ly khai”, vốn đóng đội trong quân đội Pháp, thường đeo mề đay đầy ngực rồi phẩy tay cho mề đay kêu xủng xoảng mà hỏi tù: “Mề đay gì nhiều thế này biết không? Mề đay giết cộng sản đó”. Chính nó đã nói toạc: “Đ mẹ, chúng đại úy cái con c. gì hết, cứ giết thật nhiều cộng sản là lên đại úy thôi!”. Nó từng chỉ vào cột cờ nhà lao nói hãnh diện: “Cột cờ cao bao nhiêu thì tội ác thằng Năm này cao bấy nhiêu. Đ mẹ, tội ác thằng này nhiều quá, thừa thiếu tá rồi đó mà vẫn đeo lon đại úy thôi. Muốn lên nữa đay, cần giết nhiều cộng sản nữa đây!”. Thằng này còn có tên gọi “đại úy đ. trâu”. Nó đã dắt trâu cái vào rừng hiếp.

Thằng thiếu úy Trương Minh Nguyệt trong kháng chiến bị Pháp bắt, phản bội, khi trao trả tù binh, đã trốn lại dưới tàu để theo Pháp, bây giờ là một trong mấy thằng ác ôn đầu sỏ ngoài Côn Đảo. Thằng này hay chửi: “Đ. Mẹ, đây là Côn Đảo, Côn Đảo giết người chứ chẳng phải Côn Sơn cái con c. gì hết!”.

Thằng trung úy Vận gây nợ máu chồng chất ở Phú Lợi, sao nhảy dù xuống Côn Đảo để bổ sung cho bộ máy đàn áp ở đây, thường tự chỉ vào ngực, rít lên: “Đây này, quyết tâm sát đá diệt cộng ở đây này. Không nói nhiều lời, chỉ một câu ngắn gọn cho dễ nhớ thôi: cứ cộng sản là tiêu diệt hết!”.

Thằng Hòa, công an, nói: “Địa ngục trần gian là đây. Đến đây với chúng tao thì đừng mong ngày về. Chúng tao đánh cho Côn Đảo mất tính chất đại học đường chính trị của tụi bay...!”.

Chúng đã mất hết tính người. Chúng thù ghét cách mạng. Chúng lấy việc đánh giết tù làm bậc thang leo đến chốn vinh thân phì gia, đồng thời cũng để làm vui. Tất cả tính chất thú vật của nhân viên dịch thể hiện đầy đủ nhất ở Côn Đảo.

Địch rất chú ý những phần tử có thù giai cấp, thù chính trị với ta như con cái các giai cấp phản động, các đảng phái phản cách mạng, các phần tử đầu hàng phản bội. Địch chuyên giao cho bọn này việc “diệt cộng”, tức là đẩy bọn này tới tình thế ngõ cụt, qua cầu rút ván. Chúng chỉ còn một hướng là lao sâu mãi vào con đường chống cộng và càng tàn ác.

Địch cũng tuyển một số tù đưa vào bộ máy đàn áp. Những tù tay sai này phần lớn là bọn lưu manh đội lốt giáo phái hoặc là tù đã phản bội. Chúng giúp bọn cầm quyền rất đắc lực trong việc kìm kẹp, rúng ép, khủng bố anh em tù. Vốn rất mê muội bởi bọn phản động lợi dụng thần quyền lạc hậu để nhồi sọ, cộng với một nếp sống lưu manh, trụy lạc, chúng lại bị bọn cầm quyền nhét cho chặt thêm đầu óc hằn thù và mua chuộc về đời sống. Chúng tha hồ bớt xén phần ăn của tù để phè phỡn với nhau. Chúng rắp tâm “lập công” để mong được ra tù sớm như bọn cầm quyền đã hứa. Cho nên chúng mặc sức đánh giết tù. Mạng người trong tay chúng không bằng cục đất.

Một bộ máy gồm toàn con người – thú như thế lại rơi vào một hoàn cảnh địa lý đặc biệt, Côn Đảo chơi vơi ngoài biển cả, không có dân. Cái đó có nghĩa là phong trào cách mạng ở đất liền khó bề dội ảnh hưởng được ra tới đây và bọn ác ôn không sợ nhân dân và cách mạng trừng trị. Cảm thấy tính mạng không bị uy hiếp, chúng thả cửa hoành hành. Mặt khác, đời sống khổ cực của tù cũng như phong trào đấu tranh của tù ở Côn Đảo khó bề lọt được về tới đất liền, do đó ít được sự ủng hộ trực tiếp của nhân dân, của cách mạng.

Côn Đảo có bốn nhà lao, dịch gọi là “trại”. Ngay ở cái tên này cũng có đấu tranh giữa ta và địch. Ta nhất định chỉ gọi là lao, không gọi “trại”. Địch bắt gọi “trại”, cấm gọi lao ra điều đây là những “trại cải tạo”, những “trại tập trung cải huấn”, không phải nhà tù. Mỗi lao có một vòng thành riêng rất giầy, rất cao, rất kiên cố, bằng đá xanh. Mỗi vòng thành có những mấy chòi gác.

Lao 1 ở gần khu vực gia đình binh lính, nhân viên địch, gồm hai dãy nhà 11 khám – dịch gọi là “phòng” theo dụng ý trên – 20 xà lim, hầm tối và một bếp.

Lao 2 sát lao 1 có 13 khám, 14 xà lim, 1 bếp và 2 nhà của bọn tù gian ở và làm việc.

Lao 3 cách lao 1, lao 2 độ một kilômét, có 8 khám, 1 bếp.

Lao 4 gồm 10 khám và 1 bếp, cách lao 3 chừng 300 mét.

Giữa lao 3 và lao 4 là hai dãy chuồng cạp, mỗi dãy 60 cái.

Ngoài bốn lao chính này còn có ba “chi nhánh” lao: Quan Trung, Đàm và Cỏ Ống. Ba “chi nhánh” này chuyên nhốt tù ra làm khổ sai ở các nơi đó. Nhà toàn bằng gỗ, lá.

Nhưng chưa đủ, năm 1964, khi chúng tôi rời Côn Đảo, địch đã xây xong lao 5, lao 6, và đang xây dở dang lao 7, lao 8. Chúng còn dự định xây thêm nhiều lao nữa. Và cố nhiên lúc này thì tù ở Côn Đảo đã lên tới con số vạn.

Ở mỗi lao, có hai trưởng lao, một thăng thượng sĩ bảo an để đề phòng tù phs lao vượt ngục, một thăng công an phụ trách phần “an ninh”, giữ gìn các thứ luật lệ, nội quy của chúng đặt ra. Dưới hai thăng trưởng lao có một số lính, một số cảnh sát, công an và trật tự viên giúp chúng đàn áp tù. Ngoài ra, còn bọn cán bộ cải huấn làm công tác chính trị và chiến tranh tâm lý. Địch đã lập hẳn ở đảo một “ban chỉ đạo chính trị” do thăng Phạm Sáu, trưởng ty ngân khố và bí thư chi bộ đảng Cần lao nhân vị, làm trưởng ban. Địch biến Côn Đảo thành “nhà tù không song sắt”, địch đã đặt Côn Đảo thành tỉnh Côn Sơn. Và cái tỉnh tù này cũng đủ các thứ ty: Ty công an, Ty hiến binh, Ty công chính, Ty thông tin tuyên truyền, Ty kiến thiết v.v... Công việc chuyên môn là đánh tù, đàn áp tù. Sổ sách, giấy tờ rất lý lịch tù cùng một số tài liệu của Mỹ dạy cách tra tấn, hỏi cung, mua chuộc.

Côn Đảo có một nhà thờ Thiên chúa giáo và một ngôi chùa Khơ me, một ngôi chùa Phật. Sự tuyển trong tù ra, sáng đến chùa thắp hương, gõ mõ, tối về lao. Một cách lừa bịp của địch, ra điều tự do tín ngưỡng! Chùa vắng tanh, thỉnh thoảng thăng Bốn và đám vợ lính đến xin quẻ thẻ nói thấy một tiếng chuông boong.

Cố đạo thì chuyên nghiệp, không phải tù. Trong các buổi tù con chiên xưng tội, bao giờ cố cũng hỏi: “Trong khám các con có học tập gì không? Các con có bàn bạc gì không?”. Ông K người Nghệ An, Thiên chúa giáo, bị địch cưỡng ép di cư, xưng tội đã về nói với anh em: “Linh

mục gì, gián điệp đấy, nghe cách hỏi tôi biết!”.

Một năm đôi ba lần, địch đưa gái điếm ra cho lính tráng, viên chức mua vui. Cũng ghen tuông, đâm chém nhau như ở bất kỳ chỗ nào có cái bộ máy thống trị thối nát của chúng.

Trước năm 1957, Côn Đảo giam khoảng năm trăm tù và do một tên đại úy bảo an phụ trách. Lúc ấy, lao 1, lao 2 cỏ mọc lút đầu người. Đầu năm 1957, địch đổi Côn Đảo thành tỉnh Côn Sơn và cử tên thiếu tá Bạch Văn Bốn, nguyên là quản khổ xanh thời Pháp làm tỉnh trưởng. Tù lần lượt từ đất liền ra đảo, ngày một đông.

Thằng tỉnh trưởng Côn Sơn như một ông vua con. Mọi quyền sinh, quyền sát trong tay nó. Mọi thứ của cải ở Côn Đảo thuộc về nó, khắp Côn Đảo, thứ gì ra tiền là vào túi nó. Xoài, nhãn, dứa, chuối, con tôm cái tép, bông sen, hạt lúa cho chí bãi cứt bò đều là của nó. Chỗ nào cũng biển: “Cấm hái!”, “Cấm ngắt!”, “Cấm nhặt!” ... Công chức của nó thò tay lấy cũng bị phạt, bị cúp lương. Một tên lính bảo an đã nói với tù: “Cục cứt chim cũng của thiếu tá!”.

Bộ máy đàn áp ở Côn Đảo đã man bao nhiêu thì phương tiện khủng bố ở Côn Đảo khủng khiếp bấy nhiêu. Trong đất liền, nhà tù nào xà lim nhiều nhất cũng chỉ 12 cái là cùng. (Nhà tù Phú Lợi có 8 xà lim nhỏ, 3 xà lim lớn). Nhưng ở Côn Đảo có tới 120 chuồng cộp, một kiểu xà lim đặc biệt, không tìm thấy ở bất cứ nhà tù nào ở đất liền. Ấy là không kể các xà lim, casô hầm ngầm thông thường khác. 120 gian chuồng cộp ở Côn Đảo là một phương tiện khủng bố độc đáo. Sở dĩ địch gọi là chuồng cộp vì tất cả những ai bị đưa về nhốt ở đây chúng đều coi là chống lại chúng dữ như cộp. Sự khủng bố của nhà tù Côn Đảo tàn bạo nhất, đẫm máu nhất, không đâu bằng, nhưng trong nhà tù Côn Đảo, chuồng cộp lại là tàn bạo nhất, đẫm máu nhất. Nó thật sự tiêu biểu cho cái chế độ phát xít bạo tàn của Mỹ và tay sai. Trong các đoạn dưới đây, chúng ta sẽ có dịp nghe nhiều về chuồng cộp, cái lò sát sinh ghê tởm nhất trên đời này.

Địch đã rút kinh nghiệm và kế thừa “truyền thống” đàn áp, khủng bố tù hằng mấy chục năm trời của thực dân Pháp; chúng lại còn tổng kết, nghiên cứu kinh nghiệm đàn áp, khủng bố tù của các thế lực phản động ở các nước khác. Hằng năm chúng họp hội nghị về vấn đề “chống cộng” ở Đài Loan, Maní, Sài Gòn; năm 1957, chúng đã họp ở Sài Gòn. Chúng rút ra kết luận: “Nếu chỉ đánh phá phong trào cách mạng về mặt tổ chức không thôi như thời Pháp trước đây thì không có kết quả mà phải cùng đánh phá về mặt tổ chức, đánh phá cả về mặt chính trị, tức là phải trường kỳ truy bức tư tưởng người tù, cưỡng bức người tù đầu hàng”.

Chính sách cưỡng bức tư tưởng người tù, truy bức đến khi người tù vất bỏ lý tưởng của mình, vô tình hay cố ý trở thành công cụ tuyên truyền của địch hay cao hơn nữa, trở thành đối tượng của cách mạng. Chính sách đó, tôi đã trình bày ở phần viết về nhà tù Gia Định. Đặc biệt trong chế độ thực dân kiểu mới, chính quyền Diệm đã thi hành chính sách đó một cách ráo riết, hết sức tàn bạo, dã man.

Để đánh phá, truy bức tư tưởng người tù, chúng áp dụng phương thức đánh thật mạnh, thật dữ, thật ác liệt và đầy ải trường kỳ người tù, chú trọng đánh tách, đánh tĩa từng người, từng nhóm nhỏ, đánh đến mức thân thể người tù không thể nào chịu nổi được nữa, đẩy người tù vào một cái thế: muốn sống phải đầu hàng, muốn trung thành với cách mạng, phải chết. Đến lúc này, ai quyết chết cho cách mạng thì mới bảo vệ được khí tiết.

Đồng thời với phương thức đánh phá thể xác người tù, chúng cũng dùng đủ mọi thủ đoạn chiến tranh tâm lý nhằm khơi sâu, khoét sâu và kích chủ nghĩa cá nhân trong mỗi người tù lên, đem cái chủ nghĩa cá nhân này chống đối lại cách mạng. Chúng hiểu rõ rằng chủ nghĩa Mác – Lênin và Đảng ta triệt để chống chủ nghĩa cá nhân, mà trong con người tù, chủ nghĩa cá nhân trỗi lên chừng nào thì tinh thần cách mạng sẽ thụt xuống chừng đó. Đúng như vậy, quan hệ theo tỷ lệ nghịch giữa chủ nghĩa cá nhân và tinh thần cách mạng có thể đọc được rõ ở mỗi người như đọc trên hàn thử biểu vậy.

Diệm định lấy Côn Đảo làm điển hình của “nhà tù không song sắt”, một thứ trò bịp của Huê Kỳ đã thực hiện ở Philip-pin. “Nhà tù không song sắt”, nhà tù trong đó tù “đi lại tự do” (!), tù ăn mặc như thường dân, tù ca hát, tù hô khẩu hiệu và học tập những điều bọn cầm quyền quy định. Có cái gì lạ đâu! Một thủ đoạn lừa gạt, một hình thức giả tạo che bọc cho chính sách truy bức tư tưởng mà thôi! Và những người tù kia, nào ai xa! Những người bị truy bức tư tưởng đã

đầu hàng địch, vô tình hoặc cố ý biến mình thành công cụ tô son vẽ phấn cho chế độ của địch mà thôi.

Tóm lại, hoàn toàn là trò bịp, cái “nhà tù không song sắt” của chúng.

Những người tù bị đày ra Côn Đảo phần lớn là những người có tinh thần chống đối kiên quyết và là cán bộ phong trào cách mạng. Cho nên mức độ truy bức tư tưởng của người tù ở Côn Đảo cũng khác hẳn các nhà tù khác.

Bọn Diệm chia tù chính trị ra hai loại: tù án và tù can cứ hoặc tù an trí. Tù án là tù chúng kết án từ năm năm khổ sai đến chung thân và tử hình. Từ năm 1955 đến 1959, chúng đưa tù chính trị ra xử ở tòa rất ít. Sau ngày có luật 10/59, tù án mới nhiều hơn.

Tù can cứ là những người bị bắt không có tang vật, chứng cứ, phần lớn là người kháng chiến cũ. Với chính sách càn quét, “thi đua” bắt bớ của Diệm, số tù can cứ chật ních trong các nhà tù, các đồn bót. Từ sau luật 10/59, số tù án tăng lên vùn vọt nhưng số tù can cứ cũng không vì thế mà giảm đi.

Nhà tù nhốt tù can cứ là một thứ trại tập trung theo kiểu trại tập trung của Hítle. Mỹ - Diệm đã lập nên ở miền Nam một hệ thống trại tập trung như thế với cái nhãn hiệu “trung tâm cải huấn”. Và đó cũng là chỗ khác nhau giữa chế độ Mỹ - Diệm với chế độ thực dân Pháp: thực dân Pháp mãi đến chiến tranh thế giới thứ hai mới dồn những người tù chính trị cũ và những người tình nghi chính trị vào trại tập trung Chợ Chu, Bá Vân và một vài nơi khác, mỗi trại giam chừng hai ba trăm người. Còn Mỹ Diệm thì ngay sau ngày hòa bình được lập lại đã dựng lên nhan nhản ở mọi chốn mọi nơi, trên một nghìn trại tập trung đủ các cỡ.

Dưới chế độ Diệm, tù án thuộc Bộ tư pháp ngự quyền quản lý, mặc quần áo màu xanh có đánh số tù và do công an, cảnh sát coi giữ. Ở Côn Đảo, từ năm 1954 vẫn còn 500 tù án do giặc Pháp giấu đi không trao trả lại ta. Đến năm 1959, thì số tù án ở Côn Đảo lên đến hàng ngàn và nay thì tới con số vạn.

Tù can cứ thuộc Bộ nội vụ ngự quyền quản lý, thường mặc quần áo màu đen, do cả lính bảo an và công an cảnh sát coi giữ. Địch nói thời hạn giam giữ tù an trí lâu nhất là hai năm, nhưng thực tế hết hai năm này, ký giam hai năm nữa, lại hai năm nữa, cứ như vậy, thời gian giam giữ kéo dài đến hết đời người tù. Hầu hết tù can cứ ở Côn Đảo là đảng viên, quần chúng cách mạng. Ngoài ra, cũng có một số rất ít những phần tử thân Mỹ chống Diệm trong đảng Đại Việt, Quốc dân đảng, đảng Long Châu v.v... Địch hay mua chuộc, đầu độc bọn này dùng làm công cụ khủng bố tù cách mạng.

Mũi nhọn của địch truy bức tư tưởng tù chĩa vào tù can cứ trước tiên. Và một hình thức nguy hiểm thâm độc nhất đã được chúng đem dùng ở Côn Đảo: cưỡng ép tù “ly khai” hàng ngũ cộng sản. Chính đây là một nét đặc sắc của Côn Đảo.

Bất cứ người tù nào khi đặt chân lên đảo đều bị chúng buộc phải làm một tờ “ly khai” Đảng. Nội dung tờ này đại khái như sau: “Tên tôi là... bí danh là... tên cha là... tên mẹ là... sinh quán ở... trú quán ở... lý do bị bắt là... nay xét vì cộng sản làm sao... (nói xấu ta), xét vì “quốc gia” thế này thế nọ... (tâng bốc địch), cho nên xin tự nguyện “ly khai” khỏi hàng ngũ cộng sản để cải tạo tư tưởng, phục vụ chính nghĩa “quốc gia”, nguyện cố gắng học tập cải tạo, tích cực công tác và thi hành mọi điều nội quy trong “trại”. Mong được lượng khoan hồng của chính phủ sớm cho trở về sum họp với gia đình, làm nghĩa vụ của người công dân”.

Rõ ràng là một bản đầu thú!

Tất cả những điều trình bày trên kia đủ nói lên tính chất quyết liệt nhất, ác liệt nhất của cuộc đấu tranh giai cấp đẫm máu giữa ta và địch. Với quyết tâm điên cuồng, địch tìm mọi cách đánh phá, tiêu diệt cả thể xác tinh thần người tù cách mạng; với quyết tâm cách mạng cao, người tù chống “ly khai” bằng mọi hình thức, đặt bảo toàn uy thế cách mạng và khí tiết người đảng viên, “ly khai” và chống “ly khai”, đó là trung tâm đấu tranh giữa ta và địch ở nhà tù Côn Đảo.

Từ năm 1957, địch bắt đầu đưa tù ở các nơi: Phú Quốc, Nam Bộ, khu Năm v.v... về Côn Đảo. Và ngay từ đó, cuộc đấu tranh giữa “ly khai” và chống “ly khai” lập tức mở màn.

Mỗi chuyến tàu chở tù ra đảo vừa cập bến, địch liền tiến công dồn dập, dùng mọi cách uy

hiếp, lưng đoạn, bao vây, chia cắt, khủng bố, bức tù “ly khai”.

Có những chuyến tàu còn buông neo ở ngoài khơi, chúng đã xông lên đầy nhào anh em xuống biển. Người nào uống no nước sắp chết đuối, chúng vớt lên dụ “ly khai”. Không nghe, chúng lại đẩy xuống cho uống no nước nữa rồi mới đưa lên bờ, đánh suốt dọc đường từ cầu tàu đến lao. Địch lợi dụng lúc anh em tù đang mệt mỏi về thể xác, bàng hoàng về tinh thần như thế này mà uy hiếp thì thật là một độc kế.

Có những chuyến chúng lẳng lẳng đưa tù đến lao 2, không hỏi han gì hết. Sáng, tự nhiên, chúng gọi ra sân chào cờ ba que, coi như làm một cái việc thường tình vậy. Chào hay không, lúc đó chúng chưa cần; theo chúng, anh cứ lao 2 mà không kêu ca phản đối là được rồi. Sau chúng mới tiến tới chỗ bắt buộc anh làm giấy “ly khai”.

Có những chuyến chúng không đánh, không dọa, bọn cán bộ cải huấn lại đến “nói chuyện thân mật”. Cũng thủ thủ các thứ “tiền đồ đất nước”, “vận mạng quốc gia”, “tấm lòng người con đất Việt”... cũng ra vẻ băn khoăn suy nghĩ: “Bây giờ đất nước mình chia thành hai miền thế này mà không hiệp thương tổng tuyển cử được là rất đau khổ”, vì vậy “đề nghị các anh cùng bàn xem nên làm thế nào”. Chúng cố nhét vào người tù tâm lý bị quan và lòng hoài nghi chính trị: “Tình hình mờ mịt lắm, các anh ạ. Đây, hai năm rồi có thực hiện được hiệp định Giơnevơ đâu!...”, “muốn thống nhất theo chế độ miền Bắc thì chỉ là ảo tưởng...”. Rồi này chúng báo tin cán bộ này bị bắt, mai báo tin cán bộ kia bị tù, cán bộ nọ đầu thú. “Lực lượng của các anh đã tan rã rồi, các anh nghĩ coi, cán bộ là nòng cốt mà bị bắt nhiều như vậy, thì còn đâu là phong trào để mong ngày thắng lợi!”. Lời lẽ của bọn cán bộ cải huấn, bọn chiến tranh tâm lý này không phải không có tác hại.

Do chính sách cưỡng ép “ly khai” của địch, tù can cứ ở Côn Đảo chia ra thành hai loại: tù “ly khai” và tù chống “ly khai”. Lao từ đó cũng chia thành hai lao: lao 1, lao những người chống “ly khai” và lao 2, lao của những người “ly khai”. Hai lao cách nhau có một bức tường, nhưng hai chế độ chính trị và sinh hoạt khác hẳn nhau.

Chế độ chính trị ở lao 1 là gì? Là ngay trong vùng đất của địch, ngay trong ngục tù của địch, vẫn có một tổ chức xã hội chủ nghĩa gồm các người tù kiên quyết bảo vệ lý tưởng cách mạng của mình, vẫn có một tập thể những người suy nghĩ và hành động theo tinh thần cộng sản chủ nghĩa.

Còn chế độ chính trị bên lao 2 là một chế độ của những người sau khi bị địch khủng bố khốc liệt, hàng ngũ phân hóa, tạm thời nhận chịu điều kiện “ly khai” của địch, bị địch tiếp tục truy bức tư tưởng nhưng cũng không ngừng đấu tranh bằng các hình thức thấp tiến lên đấu tranh chính trị trở lại như lao 1.

Về đời sống, lao 2 so với lao 1 khá hơn nhiều. Nhưng nếu so với bất cứ nhà tù nào ở đất liền thì lao 2 vẫn cứ đau thương hơn hết.

Hình thành hai lao 1 và 2 thế này không phải do quân thù muốn. Chúng chỉ muốn có một lao, lao “ly khai”. Sỡ dĩ chia làm hai lao chính là vì đã có những đồng chí kiên quyết chống “ly khai”, bảo toàn khí tiết và uy tín cách mạng. Mặt khác, có một số đồng chí không chịu nổi sự khủng bố của quân thù hoặc do quan niệm, nhận thức và chủ trương không đúng mà đã “ly khai”. Sau khi “ly khai” các đồng chí đó vẫn căm thù địch, không đầu hàng và tiếp tục chống lại âm mưu, hành động tàn bạo của chúng.

“Ly khai” là chịu rất nhiều đắng cay, đau đớn về tinh thần. Địch bắt ngày ngày chào cờ ba que, ngày ngày hát bài “suy tôn” thằng Diệm, ngày ngày hát bài “quyết tâm diệt cộng”, ngày ngày hô khẩu hiệu “đả đảo” lãnh tụ và “muôn năm” thằng chó săn của Mỹ, ngày ngày học tập “tổ công”, nghe chúng ra rả chửi lại chính những việc mình làm, chính ngay Đảng mình, đồng chí mình. Rồi gặp bọn sĩ quan của chúng cũng phải chào. Chào kiểu huấn chính, tức là thấy bóng chúng phải hô “Nghiêm... phất!” rồi đứng thật im, miệng “đả đảo” lãnh tụ và “ủng hộ” thằng Diệm. Đi bên nhà chúng thôi cũng phải “Nghiêm... phất!” rồi đứng hô khẩu hiệu như vậy. Trông thấy xe của chúng, thậm chí xe không cũng phải “Nghiêm... phất!”, rồi đứng im há mồm ra hô khẩu hiệu phản động.

Một vẻ của chính sách truy bức tư tưởng đó, một khía cạnh của chính sách đẩy tới rồi qua

cầu rút ván đó! Khác nài chuyện người xưa sấm giầy mới, gập chỗ lồi lúc đầu còn rón rén, giữ gìn, nhưng khi đã chớm lấm bùn thì lại đi bừa, thầy kệ. Khí tiết không được giữ gìn cũng dễ nhảm đi như vậy. Thằng địch rất hiểu cái đó.

“Ly khai” phải ký “kiến nghị tri ân” thằng Diêm trong các ngày lễ lạt của chúng hoặc trong các dịp chúng đưa về đất liền. Ký “kiến nghị” đủ thứ, chẳng hạn hoan nghênh luật 10/59 là “nhân đạo”, “xung phong tình nguyện sang Tây Tạng chống Trung cộng xâm lăng” v.v...

Tất nhiên ở đây mới chỉ mới chỉ nói những thủ đoạn của địch nhằm tiêu diệt khí tiết người cộng sản, lòng yêu nước của quần chúng cách mạng, nhằm tô son vẽ phấn cho cái chế độ thối nát của chúng. Sự đấu tranh của những anh em “ly khai”, cũng như thất bại của địch, dưới nữa, chúng ta sẽ đọc đến.

Lao 1, lao của những người chống “ly khai” về mặt vật chất đúng là một địa ngục, một địa ngục vào cỡ khủng khiếp nhất.

Địch đã thi hành ở đây một chính sách đầy ải, hành hạ liên miên, trường kỳ, tàn tệ, vô nhân đạo về mọi mặt sinh hoạt để buộc người tù hoặc là sống thì vất bỏ khí tiết mà “ly khai”, hoặc là bảo toàn khí tiết thì chết...

Mười một khám của lao 1 bị cấm cố hết. Khám nào cũng chật, mỗi người dduwwocj một chiều rộng 0,35 mét và chiều dài 1,20 mét. Nhìn vào khám như nhìn vào cái nong tằm, chi chít, toàn là những bộ xương. Suốt ngày đêm trong khám thối vì không được đổ thùng, giời bò cả lên mặt. Tù lao 1 quanh năm thiếu ánh sáng, thiếu cơm ăn, thiếu nước uống. Anh em tù thì nhau ốm. Bệnh kiết lỵ, lao, sung lợi răng, đen chân... làm chết anh em tù rất nhiều, trung bình mỗi ngày một khám chết hai ba người. Bệnh tật lan tràn, anh em tù hết lòng thương yêu, đùm bọc nhau, giúp đỡ nhau để chống lại bệnh tật, chống lại cái chết. Cuộc sống trong tù thiếu thốn ghê gớm, anh em từng phải ăn sống nuốt tươi như người thời nguyên thủy để giành lấy sự sống: mút sống ốc sên, nuốt chửng chuột mới đẻ và thạch sung, ăn đủ các thứ lá, thứ cỏ...

... Đời sống tù như vậy nhưng trong khám không phút nào buồn. Cái vui là một điều quan trọng bảo đảm thằng lợi, anh em hiểu rõ chân lý ấy. Và cái vui ở lao 1 không thiếu. Cái vui của tâm thần phần khởi khi giữ gìn được khí tiết và uy thế cách mạng. Anh em cũng nhận thấy rõ đấu tranh là lẽ sống của mình, đấu tranh thì còn, không đấu tranh thì mất. Cho nên anh em không hề ngần ngại mỗi khi phải giáp chiến với quân thù.

Sự đau khổ về vật chất do địch gây ra không làm cho con người chán nản. Trái lại, anh em nghiêng rằng chịu đựng để tỏ cho địch thấy rằng sự man rợ của chúng không đánh ngã được tinh thần con người chúng ta.

Sáng, 5 giờ keng báo thức tào lao, anh em dậy, giả dụ anh em chưa buồn dậy, chúng cũng không làm gì nổi. Từng cụm chuyền tay nhau chiếc điều cày – điều cầu bằng lọ thuốc penixilin mài thủng một lỗ nhỏ ở vai làm nõ điều, xe bằng thân cây bút chì mực – Vê một dùm thuốc lao “cò ke”, rít một hơi dài, phả khói um khám rồi lục tục mỗi người một cục giẻ, một mảnh sành... lên lớp văn hóa. Mảnh sành làm bút rạch xuống àn xi măng. Cục giẻ làm khăn lau, viết xong lại xóa. Cái bút sành của anh em còn có tên gọi “Pácke”. Hết một chiếc bát cầu ai rơi vỡ, trong khám lại reo lên: “A, Pácke!” rồi mỗi người nhặt một mảnh cất kỹ. Trong mỗi cái túi cơ nghiệp của người tù không thể thiếu cây “Pácke” mảnh bát, mảnh đĩa như vậy. Việc học đã thành một yêu cầu mãnh liệt của anh em tù. Đây một lớp toán, kia một lớp văn, góc này lớp địa lý, góc nọ lớp sử. Học cả điện, học cả máy nổ và học cả chụp ảnh, lái xe hơi. Vẽ máy ảnh lên sàn, giảng từ cái bộ phận của máy, đến cách lấy ánh sáng, bấm ảnh v.v... Lớp dạy lái xe hơi có rất đông anh em học. Những người tù lợi răng bị lở loét chảy máu, chảy mủ thối hoảng vì thiếu sinh tố, những người tù chân tím đen, dầy bì lên vì chai máu vẫn chăm chỉ theo học các bài giảng về xe hơi, luật đi đường: thế nào là biển chỉ đường cấm, thế nào là biển chỉ đường “cua”, muốn xi đường, muốn lùi xe v.v... thì làm sao, làm sao... Học cả âm nhạc nữa. Đàn làm lấy, bằng ống bơ.

Những buổi học rất hấp dẫn, say sưa mà trật tự. Người bảo vệ luôn luôn ghé mắt ở lỗ khóa. Có bóng chúng nó, lập tức ra ám hiệu và chỉ trong nháy mắt, các bài giảng, bài tập viết trắng trên sàn vụt biến mất. Nhiều anh em vào tù đã học hết cấp I, được tập thể chúng nhận tốt nghiệp.

Một môn thành kỹ luật bắt buộc bất kỳ ai cũng phải học là môn y tế. Quy định tất cả đều phải biết sơ lược vài thứ bệnh thường mắc, cách đề phòng và cách chữa nó. Môn châm cứu được mọi người chuộng nhất. Anh em truyền bá các cách chữa bệnh cho nhau, phon phú lắm: đau bụng khan, cạo vôi trên tường uống. Đau đầu: túm nắm ba sợi tóc giật. Táo bón, ăn nồn khoai môn...

Những buổi thảo luận chính trị - một môn học quan trọng hàng đầu - bao giờ cũng sôi nổi. Anh em thảo luận đủ thứ: thời sự, đường lối cách mạng, chủ trương đấu tranh trong tù, phân tích một hiện tượng mới nhận thấy ở phía địch..., cách đối phó...

Trong khám lúc nào cũng rúc rích tiếng cười. Giữa các giờ học tập là giờ “sản xuất”. Thôi thì khắp khám ran ran các thứ tiếng gõ lon, tiếng cưa đột dây cáp làm kim, tiếng mài gáo dừa, xương bò, vỏ ốc tai tượng làm “cà rá”, tiếng khoan cán bàn chải đánh răng làm bột thuốc lá v.v... Nhấn gáo dừa đen bóng như huyền lại có vân rất đẹp. Lập lắc nhôm có khắc tên họ cẩn thận. Kim khâu bằng một sợi dây cáp, lỗ kim đục bằng cái cưa ống thuốc tiêm, vậy mà vẫn sắc và có phần không hay gây như kim mua ở chợ.

Trưa đến, một tiếng vỗ tay của đồng chí trực sinh, là cả khám im bật. Luật lệ của địch, anh em rất trọng.

Buổi tối trong khám nhộn nhịp hẳn lên. Đây “rap chiếu bóng”, kia “rap tuồng”. Và nọ, “tiệm ăn”. Mỗi chỗ một toán bá vai, bá cổ nhau kể chuyện nở như bắp rang. “Rap chiếu bóng” kể chuyện phim đã xem hoặc đã nghe lại ở người khác. “Rap tuồng” cũng kể. Nhưng “khán giả” vẫn đông hết chỗ, vòng trong vòng ngoài, có khi phải “chiều”, phải “diễn” mấy lượt liền mới đủ. Vừa “xem” vừa tán vừa phê bình, những buổi sinh hoạt hồn nhiên vô cùng này không ngờ rằng lại xảy ra ở trong tù được. Tiệm ăn thì chuyên môn “bán” cách nấu nướng, nghĩa là cũng kể. Kể các thứ xào nấu thế nào, khía quay ra sao. Nem nướng, nem chua, bò bảy món, gà nhúng dấm, cá lóc nướng trui... Mỗi địa phương một món độc đáo kể ra. Và không thiếu những ngai đầu bếp tài ba có đủ sức làm cho khách hàng ngồi nghe suông mà tưởng như mình đang được nhắm nháp thật sự.

Năm 1957, cuộc chiến tranh giữa ta và địch diễn ra chung quanh vấn đề “ly khai”. Cuối năm 1957, bên cạnh cuộc chiến tranh chống “ly khai”, anh em còn chống lệnh bắt lao 1 chào cờ ba que, “suy tôn” Ngô Đình Diệm, chào sỹ quan ngục. Tháng 7-1958 địch mở đợt tiến công chính trị mới phá hóa hàng ngũ lao 1, chia rẽ tù kháng chiến và tù cộng sản, anh em chống lại quyết liệt. Địch thất bại nhưng còn tiếc rẻ, giở thêm món phân hóa thành tù người Bắc, Trung, Nam và rồi chúng lại thua thêm keo nữa. Máu anh em tù lao 1 đổ rất nhiều, nhưng những cuộc đấu tranh cho chính nghĩa, cho lý tưởng đã thắng lợi...

... Gần Tết Kỷ Hợi (1959), lao 1 lại đưa yêu sách: mở cửa ba ngày Tết, ra sân chơi, hai lao 1 và lao 2 sang thăm lẫn nhau, biểu diễn văn nghệ. Bạch văn Bốn phải mời mỗi khám ba người đại diện ra bàn Tết với nó. Và nó đã nhận giải quyết hầu hết các yêu sách của anh em. Lúc này, mới có chuyển tàu đưa tù mới ra. Thêm 300 anh em vào lao 1.

Cái Tết năm nay là cái Tết to nhất ở Côn Đảo. Gần hai năm chết chóc, bệnh tật khủng khiếp không lung lay; tiếp theo sau, liền một năm đấu tranh ráo riết không lùi bước, anh em lao 1 đã dồn địch vào thế lúng túng. Chúng đã khiếp sợ tinh thần lao 1. Uy tín, danh hiệu của lao 1 đã bao trùm cả Côn Đảo. lao 1 đúng là miếng đất xã hội chủ nghĩa, thiên đường của người cộng sản.

Anh em chuẩn bị Tết rất rôm rả. Làm mỗi khám một đầu lân để múa. Nhặt “cần xé” làm đầu, hai mảnh nón rách làm miệng lân rồi phết giấy, bôi màu. Lắm cái đầu lân trong đẹp ra dáng. Anh em tập kích, tập múa, xếp đặt chương trình Tết, Và nhất là bàn kế hoạch “xé rào” chơi với lao 2 để trao đổi tình hình và chủ trương phối hợp đấu tranh.

Đêm giao thừa toàn thể lao 1 ngồi quay cả về hướng Bắc, im lặng, ngay ngắn. Tuy ở trong nhà tù, cái giờ phút tiếp giáp giữ hai năm mới, cũ này vẫn cứ xiết bao đầm ấm. Ôi cái Tết cổ truyền dân tộc mới đậm đà, sâu sắc làm sao!

Sáng mừng một, cửa khám mở toang. Tất cả ra sân quần áo đang hoàng, toàn một màu đen. Anh ngồi ở hành lang hướng về phương Bắc. Một người đứng lên nói:

-Thưa các bác, các anh, một năm mới đã đến. chúng ta thêm một tuổi tù và thêm một tuổi đời. Điều ấy chỉ làm chúng ta thêm già dặn, chúng ta thêm tin tưởng. Chúng ta đã sống và đã lớn. Mở đầu ngày Tết dân tộc đầy hứa hẹn với chúng ta, chúng ta hãy mặc niệm những anh em đã hơi thở cuối cùng ở đảo này, trên cánh tay chúng ta, chúng ta hãy tưởng như đến gia đình, vợ con chúng ta đang gian nan, khổ ải ở quê nhà và mong đợi chúng ta mang điều vinh dự, chứ không phải điều hổ thẹn trở về. chúng ta hãy tưởng nhớ đến những người kính yêu nhất của chúng ta!...

Cả lao 1 im phăng phắc. Anh em vô cùng tự hào, xúc động và thấy rõ mình đang đứng trong một hàng quân tuy tiêu tuy, gầy gò, ghẻ lở, đau ốm, nhưng gan vàng dạ sắt và đã đánh là thắng, bồi hồi rạo rực, lòng tự nhủ lòng sẽ phải làm những điều tốt đẹp hơn nữa. Lúc ấy tự nhiên quê hương, gia đình, miền Bắc, Hồ chủ tịch,...những hình ảnh thiêng liêng vụt hiện lên rất gần gũi trước mắt mọi người, chói lóa ở ngay trên nền trời.

Và lao 1 đột nhiên nổi lên tiếng hát:

“Hồ Chí Minh... vì sao sáng ngời...

Hồ Chí Minh muôn năm!

Hồ Chí Minh muôn năm! ...”

Như bị khuất phục, bị thôi miên trước khí thế của anh em tù, bọn bảo an, cảnh sát, tù tay sai cũng đứng nghiêm cho đến lúc chấm dứt bài hát.

Lao 2 sang lao 1 mang theo rất nhiều quà: từng “cần xé” quà, từng đồng bánh chưng. Anh em vừa tới cổng lao, lao 1 đã hát bài Kết đoàn chào đón. Hai bên lai ôm lấy nhau mừng mừng tủi tủi, mặt nhìn mặt, tay nắm tay.

Cả ngày mừng 1, bên lao 1 nhộn nhịp tiếng ca hát. Từng khám một biểu diễn văn nghệ. Anh em sắm các vở kịch “Con heo ủi đồ cái diêm”, “Thằng mù đánh bóng” ...Con heo là năm Hợi, cái diêm là cái máng ăn nhưng cũng nghĩa là thằng Diêm: năm Kỷ Hợi lật đổ thằng Diêm. Những điệu múa nhớ lại từ hồi kháng chiến như “Chung quanh Bác Hồ”, “Mùa hoa nở” rất cảm động. Các thân hình lẻo khoẻo, bờm xờm râu tóc múa hát ngược ngịu, trông mà thất lòng lại. Trong tù, ai cũng sẵn sàng đem hết tâm huyết ra làm bất kỳ điều gì, cốt sao cho tập thể có thể cùng vui ...

Bọn công an ghi từng tiết mục. Ngày mồng hai, địch không cho các lao, các khám sang thăm nhau. Đang lúc đó, bọn công an lại bắt được mẫu giấy của anh Sáu Cự viết về tình hình địch và chủ trương của ta có ký tên ném sang cho hai khám 4 – 5 gồm anh em tù Phú Lợi mới ra. Địch ra lệnh cầm cố tất, bắt đại diện các khám tra tấn; đại diện khám 8 là Xa bị đánh đau nhất. Khám 8 và toàn lao 1 hò la đấu tranh đòi thả và cải thiện đời sống. Nhưng rồi Xa “ly khai”. Anh em khám 8 chịu đánh đập, bảo vệ anh Sáu Cự thì Xa lại chỉ cho địch bắt anh. Anh Sáu Cự bị đánh gãy mấy xương sườn, nhưng trước sau vẫn không khai. Cuộc đấu tranh của lao 1 ảnh hưởng lớn ở Côn Đảo. Nhiều binh lính không tham gia đàn áp và mỗi khi có chuyện gì uất ức, vợ con binh lính lại hò la để đấu tranh.

Thằng đại úy Vận, tên ác ôn có nhiều nợ máu chòng chất ở Phú Lợi ra Côn Đảo bổ sung cho bộ máy đàn áp tù. Sau Tết, thằng Bốn và thằng Giỏi có việc về Sài Gòn, thằng Vận tam thay, liền tác oai tác quái. Nó áp dụng chính sách “nắm chỗ mềm” toàn nhằm người tỏ ra yếu tinh thần, già, ốm yếu, đánh thật mạnh để cưỡng ép “ly khai”. Một số không chịu nổi phải “ly khai”. Một hôm, chúng chọn 8 anh ở khám 6 theo thứ tự A, B, C đưa sang lao 2 dụ dỗ “ly khai”. Thằng Vận trực tiếp tra hỏi, và cho bọn đàn em tra tấn 8 anh, trong đó anh Ân và anh Bửu bị đánh đau nhất, nhưng không một ai “ly khai”. Do tinh thần đấu tranh mãnh liệt của anh em và do nội bộ địch mâu thuẫn, “chiến dịch máu” tháng 2, tháng 3 năm 1959 phải ngừng.

Tháng 7 năm 1959 địch dời lao 1 về lao 3 và lao 4, nhằm cô lập triệt để lao 1, thực hiện âm mưu đánh phá lao 1 quyết liệt ...

... Trước đó, anh em lao 1 được tin sắp dời lao, đã thảo luận và thấy không thể chống dời lao được. Bởi vì ta bị chúng bắt cầm tù, chúng có thể di chuyển ta từ chỗ này đến chỗ khác, nếu ta chống sẽ bị hy sinh nhiều mà rồi địch cứ ấn bừa lên xe chở đi, ta cũng phải chịu. Hơn nữa,

chúng dòi cả lao chứ không phải phân tán, xé lẻ. Như vậy, danh nghĩa lao 1 vẫn còn, miếng đất xã hội chủ nghĩa và mặt trận của những người tù cộng sản ở Côn Đảo vẫn còn, chẳng qua chỉ là dòi chỗ ở. Nhân định xong, anh em chủ trương không chống dòi lao mà chỉ biến cuộc dòi lao thành ra cuộc biểu tình tuần hành, biểu dương lực lượng, hô khẩu hiệu suốt dọc đường đi.

Ngày 15 tháng 7, địch vào gọi từng khám riêng rẽ dòi lao. Anh em xếp hàng im lặng, cúi đầu mặc niệm những người đã hy sinh trong khám. Một anh nói:

-Chúng tôi đến nói khác nhưng mãi mãi ghi nhớ tên tuổi các anh, mãi mãi học tập tinh thần sống cũng như chết, dâng trọn đời mình cho sự nghiệp cách mạng của các anh. Trước giờ từ biệt xin có mấy lời nguyện ước: chúng tôi hứa không phụ bạc các anh, quyết tâm bảo vệ xương máu của các anh. Tinh thần của các anh sống mãi, còn mãi với chúng tôi, với phong trào cách mạng.

Đoàn tù lên đường. Và đường Côn Đảo hôm ấy âm âm tiếng tù hô khẩu hiệu:

“Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh muôn năm!”.

“Nước Việt Nam là một!”.

“Phản đối trường kì chia cắt đất nước!”/

Tiếng hô nổi nhau như sáng. Địch hăm hè chạy quanh, lên đạn, vung roi, giơ gậy. Đoàn tù vẫn hô, càng hô càng phấn chấn. Tiếng hô như mùi thuốc súng ở mặt trận, rất kích động lòng người.

Tới sân banh, một bọn công an và tù tay sai chờ sẵn ủa vào đánh. Một thằng công an thấy anh Nguyễn Văn Hải (Dầu Tiếng) đang giơ tay cao hô, liền thộp lấy ngực anh. Anh Hải nắm ngay lấy cổ áo nó giật xuống, rách toạc.

Tên tù tay sai Lâm Quốc Hùng (Gia Định) cùng mấy tên khác xô vào đánh anh Hải té xuống rồi cứ gót giày dậm vào mặt, vào ngực, vào bụng. Anh Hải sau trận này bị bệnh đau ruột, quanh năm chỉ ăn cháo và nằm, chân bại liệt không ngồi được, mấy năm sau cũng không lành.

Địch đã dán khẩu hiệu phản động, ảnh Diêm, cờ giấy, chương trình, nội quy ... trên vách các khám.

Anh em vừa vào khỏi cửa khám lập tức reo lên:

-A, nhà cầm quyền cho ta lắm giấy đi ỉa quá, anh em ơi.

Thế là công kênh nhau lên, xé, giật. Khám này xoàn xoạt, khám kia xoàn xoạt. Chỗ nào có bọn công an thì anh em hạ xuống đưa trả chúng và nói:

-Mang đi hộ, chúng tôi không biết những thứ này!

Chiều, chúng vào các khám đánh. Và tối, chúng không cho cơm. Anh em la. La một giờ liền. Chúng phải chạy đến:

-Xin lỗi các bác, các anh, vì dòi lao, bận quá, nhà bếp chưa dọn hết nồi cháo sang cho nên không nấu kịp.

Anh em đòi mai phải cho ăn sớm và ăn nhiều gấp đôi.

Sáng sau, canh đông đầy ắp, đúng là gấp đôi nhưng nhạt phèo. Chúng đã đổ nước lã vào!

Từ đây lại bước vào một thời kỳ mới của “chiến dịch máu”. Nhìn qua sự tổ chức của địch, thấy ngay chúng đang chuẩn bị siết chặt, kìm kẹp dữ dội hơn trước.

Bộ phận naayus bếp của lao 2 (nấu cho cả lao 1 ăn) không thấy chuyển sang nữa. Địch chọn toàn bọn lưu manh ác ôn đội lốt giáo phái ra làm việc bếp nước ở lao 3 và 4 này.

Bọn trật tự viên cũng tuyển lại, toàn lũ phản động ghê gớm như thằng Yên, thằng Thông, thằng Sang, thằng Tâm. Chân trưởng lao coi phả “an ninh”, địch cử hẳn tên trưởng ty công an tỉnh Côn Sơn ra làm. Dưới nó là những thằng công an ác ôn: Bảy, Hai, Xim, Bình... Còn trưởng lao bảo an thì thằng thượng sĩ Lưu làm, thằng ác quỷ: cả đảo ai cũng biết tiếng. Thằng này đánh tù đến gãy rạc cả người, nó đã nhiều lần cắn cổ tù, cắn rồi nhay nhay cho đến đứt như chó cắn... cắn xong hất tù xuống bãi biển.

Bọn lưu manh ác ôn này bị địch nhồi sợ óc phục thù và “diệt cộng” rất sâu. Chúng gồm toàn

những tên trong kháng chiến đã từng mổ bụng lấy gan người ăn, đã từng cainhau, thậm chí đánh nhau vì thắng bảo ăn vú người ngon nhất, thắng bảo ăn thăn người ngon nhất...

Nhìn tình hình và nhìn bộ máy đàn áp ở hai lao 3 – 4, anh em biết ngay là giai đoạn khủng bố ác liệt hơn xưa đã đến. Chuyển này dịch sẽ đánh giết. đày ải cho chết dần chết mòn và chết dần dập hàng loạt tù đây.

Về ăn uống, chúng đề ra mấy khẩu hiệu hằn hoi: “Cơm nấu chín là không “tổ cộng”, “Nước uống không pha thêm nước giếng phân trâu là không “tổ cộng” ... Bọn nhà bếp cứ chiếu đó thi hành. Thi hành càng ác càng được tiếng “tổ cộng” hăng, càng được khen thưởng. càng chóng được ra tù.

Khô mồm bây giờ chúng chà vụn tươi như cám rồi lọc lấy xương cho tù ăn còn thịt thì đổ đi. Hoa hoàn lắm mới cho ăn thịt, tức là quăng vào một khúc xương ống hoặc một tảng xương hông, không chặt pha gì cả, cứ mặc cho tù ngồi ngấm. Trước đây, ăn cháo, muối để riêng nay chúng đổ up muối vào lẫn với cháo. Anh em phải bụng khap cháo chạy thật nhanh về khám, hót vội muối vào miếng giẻ, vắt cho kiệt để muối khô còn cất đi làm thuốc, khi nào bị đánh đau mới đem ra nhấm hay xoa bóp.

Bệnh tật lại phát ra, lại hoành hành. Lại những chứng bệnh như hồi năm 1957. Nhưng bây giờ nguy hiểm hơn vì sức đã kiệt, anh em chết hàng loạt. Có những cái chết rất thương tâm.

Anh Nguyễn Văn Cương cùng với em, anh Nữ, người Bến Tre bị giam chung một khám. Một hôm anh gọi em đến nói:

-Gia đình ta đã góp xương máu cho cách mạng ở đây. Ngày trước anh Hai đã chết ở đảo rồi, nay đến lượt tôi, chú ạ! Chú nếu còn sống thì gắng đứng vững. Vì cách mạng, vì gia đình, gắng đứng vững mà trả thù...

Anh Cương nói xong thì mất. Anh Nữ kiên quyết chống “ly khai”, cuối cùng cũng đã hy sinh. Cả ba anh em anh Cương đều chết vì cách mạng ở Côn Đảo.

Anh Nguyễn Văn Lưu (Bến Tre), bần nông bị kiệt lý rất nặng. Anh em đấu tranh đòi dịch chữa cho anh. Dịch tới, hút thuốc vào ống tiêm xong, hỏi anh: “Ly khai” thì chích, bằng lòng không?”. Anh Lưu chửi chúng: “Đồ man rợ, tưởng tao thêm sống nhục à, tao không “ly khai”!”. Dịch cười nhạt xịt thuốc vào bãi máu mũi cạnh người anh, đi ra. Ba ngày sau anh Lưu chết.

Không thể ngồi chờ chết được. Phải đấu tranh tìm lấy đường sống.

Lúc mới dọn lao, anh em nghĩ đến chuyện tuyệt thực, bây giờ chỉ cần bàn cách tiến hành cụ thể. Chuẩn bị một cuộc tuyệt thực toàn khám, toàn lao rất công phu. Sau những ngày vừa qua, anh em đều nhận thấy phải đấu tranh mới sống được. Đương nhiên, đấu tranh là ít nhiều sẽ có tổn thất. Vì vậy, đứng trước tình hình địch gò siết khủng khiếp, yêu cầu bức thiết là phải chủ động tiến công địch để ngăn chặn âm mưu đánh phá lao 1, cưỡng ép “ly khai”, đồng thời bảo vệ đời sống. Mặt khác, lúc sắp đến ngày bầu cử quốc hội giả hiệu của chúng (ngày 28-8), anh em kết hợp đấu tranh đập tan bộ mặt phỉnh phờ, lừa bịp của chúng trong phạm vi có thể của mình.

Ở khám 10 lao 4, bốn anh Ấu, Báu, Bảo, Lành đang vận động tuyệt thực không ngờ bị lộ. Dịch bắt bốn anh nhốt chuồng cọp, đánh không ngừng tay suốt đêm.

Trên bàn, chúng để sẵn mấy hộp thuốc dầu long não. Ai bị đánh ngất, chúng tiêm luôn. Tiêm tỉnh lại đánh. Đánh không thiếu kiểu gì nữa.

Chúng hỏi:

-Vận động tuyệt thực phải không?

-Phải! Bốn anh đáp.

-Ai lãnh đạo?

-Bốn chúng tôi đây! Các ông đày ải chúng tôi chết dần chết mòn, chúng tôi phải vận động đấu tranh chống lại.

-Vận động được những ai, nói mau!

-Ai cũng vận động!

Chính thẳng Vận điều tra vụ này. Bọn nhân viên tra tấn phải kêu lên:

“Bọn này góm lằm, dám nhận chính mình lãnh đạo ngay trước mặt ông Vận. Ai chúng cũng nói vận động rồi, bắt ai bây giờ? Ông nội thật!”.

Bị nhốt xuống chuồng cọp, bốn anh lập tức tuyệt thực. Ròng rã hơn một tháng, bốn anh vừa tuyệt thực, vừa chịu tra tấn. Khi nào các anh sắp chết, địch lại bơm sữa vào lỗ đít. Phải mấy tháng xúm vào đè chặt người các anh, mới bơm được. Các anh cự mình không chịu.

Hàng ngày tin của bốn anh vẫn lọt về lao. Tinh thần bốn anh làm cho tất cả hai lao 3 và 4 vô cùng cảm kích. Anh em bảo nhau:

-Ngày thứ năm rồi đó, nữ ngồi yên để đồng chí mình chết hay sao?

-Ngày thứ bảy rồi kìa, chuẩn bị gấp đi thôi chứ, cứu ngay bốn đồng chí, còn chờ gì nữa?

Tất cả đều đồng tâm tuyệt thực. Ít khi nhất trí như lần này. Ở khám 6 lao 3 có 125 người, anh em thấy ngán ngại 3 người: bác Cử, ông Trụ và ông Ý.

Khi anh em vận động thì bác Cử lo lắng:

-Bây giờ tuyệt thực là phải quá. Nhưng tôi già yếu rồi chỉ sợ giữa chừng làm sao thì nhục. Vậy các anh xem hay cho tôi “ly khai”...

Bác nói rất thành khẩn, cảm động. Bác sợ bác nhịn nửa chừng lại ăn, địch sẽ được đà đàn áp, anh em phải vạ lây. Hiểu lòng bác, anh em nói:

-Con chim có tổ có đàn, anh em muốn bác ở lại. Mấy năm lao 1 với nhau rồi, ngọt bùi cùng sẻ, cay đắng cùng chia, nay đến lúc vùng lên sống chết với địch, bác hãy cố lên, bác ạ, rồi anh em giúp đỡ.

Bác Cử ở lại.

Ông Trụ nói:

-Được tôi nhịn! Nhưng bao nhiêu lâu cũng được, không nhất thiết đến cùng nhá!

Ông Ý cũng nói:

-Nhịn, cơ mà tới đâu hay đó, không ai dám nói trước là mấy ngày. Người giỏi làm nhiều, người non làm ít!

Cả ba người thế là đều đồng ý tuyệt thực.

Vào khoảng 21-8-1959, lao 4 nổ ra tuyệt thực toàn lao. Mấy hôm sau, lao 3 hưởng ứng.

Khám nào cũng đề ra yêu sách rất rộng: Một tuần đòi mấy bữa thịt, mấy bữa rau, uống nước bao nhiêu và nước phải đun sôi, bệnh gì chữa thuốc ấy, cấm cho thuốc trái bệnh, cho gửi và cho nhận thư, bưu kiện của gia đình, trả lại tự do cho những người bị giam đã quá lâu v.v...

Các yêu sách viết bằng gạch non lên nắp khạp cơm rồi dựng ở ngay cửa sắt. Hoặc cạy vôi ở tường viết vào sán, đánh số thứ tự 1,2,3,4... Hoặc viết thuốc đỏ lên khăn trắng.

Ngày 24-8 ở lao 3, khám 6 dẫn đầu cuộc đấu tranh tuyệt thực.

Anh em chuẩn bị chu đáo mọi mặt và hạ quyết tâm: Nếu khám 6 bị khủng bố và bị phân tán thì người khám 6 đến đâu vẫn cứ tiếp tục tuyệt thực ở đó.

Anh em tố khổ, nêu tội ác của địch, phân công mỗi địa phương một người ghi lại cẩn thận. Cử hẳn một anh thay mặt khám đưa yêu sách và mỗi địa phương cử một đại biểu kể tội địch.

Lần này, đấu tranh gay gắt, địch tất khủng bố mạnh. Anh em đề ra cách móc tay vào nhau làm thành một chuỗi dây xích kiên cố. Cứ tổ ba người móc chặt lấy nhau. Bị rời ra, lại tìm cách móc trở lại cho bằng được. Tuyệt thực lâu dài cần giữ sức thì cả khám nằm. Người kể tội cũng nằm. Móc tay nhau nằm. đại diện khám và những người có trách nhiệm nằm ngoài.

Anh NB (Bình Định) được vinh dự cử ra đưa yêu sách và nằm ngoài cùng, ngay bên cửa khám.

Đang bàn bạc phân công thì anh phụ trách liên lạc chìa ra lá thư bên khám 7 vừa tuần sang. Khám 7 lúc này có anh TN, anh Phan Trọng Bình mới ra cùng với chuyển anh em Phú Lợi, anh

em lao 3 đều coi như khám chỉ đạo. Thư anh TN viết đại ý:

Nhìn chung tình hình, thấy khám 6 có thể nổ ra đầu tiên được. Có thể các đồng chí ngại dẫn đầu thì địch khủng bố dữ hơn và như vậy quần chúng sẽ có người “ly khai”, gây khó khăn cho lãnh đạo. Ngại thế cũng đúng. Nhưng phải tin quần chúng. Quần chúng sẽ không “ly khai” và không khai báo ra lãnh đạo đầu. Vả chăng, nếu chúng ta hy sinh vì lợi ích chung của tập thể, thì đó cũng là điều vinh dự. Mong khám 6 vùng lên tiến trước.

Mấy anh chịu trách nhiệm ở khám 6 đọc thư này thấy trong người rạo rức như nghe tiếng gọi tha thiết của Đảng, liền quyết định chiều 24-8 mở màn đấu tranh. Được tin, cả khám nhộn nhịp hẳn lên. Chuẩn bị chỗ nằm, thu xếp đồ đạc, cất giấu thuốc men. Anh Xúy, bò ra bệ nắn nót viết yêu sách. Anh Ty xin cắt tay để lấy máu viết.

Buổi trưa ngày 24-8, cả khám im lặng ngủ như thường lệ. Và đến bữa cơm chiều, không ra lấy cơm. Đoán có chuyện, một thằng lính và bốn thằng trật tự viên mở cửa vào. Thằng Bảy, công an ác ôn, đội cái mũ dạ cũ vành cup xuống như tai chó, nhai trầu bồm bồm (thằng này nghiện trầu, quét trầu bám thành cao, thành gỉ ở môi) chỉ roi:

-Ra lấy cơm!

Anh em mặc toàn quần áo bà ba nằm ngay ngắn, câu tay nhau lại, không nhúc nhích.

Anh Nb mặc quần đùi đen, áo cổ vuông trắng, cầm quạt mặc cặc đứng trong cửa sắt nói:

-Bữa nay chúng tôi không nhận cơm. Chúng tôi nhờ đưa cái yêu sách này lên cho tỉnh trưởng – Anh đưa ra mảnh khăn ghi yêu sách.

Mấy thằng trật tự viên mắt tròn mắt dẹt ngay lại. Thằng Bảy nhổ quét trầu, đứng đĩnh:

-Tuyệt thực à?... Anh tên gì?

-Tên tôi ở trong danh sách nhà cầm quyền rooig, lật ra khắc biết. Anh NB nói.

-Hừ... hừ... thằng Bảy gật gù, mấy bọn lâu la chạy đi báo cáo. Thằng Lưu và thằng Hòa liền đến ngay.

Anh NB vẫn đứng cầm quạt ung dung giữa bọn chúng. Thằng Lưu đỏ mặt:

-Thì có nói tên, người ta mới đưa hộ chứ!

-Tôi không nói. Chúng tôi không nhận cơm. Nhờ đưa yêu sách này cho tỉnh trưởng.

-Anh không nói tên, người ta cũng biết mặt anh thừa đi rồi!

-Các ông biết rồi, còn hỏi làm chi?

Thế là chúng đóng cửa đánh rầm, và ù té chạy. Khám 6 nằm yên chờ đợi.

Tiếng xe hãm phanh. Tiếng còi xe giục mở cổng lao. Bạch Văn Bốn đến. Tiếng chân rầm rầm ở hiên. Tiếng lưỡi lê cắm vào họng súng.

Cửa mở. Thằng Giỏi bước vào, hạ mũ. Sau nó, thằng Bốn. Rồi thằng Vận. Bọn lính nhảy dù đội mũ nồi đỏ đứng kín ở ngoài. Lũ công an ngấp nghé, đứa nào cũng cố ngoi vào. Mấy thằng trật tự viên ác ôn Yên, Tâm, Tư, Cái Nai quen thói rình nhận mặt để theo dõi, chen vào theo. Nhưng thằng Bốn tròng mắt, bọn chúng vội lui. Anh em thấy ngay thằng Bốn định bịp.

Anh em khám 6 nằm cứng khur. Cả khám im phăng phắc, không một tiếng động.

Anh NB vẫn đứng tự nhiên như trước bọn Bốn, Giỏi, Vận. Trong khám chỉ còn bốn người này là đứng.

Giỏi khoanh tay cầm mũ, cúi đầu. Bốn chắp tay sau đít, cố ra vẻ từ tốn:

-Tại sao các người không nhận cơm?

Bốn tránh chữ tuyệt thực.

Anh NB không trả lời, giở khăn đọc yêu sách.

Sau anh NB, anh Ph thay mặt anh em tù Sài Gòn kể tội ác của địch. Sau anh Ph, đến một anh khác và lại một anh khác nữa. Lần lượt gần mười người anh em nằm vạch tội.

Bốn, Giỏi cứ cúi đầu nghe. Giỏi có lúc gật gật đầu, vờ đồng tình. Còn Bốn có lần đỏ mặt phản

Ừng, Khi anh em tố cáo chúng đánh đập tàn nhẫn để cưỡng ép “ly khai”, nó ngắt lời hỏi:

-Ai? Chúng tôi có chủ trương đánh đập thế không? Đứa nào đánh các anh?

Biết là nó chối, anh NB nói:

-Ông là người cầm đầu mà nhân viên của ông đánh đập tù, đầy ải tù chết chóc đến thế, ông cũng không biết hay sao?

Bốn lặng im. Cvonf Vận tối sầm mặt, bỏ ra ngoài cửa.

Khi anh em tố cáo chúng bỏ chết tù ốm, không chữa không cho thuốc, thằng Giỏi hỏi:

-Bây giờ soát túi các anh có thuốc các anh biểu sao?

Anh NB nói:

-Đúng chúng tôi có thuốc! Nhưng có vẫn bằng không. Thương hàn mà các ông cho xuynphamít; kiết lỵ cho ký ninh, thì chúng tôi uống được không?

Bốn nói:

-Các anh đưa yêu sách, được. Vậy bây giờ các anh đòi gì? À, đòi nước đun sôi. Ừ, thì làm thôi, khó gì cái ấy. Đòi gì nữa? Canh rau hủ?

Canh rau cũng được, hể tàu ra thì có thôi. Nhưng không có tàu ra thì lấy đâu rau? Ừ, được, giải quyết, thế cũng được!... Thuốc men, được, chấp nhận!... Bệnh cho đi nhà thương đó, không thiếu... Còn một tuần hai bữa thịt. Được, được! Heo hay bò cũng được... Trả tự do, à, trả tự do, việc ấy thì phải đề nghị Bộ nội vụ. Đánh đập, cưỡng ép “ly khai”, tôi không chủ trương... Bắt người giam xà lim trái phép, đâu có bắt trái phép, các anh làm mất trật tự thì người ta bắt...

Anh NB bẻ luôn:

-Thế chúng tôi sắp chết khát, ra xin uống nước uống cũng là làm mất trật tự sao?

-À... à... Bốn ngó một lúc lại nhấm nhẩn: “Được, được thôi...” rồi cả lũ nháp nhồm định quay ra.

Chúng muốn gói gọn lại cho yên nhưng anh em ta không bị lừa. Anh NB tiến lên trước cửa ngăn chúng lại:

-Các ông không giải quyết các yêu sách của chúng tôi thì chúng tôi nhất quyết tuyệt thực đến cùng.

Đã ra đến ngoài hiên, Giỏi lùi lại, từ từ kéo sắt, nói rất khẽ:

-À, cái chết này là do các anh muốn nhé, chúng tôi không có muốn đâu!

Anh em nhận định địch sẽ khùng bố nên đã chuyển khẩu hiệu đấu tranh từ “vạch rõ tội ác, yêu sách hợp lý” sang thành “kiên quyết chống khùng bố, giữ vững hàng ngũ đến cùng”.

Chập tối, khám 6 cho một anh em leo lên cửa sổ ghé miệng ra ngoài, nói thật to, từng chữ, từng chữ, thông thả:

-Khám... 6... đã... tuyệt... thực!... Sẽ... kiên... trì... cho... đến... phút... cuối... cùng...

Nói ba lần. Mỗi lần ngừng một lát lại nói. Vừa nói xong lần thứ ba thì thấy anh em khám 8 leo lên cửa sổ, trả lời:

-Khám... 8... hưởng... ứng... khám... 6!

Rồi khám 4 trả lời:

-Khám... 4... hưởng... ứng... khám... 6!

Rồi khám 7... Rồi tắt cả các khám. Trong bóng đêm chập choạng, những tiếng gọi đàn, những tiếng đồn quân này nghe oai nghiêm vô cùng, thiêng liêng vô cùng. Tiếng hô báo nhau giữa các khám kéo dài hơn một giờ rưỡi.

Bữa cơm sáng hôm sau, địch khiêng cơm để đầy ngoài cửa, không khám nào ra nhận. Chiều cũng vậy, tất cả lao 3 im ắng như dãy nhà hoang.

Bốn, Giỏi, Vận dẫn độ trên một trăm tù tay sai và binh lính đến. Bốn leo lên thành bể nước

cạnh giếng. Thằng thượng sĩ Lưu mở cửa khám 6:

-Lệnh thiếu tá mời các anh dọn đồ ra.

Không một tiếng trả lời. Hai trăm con người khám 6 nằm không động đậy, mắt trừng trừng nhìn lên trần.

Vận cẩu kính:

-Lệnh thiếu tá mời mà cũng không ra à, ghê thật!

Giỏi cũng xằng giọng:

-Biểu ra, sao không ra?

Chỉ có sự im lặng đáp lại.

Bốn giờ gậy. Mấy chục tên côn đồ ủa vào khám 6. Roi mây, củi tạ, cây thông nòng súng tua tủa. Chúng đứng xung quanh bệ nằm, vụt xuống. Các khám ở bên nghe rõ tiếng roi, tiếng địch thở và chửi rủa, nhưng không hề thấy một lời của khám 6. Anh em vẫn nằm câu tay nhau không giãy, không kêu.

Đánh chừng nửa giờ, địch thở hồng hộc bỏ ra. Vận báo cáo với Bốn:

-Đánh tóe mau, chúng cũng không ra.

Bốn đã xuống đất lại ì ạch leo lên bể nước:

-Đánh! Đánh cho rời ra!

Mới hôm qua, hắn còn đỏ mặt nói xưng xưng: "Tôi không chủ trương đánh đập!".

Năm sáu chục thằng ác ôn lại hùng hổ kéo vào. Lần này, chúng đánh những anh em nằm kề trước cửa trước. Anh NB ở ngoài cùng đề lên người anh Bửu đỡ đòn hộ. Chúng kêu:

-A, thằng cổ áo vuông này muốn che cho đồng chí à! Thì cho che! Cho che!

Máu của anh NB chảy đầm đìa mặt, xuống ngực anh Bửu. Chúng đạp chân vào thành bệ nằm, túm tóc, túm tay, túm chân anh NB lồi. Anh NB ôm chặt lấy anh Bửu. Anh Bửu móc ghì tay anh bên cạnh. Chúng ghè củi tạ vào khuỷu tay, bàn tay các anh. Chúng dần dần gậy vào ngực, vào bụng. Cuối cùng anh NB bị kéo tuột xuống đất. Chúng trối tròn anh lại rồi quăng đánh huych một cái ra hiên.

Chúng gỡ dần từng mối, vắt anh em ra sân như quăng củi. Lúc này mới thấy ông Cử, ông Ý thế nào. Bị đánh thủng cả đầu, máu chảy xuống mắt không mở ra được, ông Ý vẫn lóp ngóp định bò vào khám leo lên bệ. Chúng đạp ông bắn ra, ông lại bò vào. Địch càng man rợ, càng thúc đẩy tinh thần đấu tranh của anh em.

Khám 6 đã bị lừa ra cả sân. Thằng Hòa ra đến sân còn lẳng thẳng đánh anh Bửu, vừa đánh vừa rít lên:

-Đấu tranh như vậy có sượng không? Đấu tranh như vậy thắng lợi chưa?

Anh Bửu hô:

-Phản đối khủng bố!

-A, thằng này giờ này còn nói trớ! Thằng Hòa trợn mắt vừa nói vừa co chân đá vào mạng sườn anh Bửu. Anh ngất luôn. Một lúc tỉnh dậy, anh thấy chung quanh vẫn ồn ào hỗn loạn, anh em vẫn nằm la liệt ngoài sân và các khám đang la rất to, rất đều:

-Phản đối khủng bố!

-Phản đối đánh đập!

-Yêu cầu cải thiện chế độ nhà tù!

Đến lúc này cuộc đấu tranh thêm cả hò la. Tiếng la phẫn uất, tiếng la căm thù át hết tiếng quát tháo của địch. Tiếng hò la đã biểu dương được quyết tâm đấu tranh, khí thế dũng mãnh và sự thống nhất hành động của lao 1.

Bữa nay, anh em la to đến tưởng bung cả mái khám lợp bằng ngói móc đi.

Thằng Thông, ác ôn chạy đến chấp tay trước thằng Bốn lúu tít:

-Dạ, thưa thiếu tá, “phòng” 7... “phòng” 7 bữa nay cũng không nhận ... nhận cơm. Chúng quàng khăn hết... hết trội... đứng đầy cả... cả ở kia. Chúng... chúng... la... muốn bể... bể “phòng” ... đến nơi.

Địch bắt đầu thấy không thể dùng vũ lực đàn áp cuộc đấu tranh này được, phải nhượng bộ.

Bốn nhận thỏa mãn phần lớn yêu sách của khám 6 và để cho đại biểu của ta thông báo cho các khám khác biết. Đại biểu tù dùng máy phóng thanh nói khắp hai lao:

-Xin thông báo toàn thể anh em: nhà cầm quyền đã nhận giải quyết các yêu sách sau đây: được mở cửa cây, được thêm nước uống, một tuần fhai bữa rau, tăng khô, bớt tường, không làm khổ sai nặng...

Ở các khám anh em bám đầy song sắt nghe. Đoạn nào chưa vừa ý, anh em lại nói lớn:

-Còn thuốc men? Ốm đau sao?

-Còn thịt? Tuần mấy bữa thịt? Sao không giải quyết?

Bốn vội gật đầu:

-Được, được, đau ốm được chữa, tuần ăn hai... à... một, thôi được... hai, hai bữa thịt.

Đại biểu tù lại nói:

-Theo lời yêu cầu của chúng ta, nhà cầm quyền đã chịu nhận ốm đau được chữa chạy, một tuần hai bữa thịt...

Các khám reo ầm.

Anh Phan Trọng Bình ở khám 7 nghe rõ mấy tên công an lâm bầm: “Thấy thiếu tá nhượng lại mãi, đòi cá đòi thịt. Đến công chức còn không có nữa là tù... Đà, bây giờ cò kè như vậy, chứ đóng cửa lại là vô hội nghị tổng kết thắng lợi liền cho mà xem!”.

Địch giải quyết phần lớn các yêu sách, lao 1 liền kết thúc tuyệt thực. Cuộc đấu tranh này đã ảnh hưởng sâu sắc đến lao 2 và ngay cả công chức, binh lính địch. Xưa nay lao 1 chưa bao giờ có trận nào thắng lợi bằng trận này, anh em rất phấn khởi.

Trong khi đó, do không biết ở lao đã kết thúc, bốn anh mở đầu cuộc tuyệt thực và anh NB vẫn tiếp tục tuyệt thực. Ngày nào thằng Nhỏ, công an, phó trưởng lao cũng chạy vào năn nỉ:

-Nhà cầm quyền giải quyết rồi, sao các ông vẫn không chịu ăn, kìa!

Anh em cho rằng nó lừa, cứ lắc.

Bữa nào chúng nó cũng mang cơm cháo đến đặt ở đầu anh em rồi đứng van như cúng. Anah em lấy khăn buộc chặt bụng lại.

Chúng anh em nói mãi anh em bèn đòi:

-Muốn chúng tôi tinm các ông phải cho một đại diện của chúng tôi đến đây gặp chúng tôi.

Chúng giận lắm:

-Phó quản đốc, trưởng “trại” nói mà các ông cũng không tin! Hừ...

Chiều 2-9-1959, thằng Nhỏ lại nài:

-Tôi là phó quản đốc, tôi nói láo thì cái mặt tôi còn ra cái thá gì với các ông nữa chứ!

Anh NB nói:

-Được, ông nói rất nhiều rồi, chúng tôi cũng nghĩ ông không nói dối. Vả lại, nếu ông nói sai thì ông chịu trách nhiệm, phải không? Chúng tôi đồng ý ăn. Mai chúng tôi ăn cháo.

Nhỏ mừng quá:

-Vâng, vâng! Tôi nói sai tôi chịu tội. Mai xin có ngay cháo cho các ông ăn!

Bốn anh Ẩn, Báu, Bảo, Lành ở chuồng cọt tuyệt thực đúng ba mươi bốn ngày và anh NB tám ngày. Ngày 2 – 9 năm đó, năm anh đã kỷ niệm bằng thắng lợi này. Bữa cháo đầu tiên sau ba mươi bốn ngày nhịn thật là ngon.

Mới thực hiện được đôi chút những điều đã cam kết, vài tháng sau chúng vỡ tuột hết. Bị khủng bố, dày ải gian khổ, bệnh tật rong rã, sức cùng lực kiệt quá mức, anh em tù theo nhau chết nhiều hơn cả những năm trước. Ngày 12 - 10 - 1959 hình thành chế độ giam hàng loạt tù ở chuồng cọp để khủng bố. Chuồng cọp từ nay thành một địa ngục khủng khiếp nhất. Ở chuồng cọp: tù ra lấy cơm lấy nước, chúng đánh. Ngoài ra còn kiểu đánh không có giờ giấc, tùy thích từng thẳng và sử dụng người điên làm công cụ đánh tù. Ở chuồng cọp: ai hờ ra có cái gì tốt, lập tức của mất và người cũng chết. Người nào ở cùng một tỉnh với bọn ác ôn thì bọn chúng đánh cho đến chết. Trong vòng sáu tháng, trung bình ở chuồng cọp mỗi người phải chịu 3 trận đòn và từ tháng 10 - 1959 đến tháng 3 - 1960, riêng ở chuồng cọp đã có 140 anh chết, thật ra còn chết nhiều gấp bội nhưng không theo dõi được. Ngoài chuồng cọp, lao 3 và lao 4 lúc nào cũng đầy ắp người bệnh. Ngày nào bọn ác ôn cũng lột truồng anh em ra đánh. Nước uống rút xuống một ngày có nửa lon. Tù ốm, đến nhà thương, tên y tá toàn cho thuốc trái bệnh, bắt uống ngay; anh em uống và chết rất nhiều. Khám 10 lao 4 có 150 người, sau hơn 10 ngày chết còn 115 người. Đau thương, chết chóc, nhưng lao 1, chuồng cọp không ngừng chiến đấu. Tấm gương hy sinh dũng cảm của anh Hoàng Sơn, anh Cường, anh Mế ngời sáng mãi trong lòng anh em.

Qua việc tìm hiểu tình hình anh em ở khám 11, những đồng chí mới ra nhận thấy: địch khủng bố mỗi năm một ác liệt hơn, thời gian tới địch còn nhiều âm mưu đánh phá nham hiểm. Sau đó các đồng chí đều thống nhất kế hoạch củng cố nội bộ, chuẩn bị đối phó với tình hình mới.

Địch lập nha tổng cải huấn và đưa thẳng đại tá Nguyễn Văn Y ra giữ chức tổng giám đốc. Sau khi đàn áp dữ dội các nhà tù trong đất liền, rút tửu kinh nghiệm xong, chúng kéo nhau ra Côn Đảo đánh phá phong trào chống “ly khai”, mục tiêu là xóa bỏ tên lao 1, thủ tiêu hết những người chống “ly khai”. Dịp này chúng thay cả tỉnh trưởng Côn Sơn, thẳng thiếu tá Lê Văn Thế thay thẳng Bạch Văn Bốn. Chúng nghiên cứu các kiểu đánh phá và bố trí lại bộ máy quản trị nhà tù. Đầu tháng 2, đầu tháng 3 năm 1960 chúng “phóng thích” hai đợt tù lao 2 và dùng họ dụ dỗ anh em tù lao 1 “ly khai” trong buổi trò chuyện chia tay. Âm mưu đó thất bại, chúng liền dùng kế “điều hổ ly sơn”. Sáng 1-4 dụ anh em ra ngoài, phân tán làm nhiều nơi, nhè từng nhóm, từng cá nhân mà tập trung khủng bố: dày ải trường kỳ, đánh đập khủng khiếp và giết từng loạt, đẩy anh em lao 1 tới con đường “ly khai”. Trước tình hình đó, đồng chí Nguyễn Đức Thuận, Ngô Đền, Phan Trọng Bình bàn bạc thống nhất chủ trương: tất cả đảng viên cần dũng cảm, trung thành tuyệt đối với Đảng, quyết tâm chống “ly khai”. Còn đồng chí nào không thể chính diện chống “ly khai” thì sau khi qua lao 2 nhất thiết phải tập hợp nhau lại đấu tranh chống địch từ thấp đến cao, kết hợp chặt chẽ lao 1 và lao 2, lập thành một mặt trận chung chống địch. Một số “ly khai”. Số anh em còn lại, tối 4 - 4 chúng đưa về nhốt chuồng cọp, đánh đập suốt dọc đường. Người tù bị giam ở chuồng cọp thì không còn một chút tự do, luôn luôn bị giám sát không phân biệt ngày đêm, bị đánh đập khủng khiếp. Ở chuồng cọp cái chết treo lơ lửng trên đầu, cái chết xảy ra từng phút. Từ đó vấn đề sống, chết luôn đặt ra. Nên chết hay nên sống? Nó là nội dung suy nghĩ choán mất gần hết thời gian thwucs của người tù. Trong hoàn cảnh đó, rất nhiều anh em sẵn sàng hy sinh, kiên quyết chống “ly khai”.

Số anh em không thể tiếp tục chống “ly khai”, tạm thời phải qua lao 2, dần dần thấy rõ sai lầm, tự nhiên người như đại như điên, ăn không biết ngon. Anh em lao 2 ngày càng nhận rõ bộ mặt quỷ quyệt của quân thù và xác định: chỉ có con đường đấu tranh chống lại là đúng. Anh em lấy tấm gương kiên trung bất khuất của anh em chuồng cọp để rèn luyện mình, động viên mình. Ngay khi tới lao 2, anh em đã tập hợp nhau, đề ra phương hướng đấu tranh ngay: chống địch truy bức tưu tưởng, đòi cải thiện chế độ nhà tù, tiến dần lên đấu tranh chính diện. Lao 2 đã dũng cảm đấu tranh chống chào cờ ba que, chống hát “quốc ca”, “suy tôn”, hô khẩu hiệu; chống học tập “tổ cộng”; tẩy chay bằng nhiều cách mọi ngày lễ, ngày kỷ niệm; chống làm khổ sai quá sức ... Đúng là không việc gì anh em lao 2 không chống. Dù đổ máu hy sinh, anh em vẫn tiếp tục đấu tranh. Quá trình đấu tranh và khôi phục uy tín, danh dự của anh em lao 2 đã nói rõ chân lý: bao lực không thể hủy diệt được tinh thần cách mạng, không thể thắng được trái tim người chiến sĩ.

Ở chuồng cọp, các đồng chí hoàn toàn sống trong cảnh đau đớn về thể xác và căng thẳng về tinh thần. Ngoài những trận đòn chung, mỗi người còn bị những trận đòn riêng rất ghê gớm. số

người chết vẫn tăng lên. Đầy ải, đánh đập không kết quả, đầu tháng 8 – 1960, bọn địch mở “chiến dịch bác ái” tiến công 30 đồng chí Chuồng cọp. Địch chia các đồng chí Chuồng cọp thành 3 nhóm giao cho ba cơ quan: công an, cải huấn, thông tin quản lý. Chúng trích một khoản tiền lớn dùng vào “chiến dịch bác ái” giao cho những công chức cao cấp ở Côn Đảo nhận các đồng chí Chuồng cọp về nhà riêng cho ăn uống, đối đãi như khách quý, dụ dỗ, tác động tinh thần, lôi kéo “ly khai”. Một số “ly khai”. Còn trên 20 đồng chí không “ly khai”, bị địch đánh rất dữ, đưa về Chuồng cọp. Lại bắt đầu một đợt chiến tranh tâm lý, mỗi đồng chí có một tên cán bộ cải huấn đi kèm ngày đêm, dùng luật 10/59 đe dọa và tổ chức đem đi thủ tiêu giả để uy hiếp tinh thần ...

... Chúng mới đến trước cửa, tôi đã ngồi dậy. Lúc này độ 11 giờ đêm.

Một thằng thò đầu vào:

-Ông Thịnh!

Tôi bước xuống bệ đi ra cửa. Nhưng tôi lại quay lại bảo nó:

-Thư một lát, tôi lấy cái này đã.

Tôi mở túi lấy một cái áo bà ba ra mặc thêm vào người. Tôi nghĩ bây giờ mùa thu rồi, đêm đã bắt đầu lạnh, nếu tôi vì rét mà run, chúng có thể nghĩ là tôi sợ thì nguy hiểm. Cài đủ năm cái cúc hàng hoàng, kéo tà ngay ngắn xong tôi bước ra.

Sân Chuồng cọp đầy trăng. Hôm nay 17 hay 18 tháng 8 âm lịch gì đó, mới qua tết Trung thu, trăng sáng lắm. Tôi nhìn hút thấy bóng mấy người đi ra: ông già Ngọc và Trần Trung Tín.

Chúng đưa các anh kia đi trước, tôi đi sau. Tôi tính nhẩm:

-Còn khoảng vài chục người, nó làm tĩa vài đêm là hết. Làm sao báo cho anh em lao 2 biết được bây giờ? Báo cho biết địch đang thủ tiêu anh em Chuồng cọp ...

Chúng đẩy vai tôi.

Tôi cất bước. Và tôi ngoái cổ lại nhìn thật lâu những cánh cửa Chuồng cọp: anh Nguyễn Minh ở gian này, anh Bình ở gian này. Anh nào ở gian nào tôi biết hết. Tôi thầm chào các anh: “Thôi vĩnh biệt các đồng chí, tôi về với Đảng, với dân đây!” Tự nhiên lúc này lòng tôi rộn lên một niềm tin rất lạ: những người bảo vệ được uy thế của Đảng là các đồng chí còn sống hoặc chết sau tôi này!

Tôi đi đều bước. Đường vắng tanh. Những vòm cây tối, ẩm và những lá cây ở bên ngoài ánh lên bóng ngời.

Tôi đi sánh vai thằng cán bộ cải huấn. Cả hai, bước lúi lúi không ai nói một câu. Cũng hay, chưa bao giờ có một cảnh dạo trăng đêm ở Côn Đảo thế này. Đến vườn dừa, rẽ ngoẹo một chút ra chỗ đá đắp bên đường gần cầu tàu. Thằng cán bộ cải huấn ngồi cuống một hòn đá, tôi ngồi xuống một hòn. Nó móc túi lấy thuốc lá hút, chìa một điếu cho tôi:

-Cảm ơn, tôi bỏ từ lâu.

Thằng này gõ gõ điếu thuốc lá vào bật lửa, rồi nói:

-Đêm nay đưa ông đi để làm mồi cá mập, ông có biết không?

-Tôi biết.

-Ông thấy thế nào?

-Không thấy thế nào. Nếu sợ chết đã không làm cách mạng. Ở Côn Đảo này từ mấy chục năm nay biết bao đồng chí chúng tôi đã hy sinh.

-Tôi lại thấy thế này, ông ạ: ông không “ly khai” cũng thế, mà “ly khai” thì cũng thế. Sao tôi lại nói như vậy? – Tôi nhìn mặt thằng cán bộ cải huấn. Dưới ánh trăng, hai hố mắt nó tối xăm - Ông “ly khai” thì tiếng hát, tiếng chào cờ, tiếng hô khẩu hiệu ở “trại” 2 hỏi có to thêm được là bao? Cũng chỉ vang thêm một tí ti. Nhưng đối với bản thân ông thì lại là cả một vấn đề sống chết. VÀ đối với vợ con ông thì là cả một vấn đề hạnh phúc hay mồ côi góa bụa ... Chết đi, ông còn gì nữa? Mất hết! Đảng nào biết cho ông! Vợ con nào biết cho ông! Ông để lại được gì cho vợ, cho con?

Tôi đáp:

-Với chúng tôi, không phải chỉ có vấn đề sống chết và hạnh phúc cá nhân. Bên cạnh cái sống, cái chết và hạnh phúc cá nhân là những điều mà chúng tôi rất quý trọng – chính vì quý trọng mà chúng tôi làm cách mạng – chúng tôi còn có sự nghiệp cách mạng, còn có uy tín của Đảng, còn có lý tưởng cách mạng, còn có phẩm chất của con người mà chúng tôi coi cao hơn tất cả. Chúng tôi yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, do đó cuộc sống và cái chết của chúng tôi đều nhằm phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Tôi chết ở đây cũng như góp một viên gạch vào sự nghiệp giải phóng đất nước! tôi làm tiếp truyền thống chống ngoại xâm của ông cha ta. Tôi chết đi là nối gót tiền nhân, nối gót các đồng chí của tôi ...

Trong khi nói, tôi nghĩ thầm: “Tới giờ phút này, tao không “ly khai” thì uy thế của cách mạng càng lớn, chân lý của cách mạng càng sáng ngời ...”.

Tôi nhìn đồng đá thấy rõ những tảng đá gan gà trên Núi Chúa, mỗi tảng to bằng tấm chiếu một. Thế là lại thầm hỏi: “Xưa kia ai xe nó từ Núi Chúa ra đây? ... À, mình đang ngồi lên chỗ những đồng chí đã từng đổ mồ hôi, xương máu!”.

Bên trái tôi, ngay dưới vệ đường, bãi biển trải ra rất rộng. Lúc này nước ròng, trên bãi cát xa tím, những dây rau muống biển bò dài, lan mãi. Những dây rau muống màu vàng cháy len lỏi trong đám cỏ lơ thơ, cắm rễ như những cái móc xuống cát rất chặt. Khi ra đảo lần thứ nhất, đã có bạn chúng tôi ngờ nghếch ngắt rau muống biển này về luộc ăn và bị một trận đau bụng tháo dạ hút chết.

Bên tai tôi, tiếng thằng cán bộ cải huấn vẫn rử rử:

-Ông có thấy sống là quý thế nào không? Ngay như cây cỏ còn biết tự bảo vệ, còn biết sinh tồn ...

Tự nhiên nhìn những dây rau muống biển và những đám cỏ xác, tôi thấy hai thứ tình cảm cùng nảy ra một lúc trong tôi: tôi thấy cảnh vật rất đẹp, tôi nhìn chúng rất mực triu mến nhưng đồng thời cũng lại rất thờ ơ.

Sự tồn tại song song hai thứ hai tình cảm trái ngược này thật khó cắt nghĩa.

Trước đây, hồi ấy chưa đầy ba mươi tuổi, đã mấy lần tôi ra bãi này lấy rau câu và bắt sò, nhặt đá san hô. Cái bãi tĩnh mịch, hoang vu này thế mà chứa trong lòng nó biết bao sinh vật đang sống... Nếu cứ đi xa ra mãi, xa ra mãi... không được, nước triều lên, chạy vào không kịp mắt. Nghe nước réo đánh ào là ngập bằng hết cả, sóng cuốn xô vào ầm ầm rồi. Tôi đã chứng kiến cảnh nước triều lên ở đây, tôi biết. Bây giờ mặt biển phẳng lì, nhưng nước lên thì sẽ... À thôi, phải rồi, lát nữa nước lên, chúng sẽ đưa tôi ra khơi! Thảo nào chúng kéo ra ngồi đây. Ừ, thế chứ, kéo ra đây để ngồi chờ nước lên, ngồi chờ nước lên...

Thằng cán bộ cải huấn vẫn rì rầm:

-... Tôi thấy rất uống, rất uống.

Tôi cắt lời nó:

-Tôi muốn uống nước.

-Ông khát? Đây lại không có nước uống... ông cần lắm không?

Tôi đây có khát! Muốn uống để chuẩn bị chết được tốt thôi. Con người uống nước đủ, thường khỏe khoắn và tỉnh táo. Bọn này trước khi giết tôi chắc còn đấu lý lôi thôi lắm. Cần có bộ óc sáng khoái cho nên tôi đòi uống nước.

Từ lúc nó trả lời không có nước, tôi càng trở nên lơ đãng. Nó nói gì, tôi không nghe thấy nữa. Người tôi chìm trong một cảm giác lâng lâng, nhẹ nhẹ. Trước cảnh đất nước mênh mông, dịu vắng thế này, tôi thấy yêu, tôi thấy mến đất nước cảnh vật vô cùng. Hòn Núi Chúa dưới trawnh, nom hùng vĩ chứ không ghê rợn như trong những đêm nổi bão. Và sườn núi lóa sáng xanh làm cho tôi nhớ mang máng đến một câu thơ cổ. Nhớ cái từ sáng trăng lung sườn núi mà không sao nhớ ra được lời thơ. Một câu thơ Đường thì phải. Bãi cát trắng này sóng gió bồi đắp nên mà có đây. Và trước sóng gió phũ phàng như thế, ngọn Núi Chúa vẫn sừng sững, vẫn vững bền... Những năm mờ ở Hàng Dương, hàng vạn năm, chắc nhiều năm đã bị san bằng, bị vùi lấp dưới cát rồi... Ta sắp chết trong cảnh này, cái cảnh hùng vĩ lắm đấy chứ! Trăng sáng, biển khơi, núi cao, trời rộng... Chết trong đó với cái khí tiết không hề suy suyển, được lắm!

Nước dâng lên lúc nào cũng không rõ. Sóng đã cuốn thành một đường bọt trắng ở cách tôi độ ba mươi mét. Tôi nghĩ rất thông thả:

-Nào chuẩn bị, giờ chết đã đến!

Tôi vươn vai, duỗi tay.

Có tiếng nước vỗ lóc róc. Một con thuyền cập bờ. Không đợi chúng noi, tôi ung dung bước xuống. Khi tôi bước qua các tảng đá lớn, thằng cán bộ cải huấn sợ tôi ngã, định đỡ tôi. Tôi khoát mạnh tay:

-Khỏi!

Xuống ngồi giữ thuyền.

Trên thuyền đã có hai thằng chèo và một thằng cầm tiểu liên, nay thêm tôi và thằng cán bộ cải huấn. Thuyền quay mũi. Tôi ngồi bắc chân chữ ngũ, ngừng đầu ngắm trăng. Rõ hình cầy da thằng Cuội. Và mặt trăng như bị ai ném, lao đi vun vút. Bờ đã xa dần. Nhìn vào chỉ còn thấy một vệt mờ. Vườn dừa đó chẳng? Nhìn về phương Nam, trùng dương thăm thẳm.

Thằng cán bộ cải huấn cất tiếng:

-Ông Thịnh, chúng tôi cho ông nghỉ mấy phút.

-Chẳng cần như thế làm gì. Tôi đáp.

-Tôi nói ông nghe đây: ông không “ly khai” thì ống xuống nằm đáy biển.

Hai thằng chèo thuyền đã buông chèo đứng chống mạnh nhìn tôi. Thằng cầm tiểu liên cặp súng vào nách, co một chân đặt lên thang thuyền.

Tôi cười:

-Chết cho cách mạng là rất tốt! Tôi không “ly khai”.

Nó đứng dậy nhặt một bao bố trong sạp lên, giữ giữ:

-Vậy thì mời ông vào cái bao bố này.

Tôi vẫn ngồi rất tươi tỉnh, điềm nhiên, bắc chân chữ ngũ, hai tay đặt lên nhau ôm đầu gối. Tôi bình thản chờ chúng chụp bao bố vào đầu tôi, chờ chúng thít bao lại, buộc đá vào và quăng tôi xuống nước. Bây giờ tôi mới thấy đầu thuyền có mấy viên đá tảng. Lúc này, tôi không nghĩ đến ai hết. Chỉ có một niềm vui: “Thôi đã làm đúng được những cái mình chuẩn bị từ lâu, không trệ. Làm tròn nghĩa vụ đảng viên!”.

Thằng cán bộ cải huấn cười gằn:

-Đâu dại! Đâu cho ông chết ngay! Đâu cho ông chết dễ như vậy! còn làm cho ông đau đớn đến cực độ cơ, còn làm cho ông day dứt, khổ sở đến cực độ rồi mới được chết cơ.

Nó ném cái bao bố xuống dưới chân tôi. Tôi cứ để nguyên cho cái bao phủ lên một bàn chân tôi. Sợ bao bố rách và ẩm.

Thuyền quay mũi vào bờ. Tôi ngồi nguyên như cũ nhìn nước, nhìn trăng. “Mày chưa giết tao thì tao còn sống! Giết lúc nào cũng được! Với tao cái ấy chả cần!”.

Tới bờ, thằng cán bộ cải huấn bảo tôi:

-Thôi bây giờ đi gặp ông Phạm Sao.

-Việc gì tôi phải gặp!

-Bắt buộc phải gặp.

Thì đi. Thành linh, tôi hỏi:

-Hai anh Ngô Đến, Lê Văn Một, các ông giam ở đâu?

-Ở... ở... cái gì kia?... Không biết! Thằng này cáu kỉnh gắt lên.

Tôi mỉm cười. Hai anh Ngô Đến và Lê Văn Một chưa chết! Chúng cũng bày trò như đã bày trò với tôi thôi. Nếu chết rồi thì sao lại gắt và nói “không biết”. Và cũng không “ly khai”. Nếu “ly khai” thì nó đã khoe toáng lên rồi còn gì.

Tôi bước đi theo nó. À, còn sống, còn sống cả hai anh, tốt lắm!

Tại văn phòng, bị thằng Phạm Sao, trưởng trung tâm cải huấn Côn Đảo dùng biện pháp chính trị, chiến tranh tâm lý và hăm dọa, bốn anh KS, TN, LVS., C... “ly khai”. Còn lại 18 người chống “ly khai” chúng đưa về chuồng cọp. Đến sáng ngày 25-9-1960 chúng chuyển sang nhốt ở lao 2 nhằm xóa tiết tên lao 1. Anh em lao 2 được dịp sang giúp đỡ anh em chuồng cọp. Ngày 24-11 chúng lại đưa 18 người về chuồng cọp chuẩn bị đột đánh phá mới để bày tỏ lòng trung thành với Diệm sau vụ Phan Quang Đán làm đảo chính Diệm ngày 11-11 thất bại. Trở lại chuồng cọp, anh Vạn trải qua những cuộc giảng co về tư tưởng rất dữ dội, đêm 15-12 anh tự sát, khoong chết, sau đó “ly khai” và cầm bát từ đây. Ngay sau hôm đưa anh Vạn đi nhà thương, địch liền ra tay, đến bữa chỉ cho mỗi người một vạt cơm nhỏ trộn muối hạt. Anh Trần Trung Tín tuyệt thực, 16 anh em khác đấu tranh, đến đêm 24-12 địch tạm ngừng. Ngày 13-1-1961 địch mở đột khủng bố do đích thằng Thế thiếu tá tỉnh trưởng “khai mạc”. Máu anh em chuồng cọp lại đổ. Ngày 15-1 thằng Tăng Tư phó tỉnh trưởng đích thân chỉ huy lột đồ đạc, quần áo, tiến hành xối nước cách một giờ một lần ngày cũng như đêm, và bắt ăn cơm gạo trắng với mắm trộn cá và mạt cưa. Anh Nguyễn Minh tuyệt thực. Toàn thể anh em la to phản đối. Được một tuần địch phải ngừng xối nước...

... Lại một cái Tết nữa tới rồi. Tết Tân Sửu (1961) đây! Đinh Dậu, Mậu Tuất, Kỷ Hợi, Canh Tý và nay Tân Sửu. Sắp năm cái Tết trong tù!

Ngày 30 Tết, chúng tôi cứ cơm gạo trắng và khô nướng, mắm rang. Cơm như vậy mà tối 30 vẫn thấy trong người rạo rực. Những hình ảnh thân thuộc, những kỷ niệm xa cũ và cả các phong tục cổ truyền của dân tộc về ngày Tết cuộn lên dồn dập trong lòng tôi. Tôi nhớ lại cái Tết Ất Mùi (1955), cái Tết đầu tiên sau gần hai chục năm trời xa gia đình, tôi được sống bên cha bên mẹ, bên vợ bên con. Chao, cái Tết sau ngày hòa bình mới được lập lại ấy, cái Tết bà con Sài Gòn đem hoa đến mừng khéo phái đoàn liên lạc của miền Bắc ấy.

Cái Tết đó, bà con Sài Gòn, tất cả đồng bào miền Nam tựa hồ trút được một gánh nặng bước vào một thời kỳ mới: sau cuộc chiến tranh chống xâm lược ròng rã chín năm trường vừa kết thúc, đồng bào mong muốn có ngày Tết vui như thế, cởi mở như thế, tràn trề hy vọng như thế, hòa bình như thế mãi mãi... Tôi ra phố đi lẫn vào người sắm Tết, chen chân vào các sạp bên hè, thích cánh với đủ mọi kiểu người, nghe các lời nói hân hoan nhìn các nét mặt hớn hở...

Mấy đứa con tôi hôm ấy mặc quần mới, tíu tít chơi với ông bà, cô cậu. Các con tôi! Ồ, các con tôi Tết này ở đâu? Các con của ba, các con bây giờ đang làm gì, ời các con của ba? Ngày nào con gái của ba ra chiến khu, con còn tí, má bông con trên tay? Lần đầu tiên ba sống lâu bên con, con cứ hỏi ba tại sao chỗ ba ở có nhiều dòng sông và nhiều ớt thế? Những dòng suối bên nhà của ba, mắt con nhỏ con ngỡ là sông. Còn tại sao nhiều ớt? Có gì đâu! Ba trồng để ăn, đơn giản thế thôi. Kháng chiến gian nan, ớt là thức ăn hằng ngày của ba đó, con ạ! Bây giờ con lên bảy, con có lớn nhiều không? Ngày nào ba về nhà gặp con ở chân thang lầu, ba giang hai tay ra đùa con: “Ba bắt con, ba bắt con!”. Con chạy lon ton lên lầu, mừng ríu ríu: “Má ơi! Ba về, má ơi! Ba về! Ba bắt con! Ba bắt con!”.

Hình ảnh mấy đứa con và vợ tôi, đêm giao thừa này, hiện lên gần ngay trước mắt. Lòng tôi xốn xang tưởng chừng chỉ cần tôi im lặng một chút nữa là vợ con tôi hóa lên thành người thật sự ở bên cạnh tôi đây. Tôi run run giơ bàn tay lên, vuốt tóc mấy đứa con trong tưởng tượng, đang giương những con mắt đen láy và tròn xoe nhìn tôi... Tôi không để ý tới chung quanh nữa. Tôi sống riêng với tôi. Hiện tượng này rất đặc biệt. Từ khi ở tù, ít khi tôi sống riêng với tôi lâu và say như thế này...

Đến lúc kêng báo giao thừa, tôi mới sực trở về với thực tại. Tôi ngồi ngay ngắn, nói thầm trong miệng:

-Chào một năm mới nữa! Chào những thắng lợi mới sẽ đến với cách mạng, với tôi!

-Chào một năm mới nữa! Chào những thắng lợi mới sẽ đến với cách mạng, với tôi!

Rồi tôi hướng về phương Bắc, coi như lắng nghe lời chúc đầu năm của Hồ Chủ tịch: “... Đồng bào cả nước thân mến...”.

Sáng mồng một, tôi dậy sớm, trước cả bọn trật tự viên. Tôi lấy bộ quần áo lành nhất ra mặc

vào và đứng nghiêm trên bệ, quay về phía Bắc chúc thọ Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ tịch. Rồi tôi mặc niệm các đồng chí đã hy sinh. Trước mắt tôi nổi lên các cồn cát ở Hàng Dương, những cọc gỗ treo những miếng thiếc khắc số tù lắc lư theo gió, những mẫu xương trắng lòi ra ngoài cát cháy...

Tôi nhớ nhà, nhớ quê, nhớ bạn, nhớ vô cùng, nhớ bần thần cả chân tay.

Đến bữa cơm, tưởng ít gì chúng cũng cho một vài miếng thịt bạc nhạc gọi là ngày Tết. Nhưng vền vền vẫn chỉ có một ít khô nường và mắm rang. Tôi ghen ngào vì cảm tức. Quân thù đến thế là cùng! Trên tường gian chuồng cạp tôi ở, có một chỗ vôi bị loang lổ mà thường ngày tôi nhìn thấy nó giống hệt một con bạch tuộc. Bữa nay trước bát cơm trắng, tự nhiên nhìn con bạch tuộc trên tường đang trợn đôi mắt lồi hung ác ngó tôi. Những cái vôi của nó tua tủa đang cựa quậy và dựng xù lên, hoa hoa như muốn nắm chặt tôi, thít chặt lấy tôi. Con bạch tuộc hôm nay cử động!

Thằng địch cũng đang muốn giết chúng tôi như thế.

Tối qua, tôi rạo rức bao nhiêu, hôm nay tôi ngao ngán bấy nhiêu. Và tôi lại nghĩ đến mấy đứa con. Nhưng lần này nghĩ đến trong cái tâm trạng buồn thương, uất giận. Bất giác, tôi đọc nhầm trong miệng bài thơ Nguyễn Phi Khanh khuyên Nguyễn Trãi:

Kiếp luân cú đỉnh chung mà nhục

Thân tự do, rau cháo mà vinh!...

Hai câu thơ này tôi rất thích. Tôi ngân khẽ mãi và trong khi ngân, tôi tưởng như đang trút tất cả tình thương và hy vọng vào mấy đứa con.

Tôi lại băn khoăn tự hỏi: không biết các con tôi sau này có làm được cái việc báo nợ nước, trả thù nhà hay không? Các con tôi có kế tục được truyền thống cách mạng của cha ông hay không? Tự hỏi xong, tôi bồi hồi lo lắng. Hồi tưởng lúc còn nhỏ, ông già tôi thường bảo: “Có nổi được gót cha ông hay là kẻ làm nhục tổ tiên?”. Tôi cũng muốn nói với các con tôi như thế.

Tôi khao khát đến nóng ruột, nóng gan muốn được để lại cho các con tôi một vốn liếng tinh thần nào đó. Tình hình này, nhất định địch sẽ dày ả chúng tôi tới chết thôi. Phận tôi, tôi quyết chết cho cách mạng và tôi không lo. Tôi lại lo các con tôi liệu có trả được thù nhà, báo được nợ nước hay không? Và tôi bồn chồn suy nghĩ những điều cần trăng trối cho các con tôi. Tôi sẽ dặn các con thế nào đây nhỉ? Mà phải, tôi sẽ dặn chúng: “Các con phải nhận rõ chân lý, nhận rõ chính nghĩa và nỗ lực đem hết đời mình phục vụ chân lý, chính nghĩa. Chân lý ấy, chính nghĩa ấy là chủ nghĩa Mác – Lênin, là sự nghiệp cách mạng. Khi đã phục vụ chân lý và chính nghĩa, các con phải một lòng một dạ trung thành, mọi tính toán, mọi ước mơ, mọi hành động đều theo lợi ích của cách mạng hoặc những cái không có hại cho cách mạng. Các con cố tránh trong đời đừng phạm phải sai lầm nghiêm trọng nhất của một người. Đó là sai lầm về chính trị, như đầu hàng, khuất phục trước kẻ thù, thảo hiệp với gai cấp phản động. Đó là sai lầm về nguyên tắc tổ chức xa dân, chống Đảng v.v... ”

“Các con số tìm mọi cách về thăm quê nội và nói với họ hàng rằng ba đã làm trọn những lời ông dạy dỗ, đã không làm điều gì để ô nhục cho gia đình họ Bùi...”.

Tôi thở phào nhẹ nhõm. Tôi cảm thấy hình như các con tôi thông cảm được nỗi lòng của tôi và hiểu hết được những lời tôi căn dặn.

Lúc có dịp ở chung với nah Phan Trọng Bình, tôi đã một lần đề nghị:

-Tôi nói với anh bây giờ như một người sắp chết nói với một người sắp chết. Nếu anh sống sót về được xin anh cố tìm cách gặp mấy đứa con tôi, nhắc cho chúng mấy lời di chúc ngắn ngủi của tôi...

Hơn hai tháng cơm ăn với khô nường, mắm rang, sức lực anh em chuồng cạp kiệt quệ ghê gớm, chân bắt đầu bị liệt. Anh Trần Trung Tín và anh Nguyễn Văn Đông mở màn cuộc tuyệt thực, tiếp theo là các anh Lưu Chí Hiếu, Ngô Đến, Phan Trọng Bình, Hoàng Chất. Anh em tuyệt thực đến ngày thứ mười lăm, địch vẫn im ắng. Nhưng cuối cùng kẻ chịu thua vẫn là địch. Ngày 12-3-1961 địch phải “xả cản” dần từng người. Trong đợt “xả cản” mới này, bọn cán bộ cải huấn chia nhau mỗi thằng ộp một người, giở thủ đoạn khác: nói toàn những chuyện sinh hoạt bên

ngoài nhằm mục đích kêu gọi sự thêm muốn trong người anh em chuồng cạp và rồi gạ gẫm chuyện “ly khai”. Âm mưu của chúng nham hiểm nhưng rồi cũng thất bại.

... Ngày 25 và sáng ngày 27 tháng 3, dịch đưa giấy bút bảo chúng tôi viết bản xác định lập trường không “ly khai”. Có anh viết chéo tờ giấy: “Người cộng sản không bao giờ khuất phục trước quân thù”. Có anh viết: “Người cộng sản sống vì dân, chết vì dân, dứt khoát không “ly khai” hàng ngũ cộng sản”.

Đêm hôm đó, tôi nằm nghĩ: “Ai có thể chết?”. Tự nhiên cứ thấy rất có thể tôi bị chúng giết. Ờ, chẳng nào cũng chết rồi, phải cố làm một cái gì đó có lợi thêm cho cách mạng trước khi chết, dù chỉ một chút xíu. Thế nào chúng chẳng bắt tôi viết bản xác định lập trường không “ly khai”. Thằng Du mới hỏi tôi ban chiều đó. Được, chúng tất phải đọc bản xác định lập trường không “ly khai” của tôi. Một thằng đọc thì tốt một, nhiều thằng đọc thì tốt nhiều. Mình phải viết làm sao cho bản lập trường này sáng tỏ chính nghĩa yêu nước của người cộng sản, viết làm sao cho tranh thủ được những thằng còn có tí nào tinh thần dân tộc, viết làm sao cho có thể phân hóa được chúng... Ừ, bản xác định lập trường này chắc hẳn dịch sẽ xếp vào hồ sơ của mình. Tốt lắm, sau này Đảng có thể bới trong đồng hồ sơ của dịch mà thấy ra tài liệu này, nó sẽ có thể góp một phần rất nhỏ vào việc giúp Đảng tìm hiểu phong trào đấu tranh chống “ly khai” ở Côn Đảo, cũng như vào sự nghiệp xây dựng Đảng...

Nghĩ như vậy, tôi nằm nhắm và sửa chữa, dập xóa, cân nhắc trong đầu nội dung bản xác định lập trường không “ly khai”.

Sáng hôm sau, quả nhiên, Du vào đưa giấy bút cho tôi. Tôi viết:

Xác Định Lập Trường Không “ly Khai” Hàng Ngũ Cọng Sắn

Sinh ra làm người, mấy ai không nghĩ tới nhà, tới nước. Nước nhà chìm đắm trong cảnh nô lệ lầm than, toàn dân đã đứng lên làm cuộc cách mạng Tháng Tám, đã tiến hành cuộc kháng chiến cứu nước chống bọn thực dân Pháp, bọn can thiệp Mỹ và bè lũ tay sai phản động. Toàn dân Việt Nam già trẻ, lớn bé, gái trai một lòng quyết tâm chết chứ không làm nô lệ, đã vùng lên đoàn kết cùng nhau đánh đổ kẻ thù đế quốc và phong kiến.

Toàn dân Việt Nam đã kháng chiến! Chúng tôi là người dân đã cùng toàn dân kháng chiến để giải phóng đất nước. Chúng tôi được Đảng lao động Việt Nam giáo dục mục đích tôn chỉ của Đảng là đánh đổ đế quốc, phong kiến, xây dựng một nền độc lập dân tộc và một nền dân chủ nhân dân, tiến dần lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Tôn chỉ và mục đích của Đảng hoàn toàn phù hợp với ý nguyện của nhân dân Việt Nam. Do đó, tôi gia nhập Đảng lao động Việt Nam để được cùng với toàn Đảng đấu tranh thực hiện tôn chỉ, mục đích của Đảng.

Sau chín năm kháng chine, hòa bình được lập lại, nguyện vọng thiết yếu của toàn dân ta là độc lập, dân chủ và hòa bình thống nhất đất nước. Đảng lao động Việt Nam tổng hợp nguyện vọng của nhân dân đã biến nó thành đường lối Đảng: hòa bình, độc lập, dân chủ, thống nhất, giải mạnh. Đảng chúng tôi chủ trương hai miền Nam Bắc cùng nhau hiệp thương và tiến hành tổng tuyển cử để thực hiện hòa bình thống nhất đất nước. Toàn dân Việt Nam, trong đó có tôi đang đấu tranh thực hiện đường lối ấy.

Còn “ly khai” là rời bỏ đường lối ấy, như vậy dứt khoát miền Nam không tránh khỏi biến thành thuộc địa của Mỹ, dứt khoát không thể hòa bình, thống nhất đất nước được.

Quan điểm quần chúng và đường lối giai cấp của Đảng chúng tôi là: từ nhân dân mà ra, lại trở về nhân dân, mọi hoạt động và hành động của Đảng đều do dân, vì dân, và của dân, cho nên tư tưởng và hành động của chúng tôi là sống vì dân, chết cũng vì dân. Độc lập, dân chủ, hòa bình, thống nhất, giải mạnh là nguyện vọng thiết yếu của toàn dân cũng là đường lối của Đảng lao động Việt Nam. Với các quan điểm và đường lối trên đây, tôi dứt khoát không “ly khai” hàng ngũ cộng sản.

Ngày 26 tháng 3 năm 1961

Ký tên: Phạm Văn Thịnh.

Buổi sáng viết, trưa đưa cho thằng Du.

Du hỏi:

-Ông có cần gì nữa không?

-Tôi không cần gì nữa.

-Quyền hạn, nhiệm vụ của tôi đến đây là hết. Chỉ còn một buổi chiều nay nữa thôi. Vậy ông có cần gặp tôi chiều hôm nay không?

-Tôi cũng không có điều gì cần. Còn gặp hay không thì tùy ông, muốn gặp tôi, ông cứ việc vô.

Du bắt tay tôi, cúi đầu:

-Xin chào vĩnh biệt ông!

Chiều hôm ấy, Du lảng vảng qua chỗ tôi, cố ý để cho tôi trông thấy. Nó gật đầu chào, tôi gật đầu chào lại. Thấy tôi không gọi cũng không có ý muốn gặp, Du lững thững bỏ ra.

Sáng sớm hôm sau, chủ nhật, Du lại vào và gọi tôi ra hiên:

-Bây giờ ông có cần nói gì với tôi nữa không?

-Không! Có cần nói gì thì chỉ là cái chế độ dã man ở chuồng cọp này mà chắc ông đã nghe và đã thấy. Hết nói rồi!

Du bắt tay tôi và cúi đầu:

-Thôi, vĩnh biệt!

-Vâng, vĩnh biệt!

Tôi trở vào, Du gọi với:

-À ông Thịnh, tôi biết ông duy vật, không duy tâm nhưng tôi vẫn phải nói: sang bên kia thế giới, mong ông phù hộ cho tôi ... Tôi đã hết lời và hết lòng với ông đấy.

Tôi mỉm cười, không đáp.

Thằng Du này đóng kịch được! Nét mặt nó thiếu não ra dáng, mắt lại lộ vẻ bùi ngùi, xót xa. Nhưng có điều này thật: nó biết sắp có sự ghê gớm đến với chúng tôi.

Sáng ngày 27 -3, bọn cải huấn vào hỏi lần cuối cùng xem còn ai trong chúng tôi chưa nộp bản xác định lập trường. Du lại thò đầu hỏi tôi:

-Ông Thịnh muốn nói gì nữa không?

-Không!

Vừa lúc ấy, thằng thượng sỹ Chơi, trưởng lao chuồng cạp và một lũ công an rầm rầm đi vào. Mấy thằng tù tay sai sấn vào lục soát đồ đạc, lấy hết quần áo của tôi đi.

Trên trần, bọn công an và lũ tay sai tỏa ra đứng lối nhỏ. Lại khiêng, lại vằn khạp vằn thùng. Và chúng xối nước.

Chúng tôi định ninh chết ở giờ phút này rồi. Tự nhiên không còn biết sợ nữa. Chúng tôi gọi to lên động viên nhau. Chúng tôi nói chuyện sang nhau:

-Quân thù giết chúng ta, kiên quyết giữ vững khí tiết nhé!

-Chúng giết mặc chúng, chớ tự sát!

-Tuyệt thực phản đối đi!

-Tuyệt thực lúc này không lợi!

Chưa bao giờ chúng tôi được thả cửa hò là bàn bạc với nhau công khai ngay trước mũi địch thế này. Chuồng cạp vang tiếng chúng tôi.

Những tiếng vang âm lại càng kích thích chúng tôi

Anh Phan Trọng Bình la lớn:

-Cho tôi gặp trưởng trại. Yêu cầu 24 giờ phải thay đổi chính sách, nếu không thì tôi đập đầu chết cho mà biết rằng người cộng sản chỉ có chết, chứ không “ly khai” đây này.

Anh Hiếu la theo:

-Để tôi đập!

Anh Đua cũng la:

- Để tôi, cho tôi đập đầu trước.

Ông già Ngọc hét lên:

-Để tôi chết!

Tất cả sôi lên vì căm thù.

Mấy thằng công an nói:

-Rồi ông trưởng “trại” tới gặp, các ông đừng nói thế.

Anh Bình cứ la to:

-Người cộng sản thà chết chứ không “ly khai”.

Nước ào ào dội xuống. Chúng tôi ầm ầm la.

Thằng Chơi đến nhìn xuống anh Bình. Nó không vào thì anh Bình đập đầu thật. Đập vỡ đầu làm cho địch phải chùn tay. Anh Bình nói:

-Các ông muốn giết chúng tôi thì đem giết đi, làm gì đã man quá thế này, trời lạnh mà xối

nước.

Chơi nói:

-Được, ông hãy im đi đã, để tôi còn báo cáo với thiếu ta.

Đến bữa ăn sáng, mỗi chúng tôi được một nắm cơm con trộn muối mặn xít, không sao ăn được. Dễ thường muối còn nhiều hơn cơm. Bữa ăn chiều cũng thế.

Mười giờ đêm, kẻo báo nhigeem vừa khua xong, tôi đang thiu thiu ngủ để tranh thủ lát nữa chúng xối nước thì dậy, chợt nghe thấy tiếng chân bước rầm rầm ở ngoài hiên, ở trên trần ... Mấy chục thằng công an, lính và tù tay sai vào. Ket ... kết kết ... kết ... Chúng mở cửa chuồng cộp đầu tiên. Liền ngay sau đó rất nhanh là tiếng đánh huỳnh huých.

Bắt đầu đợt khủng bố mạnh rồi!

Dưới chúng đánh, trên chúng xối nước. Chuyển này không thể sống sót được thật. Tôi nhớ đến nét mặt rầu rầu của thằng Du: “Mong ông phù hộ cho tôi ...”. Phù hộ à? Phù hộ gì chúng mày?

Nằm nghe chúng đánh các anh em các gian bên mà tức giận quá chừng. Mọi lần thường thấy ngại ngừng và ớn. Lần này lại muốn vằm xác chúng ra, muốn chửi thẳng vào mặt chúng.

Nghe chúng đánh, tôi cố đoán xem đánh ai. Không thấy một anh nào kêu la. Các anh không la, không kêu, muốn tỏ cho quân thù biết rằng giờ phút này đã quyết chết rồi, chẳng cần làm cái gì cho đỡ đau nữa. Được, chúng mày đánh à, chúng tao ra cho mà đánh. Tự nhiên tôi thấy như mình đang cùng ở trong cảnh đó với các anh, cùng suy nghĩ như các anh. Huých ... huých ... ự ... ự ... Huých ... Đánh ở chỗ đầu dãy, chắc là đánh anh Hiếu thôi. Đánh thế thì anh Hiếu chết mất ... Có lẽ chúng toàn lên gối. Tiếng người ngã sóng soài rất nhiều. Cả tiếng đòn khiêng cơm và phải tường chan chát ... Đánh đến chỗ này là ai? Anh Bình chăng? Chai trời, chúng nó nhẩy lên người anh Bình chăng? Có thằng cười mà la: “Mày đù vồng trên người thằng già đi mày!”. Nó trèo lên người anh ấy nó dận rồi ... Người này thì đúng là ông già Ngọc, đúng rồi. Thằng Sang nói đấy: “Râu dài chưa, cho tao giật?”. ông già liệu có chịu nổi không? Bọn thú dữ này đánh man rợ thật ... Ông già không la ... Huých ... Huých ... ự, lên gối, ông già ngã rồi ... À, chúng lại dựng dậy, thúc đòn khiêng cơm, ự ... ự ... Có máu chảy rồi. Máu chảy nhiều lắm. Chúng đã mò đến gian anh Sắc. Không! Gian này là gian anh Chất. Anh Chất rồi ... Các anh, tôi cố gắng sẽ chịu đựng được như các anh. Vũ lực của chúng không thể làm cho chúng ta cúi đầu được đâu ...

Chúng đã vắt anh chất vào và đang đánh anh Sắc. Chúng đã đánh đến anh Một. Đánh đến Nguyễn Công Tộc rồi. Sắp đến tôi đây ... Vũ lực của chúng không làm cho chúng ta cúi đầu được đâu, các anh ạ!

Chúng đánh còn cách tôi mấy gian, tôi đã lết ra bên cửa. Mày mở cửa là ông nhào ra cho mà đánh. Ông nhào đang hoàng, ông nhào thẳng người.

Tôi ngồi dựa vào thành cửa, nắn chân để lát nữa đứng vững lên được. Ra, phải có một tư thế hiên ngang.

Chúng đến đông lắm. Tiếng chân rình rịch, cồm cộp. Tiếng thở phì phò và hình như có cả tiếng nghiêng răng.

Cửa vừa mở toang, tôi liền đứng phắt dậy, ưỡn ngực lao ra. Đến hai chục thằng hầm hầm ở đây hàng hiên. Trắng sáng mờ mờ. Mùi rượu nồng nặc.

Một thằng nắm lấy cánh tay tôi kẹp vào nách lôi ra:

-Không “ly khai” thì chết rồi, chết rồi ...

Thằng này nói líu cả lưỡi. Nó say lắm.

Thế là chúng nó lên gối. Tôi ngã đánh oách, sóng soài ra đất, trước hầm heo. Chúng chạy ồ lại, vây kín quanh tôi. Và chúng đánh! Thằng lên gối. Thằng móc bẻ xương sườn. Thằng dang tay tôi ra để thúc khuỷu tay vào ngực. Thằng lao đòn khiêng cơm vào lưng ... Đông như vậy mà chúng vẫn đánh tin, đánh trúng. Chừng mười phút thì tôi mê đi. Chỉ còn nhớ lúc chúng khiêng người tôi là là mặt đất để co chân lên dận, có thằng chửi:

-Mẹ, còn hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ nữa hay không?

Tảng sáng, tôi tỉnh dậy. Hé mắt thấy ánh sáng dùng dục, vàng vàng, như nhìn khi mặt trời ở dưới nước. Có một cái bóng lướt ở trên đầu. Mình ở đâu thế này? Ở đâu? Tôi nghĩ mãi không ra.

Một tiếng động rất to bên tai tôi: “Xòa...”. Một cái gì rất nặng đập vào tôi. Người tôi ướt hết. À ... xối nước ... Chuồng cọp! Chuồng cọp! Tôi vẫn ở chuồng cọp ... Chúng đang xối nước. Bị đánh lúc nào nhỉ? Người tôi đau như có ai rút ra từng chiếc xương ... Ai đó? Tôi à? Tôi rên, phải rồi, tôi rên. Chúng mới đánh tôi lúc 10 giờ đêm hôm qua. Sao thấy lâu thế? Tôi chưa chết, không chết ... Chúng nó xối nước thế mà mát ... Nó xối cho một thùng nữa thì khỏe đây ... Tôi vừa nghĩ vừa thè lưỡi ra liếm nước đọng ở cạnh vai. Nước ngọt quá ... Tôi nằm sấp, một tay quặp dưới bụng, một tay buông thõng theo đùi. Chúng nó vắt tôi như thế từ hôm qua ... Không cự mình được. Cha, đau quá, đau quá ... Xương sống tôi như rời ra ... Và nghe trong ngực có cái gì ọc ọc giống một giọt nước chạy qua chạy lại. Tiếng ọc ọc khá rõ. Tựa hồ trong ngực có một lỗ rỗng, máu đọng lại đang len lỏi, lăn đi lăn về.

Tôi bật hét lên la: A ... a ... a ...!

Hét lên, la lên thì thấy cái đau nhẹ đi hẳn. Cái đau như bay theo tiếng la mà trút đi. Tôi thấy ra từ nãy chung quanh anh em đang la như tôi cả.

Có tiếng chúng nói:

-Thằng già phòng 7 còn sống ... vừa hé mắt đó!

Thằng già phòng 7, anh Bình còn sống à? Còn ai sống nữa, ngoài tôi và anh Bình?

Lại thấy chúng nói:

-Mậu, Mậu – tên anh Bình ở trong tù – Già phòng 7 đừng có la ... đừng có la nữa, để im cho người khác ngủ!

Anh Bình là càng to; anh em khác cũng la càng to:

-A .. a ... a...! A ... a ... a ... !

Cái đau đang bay theo tiếng la ra ngoài, nhẹ dần đi.

Chúng khẩn khoản:

-Thôi mà, anh em đang ngủ sao lại la như vậy?

-Chúng tôi không im.

Chúng thét:

-Không im, ông đánh chết! rồi chúng chạy xoành xoạch xuống thang gác.

Cơ thể đau ră rời, tôi thiếp đi!

Lát sau tỉnh dậy, thấy ánh nắng dọi qua khe hở mái ngói. Ánh nắng vàng rộm một mảng con con trên tường. Cái đau trong người lúc này dữ hơn. Tôi nghĩ: “Chắc gãy xương rồi. Gãy xương mới đau âm âm, đau khan thế này”. Tôi không cự được mình để rút tay ra sờ nắn xem xương gãy ở đâu. Cái đau như lửa đốt lem lém cả một vùng ngực và sườn. Cái đau rát, hút khô cả nước.

Tôi lại thiếp đi.

Tỉnh giấc lần này thấy ánh nắng vẫn chói chỗ chỗ lúc nãy. Cơn mê vừa rồi không lâu. Có tiếng hô: “Ủng hộ ...”, “đả đảo ...” rầm rầm ở ngoài cửa. Rồi tiếng chân oai vệ đi vào. Một thằng cấp úy xuống chuồng cọp.

Lát nữa lại thấy hô “ủng hộ”, “đả đảo”. Lại tiếng giày oai vệ. Chúng nó xuống nhiều đây! Chúng nó xuống thì vào đâu? Chúng nó đến xem chúng tôi không?

Hôm nay đặc biệt thật, chốc chốc lại một thằng sĩ quan mò xuống. Bọn tù tay sai hô luôn. Chúng xuống làm gì nhiều thế?... Thôi, chuồng cọp sau trận đòn hôm qua chết nhiều, chúng nó phải xuống xem tình hình rồi... Ai chết? Những ai chết? Lòng tôi căm tức vô cùng. Tôi nghiến răng lại. Chúng nó cũng đi như người, cũng biết xỏ chân vào giày, cũng bước được hai chân như người, chúng nó cũng nói như người, cũng nói một thứ tiếng như chúng ta, mà sao chúng có thể man rợ, khát máu đến thế này?

Anh Bình ơi, anh la nữa đi! Anh la lên cho tôi nghe biết còn có đồng chí của mình, còn có

những con người thật sự ở bên tôi. Tôi đau quá, tôi mệt quá rồi, tôi không la được nữa. Anh Bình ơi, anh có biết những đồng chí nòa của chúng ta đã chết hôm qua không, anh nói cho tôi nghe với!

Tôi có hay đâu anh Bình còn bị đánh nặng hơn cả tôi. Ngay cái đập đầu tiên, anh bị gãy liền ba xương sườn bên trái. Cái đập thứ hai gãy một đốt xương sống. Chúng nắm hai chân, hai tay anh nhắc lên cho người anh là là mặt đất rồi một thằng giơ gót giày giệt xuống một nhát thật mạnh. Gãy xương luôn!

Chúng vừa đánh anh, vừa chửi:

-Đ mẹ, thằng này dọa đập đầu đây...

-Đòi gặp thiếu tá đây...

Sau trận này, ngực bên phải anh Bình bị lõm từ trận đòn ra lấy cơm năm 1959 lại còn cao hơn cả phía bên trái mới gãy ba cái xương sườn.

Còn tôi cũng gãy xương sườn bên trái.

Trận đánh ngày 27-3 chấn động cả Côn Đảo. Đó là trận đòn ác liệt nhất, dã man nhất ở Côn Đảo. Mười bảy anh em chúng tôi sau trận này còn sót lại có mười người. Bảy anh đã hy sinh!

Năm anh Ngô Đến, Hoàng Chất, Nguyễn Công Tộc, Phạm Thành Chung tức Đua và ông già Ngọc chết ngay đêm hôm đó. Anh Hoàng Sơn chết ngày hôm sau. Anh Đích mười ngày sau tắt thở. Được tin sáu anh hy sinh liền trong hai đêm sau trận đòn khốn nạn nọ, tôi xót xa vô cùng. Hai tròng mắt rung rung, tôi nhìn không chớp lên những trần song trên trần. Hình ảnh các anh theo nhau hiện lên xa gần, mờ tỏ! Ôi các anh! Mới hôm nào chúng ta gắn bó bên nhau! Mới hôm nào tôi nghe chúng lần lượt lời các anh ra đánh, lòng ghen ngào xót thương và căm uất! Bây giờ chúng ta đã kẻ khuất, người còn!

Xin vĩnh biệt các anh. Xin quyết theo sát các anh, noi guovong anh dũng của các anh. Anh em trong lao 2 thấy dư luận rì rào từ trước ngày 27 là địch quyết giết những người chống “ly khai” ở chuồng cọp cho nên đã chú ý theo dõi. Thấy bọn công an, cải huấn, lính bảo an và tay sai uống rượu say mèm mèm xuống chuồng cọp đêm 27, sáng sau anh em cho ngay người lảng vảng quanh đấy nghe ngóng. Một chiếc xe tới dứt dít và sát cổng chuồng cọp một lúc rồi chạy đi. Xe bịt bịt kín mít mà vẫn lòi ra mấy bàn chân. Chiếc xe đi vòng vèo mua đường mãi, cuối cùng ra Hàng Dương. Chúng hất xuống năm cái xác vào một cái huyết đào sẵn, rồi xan đất cho bằng để mất dấu vết. Anh em lao 2 rình lúc vắng vẻ đã bới lên xem và đã đánh dấu mồ của năm đồng chí lại.

Còn anh Hoàng Sơn, địch cũng đem xe tới chở đi chôn lén như vậy và anh em lao 2 cũng tìm thấy mộ anh ở gần mộ chị Võ Thị Sáu.

Việc địch đánh người ở chuồng cọp cùng với tin bảy người bị đánh chết đã lan nhanh trong binh lính, viên chức, gia đình của họ và anh em tù. Muốn dẹp yên dư luận và che mắt mọi người, địch phái y tá xuống chuồng cọp cho thuốc. Cho thuốc gì? Thuốc ỉa chảy! Thuốc bítmuýt. Mỗi ngày một viên, cho trong mười ngày. Thằng y tá đứng tận ngoài hầm heo gọi tù tay sai ra sai đem thuốc cho chúng tôi.

Chúng tôi vẫn nằm lịm không cựa quậy được nữa, người nào cũng gãy xương. Cơm vẫn gạo trắng với muối và nước giếng “phần trâu”.

Tôi nằm liệt hơn một tháng mới trở được mình. Trở mình không dễ đâu. Rất đau. Muốn trở mình, phải chuẩn bị một cái thế trước. Phải từ từ rút cánh tay quặp dưới bụng ra, đưa lên đỡ lấy má, làm như cái gối. Chân trái từ từ duỗi ra, đồng thời tay trái chống xuống sàn rồi từ từ nhắc người dậy. Mỗi lần trở mình lâu mất mấy phút, rất thận trọng và hồi hộp. Cứ trở mình lại nghe chỗ xương gãy kêu “cục” một cái và nước mắt lập tức chảy giàn giụa. Đau buốt đến tận tim!

Suốt một tháng nằm liệt, tôi luôn luôn nghĩ đến bảy đồng chí đã hy sinh anh dũng. Đặc biệt tôi đã nghĩ rất nhiều đến ông già Cao Văn Ngọc. Nghĩ đến là bồi hồi thương tiếc, mến phục ông già. Ông Ngọc sinh năm 1897 ở Long Điền, Đất Đỏ, Bà Rịa, cùng quê với Võ Thị Sáu. Thời Pháp, ông là một hương quản và đã tham gia cách mạng từ năm 1945. Sau khi hòa bình lập lại, ông

làm một nút liên lạc ở xã và bị bọn chỉ điểm báo bắt. Dịch tìm thấy một bó tài liệu ở nhà ông. Bị tra tấn thế nào, ông cũng không nhận, trước sau chỉ nói:

-Có người lạ qua gửi và hứa cho thuốc hút.

Ở nhà tù Biên Hòa, ông tích cực chống chào cờ, chống học tập “tổ cộng”, ca hát, đã bị nhốt hầm tối. Ông là một trong số mấy chục người đấu tranh chính diện đầu tiên ở nhà tù này. Dịch coi ông là phần tử “ngoan cố”, đây ông ra Côn Đảo năm 1959, cùng một chuyến tàu với anh Phan Trọng Bình. Tới đảo, chống “ly khai” ở lao 1, ông luôn luôn tỏ ra “búa bổ”. Ông bóp chết cả với thằng trùm sở của dịch. Tiếng tăm “ông già lao 1”, “ông già chuồng cọp” đã lưu truyền rộng rãi trong đám binh lính, công chức đều đã tai nghe mắt thấy “ông già chuồng cọp” với câu nói “khổ đã có, sướng đã có, chỉ thiếu một điều là chưa được chết cho dân, cho nước nhà thôi, cho nên quyết chết cho cách mạng”.

Câu nói này của ông Ngọc đã ghi sâu mãi mãi trong lòng tôi. Câu nói đơn giản nhưng là một chân lý sáng ngời, là một luận lý sâu sắc về sống và chết, về phẩm chất con người...

Thật vậy! Với một con người, còn có gì vĩ đại bằng, vinh quang bằng xả thân mình cho lợi ích chung của đất nước, còn có gì vĩ đại bằng, vinh quang bằng dám chết cho cách mạng, khi cách mạng cần đến.

Cái chết của ông Ngọc nói lên rất rõ ràng rằng, bất cứ ai, đảng viên hay không đảng viên, một khi đã được vũ trang bằng tư tưởng Mác – Lênin và có tinh thần quyết chết cho cách mạng, có tinh thần bất khuất, không đầu hàng thỏa hiệp, thủ tiêu đấu tranh thì đều có thể chiến đấu anh dũng đến cùng cho sự nghiệp cách mạng.

Vì có tinh thần ấy, ông già Ngọc đã chết vô cùng quang vinh ở chuồng cọp, ở trên miếng đất xã hội chủ nghĩa của ông.

Và vì thiếu tinh thần ấy, anh Nguyễn Văn Đích đã “ly khai” sau trận đánh ngày 27 tháng 3. Việc anh “ly khai” thật rất bất ngờ đối với chúng tôi. Xưa nay đối với dịch, anh có tiếng là “dữ tợn”. Hồi làm “quý khách” ở nhà thằng Chu Văn Dương, anh đã từng khuyên tôi nhiều lần “Anh cần phải bóp chết với chúng nó mới được. Anh còn tranh thủ chúng nó thì còn lãng nhăng! Cứ búa bổ cho tôi...”.

Anh Đích “ly khai” ngày 12-4. Anh Phan Trọng Bình ở cạnh gian anh Đích nghe rõ anh phều phào gọi bọn công an đến bảo chúng cho “ly khai”. Nhưng anh yếu quá không ký nổi đơn, chỉ cầm bút gạch được một cái rồi đến đêm thì chết.

Việc anh Đích “ly khai” trước khi chết khiến cho tôi suy nghĩ rất nhiều. Cái gì đã đẩy anh tới chỗ “ly khai”? Cũng như cái gì đã giúp ông Ngọc và một số anh em giữ được vẹn toàn khí tiết? Con người ta ai cũng muốn sống. Nhưng khi lọt vào tay quân thù, tới ngưỡng cửa của cái chết rồi thì giờ phút ấy mới là giờ phút thử thách cao nhất, mới là giờ phút quyết định nhất. Chết được hay không chết được cho cách mạng, dũng cảm hay không dũng cảm, là ở giờ phút ấy. Tới ngưỡng cửa cái chết mà do dự chỉ còn một tích tắc thôi là bản năng tự vệ, bản năng sinh tồn trong con người tự nhiên trỗi dậy và nhất định sẽ chùn bước, không thể chết cho cách mạng được. Tới ngưỡng cửa cái chết cứ lao mình vào, đó là biểu hiện cao nhất của lòng dũng cảm. Thái độ chúng tôi nhào vô giữa bọn dịch cho chúng đánh ngày 27 tháng 3 là thái độ đó.

Anh Đích đã đi một chặng đường dài gian khổ, đau thương. Nhưng tới ngưỡng cửa tử, chần chừ không dám nhảy bổ vào cái chết, anh đã “ly khai”. Chỉ còn vài giờ đồng hồ cuối cùng của đời mình là anh hoàn thành nghĩa vụ đảng viên, vậy mà vẫn “ly khai”.

Đáng tiếc biết bao!

Giữ vững tinh thần chiến đấu cho tới phút chót của đời mình, ấy là một vấn đề vô cùng quan trọng. Ông già Ngọc nói như thế nào thì cuối cùng đã làm được như thế nấy. Tôi coi ông Ngọc như một tấm gương để noi theo. Đồng thời, tôi cũng lấy việc anh Đích “ly khai” trước khi chết có mấy giờ để răn mình.

Dịch quyết bắt chúng tôi chết. Cứ cơm muối hoài. Năm tháng cơm muối rồi! Một lần đang nằm lấy nước đá bóp vào chỗ đau, thấy hai thằng công an đi ngang trên đầu, tôi gọi chúng:

-Các ông đánh chúng tôi sắp chết thế này mà không cho tí thuốc nào, độc ác quá!

Một thằng móc túi lấy hộp dầu cù là, nhìn trước nhìn sau toan ném xuống, nhưng thằng kia đã chau mày, giật tay thằng kia và kéo đi. Chúng đã nhận được chỉ thị không được cho chúng tôi một thứ gì hết, ngoài hai nắm cơm chim, mấy hạt muối và nửa lon nước bunn... Chúng quyết bắt chúng tôi chết!

Nhưng chúng tôi lại không chết. Ngay như anh Huỳnh Văn Khuy, địch mong anh chết và cầm chắc rằng chết cũng không chết. Anh Khuy, không hiểu trong trận ngày 27 tháng 3 bị chúng đánh bằng ngón gì mà sau đó, suốt mấy tháng trời, không nằm được nữa. Tối ngày sáng đêm chỉ ngồi. Cứ một cái quần cụt ngồi ở một góc chuồng cạp như vậy. Bọn trật tự viên phải la lên: "Thằng này lạ thật, không bao giờ thấy nó nằm là thế nào!" Anh lại bị kiệt lực rất nặng. Địch không cho thuốc chữa, vắt đày cho chóng chết nhưng anh không chết.

Có gì đâu! Chúng tôi được mấy người quần chúng yêu nước bí mật giúp đỡ. Chúng tôi biết ơn những anh em này vô hạn. Ơn của các anh, chúng tôi suốt đời không bao giờ lại có thể quên.

Tôi càng ngày càng thấy rõ đang đi sâu dần vào cõi chết. Muốn để lại một tài liệu gì, hy vọng sau này giúp được Đảng tìm hiểu phần nào hoàn cảnh chiến đấu ở nhà tù Côn Đảo, tôi đã thủ một chiếc đinh sắt mài nhọn, lết đến bên tường, khắc tóm tắt quá trình đấu tranh của người chống "ly khai" từ tối mùng 3 tháng 4 năm 1960 ở sân banh về chuồng cạp.

Bây giờ dùng đến chữ nghĩa mới thấy mắt tôi mờ quá rồi. Nhìn nét khắc họa mà nhòe cả, chữ này nhảy vào chữ kia. Phải căng mắt ra, đầu lui thật xa mới trông được loáng thoáng. Tôi cảm cùi khắc vừa khắc vừa lắng nghe động tĩnh. Khắc sầy sưa, khắc mê man, tôi kể lại chuyện chống "ly khai" thế nào, quân thù đày ải, khủng bố ra sao, lúc đầu có bao nhiêu người, ai đã chết, chết ngày nào, ở gian nào, nay còn lại mười anh em, tàn phế, đau đớn quần áo rách bươm, thân hình trần trụi v.v... Tôi viết rất xúc động. Những nét chữ có khi đè lên nhau, những dòng chữ chuech choạc không đều nhưng có âm thanh cứ vang động trong đầu tôi. Lúc chúng thủ thả tâm tình, lúc chúng ghen ngào kể lể, lúc chúng thét gào hùng tráng... Tôi cảm thấy đang viết bằng máu bản giản sử của phong trào chống "ly khai" ở chuồng cạp.

Viết xong, tôi cạo vôi xoa đều lên, cho mất dấu vết. Sau này cách mạng thành công, các đồng chí chắc sẽ tìm thấy. Bản ấy ở gian chuồng cạp số bao nhiêu, tôi nhớ. Ở cái gian ấy, trên tường có một mảng vôi bí ố rất giống hình Lenin trông nghiêng. Vầng trán cao, con mắt nheo nheo cười và chiếc cằm đầy nghị lực. Tôi nằm bao nhiêu ngày ngắm hình Lenin, càng ngắm càng thấy giống, càng nhận ra thêm nhiều chi tiết. Ờ, có cả tóc! Cả trán hói! Nhiều đêm thức giấc, tôi thấy hần hoi Lenin nheo mắt nhìn tôi:

-Đồng chí, hãy vững vàng!

Chính trong những giờ phút ngắm Lenin, tôi đã tìm ra một hình thức động viên. Đó là chữ Đảng (Đ) bằng chữ Hán, mà tôi viết thành nét tượng tượng trên người tôi. Ba cái chấm trên cùng của chữ Đảng là đầu và hai tai tôi nhé! Cái gạch ngang là hai tay tôi giang ra. Còn chữ khẩu ở giữa là mình tôi, là ngực tôi. Và hai nét cuối xòe ra là hai chân tôi. Vậy là chữ Đảng ở cả người tôi, ở toàn bộ người tôi đó. Mỗi lần cần đường hoàng nhào xông ra cho quân thù khủng bố, tôi lại ngược nhìn Lenin và viết nhấm khấp trên người tôi chữ Đảng nọ. Lạ thay, tôi thấy có sức mạnh phi thường dồn đến với tôi ngay lúc đó thật. Không còn chút chần chừ, e ngại nữa, cứ việc xông vào cái chết!

Cuối tháng bảy, địch không hề buông lỏng vòng đai kìm kẹp, đày ải. Đứng về mặt sinh lý, có lẽ lúc này chúng tôi đang ở lúc giao thời giữa cái sống và cái chết. Người nhiều khi lịm đi rồi lại bừng tỉnh. Bừng tỉnh bàng hoàng rồi lại mê mệt theo ngay... Mê, tỉnh, mê... một ngày mấy lần như thế.

Anh Bình về sau nói với tôi chính trong thời gian này, anh đã có lúc sắp điên. Đang nời bó gối tự nhiên thấy người bay bổng. Bay nhắc lên là là rồi chui tọt qua song sắt. Rồi lượn trên đầu chúng nó. Thử cầu mạnh vào dùi xem tỉnh hay mơ thì thấy đau. Nghĩa là không mơ. Vậy mà người cứ bay. Bay qua mái ngói thấy cả trời xanh. Bay qua bãi cát ra biển thấy cả sóng bạc đầu từng mảng trắng dập dờn như những cánh chim ở tít tắp ngoài khơi... Muốn hạ xuống cũng không được, cứ bay. Mà tưởng nằm xuống thì đổ lại, ai ngờ càng thấy bay nhanh lên... Anh Bình cố nghĩ đến những chuyện vui nhất, những người mình yêu nhất, những kỷ niệm êm ả nhất cho

lăng cái chuyện bay đi. Nghĩ một hồi lâu mới thấy hết cảm giác bay này.

Từ đó anh Bình luôn luôn đề phòng bị điên. Anh sợ nhất lúc điên rồi thì toàn nói nhảm. Có nhiều anh em khi điên toàn hô khẩu hiệu cách mạng, nhưng cũng có một hai anh lại nói những cái lăng nhăng, tầm bậy làm cho địch cũng cười. Anh Bình thường xuyên nghĩ đến một số khẩu hiệu, phòng khi bị điên sẽ quen mồm chỉ hô những khẩu hiệu đó.

Anh Một cũng nói với tôi là đã có lúc gần điên, nhưng triệu chứng lại khác. Hay lú lẫn, thần thờ và hay buồn cười rất vô cớ. Có những cái chẳng đáng cười tí nào cũng cười rình rích mãi. Càng cười càng thích, lại càng cười. Và anh cũng đã phải nghĩ đến những khẩu hiệu cách mạng để đề phòng lúc lên cơn điên thì không nói nhảm.

Ở bên cái chết, thời giờ thấy dài lắm. Đúng như anh Nguyễn Công Tộc đã nói đùa: “Ở đây 24 giờ lãnh đủ 24 giờ, không thiếu”.

Thời giờ dài thì đấu tranh tư tưởng lại diễn ra liên tục. Không phải đã hạ quyết tâm chết cho cách mạng là cứ việc yên trí ngủ khi, đợi đến lúc chết sẽ ung dung ra chết đầu. Vừa hạ quyết tâm xong, trở mình nghe chỗ xương gầy kêu đánh “cục” và đau bắn người lên, thế là lại lớn vồn ngay lập tức cái ý nghĩ: “Có nên chết chẳng? Có nên chết chẳng?”.

Vừa tự xác định xong phải chết mới thẳng được địch thì chợt nhớ tới những ngày khổ ải đã qua và ngó trông trước những ngày sắp tới, thế là lại thừ ra: “Mình đến bước này có “ly khai” cũng được thôi chứ nhỉ? Cố gắng đến bước này là chẳng kém ai rồi, nếu có kém chỉ là kém các nguwoif đã chết. Như vậy, chắc Đảng cũng sẽ chiếu cố và tha thứ cho thôi ...”.

Những lúc như thế lại phải đấu tranh với những ý nghĩ đó. Xua đuổi nó thì nó đi, nhưng lát nữa nó lại trở lại. Giằng co như vậy dữ lắm, cả ngày lẫn đêm, chỉ trừ khi nào nhắm mắt ngủ, còn hễ mở mắt thì bộ óc trở thành ngay bãi chiến trường của hai ý nghĩ sống, chết vật lộn. Đầu óc chúng tôi ít khi được thanh thoi.

Chúng tôi nghĩ đến những nguyên tắc tư tưởng của Đảng, chugns tôi nghĩ đến lập trường, chúng tôi nghĩ đến những tấm gương nêu cao khí tiết của các đồng chí Trần Phú, Hoàng Văn Thụ, Nguyễn Văn Cừ, Lý Tự Trọng, Võ Thị Sáu ...; chúng tôi nghĩ đến chuyện xưa, chuyện nước ngoài ... Doia, Phuxich, Lưu Hồ Lan ... Anh Bình thường hay tự dặn mình: Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội sướng đến thế mà khi tiến hành cuộc chiến tranh ái quốc tự vệ chống Hitle đã có gần 20 triệu người hy sinh cho đất nước; trong số đó có biết bao nhiêu người có năng lực, có bao nhiêu nhà bác học tương lai ... Nhân dân Liên Xô hy sinh như thế, sao mình không hy sinh được?

Có một lần anh Bình ngơ ngẩn vì một câu chuyện đầu đầu. Sau ngày Liên Xô đặt được quốc huy lên mặt trăng, không hiểu ai đưa ra cái tin vệ tinh Liên Xô lên mặt trăng đã gặp người trên đó và đưa được họ về trái đất. Người ở mặt trăng rất đẹp, đã đạt tới trình độ làm được các đập nước rất lớn. Thế là anh Bình thần thờ mất mấy ngày: “Trời ơi, chết đi lúc này uống quá thôi! Về đi, về mà xem người mặt trăng thế nào chứ!”.

Như vậy, để thấy rằng từ cái thực tế đến cái viễn vông, từ cái cụ thể đến cái trừu tượng, từ cái gần đến cái xa, rất nhiều cái có khả năng làm cho chúng tôi chùng gân cốt.

Bản năng sinh tồn của con người thấy rất rõ ở đây. Rõ nhất! Không ở đâu thấy cuộc sống đẹp, cuộc sống đáng yêu, đáng quý bằng ở trong chuồng cọp. Và không phải người có gia đình, vợ con thì chiến đấu khó hơn người độc thân đâu! Không hề, ở đây ai chiến đấu cũng khó khăn như nhau. Anh yêu sự sống của bản thân anh trước đã. Ngay đến vợ con anh các cái đó ở đây cũng lùi xuống hàng thứ hai. Và chỗ ấy mwois aà chỗ nguy hiểm, cần phải cảnh giác. Vẫn yêu cuộc sống, vẫn muốn sống, vẫn tranh thủ sống, đồng thời lại sẵn sàng chết, quyết chết. Neus không yêu cuộc sống thì hóa ra một lũ liều mạng sang? Không, chúng tôi ở đây càng hiểu hơn giá trị của sự sống! Cuộc sống đẹp vô cùng! Nhìn một tia nắng mặt trời chấp chới những hạt bụi, một ánh trăng xanh dọi sáng bệ nằm, người chúng tôi bứt rứt. Anh Bình đã thành nếp quen: tháng nào anh cũng dành mấy đêm ngắm trăng. Mắm tình ngày nào mười tư, rằm và mười sáu, rồi lại phải rút kinh nghiệm lúc nào, giờ nào của này nào thì trăng mọc đến đâu để lúc đó thức giấc chờ xem trăng. Chả là vì trên mái chuồng cọp có một chỗ ngồi hỏ, phải chóp đúng lúc mới thấy được mặt trăng ở chỗ đó. Trong chúng tôi, chỉ có anh Bình mới rút được ra

“quy luật” này. Hầu như bao giờ anh cũng “bắt” được trăng.

Những đêm trăng, tôi lại đoán anh Bình đang nằm nhìn trăng ghê gớm lắm đây. Và tôi cũng xúc động lây theo. Cuộc sống đối với chúng tôi thân thiết như thế đấy!

Có lẽ anh Tín nghĩ rằng nào cũng chết cho nên anh đã tuyệt thực, tuyệt ẩm. Anh không ăn, không uống để biểu dương ý chí quyết không “ly khai” đồng thời buộc địch phải chùn tay.

Anh Tín nhịn một tuần không ăn, không uống, địch vẫn lơ đi. Thấy địch cố tình bỏ cho chết anh rút lại chỉ tuyệt thực, còn uống nước cầm hơi để đấu tranh.

Thằng Tăng Tư một hôm xuống mở cửa nhìn anh. Thằng công an báo cáo:

-Dạ, không ăn đã hai mươi ngày.

-Kệ mẹ nó! – Tăng Tư mím môi nói. – Khong cho cả nước uống nữa, nghe không?

Anh Tín đã li bì rồi. Tình cờ có thư và quà của vợ anh ở trong đất liềm gửi ra. Bọn địch mang cả vào chỗ anh, xé thư đọc cho anh nghe. Tôi nằm nghe thấy chúng đọc làm rầm, bập bồm câu được câu chăng.

-Đấy ông xem – chúng nói – bà ấy thương ông như thế, ông phải nghĩ đến bà ấy chứ! Này ông coi, ảnh bà ấy với các cháu, đứa thứ ba đây phải không ông? Giống ông quá ...

Một lát lại thấy chúng nói:

-Bà ấy gửi cả quà nữa này! Sữa này, thuốc này, thuốc gì thế này? ... Ông phải thương bà ấy chứ. Tôi pha sữa để ông uống nhé? Hay là ông ra bệnh xá nằm ... Ông cứ nhắm mắt im lặng thế kia rồi chết mất, ông Tín à! ... Ông nở bỏ vợ con ông sao?

Chắc anh Tín vẫn nằm im. Lại thấy chúng noi:

-Vậy ông cần nhắn gì bà ấy không? Chúng tôi viết giúp? Ồ, ông thật là ...

Chúng nó kéo nhau ra. Tôi nghe rõ chúng bảo nhau:

-Những thằng cộng sản ghê thật! Chỉ còn nằm thoi thóp mà đem hình vợ, hình con ra nó cũng không rung, biểu nó ra bệnh xá nằm nó cũng mặc, cứ nằm chờ chết! Không hiểu con người chúng nó thế nào.

Chuyện anh Tín tuyệt thực và không lung lay vì thư của vợ con, lan ra tới ngoài. Bọn công an, viên chức làm ở ngoài chuồng cọp đến giờ nghỉ lại nói khéo với bọn gác chuồng cọp cho vào xem lên những “người cộng sản chuồng cọp”. Họ vào khá đông và đứng lặng lẽ ở trên trần nhìn xuống, có người nhìn một lúc khẽ lắc đầu rồi rón rén đi ra. Có người thốt ra lời:

-Con người cộng sản ghê thật!

Họ đều suy nghĩ tằn ngần trước hình ảnh anh Trần Trung Tín.

Thằng Tăng Tư cấm anh Tín uống được bốn năm ngày thì anh tắt thở. Anh chết ngày 13 tháng 8 năm 1961, ở gian chuồng cọp số 25, cạnh gian tôi là gian 27.

Anh Tín chết, tôi khóc lặng một hồi lâu. Ôi, ngòi bút tù của chúng tôi suốt từ Thủ Đức, Hàng Keo cho đến lao 1, chuồng cọp. Tôi nhớ hôm ở sân Hý viện, tôi hỏi anh: “Thế nào, chống chứ?” và anh đáp: “Chống chứ!”. Tôi nhớ những lần bị đòn xong, anh và tôi đấm bóp cho nhau. Tôi nhớ cái vẻ chín chắn, có bề sâu của anh ...

Anh là con một nhà giáo ở Long An, đã tốt nghiệp trung học. Có thể học nữa, nhưng anh tham gia cách mạng, làm thu ký văn phòng thành ủy Sài gòn. Lúc Sài Gòn cần xây dựng cơ sở hoạt động bí mật, anh lập gia đình để lấy nơi nương tựa.

Anh thwujc hiện khẩu hiệu “vô sản hóa”, làm nghề đập xe xích lô. Không đủ tiền mượn xe riêng, anh phải mượn chung với một người khác, chia nhau giờ đập. Ít tiền phải mượn xe xấu, nghề lại chưa thạo, xe anh bị lật luôn. Có lần chở đầy một xe hoa quả, xe bị lật, người ta chửi, anh chỉ lẳng lặng xếp trả lên, chở đến chợ rồi lẳng lặng quay đi không dám hỏi tiền.

Anh thuê một căn nhà lợp mái tôn lụp sụp ở giữa xóm lao động. Căn nhà là mấy ván gỗ chổng trên một vũng lầy. Lúc nước to, phân của cả xóm nổi lênh bênh quanh nhà, dưới nhà.

Bị bắt về Thủ Đức, anh chống chào cò, học tập. Vào hầm khói, anh gặp tôi và hai chúng tôi ở

liền bên nhau từ đó. Cùng ra đảo một chuyến, cùng ở khám 9, khám 11, cùng ra Lò Vôi, cùng qua Hỷ viện và cuối cùng cùng về chuồng cạp, có mấy lần lại cùng ở một gian ...

Lúc địch đưa chúng tôi sang xà lim lao 2, anh Tín ở chung với anh Bình. Hồi này, anh Tín đang suy nghĩ dữ. Anh viết chữ “ly khai” và một dấu hỏi (?) lớn lên tường, rồi thường đứng im lặng trước dấu hỏi đó. Và từ hôm đó, anh đấu tranh kiên trì, dẻo dai, như theo một cái nếp có sẵn. Anh đã tuyệt thực hai lần và lần thứ ba này, quân thù cấm anh uống thì anh chết.

Tôn vốn kính trọng anh Tín, vốn từ lâu đã tự nhủ phải học tập anh, tinh thần xã hội, tinh thần vô sản hóa, quyết tâm cải tạo, cắt đứt với lối sống cũ của gia đình, tinh thần kiên trì cách mạng, khi đã nhận rõ đâu là chân lý thì một lòng xông tới bảo vệ chân lý, gạt bằng mọi trở ngại trên đường ... Bây giờ anh chết, tôi đau đớn lắm!

Mấy người nét mặt rầu rầu đến bảo tôi:

-Anh Trần Trung Tín chết rồi!

Vâng, thương tiếc anh vô hạn! Tôi đáp khẽ và thấy ghen ở trong lòng.

Khi địch đưa xác anh ra, tôi khóc và cúi đầu mặc niệm.

Cái chết của anh Tín làm cho quân thù phải khiếp phục. Mọi người chết chỉ có hai bao hàng để gói xác cho kín và thanh tre để bó cho thẳng, nhưng anh Tín chết, chúng đã phải cho một cỗ áo quan.

Khi chúng khiêng anh qua lao 4 ra Hàng Dương, anh em lao 4 đứng nghiêm tất cả. Bọn binh lính, công an ở đây cũng đứng nghiêm theo. Thi hài anh Tín diễu qua một hàng rào người im lặng ...

Anh Tín chết rồi, địch vẫn không thay đổi chính sách. Chúng còn mượn cái chết của anh Tín để dọa chúng tôi:

-Lại muốn chết như Trần Trung Tín, phải không?

-Chết như Tín thì vợ con khổ chứ ích lợi gì?

-Muốn noi theo Trần Trung Tín cũng dễ thôi!

Nhưng chúng tôi không nao núng. Và đến cuối tháng tam, địch phải “xả cản”. Trong khi đó, chúng đặt giải thưởng lớn cho bất cứ tên cải huấn, công an nào dụ được một người ở chuồng cạp “ly khai”. Bọn cải huấn và công an tấp tểnh muốn được thưởng lắm, đứa nào cũng cố trở tài.

Bữa đầu tiên “xả cản”, chúng cho chúng tôi ra tắm và vào kho lấy đồ đạc bị lột từ ngày bắt đầu xối nước.

Tôi đang tắm, thấy anh Mười Đ lết vào kho lấy đồ. Anh Mười Đ nhìn thấy tôi và quay đi, vờ như không thấy. Mọi khi, nhác thấy tôi, thế nào anh cũng tìm cách lại gần trò chuyện.

Tối hôm ấy anh Mười Đ nhờ một anh đến hỏi tôi:

- Bây giờ ta nên thế nào?

Đã ngột thái độ của Mười Đ từ sáng, nay nghe câu hỏi đột ngột, hiểu ra ngay ý anh, tôi nói:

-“Ly khai” hay không là tự mình quyết định, không ai có thể thay cho ai được. Phần tôi, quyết chết không “ly khai”.

Hai hôm sau, Mười Đ “ly khai”. Bọn địch hí hửng cười nói, mừng rơn, chạy đi báo tin.

Chúng tôi thì gầm kêu lên:

-Thôi, tuyến tinh thần của chúng ta thế là bể mất một mảng lớn rồi!

Chúng tôi coi đây như một tổn thất rất đau xót. Đúng thế! Sau cái chết của anh Tín, địch tiếp tục chính sách khủng bố mà chúng tôi vẫn không hề suy sụp thì địch phải tin rằng tất cả những người còn lại đây đều chỉ có chết chứ không “ly khai”. Chúng đã lúng túng, nản chí và mất hết hy vọng rồi. Vậy mà dùng một cái anh Mười Đ “ly khai”. Việc đó có nghĩa là thế nào? Việc đó có nghĩa làm cho địch nghĩ, té ra không phải chúng tôi quyết chết cả đâu, cứ tiếp tục tiến công dữ dội, đánh mạnh, đánh ác hơn thì trong chúng tôi sẽ còn có người “ly khai” nữa. Tóm lại, việc

anh Mười Đ “ly khai” đã phục hồi và củng cố phần nào ý chí đánh phá cửa Địch đang bị lung lay, rạn vỡ từ sau cái chết của anh Tín.

Từ lâu, chúng tôi đã ngờ ngợ anh Mười Đ nhưng không dám nói, cũng không dám hoài nghi. Ở anh có một điều đặc biệt là lúc nào anh cũng hết sức chú trọng thăm hỏi tình hình bên ngoài. Gặp ai cũng hỏi, cũng sẵn đón. Hình như tình hình bên ngoài là tất cả nội dung suy nghĩ của anh. Và anh chỉ chú trọng cần biết có thể. Sự chú trọng này của anh khác thường quá. Nó là biểu hiện của cái động cơ chiến đấu vì tình hình mà trên kia tôi đã có dịp nói đến, chứ nào phải cái gì khác! Cho nên gặp tình hình lúc này địch đánh phá rất ác liệt, anh đã “ly khai”! Chúng ta cần nắm tình hình chúng, đúng lắm, nắm để hiểu việc làm, để động viên tinh thần chiến đấu. Nhưng ở anh Mười Đ, anh đã lấy tình hình làm động cơ thúc đẩy chiến đấu. Và như vậy thì làm sao chiến đấu đến cùng được? Chỉ với một động cơ chiến đấu duy nhất vì Đảng, vì dân, không tính toán theo tình hình khó dễ, không tính toán theo lợi hại cá nhân mới có thể chiến đấu được đến cùng. Chỉ cần thoảng xen vào một chút động cơ cá nhân, tinh thần chiến đấu sẽ giảm sút trông thấy ngay lập tức!

Chúng tôi lúc này có nhiều dao động. Thừa cơ anh Mười Đ “ly khai”, địch sẽ đánh phá quyết liệt hơn trước đây. Sẽ bước vào giai đoạn thử thách cuối cùng đây ... Thử thách mà nắm phần chắc là chết. Lần này chắc chết hết, không còn một người chống “ly khai” nào sống sót ở chuồng cọp được nữa! Chao, chết như vậy tiếc quá, tiếc vô cùng! Sau mấy năm trời chiến đấu, chết gần ngàn người rồi. Để cho quân thù giết nữa sao? Uổng quá, tiếc quá! Nếu sống được mà phục vụ cách mạng thì tốt biết bao nhiêu! Trước tình hình đó, chúng tôi đã nảy sinh tư tưởng động dao.

Chúng tôi bắt đầu đắn đo nhiều giữa cái sống và cái chết. Tình hình thật là gay go. Rất cần có một chủ trương chung. Chúng tôi không ai hiểu lai lịch nhau cho lắm. Anh em có biết mang máng về tôi, nhưng ra Côn Đảo sau anh em, tôi không dám đứng ra đề xướng một cái gì. Ở trong hoàn cảnh quyết liệt này, muốn đứng ra đề xướng cái gì không những tự mình có trách nhiệm mà còn phải được mọi người yêu cầu và thừa nhận.

Một hôm, anh Bình ở cách tôi một gian bỏ trống đã nhân lúc hai gian cùng mở cửa, nói với sang tôi:

-Tôi biết rõ anh rồi, anh là anh Thuận. Anh đứng ra chủ trương điều khiển cuộc đấu tranh này đi! Tôi hoàn toàn tin tưởng ở anh. Anh quyết định thế nào tôi thi hành thế ấy ...

Tôi nói:

-Việc này không thể một ai quyết định được. Chúng ta phải cùng làm và cùng chịu trách nhiệm với Đảng. Phải đề cao tinh thần trách nhiệm tập thể, cùng nặn óc tìm ra phương án đúng.

Buổi trao đổi ngắn ngủi này đã phá tan sự dè dặt của tôi. Quay về bệ nằm, tôi thấy tôi cần đứng ra thảo một cái sườn rồi tập hợp ý kiến anh em lại đúc thành một chủ trương chung.

Tôi nằm suy nghĩ, suy nghĩ rất vất vả. Bây giờ nên giải quyết thế nào cho đúng? Các thứ tình hình, các thứ triển vọng, các thứ khả năng ùn ùn bổ vây lấy đầu óc tôi.

Tôi đã đặt mình ở hai mặt, cá nhân và tập thể để suy nghĩ. Về mặt cá nhân, tôi cho rằng nếu dũng cảm, quyết tâm, quyết tử với quân thù thì dù có sang lao 2 cũng vẫn có thể tiếp tục chiến đấu được – Thật ra ý nghĩ này đã mang trong nó tư tưởng động dao che đậy bằng những lý lẽ cách mạng – Khi đứng ở mặt tập thể, tôi đã để cho luồng tư tưởng động dao chi phối. Trước tình hình gay go ác liệt, trong người tôi có hai thứ tình cảm: vừa ngao ngán vừa đau xót, tiếc thương cho những anh em còn lại. Những đồng chí tốt đẹp như thế, nhưng đồng chí trung kiên như thế mà phải chết cả ở đây thì khổ tâm lắm, uổng lắm. Cần làm sao giảm bớt cái chết chóc, đau thương ...! Và thế là, tôi đã dự kiến “ly khai”. “Ly khai” đây là có điều kiện, là chỉ nhận ra bệnh xá nằm, không chịu làm đơn từ, giấy tờ, không có chào cờ, học tập gì hết tránh bớt tổn thất chừng nào hay chừng ấy cho uy thế của cách mạng. Tóm lại, “ly khai” để tránh mũi nhọn khủng bố quết liệt của quân thù cố ý giết mình trong lúc này mà thôi. Tôi dự kiến kế hoạch “đi thủng thẳng từng người một, kéo dài thời gian ra ...” đồng thwoif cũng đã cấp ai “đi” trước, ai “đi” sau ...

Dư kiến như thế chỉ còn lấy ý kiến anh em. Tôi nhờ anh X, một người vẫn giúp chúng tôi, truyền đạt những ý kiến trên đây của tôi với sáu anh kia (trong 8 anh em chống “ly khai” còn lại ở chuồng cạp lúc này, anh Nguyễn Văn Đông đã hy sinh), dặn anh X chú ý thu thập ý kiến của từng anh để nói lại cho tôi thật đầy đủ.

Anh X vừa quay đi, tôi liền nằm vật ra ngay. Người choáng váng lạ lùng. Ngực tức thở lạ lùng. Nhìn lên tường chuồng cạp, mắt đập vào các dòng chữ ghi tên người nào, đồng chí nào hy sinh ngày nào, tử tiết ngày nào, tự nhiên tôi thấy xấu hổ quá. Những tên người lúc này sao có hồn thế! Nó xoi mói tôi, nó chất vấn tôi: “Sao anh nghĩ gì về xương máu của chúng tôi đã đổ ra ở đây? “Sao, anh để cho đồng chí anh “ly khai” à?”

Hình ảnh dòng chữ “Nhân vị” ở cổng lao 2 vut hiện lên lù lù. Chà, ngày ngày ra luồn vào cúi dưới dòng chữ đó thì nhục lắm, nhục lắm. Thôi đi, đừng nói “ly khai” có điều kiện nữa. Đừng tự dối mình nữa. Quân thù nó nghe theo anh, nó theo anh đấy? Có thể lúc này, nó tạm nhận lời cho anh “ly khai” có điều kiện, nhưng rồi nó lấn tới chứ! Anh đã rơi vào cái hố đầu hàng thì hòng gì được quân thù kiêng nể, nhượng bộ anh! Ôi chao, phải ghi tên tuổi vào tờ đơn “ly khai”. Tôi là ... tôi là ...”, ôi chao tên họ đời đời bêu trên giấy ... Thế nào? Tôi vẫn giảng giải thế nào cho đồng chí về tiêu chuẩn “trọn đời phục vụ cách mạng, lợi ích cá nhân phải hy sinh cho lợi ích cách mạng”. Hừ, giảng thì dễ, làm mới khó, đúng thật! “Có nổi được gót cha ông hay lại là kẻ làm nhục tổ tiên?...”. Mới thăm nói với các con như thế hôm nào nhỉ? “Ly khai” là để lại cho các con một vết thương tinh thần vô cùng đau đớn. Sau này, ai hỏi chúng: “Cháu là con ai?” – “Dạ, con Nguyễn Đức Thuận” – “Thuận nào? À, Thuận, Thuận ...!”. Lại còn bài văn mình khai mạc một lớp học trong thời kháng chiến nữa, mở đầu có câu: “Cách mạng là xây dựng con người mới, Xây dựng con người mới phải đập đổ hết ý thức hệ của giai cấp bóc lột, xây dựng một nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa ...”. Những anh em ở lớp học đó đã có người hy sinh trong tù vì bảo vệ khí tiết rồi đấy! Chà ... chà ...! Anh X bây giờ chắc là đã truyền đạt cho cả sau anh rồi! Trong kháng chiến có một lần tôi viết về vấn đề tự phê bình, tự phê bình ... Viết sao? Viết sao? ... Thôi thôi, đau lòng lắm, hổ thẹn lắm. Nói hy sinh mình cho cách mạng, nhưng hừ, thật ra lại hy sinh cách mạng cho mình ... Dứt khoát không thể “ly khai” được. “Ly khai” để bán rẻ tất cả cho cái có giá trị nhất, chuộc được mỗi một cái thân sống cho riêng mình thôi hay sao?...

Qua cuộc đấu tranh quyết liệt giữa tư tưởng cách mạng với thỏa hiệp đầu hàng, giuwac cái sống với cái chết, tôi đã tìm ra cách giải quyết! Tư tưởng tích cực và cách mạng một lần nữa lại thắng! Tôi thở phào nhẹ nhõm! Nhìn sang những gian chương cạp nhốt các anh, tôi chắc các anh lúc này đang suy nghĩ dữ lắm. Tôi tin rằng các anh cũng sẽ thắng như tôi, chúng tôi sẽ cùng nhau dũng cảm quyết tâm quyết tử chống “ly khai” đến hơi thở cuối cùng.

Tôi bồn chồn mong đợi ý kiến của các anh.

Anh Hiếu là người đầu tiên trả lời:

-“Ly khai” là làm sai tiếng nói lịch sử đấu tranh anh dũng của Đảng. Tôi tình nguyện ở lại quyết tử!

Anh Minh trả lời thứ hai:

-Tôi quyết tử!

Và anh Bình:

-Anh em quyết định quyết tử, tôi tự nguyện quyết tử.

Lần lượt ba anh kia trả lời.

Anh Một nói:

-Thà chết đừng để thua non, tức lắm!

Anh Sắc nói:

-Cuộc chiến đấu của chúng ta sắp tới đích rồi, cần phải sáng suốt.

Anh Khuy nói:

-Các anh thế nào, tôi ráng theo thế ấy!

Nhận ý kiến của các anh tới tấp truyền về, tôi sung sướng quá! Chúng tôi hoàn toàn nhất trí

với nhau trong lập trường chiến đấu cách mạng của Đảng. Các đồng chí mình đều quyết tử cả. Anh Hiếu, anh Minh nói dứt khoát là quyết tử này. Anh Bình cũng vậy này. Thực tế vừa qua chúng mình các anh quyết tử được. Tôi cũng quyết tử, thế là bốn rồi nhé. Còn ba anh kia chỉ có cách nói là không vạch thẳng ra mà thôi, chứ tinh thần cũng quyết tử.

Được rồi, với một tập thể nhất trí như thế này, nhất định chiến đấu tới cùng được. Và tôi đã thảo ra một đường lối chung cho cả bảy người chúng tôi mà nội dung cơ bản là: dũng cảm, quyết tâm, quyết tử chiến đấu chống “ly khai” đến người cuối cùng và đến hơi thở cuối cùng. Người nào còn lại sau rốt nhất định phải hạn màn ở chuồng cọp bằng một cái chết oanh liệt, vẻ vang. Phương châm là cá nhân nỗ lực trường kỳ chiến đấu, sống thêm được giờ nào hay giờ ấy. Cuối cùng, tôi nhấn mạnh năm ý nghĩa của cuộc đấu tranh chống “ly khai” ở chuồng cọp như sau:

Một là, bảo vệ chân lý tuyệt đối bách chiến bách thắng của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Hai là, khẳng định lập trường, nguyên tắc tư tưởng của Đảng: tích cực đấu tranh cách mạng cho nhiệm vụ hiện tại, không đầu hàng khuất phục trước quân thù, không mảy may thỏa hiệp, thủ tiêu đấu tranh.

Quyết bảo toàn khí tiết của người đảng viên và uy tín cách mạng.

Ba là, bảo vệ truyền thống đấu tranh anh dũng của Đảng, nhất là bảo vệ truyền thống của Đảng ở Côn Đảo và xương máu của gần một nghìn đồng chí đã hy sinh trong phong trào chống “ly khai”.

Bốn là, nêu cao chủ nghĩa yêu nước chân chính của người cộng sản và đường lối cách mạng: độc lập, dân chủ, hòa bình thống nhất đất nước.

Năm là, góp phần xương máu vào phong trào cách mạng chung cũng như vào sự nghiệp xây dựng Đảng.

Tôi nhờ anh X tạo điều kiện cho tôi trực tiếp gặp từng anh để bàn bạc nội dung trên đây. Anh X đã cố gắng hết sức và cuối cùng đã thực hiện giúp tôi được yêu cầu này.

Một buổi chiều, sau bữa cơm, tôi đã lên ra lần lượt gặp được tất cả sáu anh để thảo luận toàn bộ những điều tôi dự thảo.

Chúng tôi đã nhất trí với nhau về đường lối đấu tranh: kiên quyết chống “ly khai” đến người cuối cùng. Chúng tôi cũng thấy rõ địch lúc này chưa dám giết chúng tôi một loạt. Chúng sẽ dày ải đến tột đỉnh đau thương cho chúng tôi hoặc chết, hoặc “ly khai”. Và bây giờ nếu có một người “ly khai”. Và bây giờ nếu có một người “ly khai” thì sự tổn thất sẽ lớn vô cùng, cái tổn thất đó không phải là con số cộng như mọi lần khác, mà là con số nhân.

Chúng tôi gặp nhau rất vui mừng và tuy phải bí mật, nhưng không thể không hỉ hả chuyện trò rất lâu... Mỗi khi thảo luận xong, tôi đều nói với từng anh: “Anh nhớ cho, hiện giờ ở phút này, ở lúc tôi đang trình bày về những phương sách chiến đấu và chiến thắng quân thù này, tôi hoàn toàn đứng trên lập trường tư tưởng của gai cấp vô sản. Nhưng mai một đây, nếu bất cứ vì một lý do nào đó mà tôi “ly khai” thì anh cứ gạch mặt cái thằng Thịnh là đồ phản bội, đừng vì nó “ly khai” mà ảnh hưởng đến tinh thần chiến đấu của mình. Anh cứ nói với mọi người như thế. Đến nay, chúng ta đã vượt qua được những đợt chiến đấu gay go, ác liệt và đã thắng, nhưng cái đã qua là thuộc về lịch sử anh ạ, cái hiện tại mới là cái quyết định. Cho nên còn sống giờ phút nào ta phải phấn đấu cho nhiệm vụ cách mạng hiện tại của giờ phút ấy...”.

Lúc này tôi thấy rõ cuộc đấu tranh sắp tới vô cùng ác liệt, tôi cần phải cảnh giác với tôi. Tôi cần cảnh giác với tôi. Tôi cần cảnh giác với tư tưởng tham sống sợ chết có thể đưa tới “ly khai”. Sự “ly khai” của tôi chắc sẽ ảnh hưởng rất tai hại tới anh em, sẽ có thể làm cho anh em không chiến đấu tới cùng được. Trong đợt địch tấn công tháng 8 năm 1960, anh KS và anh TN “ly khai” đã ảnh hưởng rất lớn đến anh em chuồng cọp đó thôi. Chính dạo ấy tôi đã nói với anh Hoàng Chất:

-Chống “ly khai” là lẽ sống, là cuộc đời của chúng ta. Đừng để việc hai anh KS và TN “ly khai” ảnh hưởng đến chủ trương, đến tinh thần chiến đấu chống “ly khai” của chúng ta. Các anh ấy “ly khai” là việc làm của cá nhân các anh ấy.

Bây giờ cảnh giác với tôi, tôi nói với các anh như thế cốt để cắt đứt mọi ảnh hưởng có thể xảy ra nếu tôi xa ngã...

Ngoài ra tôi cũng còn nhờ các anh nếu sau này sống sót về đời thì báo cáo với Đảng hộ tôi mấy lời đề nghị: đề nghị Đảng tổng kết phong trào đấu tranh trong tù dưới chế độ Mỹ - Diêm, nhất là phong trào đấu tranh ở Côn Đảo, đề nghị Đảng lập một nghĩa trang cách mạng ở Hàng Dương.

Sau lần gặp gỡ này, chúng tôi yên tâm, vững dạ hẳn lên. Tư tưởng ổn định lại, những ý nghĩ động dao lánh xa, chúng tôi tin cuộc đấu tranh chống “ly khai” ở Côn Đảo nhất định thắng. Nhân dịp này, tôi đã nhắn ra lao 2, đề nghị anh em lao 2 chú ý theo dõi chuồng cọp để su này có thể báo cáo với Đảng về đoạn kết của cuộc đấu tranh chống “ly khai” ở chuồng cọp; đồng thời, tôi cũng đề nghị các anh tìm mọi cách giúp đỡ để có thể chiến đấu lâu dài được...

Còn bảy người chuồng cọp, bọn cải huấn chia nhau mỗi đứa vận động một người, dọa nạt họ bằng những cái chết của các đồng chí khác. Anh Huỳnh Văn Khuy “ly khai” với ý nghĩ “sang lao 2 báo cáo rõ tình hình chuồng cọp với anh em, may ra có cách gì cứu sống được một vài người chẳng”. Tiếp theo, chúng dùng kế ly gián để dụ sáu người còn lại “ly khai” nhưng thất bại. Bọn cải huấn trung ương ra đảo nghiên cứu, trực tiếp đánh phá ý chí sáu người chuồng cọp, hòng “bẻ gãy khí tiết” dụ dộc “ly khai”. Âm mưu đen tối không thực hiện được, bọn chúng cắt ngay về đất liền.

... Lý không xong thì phải xoay đến lực. Đó là cái cách làm thông thường của địch. Biết vậy cho nên khi chúng lại xối nước, chúng tôi không bị bất ngờ.

Lần này chúng chỉ xối đêm. Mỗi đêm chỉ xối ba lần. Một lần 9 giờ tối, một lần một giờ đêm và một lần 4 giờ sáng.

Như vậy là địch bỏ ý định đánh nhanh, thắng nhanh. Sau trận đánh 27 tháng 3, thấy rõ chúng đi vào lối đánh phá cầu dầm. Mỗi đợt đánh phá cố làm chết một vài người để tác động những người còn sống...

Chúng bắt chúng tôi mặc cả quần áo để xối. Chúng làm đủ tình đủ tội.

-Nằm!... Nằm xuống... kìa! Nằm dài hẳn ra cho người ta xối chứ!

Lúc chúng lại hét:

-Ngồi ngửa mặt lên... ngửa mặt lên trần này này!

Lúc chúng lại hét:

-Đứng thẳng buông tay xuống!

Chuồng cọp không lúc nào khô nữa. Tường bị ngấm nước, ẩm đến tận lưng chừng, vôi bột mủn ra. Sàn xi măng bây giờ sắc như giấy rách, chân bước lên tựa hồ bị cứa. Mấy kẻ chân loét hết, đổ hỏn. Cứ sắp đến giờ xối nước, chúng lại bấm người cho nóng lên. Và chờ xối nước đứng bằng chờ lên máy chém thật. Người rất khó chịu, cái cảm giác bứt rứt này khó tả lắm. Đầu chúng tôi bị xối nhiều nước, có lẽ thần kinh xấu đi mất rồi thì phải. Sự chờ đợi bây giờ hay làm cho chúng tôi bồn chồn, căng thẳng.

Đêm khuya thanh vắng, gió hú rợn người, tiếng chúng khua thùng, tiếng chúng lên gác, xuống gác lấy nước... Cứ nằm nghe những cái đó không thôi, con người đã đủ vật vã. Chúng nó quần khăn sù sụ, áo len, áo dạ đầy người, đứng nhòm xuống chúng tôi đang co rò bên dưới:

-Đỗ thằng nào trước đây?

-A, hôm nay thằng Minh trước!

-Minh, sao? Lạnh không?

-Lạnh!

“Ào”. Tiếng người bị xối la... Có bữa tắt điện, chúng còn chiếu đèn pin xuống soi xem chúng tôi có nằm ngời theo đúng lệnh của chúng hay không?

Trong thời gian này, chúng tôi thêm một số bạn cùng cảnh: 70 anh em bên lao 2 mới bị nhốt

vào đây. Chuồng cọp đông người ra, đêm ngày ầm ầm tiếng xối nước, tiếng đánh đập, tiếng la...

70 anh em lao 2 bị nhốt chuồng cọp vì hai việc khác nhau: 65 anh chống ký “kiến nghị” và 5 anh vượt đảo.

Ngày 26 tháng 10 năm 1961, địch đưa một số tù lao 2 về đất liền. Khi đưa anh em ra cầu tàu, chúng bắt anh em ký “kiến nghị tri ân Ngô tổng thống” và “nguyện làm một người công dân trung thành...” 65 anh em cương quyết phản đối, không ký. Anh em nói:

-Tôi tham gia kháng chiến chống Pháp rồi bị chính quyền Ngô Đình Diệm vô cớ bắt giam biệt từ ngày hòa bình lập lại đến nay. Bây giờ bảo tôi ký giấy tín nhiệm, cảm ơn nhà cầm quyền, thì tôi phải nói thật rằng tôi không tin tưởng nhà cầm quyền này đâu. Nào tôi đã được đãi ngộ cái gì mà cảm ơn, chỉ thấy toàn là những sự dã man oán hận. Tôi không ký, không về thì không về...

-Bao giờ tôi gặp gia đình xong đâu đấy hãy hay. Nhà cầm quyền nói lắt léo lắm. Ở đất liền nói học “tổ cộng” thì trả tự do. Nhưng lại đày ra Côn Đảo. Ở lao 1, nói sang lao 2 thì trả tự do. Nhưng lại giam cầm, đánh đập liên miên mãi. Đấy, vô số người ký xong về đất liền một dạo lại thấy ra đảo đấy. Tôi không tin cho nên không ký...

Có anh lại nói:

-Toàn dân đang đấu tranh cho thống nhất đất nước, tôi ký thì về quê ở với ai?

-Anh B ký từ lâu, về đất liền từ lâu, mà mới đây vẫn có thư nhà anh ta gửi ra đảo hỏi. vậy nhà cầm quyền giam anh ta ở đâu?

Chúng đưa các anh về chuồng cọp đánh rất hung. Sáng hôm sau, chúng lại đưa các anh ra cầu tàu, bắt chào cò:

-Chào đi rồi mà xuống tàu!

Các anh không chào, địch lôi tuột ngay về chuồng cọp. Và chúng khủng bố, đày ải các anh không kém gì sáu chúng tôi. Trong chúng tôi, anh Chương là người đã ba lần địch cho về đất liền, đều không chịu ký “kiến nghị” và không về cả ba, bị truất nhất.

Năm anh vượt đảo cũng bị đánh đập như vậy. Các anh đã làm bè vượt biển, nhưng không gặp gió, bè không ra được khơi. Gần sáng, địch cho cano o lùng đuổi bắt được các anh và nhốt vào chuồng cọp, tra tấn rất khủng khiếp, cốt tìm ra tổ chức vượt biển. Các anh không hề khai một lời.

Thành ra lúc này trong chuồng cọp có ba loại tù: một loại địch cho về, chỉ còn ký “kiến nghị” thì không ký; một loại không cho về thì vượt về, còn một loại chúng tôi thì nằm ỳ đợi chết. Bọn công an đi ở trên trần cứ chửi luôn miệng:

-Đ. Mẹ, 65 thằng này đã chịu học tập mấy năm rồi mà bây giờ chỉ ký vào giấy cảm ơn một cái là về thôi, cũng không ký... Thế là thế nào?

-Mấy thằng ngu quỷ này, táo gan thật, không ai cho về lại vượt biển về... Không hiểu nổi chúng mày nữa đấy!

-Còn sáu ông nội này nữa... Bảo ra bệnh xá thôi, cũng không ra, cứ nằm đây sợ chết... Tụi bay gan sắt thật, tụi tao là không có chịu nổi một đêm của tụi bay đâu...

Thằng Tư Hoạch, công an hể tra tấn 65 anh không ký “kiến nghị” thì chạy sang chúng tôi:

-Thế nào, nghe thấy không? Đánh thế đấy, “ly khai” đi không thì đánh chết!

Chúng tôi nói:

-Đánh chết thì đánh, không “ly khai”.

Thế là chúng lôi ra đánh chung với các anh nọ.

Hồi này anh em lao 2 đấu tranh tốt hơn trước. Cách đây ít lâu, lao 2 đã nổ ra vụ đấu tranh khá sôi nổi và rất có ảnh hưởng ở Côn Đảo: vụ chống đào mỏ tù cộng sản ở Hàng Dương.

Địch âm mưu xây dựng Côn Đảo thành một căn cứ hậu cần ở giữa biển. Bọn “cố vấn” Mỹ đã ra tận đây xem xét địa hình. Bọn lính dù tập nhảy cả xuống đây. Và ở Cỏ Ống, chúng đã bắt anh

em tù lao 2 làm sân bay từ mấy tháng nay. Chúng cần san bằng nghĩa địa Hàng Dương vì lý do đó. Nhưng chúng giấu kín điều này mà công khai, lại đưa ra cái chiêu bài “xây mộ nhà cách mạng quốc gia chân chính Nguyễn An Ninh”. Lợi dụng chiêu bài này, chúng vừa bịp bợm được rằng chúng coi trọng “những nhà cách mạng theo chủ nghĩa quốc gia”, vừa xóa hết được những hình ảnh cụ thể của cách mạng là những nắm mồ của những người tù cộng sản. Đồng thời, việc này cũng phục vụ mục đích truy bức tư tưởng người tù đã “ly khai”, hạ thêm uy thế chính trị của họ. Chúng sẽ phao âm lên “Cộng sản đào mả cộng sản...”

Nhận rõ âm mưu thâm độc này của địch, anh em lao 2 chủ trương chống đào mả với bất cứ một giá nào. Và địch đã vấp phải sức phản kháng mạnh mẽ. Anh em nói:

-Cúng là những nhà cách mạng chết chôn ở đây tại sao lại đào mả người này xây rộng thêm mả người khác, chúng tôi không đào.

-Mả các đồng chí chúng tôi, chúng tôi vì bị các ông giam hãm ngặt nghèo không ra thăm viếng, trông nom được đã đau lòng lắm rồi, nay các ông lại bắt đi đào mả chúng tôi không làm được cái việc táng tận lương tâm!

Chúng cho ba thằng tù tay sai xuống đào một cái mả gần mả ông Nguyễn An Ninh. Chúng vất xương dưới mả lên, anh em thấy còn thịt dính ở xương mà rớt nước mắt. Chúng hô lâu la xúm vào đẩy anh em xuống cái mả nọ, bắt đào. Anh em leo lên, chúng đánh lăn xuống. Người anh em bêбет cát và máu; xương thịt trong mả bám cả vào người. Trong khi bị đánh, có anh quỳ xuống lạy đồng xương:

-Tôi nguyện học tập tinh thần đồng chí...

Sau đó thằng Tám, thằng Út và cuối cùng thằng Thể phải huy động mấy chục tên lính đem cả súng máy moócchiê ra vây kín anh em lại và thằng Thể đích thân đứng ra chỉ huy cuộc đàn áp. Chúng xếp bốn phía bốn đồng roi song, mỗi cái roi to bằng ngón chân cái. Hàng trăm tù tay sai, công an, lính tráng dồn mấy chục anh em tù mình vào giữa rồi cứ rút hết cái roi này, đánh giập lại rút cái roi khác. Đánh suốt một buổi chiều, bốn đồng roi song hết nhẵn. Mặt đất đầy các cây roi đã tước xơ như chổi. Máu thấm đỏ cả Hàng Dương. Nhưng không một người nào cam chịu cầm lấy cuốc xẻng đào mả các đồng chí của mình.

Địch thất bại phải bỏ kế hoạch phá mả tù cộng sản, san bằng nghĩa địa Hàng Dương. Thằng Thể phải nói:

-Quản lý tù chính trị khó thật...

Chúng tôi nghe xong chuyện này của anh em lao 2, rất vui mừng và kính phục. Bị đòn, bị xối nước cũng thấy đỡ đau.

Chúng đánh đều, xối đều như vậy suốt một mùa gió chướng. Tức là từ tháng mười cho đến tháng chạp, tháng giêng... Sức khỏe chúng tôi chỉ còn leo lét.

Thằng Hai Gác, di cư, từng bị ta bỏ tù, đã dùng cách “đói rét cắt ruột” đối với chúng tôi. Một mặt xối nước, một mặt cấm không cho ăn uống. Chúng tôi nhịn ăn, nhịn uống được ba ngày thì một thằng công an bảo với thằng Hai Gác: “Muốn chết đến nơi cả rồi, thầy ạ”. Thằng Hai Gác vội chạy đi ngó chúng tôi và sau đó ra ngay lện cho chúng tôi ăn uống như cũ. Nhưng đến chủ nhật, nó vẫn bắt chúng tôi nhịn ăn uống hẳn một ngày...

Thằng Tư Hoạch thỉnh thoảng lại lôi chúng tôi ra đánh một trận. Nó bắt ngồi tựa lưng vào cột hiên, hai tay trói quặp ra sau cột, hai chân trói vào cột khác để không co, không giãy được rồi đánh. Thường nó đá bằng mũi giày vào ngực hoặc quay đít lại mà thúc gót giày vào ngực. Trong khi đó, mấy thằng tù tay sai cứ gậy đập lia lịa vào đầu gối, cổ chân, mắt cá.

Chúng đánh bây giờ cốt lấy đau, cốt lấy khủng bố, không đánh lấy chết, khi nào chúng tôi ngất đi, chúng khiêng vất vào.

Trong lúc đang đau đớn, khổ ải như vậy, chúng tôi đã được Đảng truyền hơi tiếp sức. Một buổi tối sau lần xối nước chín giờ một lúc, anh X gặp chúng tôi:

-Tin mừng, anh ạ!

-Mừng thế nào? – Tôi đang nằm xoa bóp cho người đỡ lạn vội nhồm ngay dậu.

-Có ý kiến của anh em bên lao án!

Tôi không biết tôi đã đến bên Anh X bằng cách nào. Trong nháy mắt, tôi đã ở sát cạnh anh.

-Ý kiến sao?

-Ý kiến nói: “Chống “ly khai”, chống học tập tổ cộng là hoàn toàn đúng với lập trường nguyên tắc tư tưởng của Đảng...”

-Gì nữa?

-Anh em rất cảm phục cuộc đấu tranh chống “ly khai” của lao1 và tinh thần chiến đấu tới cùng của các bác.

Chao, chỉ mấy lời ngắn ngủi thế thôi, nhưng với chúng tôi là tất cả đấy! Với chúng tôi là sự vui sướng đến mất ngủ đấy, là sự vui sướng đến muốn gọi to nhau lên để cùng vui chung với nhau đấy!

Thế là cả lao án cũng tán thành chủ trương của chúng tôi rồi.

Trước đây, tuy chúng tôi đề ra chủ trương dũng cảm, quyết tâm, quyết tử chiến đấu chống “ly khai” nhưng vẫn e ngại rằng chúng tôi chưa được thảo luận với số đông anh em.

Bây giờ anh em lần lượt tỏ thái độ tán thành chủ trương của chúng tôi. Còn cái gì vui hơn nữa? Chúng tôi yên tâm hẳn một bề, đỡ phải canh cánh về chủ trương của mình. Càng thấy rõ trên con đường chiến đấu luôn luôn có Đảng và tập thể đi sát dắt dìu.

Đêm hôm đó, tôi thao thức suy nghĩ mãi. Tôi tự nhủ: “Bánh xe tiến hóa của lịch sử vẫn từ từ quay; nó vô tư, khách quan với mọi người. Nếu tôi không đẩy được bánh xe lịch sử ấy tiến mau thì ít nhất tôi cũng phải bám riết lấy nó mà tiến theo. Rời nó ra là nguy hiểm. Nếu đầu hàng thỏa hiệp quân thù tức là rời cái bánh xe lịch sử tiến hóa ấy và rời nó thì sẽ rút lại. Còn nếu đi vào con đường phản bội, lại là cản bánh xe lịch sử và tất nhiên sẽ bị nó nghiền nát như cám”!

Tôi rùng mình. Tự nhiên tất cả những hình ảnh của sự thoái hóa, của sự phản bội hiện lên trước mắt tôi vì thấy hết sức ghê sợ. Không thể đầu hàng thỏa hiệp quân thù, không thể buông rời bánh xe lịch sử! Nhất quyết ở trong hàng ngũ. Nhất quyết bám lấy bánh xe lịch sử.

Địch vẫn ngày đánh, đêm xối nước. Phải nhận rằng cách đây ải, khủng bố lâu dài, liên miên, dai dẳng thế này nguy hiểm thật. Tư tưởng tiêu cực nảy ra luôn luôn ở trong đầu và đặc biệt là nó đã nảy ra thì bỗng nhiên cái đói rét, cái đau đớn thể xác lại thấy tăng hẳn ngay lên, nghĩ đến ngày mai chỉ thấy ngán sợ, chán chường...

Những lúc ấy, tôi lại phải đấu tranh với nó, nghĩ đến Đảng đến dân, xua đuổi những tư tưởng tiêu cực.

Không nên nghĩ chiến đấu được đến đây là hơn tất cả mọi người rồi, là không có gì phải hổ thẹn với ai nữa! Không nên nghĩ chết đi thì miệng ngậm đất, sau này Đảng có nhắc đến mình, cá nhân mình cũng chẳng còn được hưởng, là tính toán theo lợi hại cá nhân, theo tình hình khó dễ! Sự nghiệp và tiền đồ cá nhân nằm ở trong sự nghiệp và tiền đồ quang vinh của cách mạng. Làm gì có sự nghiệp và tiền đồ cá nhân ngoài sự nghiệp và tiền đồ cách mạng? Sự nghiệp và tiền đồ cá nhân là do Đảng và nhân dân xây dựng cho chứ tự thân mình đào đâu ra có. Cá nhân ta chỉ biết nỗ lực chiến đấu trong lập trường, nguyên tắc, tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lênin, trong đường lối của Đảng. Đó là yếu tố quan trọng nhất để chiến thắng. Tôi luôn tự nhủ như vậy.

Cơ thể chúng tôi đau đớn đêm ngày. Người rụng đầu đau đấy. Nghĩ đến cái gì thêm cái ấy. Đúng là chỉ có ngủ mới hy vọng được yên... Địch vây hãm chúng tôi vào chỗ chết mịt mù. Trong vòng vây đen ngòm ấy có một cái khe hở mờ mờ ở trước mắt chúng tôi. Bản năng sinh tồn của con người cứ hướng vào cái khe hở đó. Nhưng cái khe hở đó lại là cạm bẫy khủng khiếp nhất, chúng tôi biết. Ra bằng lối ấy là đầu hàng. Sống mà đầu hàng!

Thế xác thật ra nhiều lúc thấy không thể chịu nổi được nữa rồi. Nhưng tinh thần lại cố chịu đựng, cố chiến đấu. Hai mặt thể xác và tinh thần từng giờ, từng phút giằng co nhau gay gắt. Trong tinh thần thì tư tưởng tích cực và tư tưởng tiêu cực từng giờ, từng phút giằng co nhau gay gắt. Tư tưởng tiêu cực ngoan cố lắm, bám dai như đĩa đói. Đập tan nó lúc này, lúc nữa nó lại

lô ra. Mở mắt ra lại thấy đau đớn, mà cái đau đớn chính là cái cửa vào của tư tưởng tiêu cực.

Và không lúc nào tôi thấy rõ bằng lúc cái chân lý có thắng kẻ thù tư tưởng ở trong người mình mới thắng được kẻ thù giai cấp ở bên ngoài. Mà đánh thắng kẻ thù tư tưởng ở trong người mình không dễ. Nó lẩn giúi, nó nguy trang khéo, nó hay bọc nó ở trong những cái có rất “hợp lý, hợp tình” ... Mình không nghiêm, không có tinh thần truy kích tới cùng, tới tận sào huyệt sâu xa của nó thì có thể mình lại thấy nó là hay, là đẹp. Ở trong tù, kẻ thù tư tưởng gắn liền với đời sống của cá nhân mình, với vợ con gia đình mình, với cái đau đớn cụ thể trên da thịt mình... Nó hiện lên bằng mắt đứa con thơ, nó hiện lên bằng lời nói dịu dàng của người vợ, nó hiện lên bằng tất cả những lý lẽ có vẻ cách mạng nữa: “Cách mạng có lẽ cần mình cống hiến nhiều hơn nữa kia chứ, sao lại chết ở đây! Chết ở đây đã đúng lúc, đúng chỗ chưa? Hay là phí?”

Chúng tôi có cảm tưởng các tế bào trong cơ thể đều nhồm cả dây đời sống. Ban ngày thèm thức ăn gì thì đêm ngủ toàn mê thấy ăn những thức đó. Tôi chỉ nói một sự thiếu thốn rất nhỏ hàng ngày có lẽ người ngoài cuộc ít ai để ý: giấy vệ sinh. Đại tiện xong không có giấy, không có lá, không có giẻ để chùi. Bọn địch lấy hết, không cho, cứ để bẩn vậy được không? Chúng tôi phải nghiền nát vài hột cơm rồi dần mỏng ra phơi khô để thay giấy, thay lá vậy. Mỗi ngày nhặt vài hạt cơm vãi dần thành một miếng “giấy” bằng nửa cái bao diêm, thế là được!

Sự thiếu thốn ấy có nhỏ không? Rất nhỏ. Nhưng có làm khổ con người không? Tôi dám chắc không ai nói rằng không.

Tôi hiểu rất rõ rằng nếu tinh thần và nghị lực chiến đấu không được hun đúc mãi thì nó sẽ tụt xuống đến chỗ không. Lúc ấy con người rơi vào cái đáy lạnh băng của chủ nghĩa cá nhân và lợi ích cách mạng lập tức bị mờ đi, xương máu của đồng chí cũng không còn ý nghĩa gì đối với bản thân nữa, sự căm thù thành sự sợ hãi khủng khiếp.

Không một lúc nào tôi được lơ cảnh giác với tư tưởng phi vô sản trong con người. Tôi phải luôn luôn củng cố lập trường chống “ly khai”, không đầu hàng địch, nhắc nhở cố gắng thực hiện nhiệm vụ cao quý nhất của người đảng viên là trọn đời phục vụ cách mạng.

Ở mỗi “phòng”, tôi đều chọn chỗ khắc chữ Trọn đời phục vụ cách mạng!

*

* *

Sau hơn bốn tháng khủng bố, đầy ải cực kỳ tàn nhẫn, địch vẫn không lỏng tay. Bây giờ, chúng tôi bị lấy mất cả bát đũa. Cơm bây giờ đổ xuống đất, bỏ ra mà bốc. Chúng đổ cơm xuống đâu? Đổ ngay ở ngưỡng cửa, đổ ngay ở chỗ chúng tôi ỉa đái ấy!

Chúng lấy thùng cứt đi từ lâu, chúng tôi vẫn ỉa, đái ở ngưỡng cửa. Thọa đầu, chúng còn rắc cát và hót dọn hàng ngày, nhưng đến một tháng nay, không rắc cát và cọ rửa nữa. Ngưỡng cửa ùn lên những cứt là cứt, nước đái đọng thành vũng. Và chúng đổ cơm ở ngay đấy! Đến bữa, chúng mở cửa, xúc một bát cơm đổ đánh toẹt xuống ngưỡng cửa, rồi đi. Chúng tôi lặng lẽ bỏ ra nhặt vào ăn.

Chúng tôi cứ ăn. Sao lại không ăn? Chúng tôi còn sống thì còn có vấn đề tồn tại trước mắt quân thù, chúng không yên được. Chúng tôi còn sống còn vạch trần bản chất dã man của chúng ra. Chúng tôi còn sống thì còn cái cảnh đối chiếu với anh em lao 2, thúc đẩy anh em đấu tranh chống địch. Ngọn cờ tiên phong của Đảng ở trong tù, chúng tôi phải nắm giữ và giương cao, ngọn cờ ấy đã nhuộm máu hàng ngàn đồng chí ta sau bao nhiêu năm chiến đấu ác liệt.

Chúng tôi cố sống. Những lúc có việc gì ra ngoài, chúng tôi bứt cả những đợt rau sam mọc bên đồng cứt để ăn. Không ăn thì chết mau hơn. Ăn bẩn đấy nhưng sống dai hơn một chút.

Đến nay tôi cũng ho ra máu rồi! Sáu người chúng tôi đều ho ra máu, nhưng anh Hiếu bị nặng nhất.

Vào khoảng ngày 17, 18 tháng chạp năm 1961, anh Hiếu ốm kịch liệt. Anh thổ máu ồng ộc, một ngày mấy lần.

Lúc này, do bên lao 2 có 65 anh chống ký “kiến nghị” bị nhốt chuồng cộp nên chật chỗ, chúng tôi phải ở chung. Tôi và anh Bình ở một giam, cạnh anh Hiếu. Anh Hiếu vì ốm nặng vẫn ở một mình. Chúng tôi nghe thấy rõ anh Hiếu mỗi lần ợ ra máu lại kêu: “Sắp chết rồi... máu ra cả

tô...”.

Chúng tôi thương anh Hiếu vô cùng. Anh là một con người mà tất cả chúng tôi đều hết sức quý trọng, mến phục. Trong dịp anh em góp ý thảo đường lối đấu tranh chung ở chồng cạp, ý kiến của anh Hiếu đúng nhất, vững nhất, tiêu biểu nhất.

Những lúc nghe anh kêu: “Chết thôi... máu ra hàng tô...” tôi lại thấy quặn đau trong lòng. Chúng tôi ai cũng sẵn sàng nhận lấy cái chết, song nó đã đến với anh Hiếu trước. Nằm nghĩ đến anh, tôi lại ngen ngào. Anh tuy đã ngoài năm mươi tuổi, nhưng đôi mắt vẫn đẹp lạ thường: trong xanh, không một chút vẩn đục. Con mắt anh rất nhiều tình, chân thành, hồn hậu. Đã nhiều lần nhìn mắt anh, tôi có cảm giác thấy rõ ở đó rằng anh lấy làm vinh dự được chiến đấu ở chuồng cạp.

Địch thấy anh Hiếu ra máu, càng làm dữ. Bọn công an nói với nhau ở trên trần:

-Thằng này ra máu dữ quá hả! Đổ cả sàn!

-Báo cáo với ông trưởng ty rồi đó. Ông ấy ra lệnh xối thêm.

Tôi nghĩ: “Thôi chúng nó làm như kiểu đối với anh Tín dạo nọ rồi. Anh Tín tuyệt thực, chúng liền cầm cả uống cho chết luôn. Nay anh Hiếu ra máu, chúng càng xối nước tợn. Khó lòng sống nổi!”

Anh Hiếu cứ nằm thõ ra máu để cho chúng xối như vậy. Anh Bình và tôi bảo nhau: “Anh Hiếu thật thà đến thế là cùng! Sao không lau sạch máu đi? Chúng thấy ít máu thì có thể chúng sẽ không dẫn thêm cho chết!”.

Chúng tôi hể ra tí máu nào là lại lau bằng hết. Chúng tôi rất khổ là không có cách nào mách cái đó cho anh Hiếu được. Anh X mấy hôm nay cũng không có mặt ở đây!

Ngày 24 tháng 12, chúng tôi nghe thấy anh Hiếu nói:

-Cho tôi gặp ông trưởng ty công an...

-Ông trưởng ty bận, không gặp được. Thằng Năm Trọng, công an đáp.

Anh Hiếu nói to, giọng vẫn ôn tồn (anh Hiếu nói với địch cũng ôn tồn):

-Nếu hôm nay còn đổ nước thì tôi đập đầu chết đấy!

Thằng Năm Trọng nói:

-Đ. Mẹ, đêm nay không phải phiên tao!

Chín giờ tối hôm Nôn. Chúng gọi anh Hiếu:

-Hiếu, vẫn xối nước như thường đây này.

Chúng xối mấy thùng. Anh Hiếu là:

-Tao đập đầu đây.

Một tiếng “ịch” và tiếp sau, tiếng người ngã. Anh Hiếu đã dùng hết sức tàn còn lại vịn tường đứng lên bệ và lao đầu vào cái tường trước mặt. Nhưng anh yếu quá rồi, không lao mạnh được nữa. Đầu anh chỉ dúi vào tường và anh mất đà lăn ra đất. Anh la lớn:

-Lôi ra mà đánh cho chết đi. Đổ năm bảy chục thùng nước cho chết đi. Tao không thềm “ly khai” đâu.

Cái bản chất thật thà, hồn hậu của anh Hiếu vẫn lộ rõ trong câu nói này. “Tao không thềm “ly khai” đâu”. Nghe chữ không thềm chúng tôi rất thương.

Thằng Vân, công an đứng ở trên trần cười:

-Hà hà... có giỏi thì đập lần nữa cho chết đi tao coi nào?

Anh Hiếu nói:

-Tao có sức thì mày chả phải bảo. Chúng mày là quân thú vật.

Thằng Vân nói:

-Thật hả! Xối...! Xối luôn tay, chúng mày!

Chúng nó xối cứ như thác. Ào... ào... ào...! Cả chuồng cạp nằm lặng im. Chúng nó xối liền một lúc xuống anh Hiếu nằm chực thùng nước. Chúng tôi đếm từng thùng mà đứt ruột đứt gan.

Gần sáng chúng nó kéo nhau đi, chúng tôi bèn bò đến bên tường giáp gian anh Hiếu áp tai nghe xem anh còn thở hay không. Có tiếng anh rên khê. Bọn trật tự viên lúc này mặt nhợt nhạt nằm tất cả ở ghế bố tận đầu chuồng cạp, khá xa. Chúng tôi hỏi vọng sang:

-Thế nào anh Hiếu?... Có sao không?

Tiếng anh Hiếu trở đầu. Chắc anh nhìn về phía chúng tôi.

-Chúc các đồng chí ở lại mạnh khỏe, tôi đi trước nhá!

"Đi trước nhá!". Đi là thế nào? Chúng tôi lo lắng nhìn nhau. Chữ "đi" thường dùng ở đảo có nghĩa là "ly khai". Anh Hiếu "ly khai" à? Chúng tôi thấy lạnh toát trong người. Nếu thế thật thì... Hay là anh nói "đi Hàng Dương". Ở đây cũng có câu "đi Hàng Dương".

Chúng tôi vẫn ôm lưng nhau suy nghĩ. Vừa nghĩ tìm ý chữ "đi" của anh Hiếu vừa tưởng tượng đến cảnh anh nằm giữa vũng nước lạnh, thân thể tiều tụy, gầy còm. Anh thật thà, giản dị quá, anh Hiếu ơi! Anh không ngờ rằng một chữ "đi" của anh cũng làm cho chúng tôi bận tâm lo lắng đến thế này.

Trời vừa sáng, hai chúng tôi đồng thanh bảo nhau:

-Đứt khoát anh Hiếu không "ly khai"! Con người của anh không bao giờ "ly khai".

Thế thì "đi" đây chỉ có nghĩa là chết thôi. Anh "ly khai" chúng tôi đau lòng. Anh chết, chúng tôi thương xót. Tâm trạng chúng tôi bây giờ như thế đó. Hai người đang ngồi bó gối chợt thấy thằng Năm Trọng đi qua gọi:

-Hiếu... Hiếu ơi...! Hiếu ơi...! Hiếu à...!

Nó gọi bảy tám tiếng không thấy anh Hiếu thưa, liền quay sang bảo chúng tôi:

-Thịnh, Mậu à... mấy anh nghe tôi... ra đi...!

Nó lại quay sang anh Hiếu:

-Hiếu ơi... Hiếu ơi... Hiếu à...

Nó lại quay sang chúng tôi:

-Đấy, còn đểch gì nữa! Xem kìa, thằng Hiếu có khác gì con nhái chết khô không? Chỉ một chút nữa là nó chết thôi... Để quá như thằng Hiếu thì muộn mất. Thịnh, Mậu à, ra đi...!

Chúng tôi im lặng.

Thằng Năm Trọng lớn tiếng gọi:

-Mở cửa!

Và bảo chúng tôi:

-Cho hai anh ra xem đó!

Chúng tôi bò ra, nhìn vào gian anh Hiếu. Một bộ xương trần truồng khô đét gục đầu vào bệ nằm. Tóc trên đầu bù xù còn ướt đẫm. Máu đỏ nhò nhò trên mấy vũng nước. Một khúc ruột lòi ra ở đít lòng thòng...

Năm Trọng vẫn gọi: "Hiếu... Hiếu ơi...! Hiếu à...!". Anh Hiếu vẫn không thưa, không thưa quạ.

-Nó chết rồi còn ếch gì nữa! Năm Trọng nói.

Thằng trật tự viên cầm hai tai anh Hiếu lắc lắc thì người anh đã lạnh cứng rồi!

Chúng tôi bò về và tôi ôm mặt khóc nức nở. Tôi khóc thành tiếng, khóc thảm thiết không sao cầm được nữa. Anh Hiếu, mới hôm nào tôi ở chung với anh được mấy tiếng đồng hồ! Hôm ấy, anh đã ốm nhưng chưa ra máu, anh có nhớ không? Trước khi rời nhau, tôi nắm tay anh nói:

-Chúng ta là công nhân, chúng ta cố chiến đấu để làm sáng tỏ tính tiên phong của giai cấp anh nhé!

Anh bóp tay tôi trả lời:

-Tôi làm thợ, tôi đã thấy hết đời thợ trước đây khổ nạn thế nào, tôi đã thấy cách mạng cứu sống tôi ra sao... Tôi chỉ còn có quyết chết để đền ơn Đảng và nhân dân thôi... Tôi thấy anh cũng vậy đấy, là công nhân, quyền lợi của cá nhân anh hoàn toàn gắn liền với quyền lợi của cách mạng, tôi tin rằng anh sẽ chiến đấu đến cùng!

Bây giờ anh đã chết, anh đã chiến đấu đến cùng cho cách mạng rồi. Tôi mừng cho anh đã hoàn thành nghĩa vụ, nhưng lòng tôi xót xa khôn xiết. Anh Hiếu ơi, tôi không khóc làm sao được?

Sáng ngày 25 tháng 12, ngày Nôen, địch đưa xác anh Hiếu đi chôn. Chúng cho anh một cỗ quan tài như đã đưa cho anh Tín. Và khi đi qua lao 4, tất cả anh em tù lại đứng nghiêm cúi chào. Bọn lính tráng, công an cũng im lặng ngả mũ. Cái chết của anh Hiếu còn vang dội hơn cái chết của anh Tín. Sau cái chết của anh Tín, anh Hiếu, nhiều vợ con binh lính, công chức coi người chống “ly khai” ở chuồng cọp như những “nhà trời” ...

Thằng Năm Trọng đi trên trần hỏi chúng tôi:

-Ông Hiếu chết rồi đấy, mấy ông không ra thì mai mốt cũng như vậy cả thôi!

-Chết ở đây, không đi đâu hết! Giết người một cách khổ nạn như vậy thật là man rợ hết chỗ nói!

Chúng tôi đều trả lời như vậy.

Anh Lưu Chí Hiếu, quê ở Bắc Ninh, vào Sài Gòn làm thợ đóng giày đã mấy chục năm. Anh tham gia cách mạng năm 1945, làm quản lý của tiểu đoàn quyết tử Sài Gòn. Anh bị bắt năm 1956 trong một cuộc biểu tình ở Sài Gòn. Địch coi anh là người lãnh đạo cuộc biểu tình ấy, chúng tra tấn anh thế nào, anh cũng không nhận. Anh bị đày ra đảo Phú Quốc, đến năm 1957 thì ra Côn Đảo. Đặt chân lên đảo, anh chống “ly khai” ngay. Anh là một trong những người chống “ly khai” đầu tiên ở đảo và là một trong những người chống “ly khai” đến cùng ở đảo...

Anh X cho chúng tôi biết: sáng ngày 25 tháng 12, khi anh đưa thuốc cho anh Hiếu thì anh đang hấp hối, không uống thuốc nữa, bảo giữ lại dành cho những anh em khác rồi nói với anh X:

-Tôi sắp chết rồi, nếu anh trở về đời gặp cách mạng thì xin anh báo cáo giùm rằng: chúng tôi vô cùng cảm ơn Đảng, cảm ơn nhân dân đã nuôi nấng và giáo dục chúng tôi, chúng tôi quyết chết để đền ơn... còn riêng đối với anh, tôi xin cảm ơn anh đã giúp chúng tôi bấy lâu nay. Ơn này, sống để dạ, chết mang theo, mong anh cố giúp những người còn sống, hy vọng sẽ có người còn sống để về phục vụ cách mạng.

Nói lại với chúng tôi điều này, mắt anh X đỏ hoe.

Anh Lưu Chí Hiếu xứng đáng là tấm gương cho tất cả chúng tôi. Chúng tôi đã học được ở anh rất nhiều điều. Chúng tôi ai nấy đều lấy cái chết của anh làm tiêu chuẩn. Không mong gì hơn, mong sao được như anh. Anh Hiếu là người tiêu biểu cho phong trào đấu tranh chống “ly khai” ở lao 1. Một con người hết sức trung thành với Đảng, hiếu với dân, đến lúc hấp hối, chỉ có một lời cảm ơn Đảng và cảm ơn nhân dân, quần chúng. Một con người luôn luôn sáng ngời tinh thần chiến đấu cách mạng, một con người không phút nào xao lãng nhiệm vụ đấu tranh chống địch, quyết chết cho cách mạng, bảo vệ Đảng. Một con người rất mực thương yêu anh em, đồng chí, đoàn kết được mọi người...

Cái chết của đồng chí đã đem lại cho chúng tôi rất nhiều sức mạnh. Chúng tôi kiên trì cuộc chiến đấu đến cùng được là nhờ học tập được ở nhiều đồng chí trong đó có anh Hiếu, người mà tất cả chúng tôi nhất trí nhận làm người anh về mặt đạo đức, tinh thần cũng như tuổi tác...

Chúng tôi nhớ mãi câu anh Hiếu thường nói: “Ly khai” sao được! “Ly khai” là cướp xương máu của các đồng chí đã chết trong phong trào chống “ly khai”! “Ly khai” là làm sai tiếng nói lịch sử của Đảng.

Những ý kiến của anh góp vào đường lối đấu tranh chung thảo ra dao nọ, chúng tôi thấy đúng nhất. Vì lập trường của anh đúng, kiên định cho nên nhận thức và hành động của anh đúng. Lập trường kiên định là cái gốc cho nên ở anh Hiếu không hề có một luồng tư tưởng động dao nào chạy qua óc anh bây giờ.

Anh Tín đã từng bắn khoản trước chữ “ly khai” và cái dấu hỏi ở trên tường xà lim lao 2. Anh Bình đã từng vật vã bao nhiêu đêm không ngủ. Và tôi đã từng bao nhiêu lần đi đi lại lại hết đêm trong gian chuồng cọp chật hẹp. Riêng anh Hiếu lúc nào cũng hồn nhiên. Lòng dũng cảm của anh cũng hồn nhiên, trong sáng, chân thành như con mắt anh vậy.

Chúng tôi đã nhiều phen nói với nhau:

-Sau này sống sót về đời thì đừng có nói trời, nói đất. Cứ báo cáo cho thật với Đảng là đã phải qua đấu tranh tư tưởng rất gay go mới được thế này... Nếu họa ra có người trước sau như đá tảng được thì người ấy là Lưu Chí Hiếu.

Chúng tôi cũng đã dạn dò nhau nhiều lần:

-Dù chúng ta có chịu đày ải, khổ cực năm ba năm nữa mà cuối cùng vẫn chết đi thì Lưu Chí Hiếu cứ là số một.

Hai người chết cuối cùng ở chuồng cọp tình cờ có hai cái tên rất đẹp: Trần Trung Tín và Lưu Chí Hiếu. Trung Tín và Chí Hiếu! Hai cái tên đẹp như hai cuộc đời và cái chết của hai anh! Tôi đã thầm nhắc luôn luôn đến hai cái tên ấy. Và hai cái tên rất nhiều ý nghĩa cao quý ấy đã nâng đỡ tôi biết bao trên con đường bước tới thắng lợi cuối cùng.

*

* *

Thằng Thế lâu lắm mới lại xuống chuồng cọp. Ngày 11 tháng 1 năm 1962, nó xuống, đi như một con gấu ở trên trần. Đến mỗi gian, nó dừng lại, cúi hỏi:

-Các người lạ thật, có một cái việc rất dễ là ra bệnh xá nằm thôi mà cũng không chịu, chứ ở đây chờ chết!

Chúng tôi đều trả lời như nhau:

-Nhà cầm quyền các ông man rợ tột cùng rồi, không còn thứ gì man rợ hơn, không nói nổi, quyết chết thôi.

Đến gian anh Phạm Quốc Sắc, thằng Thế đứng nhìn một lúc lâu:

-Sao? Ốm nặng lắm à? Khiêng ra!

Anh Sắc ốm nhất trong năm chúng tôi, hai hàm răng rụng hết. Chúng tôi đều nghĩ anh chỉ sống nổi dăm ba ngày nữa là cùng.

Chúng dượt anh Sắc nằm ở hiên, thằng Thế hỏi anh:

-Tại sao ốm không ra bệnh xá?

-Tôi biết ... ở chuồng cọp ... thì chết – Anh Sắc phều phào nói – Mà tôi ... cũng sắp ... chết rồi ... Nhưng tôi quyết chết ... cho sự nghiệp cách mạng ... chứ không hàng các ông ... để sống

Thằng Thế mím môi lại, gật đầu:

-Hừ ... mấy người này cùng một luận điệu!

Ngay sau khi thằng Thế trở ra, thằng đại úy Tám, phó tỉnh trưởng mới, đã lật đật xuống sai mở cửa gọi năm anh em chúng tôi ra hiên.

Hôm ấy gió lạnh quá, chúng tôi ra hiên đều run cầm cập. Gió thổi bạt cả hơi, chúng tôi sa sầm muốn ngất. Nhìn thấy nhau mà giật mình thất kinh. Đâu phải anh Bình nữa! Đâu phải anh Minh, anh Sắc, anh Một nữa! Trước mặt tôi là những bộ xương hôi thối bọc trong làn da cóc cáy đen đui, ghẻ lở ... Râu dài đến ngực, tóc dài đến vai, mặt người nào cũng vàng khè như sáp ong. Chỉ nhìn con mắt mới biết nhau còn sống.

Chúng tôi lết lại gần nhau, nhưng gió lạnh quá, chúng tôi lùi về nép sau cánh cửa.

Tên Tám nói:

-Gió quá các ông không chịu nổi? Hôm nay, tôi mời các ông ra nói ... ra nói ... ít chuyện ...

Nét mặt thằng Tám có vẻ lúng túng, bối rối. Nó hỏi tiếp:

-Các ông bây giờ ra sao? Yếu lắm phải không?

Trong khi nói, nó lữ đứng, lữ ngồi, dáng điệu loay ha loay hoay. Bọn trật tự viên lùa vào dít nó cái ghế vài gập, nó lấy tay đẩy ra và đứng lên. Nhưng nó lại khom lưng, chống hai tay vào đùi, cúi xuống nhìn chúng tôi:

-Các ông ...

Vừa nói, hắn lại nhấp nhóm toan đứng lên. Bọn trật tự viên biết ý lùa cái ghế vào dít nó lần nữa. Nhưng Tám lại lấy tay gạt đi và vẫn cúi lom khom hỏi:

-Các ông yếu lắm?

-Ông trông thì khắc rõ. Chúng tôi đáp.

Thằng Tám dáng chừng không yên tâm với cái dáng điệu lom khom và loay hoay của mình cho nên chưa nói ra được câu nó muốn nói thật. Cuối cùng nó quỳ hẳn một gối xuống ở trước mặt chúng tôi. Tìm ra được cái tư thế này, nét mặt nó nhẹ nhõm ngay lại. Và nó nói, giọng trầm trầm tự lự:

-Chúng tôi đã thấy rõ vũ lực không thể thắng nổi trái tim người. Xin các ông xóa bỏ mọi hận thù cũ ... Chúng tôi sẽ để các ông ở một khu riêng và sẽ không đối xử các ông như trước nữa.

Dòng tư tưởng của tôi như sững lại một lúc tìm tòi, rồi mới triển khai được sang hướng mới. Trong người tôi không mừng cũng không ngạc nhiên. Một ý nghĩ thoáng nhanh qua. Đánh bại ý chí của chúng rồi! Ý chí của chúng nó bị bẻ gãy rồi! Chúng nó đã phải thú nhận thất bại trước mặt mình rồi! A, chúng mày phải chân quỳ chân gối nhận thua ở trước mặt chúng tao! Chúng mày đã phải nói ra mồm: “Vũ lực không thể thắng trái tim người” rồi à! Hừ, không thắng được bằng vũ lực thì chúng mày lại giwor cách khác để đánh phá, truy bức chúng tao chứ. Chưa xong đâu! Chúng tao không lạ gì chúng mày. Sang một giai đoạn mới đây, chúng tao biết. Chúng tao không tin lời mày đâu, chúng mày khó tin được lắm!

Chúng tôi im lặng nhìn thằng Tám. Nó nhắc lại, vẫn trầm trầm:

-Vâng! Chúng tôi từ nay không đối xử với các ông như cũ nữa ...

Chúng tôi nói:

-Chúng tôi là những người chiến đấu cho nước nhà độc lập, dân chủ, hòa bình, thống nhất. Nước nhà được như thế là cái hạnh phúc, quang vinh chung của toàn dân, không phải của riêng ai. Chúng tôi quyết chết cho sự nghiệp ấy. Chúng tôi cũng sẵn sàng xóa bỏ mọi hận thù cũ với bất cứ người nào tán thành đấu tranh cho sự nghiệp ấy. Chúng tôi chỉ biết vì dân, vì nước, không biết có chúng tôi.

Tám quay ra lệnh cho bọn tay sai:

-Cho các ông này tắm! Các ông ấy yếu, đun nước cho các ông tắm tử tế.

-Lấy quần áo cho các ông. Mỗi ông một bộ mới, mỗi ông một cái chiếu, nhanh nhanh lên ...

Chúng tôi nói:

- Ông cứ cho chúng tôi sống như những người tù khác, chúng tôi còn yếu lắm, chưa tắm được, đừng đun nước làm gì.

Bọn tù tay sai chạy đi ôm về một đồng quần áo và chiếu phát cho chúng tôi. Mỗi người một bộ bà ba mới xúng xính.

Đến giữa trưa, cơm mang vào có cả bát đũa. Cơm gạo lức với mắm và khô. Nước uống thì tha hồ, cần cứ việc gọi. Cửa mở toang, thông thoáng.

Tôi thảo luận với bốn anh:

-Cuộc chiến đấu của chúng ta đã sang một hình thế mới. Tỷ lệ sống đã nhích lên cao hơn trước rồi. Chúng ta nay phải thật khôn khéo, sao như chiếc thuyền nan nhỏ lách trong sóng to gió lớn mà không chìm, vẫn đến được bờ. Nếu khôn khéo thì chúng ta có khả năng sống về đời được.

Chúng tôi đã đề ra vài biện pháp đối phó.

Chiều hôm ấy, thằng thượng sĩ Nghĩa vào, nói:

-Lệnh trên cho các ông ăn khẩu phần đôi và chích thuốc hàng ngày... Chốc nữa sẽ có xe đến đón các ông về chỗ ở riêng...

Lặn mặt trời, một chiếc xe díp đến. Thượng sĩ Nghĩa hô hoán tù tay sai công chúng tôi ra xe. Tới lao 2, xe chạy chậm lại rồi chui qua cổng vào sân. Lúc này, anh em tù lao 2 đang đứng đầy cả ở sân, thấy có xe vào đều chạy tới. Thượng sĩ Nghĩa nhảy phốc xuống xe, xua tay hét:

-Cho vô hết trong “trại”! Cho vô hết trong “trại”!

Bọn trật tự viên lập tức khua keng báo động. Lệ trong tù khi có keng báo động, tù phải vào trong khám nằm im hết. Chúng không muốn anh em lao 2 tiếp xúc với chúng tôi nhưng anh em mặc kệ báo động cứ đứng như cũ nhìn chúng tôi, nét mặt lộ ra vẻ hoan nghênh và tựa hồ như muốn bảo vệ chúng tôi vậy. Theo dõi chuồng cọp từ lâu, anh em đã biết trước quân thù đã chịu tạm lùi bước và sắp đưa chúng tôi về “xả can” ở xà lim lao 2. Tôi ngồi trên xe nghĩ thầm: “Tiếng keng này là tiếng keng báo tin chiến thắng bước đầu của phong trào đấu tranh ở tù, nhất là lao 1 đây!”

Bọn trật tự viên công chúng tôi vào xà lim lao 2, giải chiếu ngay ngắn trên bệ. Bệ nằm ở đây cao quá, chúng tôi không leo lên được, cho nên chúng tôi bảo để chúng tôi nằm ngay dưới sàn.

Ngồi xe hơi từ chuồng cọp về lao 2 chừng hơn một kilômét mà chúng tôi mệt phờ. Người thốn thức, nôn nao như say sóng. Ruột gan muốn lộn nhào. Đêm hôm ấy, năm chúng tôi thi nhau mửa. Chúng tôi nôn ọe to đến nỗi bọn chúng hốt hoảng chạy vào hỏi: “Sao, các ông làm sao?” rồi gọi y tá đến tiêm thuốc cấp cứu.

Sáng sớm hôm sau thằng Tám xuống hỏi thăm chúng tôi. Nó hỏi tên Nghĩa:

-Các ông ấy có sao không?

-Đêm bị ói mửa , phải trích thuốc đấy ạ.

-À, tại ơ lâu trong "phòng" kín, nay ra ngoài bị như vậy đấy mà, không sao đâu.

Tám quay sang nói với chúng tôi:

Chúng tôi không kiếm được phòng nào cho các ông ở riêng thành thử phải đưa các ông đến đây. Trong khắp khu vực này – nó chỉ hết dãy xà lim – các ông muốn làm gì thì làm. Hằng ngày các ông muốn ăn uống gì cứ việc viết thực đơn đưa cho nhà bếp nấu... Rồi chúng tôi sẽ cho bác sĩ đến thăm bệnh cho các ông, các ông cần thuốc gì chúng tôi sẽ cung cấp...

Nó ngược nhìn trần hành lang.

-Đèn thế này có tối không?

Chúng tôi nói:

-Có vài ngọn thì cũng tối.

Tám ra lệnh luôn cho trung sĩ Kem, trưởng lao 2, lấy dây , lấy bóng mắc thêm mấy ngọn cho sáng. Chúng tôi ngăn lại:

-Mấy ngọn kia cũng đủ sáng rồi, khỏi phải bắc thêm.

Trước khi ra về Tám còn nói lại:

-Mười bốn “phòng” này các ông cứ việc ở, tùy các ông nhé!

Hôm sau trưởng ty y tế Côn Sơn đến gặp chúng tôi. Sau đó, một y tá khệ nệ một thùng sữa bột lớn tướng. Tên trưởng ty y tế nói:

-Cả Côn Đảo chỉ có ba thùng sữa bột. Một thùng cho nhà bảo sinh, một thùng cho những người ốm nặng nằm bệnh xá và thùng này, đại úy bảo đem cho các ông đây...

Lúc này chúng tôi đã có hai hộp sữa đặc để dùng rồi!

Chúng tôi ở những mười bốn xà lim thên thanh. Chưa bao giờ ở tù mà lại rộng thế này! Chúng tôi chia ra “phòng ăn”, “phòng ngủ”, “phòng tắm” ... Chúng tôi bò đi xem tất cả mười bốn xà lim, tìm hiểu lịch sử của mỗi căn. Mỗi xà lim, tìm hiểu lịch sử của nó, đều mang những dấu vết thiêng liêng. Đi xem các xà lim cũng chẳng khác nào đi xem các di tích lịch sử, di tích

cách mạng, trong người dào dạt rất nhiều tình cảm cao quý.

Chúng tôi đã dừng lại rất lâu ở xà lim số 10. Ngay trên cửa xà lim này, một hàng chữ lớn khoét bằng đinh làm cho chúng tôi bồi hồi, xúc động: VÕ THỊ SÁU tức NGHUYỄN THỊ SÁU. Chị Sáu đã ở đây! Còn dấu vết của chị ở đây: hàng chữ kia do chính tay chị khoét lên tường trong những ngày nằm chờ địch đem chị đi bắn. Tôi ngắm mãi dòng chữ không bap giờ phai mờ ấy và trong lòng bì ngùi khôn xiết. Chị Sáu, tôi đã nghĩ đến chị rất nhiều, ngày tôi chưa bị bắt; từ ngày ấy, tôi coi chị là tiêu chuẩn, mẫu mực mà tôi ráng noi theo. Vào tù, ra Côn Đảo, tôi đã bao lần mượn tấm gương anh hùng của chị để giữ vững tinh thần chiến đấu, để có thể kiên trì chiến đấu và bây giờ sau một chặng đường dài, tôi đang được đứng ở chính cái nơi chị đã sống... ở chính cái nơi chị đã viết nên bài học cách mạng to lớn cho tất cả chúng tôi cùng học. Chỗ này, chỗ này chắc chị đã kiễng chân để với lên cao khoét tên của chị! Chỗ này, bây giờ, tôi cũng đang đặt chân đây. Tôi cố theo chị. Cái đình, chị giấu ở đâu?

Dưới tên chị Sáu là dòng chữ Ngô Đến. Đúng rồi, hồi nọ nửa đêm, chúng gọi anh Ngô Đến đem đi giết giã, chúng đã đưa anh đến nhốt ở đây. Khi về chuồng cọp, anh có nói chuyện đã tìm thấy tên chị Sáu ở một xà lim bên lao 2 và anh đã khắc tên anh dưới tên chị Sáu. Anh coi chị như người đi bước trước, anh theo sát đường sau... Bây giờ anh không còn nữa. Quân thù đã giết anh. Anh có biết anh em chúng ta nay còn laik bao nhiêu người không? Còn lại năm người! Bình, Minh, Một, Sắc và tôi - Thịnh, anh Tín và anh Hiếu thì hy sinh rồi, anh ạ. Hai anh đã chết anh dũng, chết vẻ vang như chị Sáu và anh đã chết ấy. À, bây giờ quân thù đã phải quỳ gối nhận tội trước mặt chúng tôi đây, anh có biết không? Chúng đã phải quỳ gối nhận tội trước gần một nghìn đồng chí chúng ta đã chết trong phong trào chống “ly khai” ở lao 1 và ở chuồng cọp. Anh hãy vui mừng đón lấy cái tin ấy đi. Cuộc chiến đấu của chúng ta đã thắng lợi một phần lớn rồi, chúng tôi quyết giữ gìn xương máu của các an, đi nốt đến thắng lợi cuối cùng, trên con đường các anh đã đi...

Trên tường xà lim nào cũng ghi chít những tên người đã chết, những ngày giờ, năm tháng và những khẩu hiệu... Chúng tôi xem càng thấy truyền thống anh hùng của Đảng vĩ đại biết bao, càng thấy cuộc chiến đấu của chúng tôi thật sự chỉ là một bộ phận nhỏ bé của toàn bộ phong trào đấu tranh ở trong tù, càng thấy cái sống của chúng tôi là nhờ rất nhiều ở cái chết của các đồng chí khác.

Chúng tôi lĩnh những bảy suất cơm một bữa mà anh em lao 2 vẫn cứ còn cho chúng tôi rất nhiều nữa. Anh em tranh thủ dịp địch “xả cản” này, bồi dưỡng chúng tôi, để chúng tôi có sức chiến đấu lâu dài. Có thể nói ngày nào chúng tôi cũng “yến tiệc” linh đình. Anh em lao 2 cưng chúng tôi quá, nhường cho chúng tôi mọi thứ. Mổ lợn, cho chúng tôi cả bộ lòng. Các anh làm cho đủ món: thịt khìa, thịt phá xí, thịt bá đặc, chân giò ninh... Hôm nào chưa mổ lợn thì chiên khô, chiên mắm. Khô phải là khô cá lạt. Mắm phải là mắm thật ngon...

Anh em không tiếc chúng tôi cái gì. Đi làm khổ sai bắt được con trê, con rô cũng xách về nướng, rán lên đem cho chúng tôi. Chúng tôi phải ngăn các anh lại, sợ địch thấy ảnh hưởng của chúng tôi đối với lao 2 lớn như vậy, chúng có thể tìm cách làm khó dễ, thậm chí thủ tiêu ngầm chúng tôi.

Ăn ngon thế này, cái bụng chúng tôi tỏ “thái độ” ngay. Nó quen kham khổ rồi, không chịu được thịt, cá! Chúng tôi đã bị ỉa chảy rất dữ, ba tháng liền không khỏi.

Về ăn như thế, về thuốc men cũng vậy. Địch cho chúng tôi một, anh em lao 2 bằng cách riêng của mình cho chúng tôi hai, ba. Mà toàn là những cấmpôlông, những livơếchxtơắc, B.12...

Mấy ngày, đại úy Tám lại vào thăm chúng tôi một lần. Vào bao giờ cũng hỏi chúng tôi đã đứng được chưa và bảo chúng tôi taaph đi “Các ông chịu khó tập đứng, tập đi dần cho quen. Vịn tường đứng lên mỗi ngày vài bận, khi nào đi được rồi chúng tôi mời các ông đi coi thể thao, coi văn nghệ lành mạnh”.

Chúng tôi luôn luôn tỏ ra không mớ mường gì về cái ăn, cái uống. Chúng hỏi chúng tôi cần gì, chúng tôi nói không. Nhưng chúng tôi bàn nhau và thấy lúc này tôi nên đòi chúng món tiền hai trăm đồng bị chúng lấy dạo mới ra đảo. Chúng tôi nhận định lúc này đòi là chúng phải trả.

Quả nhiên, khi tôi hỏi thì tên Nghĩa nói: “Vâng, để tôi về báo cáo thiếu tá... Các ông còn ai gửi

gì nữa không?”. Thằng này khôn ngoan dùng từ “gửi”.

Hôm sau nó vào bảo tôi:

-Số tiền của ông, tra sổ thấy còn... ông muốn mua gì, xin ghi ra giấy.

Thật ra thằng Hòa đã trảm mất hai trăm đồng đó rồi. Thằng Nghĩa nói phét như vậy để ra vẻ chúng nó sổ sách minh bạch.

Chúng tôi ghi mua thế này: dầu cù là mấy hộp, hạt tiêu mấy chục đồng, gừng mấy chục đồng, mấy cái kim, mấy cuộn chỉ... Thừa đồng nào, mua tất thuốc lá rê và giấy cuộn.

Đọc các khoản chúng tôi nhờ mua, thằng địch ngán quá. Dầu cù là, hạt tiêu, gừng, tỏi, các thứ đó để dùng trong chuồng cọp tốt nhất. Còn thuốc lá thì toàn là thuốc rê, không phải Ruybi, Cô táp... tức là chúng tôi vẫn chuẩn bị lực lượng chiến đấu lâu dài.

Chúng tôi nhận được những thứ đặt mua, thấy nhiều quá hai trăm đồng. Thì ra anh em lao 2 lại cho thêm nữa.

Anh em lao 2 làm khổ sai gần khu vực xà lim thường hay nói vọng vào chúng tôi:

-Cảnh giác! Tấn công bằng vũ lực không xong thì tấn công bằng chính trị đấy!

-Cẩn thận, nó mua chuộc! Đừng để tê liệt ý chí...

Chúng tôi rất đồng ý với anh em. Chúng tôi nhận định có hai khả năng: một alf lâu nay hăm mãi chúng tôi vào chỗ chết, nay địch nói mở thật rộng thế này, không hề nói chính trị, không hề có thằng cải huấn nào gặp chúng tôi, có lẽ, chúng hạ thấp yêu cầu trước mắt, định cố gắng bằng biện pháp chính trị để đạt tới được một vài sự nhân nhượng nào đó ở phía chúng tôi; hai là do tình hình cách mạng bên ngoài biến chuyển sao đó chúng pahir thay đổi thái độ.

Thảo luận đường lối đấu tranh, chúng tôi vẫn giữ đường lối đã quyết định dạo nọ ở chuồng cọp. Về phương châm, chúng tôi thêm mấy điểm: nhân nhượng những cái gì có thể nhân nhượng được mà không phạm lập trường, nguyên tắc, nắm chắc tình hình và mở rộng phạm vi hoạt động.

Anh em lao 2 tìm cách trao đổi tình hình với chúng tôi. Nhờ anh em, chúng tôi được biết mười điều chính sách của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam cũng hư mấy nét chính của bản kiểm điểm tình hình năm 1961 của Đảng Nhân dân cách mạng. Là đầu tiên nghe tên Mặt trận, chúng tôi sung sướng hết sức. Tình hình cách mạng phát triển đáng phấn khởi quá. Phong trào cách mạng đang tiến rất nhanh, rất mạnh... Thảo nào, quân thù phải đối xử khác với chúng tôi. Tình hình này, chúng tôi càng cần theo dõi, nắm vững các diễn biến để, khi có thời cơ, có điều kiện thì phối hợp được với phong trào ở bên ngoài mà hành động ở đây.

Chúng tôi đã xem xét công tác của chúng tôi dựa vào bản kiểm điểm tình hình năm 1961 của Đảng. Đặc biệt, chúng tôi tập trung chống tư tưởng cầu an sợ chết, sợ gian khổ.

Trong thời gian ở xà lim lao 2 này, chúng tôi đã đặt ra nhiệm vụ kiểm điểm cuộc đấu tranh chống “ly khai” ở Côn đảo để rút kinh nghiệm cho bản thân, chuẩn bị bước vào đợt chiến đấu mới.

Công tác này, chúng tôi làm rất tỉ mỉ, kéo dài hằng tháng. Tất cả mọi vấn đề, mọi sự việc, mọi diễn biến, mọi tư tưởng trong suốt mấy năm qua đều được đưa ra mổ xẻ, phân tích, kết luận. Đợt kiểm điểm này đã có tác dụng rất to lớn đối với lập trường, tư tưởng của mỗi chúng tôi.

Chúng tôi nhất trí đánh giá rằng âm mưu của địch đánh phá nhà tù Côn Đảo đã thất bại. Tuy chịu nhiều hy sinh, tổn thất nhưng phong trào cách mạng đấu tranh của tù ở Côn Đảo đã thắng. Quân thù không xóa bỏ được cái tên lao 1, lao của những người chống “ly khai”. Lao 2 cũng tiếp tục đấu tranh và cuối cùng bẻ gãy được âm mưu của địch. Phá được âm mưu của địch là thắng. Cho nên, với chúng tôi, sống cũng là thắng, tàn tật cũng là thắng. Nói thế có nghĩa là phong trào đấu tranh ở trong tù thắng. Đảng thắng, uy thế cách mạng thắng, chân lý của chủ nghĩa Mác – Lênin thắng.

Chúng tôi thấy rõ hơn bao giờ hết bản chất phản động, bán nước hại dân che giấu dưới chiêu bài “Quốc gia” giả hiệu của quân thù muôn đời không thể “cải tạo” nổi ai. Chính sách “cải

huấn” của chúng chỉ là một thứ mảnh lới chính trị mang màu sắc cảnh sát, mật vụ nhằm mục đích truy bức tư tưởng, điều tra tư tưởng người tù, không thể “cải”, không thể “huấn” được người nào. Chính chúng đã phải nói ra mồm “Chính sách cải huấn chẳng cải được ai. 80% số người ra tù đều bỏ ra vùng giải phóng...” Chúng không có chính nghĩa, chúng chỉ dùng bao quyền phátxít, dùng cái chết để đánh phá khí tiết của người đảng viên, lòng yêu nước của quần chúng, chà đạp lên phẩm giá và các đạo lý thông thường của con người.

Trong khi đánh phá nhà tù, quân thù đã lộ hết bản chất phản động nhất của chúng. Chúng đã lộ nguyên hình là những con thú đội lốt người. Những con người thú ghê tởm biết bao! Và những người tù nhìn rõ bọn người thú đó, đã căm thù chúng đến tột độ, càng hướng về cách mạng, càng gắn bó với cách mạng, càng thấy không thể chúng sống với chúng được. Ngay những người lúc bị bắt chưa hiểu cách mạng, qua thời gian ở tù cũng đã giác ngộ và dấn thân vào cuộc đấu tranh.

Bản chất chính trị phản động bán nước hại dân của bọn địch quyết định sự thất bại và sự diệt vong tất yếu của chúng.

Chúng tôi đã giành phần lớn thời gian rút những kinh nghiệm đấu tranh thắng lợi ở trong nhà tù.

Trước hết, chúng tôi xác định lập trường chống “ly khai” cũng như chống chào cờ, chống học tập “tổ cộng” v.v... là tuyệt đối đúng. Bất cứ trường hợp nào, bất cứ đâu, bất cứ người nào, đảng viên hay cán bộ, nếu tự ý “ly khai”, chào cờ, học tập “tổ cộng” v.v... thì dứt khoát là sai. Lập trường của Đảng là gì? Nguyên tắc tư tưởng của Đảng là gì?

Lập trường của Đảng là đấu tranh cách mạng cho nhiệm vụ hiện tại, không mảy may đầu hàng, khuất phục trước quân thù, không mảy may thỏa hiệp, thủ tiêu đấu tranh.

Còn nguyên tắc tư tưởng của Đảng là trọn đời phục vụ Đảng và nhân dân, lợi ích cá nhân tuyệt đối phục tùng lợi ích cách mạng, khi lợi ích cá nhân mâu thuẫn với lợi ích cách mạng thì hy sinh lợi ích cá nhân, kể cả hy sinh tính mạng.

Thứ hai, chúng tôi đã thu được bài học rất sâu sắc về vai trò của tập thể. Chúng tôi đã bàn nhiều đến mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể, bàn nhiều đến lực lượng to lớn, quyết định của tập thể, của quần chúng, bàn đến sự cố gắng của cá nhân chiến đấu để xây dựng lực lượng tập thể ngày càng lớn mạnh. Vào tù, hằng ngày, hằng giờ hòa vào cuộc đấu tranh mới thấy tập thể vĩ đại vô cùng. Không thể rời tập thể mà sống, cũng như không thể rời tập thể mà thắng. Điều này chúng tôi có thừa chuyện chứng minh hùng hồn. Phong cách cách mạng của nhân dân, sự lãnh đạo của Đảng, tập thể lao 1, tập thể lao 2, cả những quần chúng yêu nước ở trong hàng ngũ của địch đã giúp đỡ chúng tôi thế nào, công ơn to lớn ấy, có thể nói luôn luôn chúng tôi thấy sáng chói.

Nhìn rộng ra nữa là truyền thống đấu tranh anh dũng của nhân dân, truyền thống của Đảng. Những sức mạnh tinh thần ấy không là sức mạnh của tập thể vĩ đại thì là gì? Đối với chúng tôi, truyền thống của dân tộc, của Đảng thể hiện hằng ngày nóng hổi và cụ thể ở hàng vạn năm mồ các liệt sĩ đã vùi thân đời đời vì cách mạng, vì nhân dân tại Hàng Dương, nóng hổi và cụ thể ở gần một ngàn cái chết của đảng viên và quần chúng trong phong trào chống chế độ Mỹ - Diệm ở nhà tù mấy năm qua. Tất cả những cái đó, chúng tôi đều coi là sự giúp đỡ quý báu của tập thể. Giúp đỡ trực tiếp, giúp đỡ gián tiếp, giúp đỡ vật chất, giúp đỡ tinh thần, trong mọi việc, chúng tôi đều thất sự có mặt quyết định của tập thể. Chúng tôi còn sống được về với Đảng, với dân cũng là do công lao của tập thể! Ở trong tù, chủ nghĩa anh hùng cá nhân không có tác dụng vững bền đâu. Mang chủ nghĩa anh hùng cá nhân, anh có thể kiên cường vượt qua được ít nhiều thử thách, anh có thể anh dũng trong một thời gian nào đó nhưng chắc chắn là anh không thể chiến đấu đến cùng được. Xa rời tập thể, muốn đứng cao hơn tập thể, sớm muộn anh sẽ giống một dòng nước mất nguồn, anh chẳng còn chút sinh lực nào nữa để chiến đấu.

Chúng tôi coi tập thể là có tác dụng quyết định, bao trùm, đồng thời cũng rất coi trọng tinh thần cá nhân cố gắng chiến đấu theo lập trường, nguyên tắc tư tưởng của Đảng. Đứng trong tập thể, có lập trường đúng và không ngừng phát huy tinh thần cá nhân cố gắng chiến đấu, đó là ba yếu tố quyết định thắng lợi. Có tinh thần tự mình cố gắng chiến đấu mới thể hiện được lập

trường đúng đắn và mới làm cho tập thể có sức mạnh. Tinh thần cá nhân cố gắng chiến đấu bắt nguồn từ động cơ chiến đấu duy nhất vì Đảng vì dân, không được để xen vào một khía cạnh, dù nhỏ đến đâu của chủ nghĩa cá nhân. Chúng tôi tạm rút ra kết luận là cần phải thực hiện hai điều “không” và một điều cảnh giác:

Không tính toán theo lợi ích cá nhân.

Không tính toán theo tình hình khó dễ.

Luôn luôn cảnh giác với những tư tưởng phi vô sản trong bản thân mình.

Thứ ba, bất cứ ai, không kể cán bộ, đảng viên hoặc quần chúng ngoài Đảng, nếu có tinh thần dũng cảm, quyết tâm, quyết tử chiến đấu cho cách mạng thì đều có thể chiến đấu anh dũng và chiến đấu đến cùng được. Bất cứ ai, nếu không có tinh thần dũng cảm, quyết tâm, quyết tử chiến đấu cho cách mạng thì rồi sẽ đầu hàng, khuất phục trước kẻ thù. Trong thực tế, chúng tôi đã chứng kiến biết bao đảng viên, quần chúng anh dũng chiến đấu đến hơi thở cuối cùng, dâng trọn vẹn cuộc đời cho cách mạng, coi cái chết cho cách mạng là tốt đỉnh vinh quang. Và cũng có người giữa chừng bỏ cuộc, thậm chí có kẻ đi tới đầu hàng phản bội.

Chúng tôi nghiệm thấy rằng khi nào có tinh thần và ý chí chiến đấu trên đây thì con người sẽ bình tĩnh, tỉnh táo, thông minh và đo đó sáng tạo ra được nhiều phương thức chiến đấu linh hoạt, đi tới thắng lợi. Ở trong tù rất cần có mưu trí và mưu trí chỉ có được nếu bình tĩnh, sáng suốt, tỉnh táo...

Đặc biệt, khi đã bước tới bên lề cái chết, đã đến ngưỡng cửa của cái chết, phải nhào phắt vào trong đó thì mới chết được cho cách mạng. Chỉ chần chừ một tích tắc là không thể chết được. Nhào phắt vào cái chết, không do dự, chần chừ, đó là biểu hiện cao nhất của lòng dũng cảm.

Muốn nhào phắt được vào cái chết như vậy, con người không được luyến tiếc bất cứ cái gì. Tất cả chỉ còn có hai chữ Cách mạng và Quyết thắng.

Tư tưởng của người tù phải giữ như một khối sắt thép bền vững, không có chỗ nào mỏng, không có khe nào rạn để có thể bể vỡ được. Con người khi gặp hoàn cảnh đau thương nhất, khi kề bên cái chết thường dễ nảy ra tư tưởng tiêu cực, duy tâm. Lúc tư tưởng tiêu cực thoáng chạy qua óc là trong con người bắt đầu có khởi điểm của hành động đầu hàng, khuất phục trước quân thù, cần phải hết sức cảnh giác.

Chúng tôi thấm thía nhắc nhau cần phải luôn luôn ghi nhớ trong lòng phương châm: “Trong công tác thì so sánh với người tích cực nhất, trong hưởng thụ thì so sánh với người thấp nhất”. Hãy so sánh với những ai về mặt tuổi đảng, tuổi đời và cương vị công tác đều không bằng mình mà lại hy sinh được hơn mình. Còn nếu so sánh với người về mặt tuổi đảng, tuổi đời và cương vị công tác đều hơn mình thì dễ có thể vin vào đó mà nói: “Vì đồng chí ấy hơn ta mọi cái cho nên hy sinh được hơn ta!”.

Thứ bốn, đánh giá đúng lực lượng ta và địch cũng là một kinh nghiệm rất lớn. Không vì thấy quân thù tàn bạo, man rợ có xe tăng, súng lớn trong khi ta chỉ cò hai bàn tay trắng, bị giam cầm như cá nằm trong chậu mà khiếp sợ, cho rằng chúng có thể tùy ý muốn tiêu diệt ta thế nào cũng được.

Đánh giá lực lượng ta và địch, cần chú trọng mặt chất lượng, tránh lối nhìn cục bộ, và lối nhìn đơn thuần ở mặt vật chất, số lượng. Mặt khác, đánh giá lực lượng ta và địch, phải tuân theo nguyên tắc: tìm khó khăn, thuận lợi để rút ra phương án đánh thắng địch, chứ không phải hoang mang bỏ chạy. Vì thật ra, trong đấu tranh cách mạng luôn luôn có khó khăn, bên cạnh khó khăn có thuận lợi, trong thuận lợi lại có khó khăn.

Thứ năm, trong bất cứ hoàn cảnh nào, dù hoàn cảnh ấy có những đặc điểm riêng đến đâu cũng không được vất bỏ nguyên tắc chung của Đảng. Những người chủ trương “ly khai” đã lấy đặc điểm tình hình của nhĩ tù là địch khủng bố dã man, quyết tâm đánh phá, tiêu diệt ta mà lại nguyên tắc chung của Đảng là “trọn đời phục vụ Đảng và nhân dân, lợi ích cá nhân tuyệt đối phục tùng lợi ích cách mạng, khi cách mạng cần đến, sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân, kể cả hy sinh tính mạng”.

Thứ sáu, mỗi người tù đều cần tiến hành đấu tranh về ba mặt: với địch, với nội bộ và với bản

thân. Ba mặt này liên quan chặt chẽ với nhau. Nhưng đấu tranh với bản thân mình là cái chính, là cái quyết định thắng lợi. Có đấu tranh thắng những tư tưởng phi vô sản trong bản thân mới đoàn kết được nội bộ và đấu tranh thắng địch được.

Đấu tranh tư tưởng trong bản thân là rất khó, nhưng hoàn toàn có thể làm được. Chỉ khi nào chiến thắng được kẻ thù tư tưởng phi vô sản trong người mới chiến thắng được kẻ thù giai cấp ở ngoài xã hội. Và cũng chỉ trong đấu tranh liên tục với kẻ thù mới dần dần nâng cao trình độ tư tưởng của mình lên được. Chân lý này, vào tù chúng tôi càng thấy rõ.

Thứ bảy, con người ra khi một lòng, một dạ phục vụ cách mạng và nhân dân thì nhân phẩm cao đẹp, có nhiều đức tính cách mạng và được nhân dân yêu mến, quân thù khiếp sợ. Trái lại, khi người nào đầu hàng, phản bội thì lập tức mất hết nhân phẩm, trở thành hèn hạ. Nhân dân lên án họ và quân thù cũng khinh bỉ họ. Cho nên, giá trị của con người là ở chỗ cách mạng hay không cách mạng. Tất cả mọi sự quang vinh đều là của cách mạng.

Sau 2 tháng ở xà lim lao 2, năm người lại bị đưa về chuồng cọp. Do âm mưu của Hai Quảng - tên phản bội vô liêm sỉ - bọn địch yêu cầu năm người ghi cảm tưởng và trả lời những câu hỏi do chúng đặt ra nhưng năm người đã bàn bạc cân nhắc và biết giống nhau, không để mắc mưu kẻ thù. Cuối tháng 5, địch lại ra lệnh cấm cố năm người như tình trạng cũ. Thắng Phạm Kỳ Long (công an của ta, đã phản bội sau khi bị địch bắt, thêm khát ra tù, thêm khát cái chức công an của địch nên đã thi hành lệnh đó một cách "sáng tạo". Dưới bàn tay của nó, năm người đã sống những ngày cực kỳ đau khổ suốt ba tháng trời.

Bọn địch có kế hoạch dời tù khỏi Côn Đảo, xây dựng Côn Đảo thành một căn cứ hậu cần quân sự ở giữa biển. Chiều 30 tháng 3, chúng đưa tù về đất liền, cho cả năm người chuồng cọp cùng về mục đích là muốn xóa tên chuồng cọp không hay gì cho chúng. Anh em gặp nhau vui mừng sung sướng, hứa cùng nhau về đất liền giữ vững tư thế tù Côn Đảo, giữ vững khí tiết, tiếp tục đấu tranh.

Về tới đất liền, địch chia anh em Côn Đảo thành hai toán: Một toán đi Phú Lợi, một toán đi Biên Hòa. Ở Phú Lợi, mấy chục anh em tù Côn Đảo về lập tức thành mục tiêu của anh em tù Phú Lợi cũng như của địch. Anh em hết lòng bảo vệ, giúp đỡ, săn sóc tù Côn Đảo, đặc biệt là năm người chống "ly khai" ở chuồng cọp. Phong trào chống chào cờ, học tập ở Phú Lợi, từ ngày có anh em tù Côn Đảo về đã lên cao. Bọn địch thì tỏ ra gờm tù Côn Đảo. Đánh đập không khuất phục nổi ý chí gang thép của năm người tù Côn Đảo, chúng liền nhốt cả vào xà lim kỷ luật.

Bỏ ý định xây dựng Côn Đảo thành căn cứ hậu cần quân sự, địch lại đưa tù ra Côn Đảo, năm người chuồng cọp bị đày ra đảo ngay từ chuyến đầu...

... Lại cầu tàu, lại những mái nhà lao trùng điệp, lại dinh "ông lớn", lại những nét mặt hung ác, những giọng nói cục cằn, quen thuộc.

Và lại cái tiết mục không thể thiếu: đàn áp phủ đầu khi tàu vừa hạ neo.

"Ly khai" thì sang đây... Không "ly khai" thì sang đây rồi chết... Côn Đảo là địa ngục trần gian, là "thiên đường" của cộng sản...

Đặt chân lên bờ, mấy anh chục công chúng tôi đi, chúng tôi nói:

-Cứ để chúng tôi đây mặc cho chúng giải quyết.

Năm chúng tôi nằm còng queo ở bãi cỏ bên đường, ngay cái chỗ cách đây mấy tháng chúng tôi chờ xuống tàu.

Hậm hộc quát tháo một lúc, sà đến thấy chúng tôi, chúng lại nói:

-Hừ, năm ông tướng lại ra à?

-Duyên nợ với Côn Đảo nặng thế, ông nội?

Xe chở chúng tôi vừa tới lao 3, tên trung sĩ Kem đã xua tay:

-Thôi, thôi, quay xe cho họ về quê hương của họ thôi.

Về quê hương là về chuồng cọp. Thằng “hung thần Phú Lợi”, trung sĩ Trị lúc này coi chuồng cọp thấy chúng tôi, cười gằn: “À hà hà! Về đây! Về đây!”.

Lại mỗi người một gian, lại lột hết quần áo, lại cơm muối, nước sinh, và lại mỗi đêm ba lần xối nước.

Chúng tôi bảo nhau la thật to để báo tin cho anh em bên ngoài biết chúng tôi đã trở ra đảo. Chúng tôi la dữ lắm, bọn đi tuần đêm phải báo cáo không hiểu vì có gì chuồng cọp la làm mất cả trật tự. Và do đó chúng thôi xối nước.

Nhưng đêm đến, thằng Trị lại lôi ba anh Tuấn, Kỳ, Quới ra đánh. Chúng đánh các anh rất ác. Thằng Trị cứ bóp cổ các anh ằng ặc rồi ngồi lên ngực các anh rít lên:

-Không “ly khai” thì chết đi, chết đi...

Nó bắt anh Tuấn, anh Quới “ly khai” và xé cờ. Hai anh không nghe, nó bỏ đói, bỏ khát và xối nước liên liên.

Chiều 30 tết Nguyên Đán Quý Mão (1963), thằng Thế xuống chuồng cọp. Nó nhìn chăm chăm chúng tôi:

-Mấy người cũ phải không? Hừ, về trong ấy chắc lại không chịu theo người ta mới trở ra đây chứ gì?... Thôi vô...

Chúng tôi vừa trở vào, thằng Thế liền cầm gậy đánh luôn các anh lao 2 bị nhốt ở chuồng cọp.

Chuyến này, thằng Trị đã giấu biệt ba anh Kỳ, Tuấn, Quới, không đưa cho thằng Thế đánh. Nó muốn tự tay được hành hạ, thủ tiêu ba anh. Ngày ở Phú Lợi, ba anh chống chính diện suốt một năm trời, đã từng có lần đấu lý với nó và làm cho nó bẽ mặt, nó thù ba anh đến tận xương tủy. Sáng mồng một, anh Kỳ tranh thủ nói cho chúng tôi nghe một số tình hình cách mạng ở bên ngoài và chúng tôi làm thơ xuân với nhau. Tôi nhớ lúc ấy tôi có mảy mò ghép được mấy câu như sau:

Lần này trở lại Côn Lôn

Chế độ giam cầm khủng khiếp hơn

Cơm muối nửa lưng ăn xót ruột

Quần đùi một mảnh lạnh ghê xương

Ngày đêm đánh đập thân tàn phế

Bó gối co ro ngủ chập chờn

Gian khổ xá gì thân chiến sĩ

Một lòng vì Đảng, dạ không sờn.

Đêm mồng một tết, chúng không cho anh Tuấn, anh Quới mặc quần áo và bắt đầu xối nước. Sáng hôm sau, lại bắt hai anh nhịn cơm. Và từ đấy đêm nào chúng cũng xối nước hai anh. Thằng Trị thường xuyên lôi hai anh ra đánh. Thằng này toàn bóp cổ. Nó bóp hai anh không chết, nhưng sức hai anh kiệt quệ rồi. Đến ngày thứ mười, nó cho một tên y tá đi lướt trên trần rêu rao: “Khám bệnh cho ba ông Tuấn, Kỳ, Quới mà mệt quá xá, phát thuốc tốt cả đấy!”. Tên y tá nói thế để cho thằng Trị lên vào lấy thuốc giấu ở khe tường của gian chuồng cọp nhốt các anh và vu ăm lên rằng các anh không chịu uống thuốc cho nên chết. Chúng tôi nghe thấy kiểu tên y tá rêu rao như vậy đoán biết thế nào thằng Trị cũng giết bằng được các anh thôi. Tôi nghĩ thầm: “Chị Quới cũng làm nghề thuốc, chắc chị đọc trong sách thương thấy nói thấy thuốc cứu nhân độ thế, nhưng chị có biết đâu rằng ở Côn Đảo này thầy thuốc đã “cứu” anh Quới thế nào không?”.

Đến ngày mười sáu, địch vẫn tiếp tục bỏ đói, bỏ khát và đêm đêm xối nước thì anh Quới chết. Thằng Trị thỏa mãn hí hửng lộ ra mặt, xoay tay đi trên đầu chuồng cọp ra lệnh cho hai anh Tuấn, Kỳ mặc quần áo và lôi đi đâu, chúng tôi không biết. Chuồng cọp còn lại năm chúng tôi như trước.

*

Trời dần dần sang hè. Thôi không phải ngủ ngồi nữa. Suốt cả vụ rét vừa qua, chúng tôi toàn

ngồi bó gooid ngủ. Đầu gục vào cánh tay mà ngủ. Lạnh không dám đặt dính dít, dính lưng xuống sàn xi măng nữa.

Bây giờ sang hè đỡ bó gôi co ro nhưng lại buồn chán, buồn tay và hay nghĩ lan man. Phải kiếm cái trò gì chơi cho khuây khỏa. Một bữa tình cờ tôi thấy một đàn kiến đen leo từ đất lên tường. Tôi sực nhớ lại một trò chơi lúc còn nhỏ. Tôi đập một con ruồi xâu nó vào một cái que và ở đầu cái que này, buộc một cái lông gà rút ở trong cây chổi bé choắt của tôi ra. Tôi đặt con ruồi cùng cái lệ bộ lĩnh kính kia xuống đất rồi nằm dài ra bệ chờ xem. Đàn kiến đánh hơi thấy mồi rất nhanh. Một con, hai con, ba con “trình sát” đến đụng vào cái mồi rồi chạy như bay. Loáng sau, mặt đất đã đầy những kiến. Chúng xúm vào tha con mồi trên tường. Cái lông gà lúc này xoay tròn trông rất ngộ. Và cái nét đặc sắc trong tiết mục này là ở cái chổi lông gà xoay tròn ấy. Một cơn gió thổi, cái lông gà xoay tít và rơi xuống, kéo theo cả con ruồi và đàn kiến. Đàn kiến lại bầu kín lấy con mồi và tha lên lối cũ. Cái lông gà lại quay tròn rất ngộ. Rồi một cơn gió lại thổi... Sau hai ngày vất vả, vật lộn không ngừng với cái mồi và với gió, đàn kiến đã tha được con ruồi cùng cái que và cái lông gà lên tận đỉnh tường và biến mất ở trên trần. Tôi nhìn theo cho đến lúc mất hút cái lông gà.

Giống kiến kiên nhẫn thật! Vì sự sống, chúng kiên nhẫn vật lộn đến thế. Mình cũng vậy, vì cái sống của cách mạng và của bản thân mình, mình kiên nhẫn thể này... Nghĩ lẫn thần như thế, tôi thấy hay hay và muốn có một đàn kiến luôn luôn ở gần bên để xem xét sinh hoạt của chúng.

Đàn kiến trên trần không trở lại nữa, chúng dọn đi đâu mất. May sao có ổ mới ngay. Ổ này nằm ở trong một chỗ nứt dưới chân bệ nằm. Để bọn này kéo lông gà thì nhẹ nhàng quá. Chúng ở dưới đất, tha đi dễ như bỡn. Tôi bèn lượm những hột cơm vãi, nặn thành một cục tròn – trước thì những hạt cơm này cho vào mồm – cắm vào đó mấy cái tăm như kiểu chân kiềng, ở mỗi đầu tăm xâu vài con ruồi vắt đẩy cho kiến khênh. Cục cơm nhỏ, kiến khênh bằng bằng. Cục cơm nặn to bằng hòn bi thì kiến gọi nhau ra đen kịt mặt đất và đẩy cả cục cơm kia đi như có bánh xe ở bên dưới vậy. Tôi chơi khăm hơn: nặn cục cơm hơi dẹt, cắm ba cái tăm chĩa ra ba cạnh lệch nhau như cánh chong chóng. Lúc bấy giờ đàn kiến không dễ ăn rồi. Càng đẩy, cục cơm càng quay tròn chứ không lăn đi nữa. Đàn kiến không chịu bỏ mồi. Chúng đẩy, chúng đẩy... Cục cơm và các con ruồi quay tít, quay tít. Một buổi sáng, một buổi chiều. Và buổi chiều hôm sau nữa. Đàn kiến vẫn hì hục đẩy, số lượng kiến không hề giảm bớt. Nửa đêm tôi thức giấc, ngó nhìn xuống vẫn thấy chúng lăn xả vào cục cơm, bận rộn, rối rít, chăm chỉ. Đến ngày thứ ba, cục cơm và mấy cái đầu tăm nằm lơ lửng ở trên mặt đất. Mấy con ruồi mất tích rồi. Đàn kiến cũng vắng không. Bãi “chiến trường” yên lặng hoàn toàn. Cục cơm lổ chỗ như bị rỗ, đã khô cứng.

Tôi thơ thần chơi với kiến suốt ngày và như vậy vừa đỡ buồn mà cũng lại có lợi. Ít nhất cũng học được ở đàn kiến tính chăm chỉ, kiên nhẫn và đoàn kết.

Xem kiến mãi lại nhìn tường. Nhìn để tìm dấu vết các kho bí mật. Xà lim nào thoáng trông cũng đều giống nhau nhưng thật ra mỗi xà lim lại có đặc điểm riêng. Mỗi bức tường xà lim đều có những nét “địa lý” đặc biệt của nó. Đi sâu vào các nét “địa lý” ấy, có thể sẽ tìm ra những điều bí mật và lý thú: một cái kho chẳng hạn. Trong kho có mấy hạt tiêu, một mẩu gừng khô quắt, một đầu tăm thuốc cảm... Người chủ cái kho này có thể đã chết cách đây hơn mười năm nhưng những của cải rất ít ỏi nọ, theo ý của chủ vẫn còn lại đây và phục vụ đắc lực được cho cuộc đấu tranh hiện nay của chúng tôi... Ở một gian chuồng cọp, tôi đã tìm thấy một cái đuôi cá khô, mốc dày đến nửa phân nhưng còn đủ mặn để nhấm khi bị đánh đau. (Những mẩu cá này, theo anh em nói, những đêm thật tối, đèn điện hỏng, thường vẫn phát ra ánh sáng xanh mờ mờ trong cái kho kín đáo). Bên cạnh cái đuôi cá khô là một mảnh giấy vàng khè chỉ đọc được mấy chữ ở trên cùng “Hôm nay, mồng 1 tháng 5 năm 1951, ngày hội của...”. Một bài diễn văn trong tù cách đây đã hơn mười năm...

Chính trong căn chuồng cọp số 32 này, tôi đã tìm thấy qua những vết vôi ố loang ở trên tường hình của Hồ Chủ tịch, cũng như tôi đã tìm thấy hình của Lênin, ở gian 47 hay 48 dạo nọ. Không thấy thì thôi, chứ một khi đã bắt đầu nhận ra là rất lạ, càng trông càng thấy giống. Giống vô cùng kia. Bác cầm một bó hoa giơ lên và Bác cười. Dưới chân Bác là hình hai người đang co cẳng chạy. Một người gầy, mũi lõ, cắp một cây gậy ở nách, tôi gọi là Mỹ. Một người thấp, hai tay giơ lên đầu, tôi gọi là Diêm. Một chiếc giày của nó văng ra xa. Nằm mà xem mấy cái hình này

hết sức thú vị. Tôi đâm ra nghĩ lẫn thẩn rằng tôi nhất định sống về được với Đảng, với dân. Cái hình này chẳng là một cái hình có nhiều ý nghĩa đó sao? Bác vào Sài Gòn thăm đồng bào, đang giờ hoa vậy chớa đồng bào ta đó thôi.

Tôi cứ tiếc mãi rằng ở cạnh hình của Bác lại là cửa ra vào. Hình như nếu ở đấy không vương cửa thì sẽ còn nhiều hình đẹp nữa cho tôi xem...

Anh Nguyễn Minh bị địch đưa về đất liền trong dịp này. Một hôm, vào tháng năm, chúng gọi anh ra bắt mang theo cả đồ đạc. Lúc đầu, chúng tôi tưởng chúng đem anh đến một nơi nào đó ở đảo nhằm một âm mưu nào đó, nhưng sau được tin anh về đất liền. Anh Minh là đồng chí trẻ nhất trong đám những người ở chuồng cọp. Anh quê ở Bình Thuận, làm nghề thợ mộc, tham gia du kích xã từ lâu. Sau ngày hào bình lập lại, anh về Sài Gòn và vài năm sau, bị bắt. Có đạo, anh đã cùng ở Gia Định, Thủ Đức với tôi và cháu Mười. Lúc đó, anh đấu tranh chống chính diện rất hăng. Tháng 7 năm 1959, bị địch đày ra Côn Lôn, anh chống “ly khai” và về lao 1 từ ngày đầu tiên ra đảo, kiên trì cuộc đấu tranh chống “ly khai” cho đến ngày ra tù. Chúng tôi rất mến anh, người đồng chí mới chừng ba mươi tuổi mà rất chắc chắn, vững vàng. Anh ít nói nhưng đối với địch lại hay bóp chát, búa bổ; Chúng tôi thường gọi đùa anh là “em ông già Ngọc” ở cái chỗ đó. Có một lần, một tên công an hỏi anh:

-Tại sao cứ nằm đó chịu khổ mà không “ly khai”?

-Các ông là đồ dã man – anh Minh nói - Các ông đày ải chúng tôi thế này à? Chúng tôi là người, chứ đâu phải mình đồng da sắt, chúng tôi thử hành hạ các ông thế này một buổi xem các ông có chịu nổi được không?

Gọi thằng địch là “đồ” như vậy không dễ đâu!

Tôi nhớ mãi, ngày thằng Y đánh phá lao 1 ở sân Hý viên, tôi gặp anh ở chỗ đi tiểu, khế bảo anh: “Tình thế gay go đấy, cố gắng làm tròn nghĩa vụ đảng viên...” thì anh nhỏ nhẹ: “Tôi chết thì thôi, chứ đâu lại có “ly khai” à?”.

Hôm địch đưa anh về đất liền, chúng tôi rất lo ngại. Lúc anh rời chuồng cọp, tôi đã tranh thủ bảo anh:

-Nó đưa về đất liền là gặp nhiều khó khăn đấy. Cần cảnh giác, tránh âm mưu ám hại, thủ tiêu giữa đường. Nhớ luôn luôn chống chính diện, nắm vững ngọn cờ tiên phong của Đảng!

Anh Minh lại buông gọn có một câu cụt lủn như hôm anof:

-Tôi chết thì thôi chứ lại...

Địch đưa anh về giam ở “trung tâm cải huấn” Biên Hòa. Cái “trung tâm” nổi tiếng là nơi lấy máu người này đã tra tấn anh hằng năm sáu tháng liền. Chúng lột anh trần truồng nhốt xà lim ở bên rừng và anh yếu đi rất nhanh. Được một thời gian, địch chuyển anh đi Năm Căn thuộc rừng U Minh Hạ. Ở đây – sau này ra tù, chúng tôi được biết – anh Minh đã vượt ngục thành công, trong một vụ vượt ngục tập thể của hàng trăm tù một lúc.

Trong những ngày hè nóng nực của năm 1963 này, chúng tôi bị một đợt khủng bố khủng khiếp hiểm có. Quân thù bỏ khát chúng tôi mười tám ngày liền. Chúng bắt chúng tôi ăn cơm muối, nhưng không cho một giọt nước uống. Lúc này vào cuối tháng sáu.

Chúng lẳng lẳng bỏ khát chúng tôi chẳng nói chẳng rằng. Và hình phạt dã man này tuy im ắng, không ồn ào đã lập tức làm cho chúng tôi lao đao ngay từ ngày đầu. Cơm ăn với muối mà không cho một hớp nước nào, chịu sao nổi?

La không hay la? La thì nguy! La cố càng khát hơn. Thế nằm im chờ chết à? Không được! Nhưng chúng sẽ bỏ khát đến bao giờ? Chuyển này bỏ khát cho đến chết hay sao?

Chúng tôi ở tù đã hiểu rõ cái khổ của sự khát nhưng lần này là lần đầu tiên chúng tôi bị cái khát lôi đến bên bờ vực thẳm của cái chết. Khát mấy ngày đầu, chúng tôi đá ra uống. Đá ra lòng bàn tay mà uống. Mà không phải uống đau, là húp. Nước đá về sau chỉ đủ vống vãnh, lang lảng ở trong lòng bàn tay, khế húp một cái hết trơn. Đến ngày thứ tư, thứ năm thì nước đá đỏ và sánh như mật. Và đến ngày thứ sáu, thứ bảy thì không đá ra giọt nào nữa. Chúng tôi nằm liệt. Cổ họng như có ai đem rắc cát vào. Máu trong người chảy nặng hẳn lại, lừ lừ, chậm chạp và đau trong các mạch máu. Tim đập rất mạnh và da khô tưởng cong rộp cả lên. Người chúng

tôi bây giờ không bình thường nữa, cứ li bì đêm ngày. Li bì mà chấp chờn. Vẫn thấy cảnh vật chung quanh, vẫn nghe thấy chúng đánh bạc ở góc nhà, vẫn nghe tiếng mưa tí tách ngoài hè mà vẫn không tỉnh.

Đến ngày thứ mười, máu rỉ ra ở tai, ở mũi và ở mồm. Tôi nghĩ thầm: “Lát nữa mình chết rồi đây! Kỳ thật, không ngờ mình lại chết bằng cái khát. Anh Tín cũng chết khát, ừ anh Tín cũng chết khát... Anh ấy có những cảm giác như mình bây giờ không? Nhưng dạo ấy sao anh Tín chết nhanh vậy. Còn anh Hiếu, anh Hiếu lại chết vì xối nước. Người chết khô, người chết ướt... Mình chết khô. Chết ướt có lẽ hay hơn, thích hơn... Nhưng không bằng ông già Ngọc, anh Hoàng Sơn... Các ông ấy chết vì bị đánh. Chết kiểu ấy mới thích nhất. Được đối mặt với quân thù và được chết nhanh. Chết nhanh vẫn là sướng hơn cả...”

Nghĩ vậy vợ vài ba giây rồi lại mê đi. Mê đi lại thấy toàn nước là nước. Và khi tỉnh dậy mới khổ. Cảm giác hưởng được trong cơn mê làm cho cái khát tăng lên gấp bội.

Tôi nghĩ thấy phải làm một cái gì trước khi chết. Đúng rồi, tôi sẽ viết lập trường chống “ly khai” và tội ác của địch lên tường chuồng cọp này. Viết khoảng một trăm chữ thôi, thật súc tích, ngắn gọn. Cắn tay lấy máu mà viết. Và viết thật đúng lúc. Viết sớm chúng nó biết chúng nó đánh chết thì uống... Nhưng ngộ nhớ trong người hết ráo cả máu rồi thì làm thế nào? Phải phòng xa cái chuyện ấy. Đời là lắm sự éo le lắm đây. Phải rồi, có mẫu san hô đây, viết xuống sàn cũng được.

Đã bao nhiêu lần tôi chuẩn bị viết nhưng lại cố nán. May sao, lúc này gặp mấy trận mưa to, không khí ẩm ướt, chúng tôi cũng phần nào đỡ khát.

Dư luận bên lao 2 phản đối địch bỏ khát bốn người chống “ly khai” ở chuồng cọp. Trong hàng ngũ địch cũng không ít người tỏ thái độ phản đối. Lúc này chúng tôi mới biết, chính thằng Thế đã ra cái lên tào ác này. Lo việc nó tham ô, ăn đút lót bị bại lộ, nó đánh dữ vào chúng tôi để lập công che đi.

Nhưng bọn nó vẫn bị bọn bên dưới nó ghen ăn cố tình hất nó đi bằng được. Nó phải về đất liền nhường cái đất béo bở này cho tên thiếu tá Sáu, một tên chuyên môn giữ tù, đã hai lần làm giám đốc nhà tù Thủ Đức và một lần làm giám đốc nhà tù Chí Hòa.

Ngày thứ mười lăm bị khát, chúng tôi đang nằm thiêm thiếp chợt thấy bên ngoài có tiếng hô “ủng hộ”, “đả đảo” rồi tiếng chào ra “Chào tân thiếu tá tỉnh trưởng”.

Ba ngày sau, tên đại úy phó tỉnh trưởng mở cửa nhìn chúng tôi. Một lúc, mấy người trật tự viên mang nước vào cho chúng tôi. Chúng tôi chỉ nhắm nhấp từ từ vài hớp nhỏ. Uống thỏa bây giờ là chết.

Thế là, một lần nữa, chúng tôi lại thắng quân thù và cái chết. Quân thù thất bại lại giở trò “xả càn”. Lại mở cửa, lại thuốc men, lại cơm nước như hồi “xả càn” đầu năm 1962 ở xà lim lao 2 vậy. Chỉ khác có điều bây giờ chúng không cho ăn gấp hai và thằng Trị còn coi ở chuồng cọp vẫn hằm hè, chúng tôi vẫn phải cảnh giác.

Một bác sĩ quân y vào khám bệnh cho chúng tôi đã nói với mấy người y tá đứng bên cạnh:

-Cộng sản giỏi tổ chức lắm cho nên mấy người này mới còn sống.

Thời gian này chúng tôi đã nhận được một món quà khá lạ. Một người bí mật biểu chúng tôi một ít đồ vật rất quý, kèm một lời nhắn gửi: “Xin kính tặng bốn vị...”

Quả đất thật là tròn. Dun dủi làm sao tôi lại được gặp lại người bạn tù trẻ tuổi mà tôi xa cách đã mấy năm trời: Hà Minh Trí. Hà Minh Trí về chuồng cọp độ nửa tháng nay. Một hôm, tình cờ nghe thấy bọn địch gọi tên Hà Minh Trí, tôi giật mình và mới hay Trí đã ra Côn Đảo, ở cách chỗ tôi có chừng năm, sáu gian để không. Tôi muốn đánh tiếng chi Trí quá mà không biết làm thế nào. Vò đầu nghĩ mẹo mãi không ra đành chịu. Một lần nghe tiếng Trí nói với bọn trật tự viên rất rõ:

-Cơm nước thế này ăn sao được, hả?

Bọn trật tự viên nhắm nhẩn:

-Vào tù rồi còn đòi gì nữa?

Giọng Trí nghiêm nghị:

-Này, cấm nói năng như thế, nghe không?

Người con trai trẻ tuổi này hiên ngang lắm. Tôi càng ước ao muốn được nhìn Hà Minh Trí một cái, một cái thôi.

Và âu cũng là “hữu duyên thiên lý năng tương ngộ”, một bữa tôi bò ra giếng tắm, khi đi qua gian Hà Minh Trí thì cánh cửa của gian Hà Minh Trí lúc đó may sao lại mở. Tôi mừng rơn, đang lom khom bò vờ đổi sang lết, lấy cớ đó dừng lại nhìn vào.

Ngồi dựa lưng vào tường, Trí thấy tôi. Trông rõ Trí, tôi muốn rẽ quặt quay ngay vào. Trí độ này gầy, má hóp nhiều. Trong ánh mắt chột bùng sáng lên của Trí, tôi như đọc thấy cái ý:

-Anh Thịnh! Ôi, suýt nữa tôi không nhận ra anh. Tôi biết anh ở đây, tôi biết và mong anh quá!

Lúc tắm xong trở vào, cánh cửa của gian Hà Minh Trí đã đóng. Nhưng tôi vẫn còn thấy hiện lên trên nền cửa sắt đen ngòm hai con mắt của Trí đang nhìn tôi, hai con mắt mừng, thương, sững sờ... Từ đó, hai chúng tôi không gặp lại nhau nữa! Nghe đâu sau này anh cũng ra tù.

Hồi này, địch đưa ra Côn Đảo một số người tham gia vụ đảo chính hụt ngày 11 tháng 11 như Phan Quang Đán, Phan Khắc Sửu, Phan Trọng Chinh... Địch lấy một vài người trong đám này ra làm việc ở ban an ninh, tức điều tra, khai thác tù chính trị. Tên Phan Trọng Chinh vào chuồng cạp làm cái việc đó.

Chinh là con trai Phan Trọng Vinh, một nhân vật quan trọng của Việt Nam Quốc dân đảng thời kỳ 1945 – 1946. Vinh theo Lư Hán về Hà Nội làm loạn và khi Lư Hán rút đi, Vinh lại theo đi. Chinh nói với chúng tôi:

-Chúng tôi lúc bấy giờ, chà chà, có lực lượng lắm, đã nắm chính quyền ở một số tỉnh... Chúng tôi bị thất bại là rất đau. Ông bố tôi lúc chết đi có trối lại cho tôi một câu chí lý, uyên thâm lắm. Cái câu thế này: “Cái việc nên làm cũng là chính trị, cái việc không nên làm cũng là chính trị...”. Hay thật, ngẫm ra câu nói hay thật...

Tên Chinh sắc mùi phản động. Nó thù cộng sản đến xương tủy. Nó thích đem lý luận ra tranh cãi với chúng tôi. Nhưng chúng tôi toàn tránh, không hơi đâu cãi nhau với nó. Nó đặc ý với bọn công an:

-Tuồng đâu ghê gớm thế nào nhưng thảo luận thì thấy trình độ cũng xoàng...

Chính thẳng này đã có lần nói với Hà Minh Trí và tôi nghe thấy:

-Anh Trí, anh có nhận rằng những người “quốc gia” chúng mình tồi không? Tồi lắm, anh ạ! Lúc chưa bị bắt thì thế này thế nọ, lúc bị bắt thì chưa ăn cái tát đã khai ra ông ổng. Như ông Đán ấy, khai ra có đến mấy trăm người... Khi vào tù thì làm đơn xin Diệm, Nhu tha lỗi, xin được ra tù hợp tác với Diệm, Nhu đánh Việt cộng... Bây giờ ra Côn Đảo lại làm đơn như thế nữa đấy, mấy mươi người ký rồi... Mấy người cộng sản kia họ là kẻ thù nhưng về mặt tinh thần, tôi thấy họ rất đáng kính phục. Tôi mà làm chính quyền thì tôi xây ngay nhà lầu cho họ ở...

Nó cũng từng nói hằn với chúng tôi:

-Các ông với chúng tôi là thù địch, nhưng riêng về tinh thần của các ông, tôi rất phục.

Chinh có một kế hoạch đánh phá lao 2 khá sâu độc: chia nhỏ lao 2 ra, bắt buộc mỗi người tù ở lao 2 phải nhận làm một việc chính trị ở trong lao; gài mật vụ, khủng bố, dày ải... Anh em lao 2 bị nó làm cho điêu đứng một dạo.

Sau này, khi Diệm bị lật đổ, đám Phan Quang Đán, Phan Khắc Sửu ra tù, Phan Trọng Chinh nhảy về làm tỉnh trưởng Polâycu. Nó luôm luôm tuyên bố: “Kiên quyết diệt cộng, kiên quyết diệt cộng...” Tôi nghĩ đến câu của bố tên Chinh trối lại cho con “việc nên làm cũng là chính trị, việc không nên làm cũng là chính trị...” lại buồn cười. Thật là thứ chính trị cơ hội chủ nghĩa của bọn phản động yếu hèn.

Cửa đóng im ỉm từ sáng. Bọn trật tự viên, công an đi đâu hết, chuồng cạp khóa trái, vắng tanh. Chúng lại sắp thôi “xả cản” chẳng? ... Cái bọn này cứ hết khép lại mở, hết mở lại khép như vậy, rất bất thường ...

Nhưng một điều lạ là hôm ấy không thấy địch chào cờ, hô khẩu hiệu như mọi ngày. Tại sao vậy? Chúng chẳng thể nào quên được cái món ấy, quen thì gây cần cầu cơm ngay. Vậy thì, vậy thì ... Cách mạng thành công hay sao? Ý nghĩ này lóe ra là không rời khỏi óc tôi nữa. Có thể lắm! Không phải cách mạng thành công, tại sao chúng không chào cờ, không hô khẩu hiệu. Nhưng nếu như thế thật, lại phải rất cảnh giác. Đã có thằng nói thẳng với chúng tôi dạo nọ:

-Hễ trong đất liền xảy ra cái gì là ở đây, chúng ông liệng vô vài trái lựu đạn cho mà nhậu.

Phải cẩn thận, nếu Cách mạng thành công, bọn chó đại này có thể cắn cần được lắm.

Ngày hôm sau, lại thấy chúng chào cờ, hô khẩu hiệu om tởm. Nhưng đặc biệt không hát bài “suy tôn” thằng Diệm. Và khẩu hiệu “ủng hộ Ngô tổng thống” thay bằng khẩu hiệu “ủng hộ quân đội cộng hòa” ... Cửa các gian chuồng cạp nhốt chúng tôi lại mở ...

Bọn công an đi lại trên trần nhón nhác. Thằng nào thằng ấy nhũn như con chi chi. Thái độ chúng nó đối với chúng tôi gần như lật ngược lại: chúng tôi là kẻ trông chúng thì phải.

Chúng tôi tha hồ bò lết sang chơi “nhà” nhau. Chuyện trò gì mãi cũng hết. Mà chuyện công tác không phải lúc nào cũng bàn đến được. Kiểm điểm rút kinh nghiệm rồi, có mấy khoản quan trọng ấy đều đã làm xong xuôi. Đánh cờ với nhau ư? Cũng ngán. Vả lại, cần cảnh giác. Đánh cờ mãi trước mặt thằng Trị khác nào khiêu khích nó. Nhặt các cần xé hỏng giỡn lấy nan lên đan vài cái rổ, cái rá để đựng cơm, úp chén vậy. Đan thê mà lại rất mê, vừa khỏe người, vừa igair trí. Anh Một, anh Sắc đan rất cừ, cái rá nào cũng tròn, cái rổ nào cũng đều mắt, cấm lỗi. Một hôm chúng tôi đang lúi húi đan thì thằng “hung thần Phú Lợi”, trung sĩ Trị vào. Nó cúi nhặt cái mê của anh Sắc xem một lúc rồi gật gù:

-Đẹp ... đẹp ... đan khéo đấy!

Nó đi khỏi, chúng tôi bảo nhau: “Vớی thằng thù là không bao giờ nên để cho nó biết là mình có một thứ bản lĩnh nào, dù chỉ là cái khéo đan lát. Nó biết mình đan khéo không chừng lại xảy ra chuyện không hay cho mà xem ...”.

Quả nhiên, một hôm, chúng đưa ra một tập giấy bóng kính, giấy trang kim, hồ dán, kéo và tre nứa, bảo chúng tôi làm giúp cho một cái đèn để treo.

Chúng tôi bàn, thấy chúng nhờ làm đèn để treo trong dịp lễ Noen sắp tới. Hôm này là mười tám, mười chín tháng chạp rồi. Một tuần nữa là tới lễ Noen thôi. Sở dĩ chúng giấu không nói vì chúng cho rằng chúng tôi sẽ từ chối nếu biết chúng nhờ làm đèn cho lễ Noen. Bàn như thế, chúng tôi quyết định làm. Chúng tôi đã làm một cái đèn ông sao rất đẹp. Trên ngôi sao, chúng tôi dán một dòng chữ bằng giấy trang kim rất đẹp: “Noen 1963”.

Cái đèn của chúng tôi treo lên ở cổng lao đêm Noen đã làm cho tất cả đám nhân viên, công chức, binh lính của địch trầm trồ: “Đèn làm đẹp quá!”. “Những người tù đến là khéo tay” Nhưng cái điều họ lạ nhất, họ thấy hay nhất là dòng chữ “Noen 1963”. Họ bảo nhau:

-Sao các ông ấy lại biết làm đèn cho đêm Noen hừ? Có ai nói ra đâu nhỉ? Tài thiệt! Và kỳ cục, sao các ông tù cộng sản, các ông chống “ly khai” đến chết ở chuồng cạp lại đi làm đèn cho đêm Noen? Đã làm, lại còn dán cho hàng chữ “Noen 1963” vào đèn nữa. Những người cộng sản ra họ tôn trọng tự do tín ngưỡng thiệt ...

Việc chúng tôi làm đèn có tiếng vang ở Côn Đảo.

Qua Tết dương lịch ít bữa, thằng Trị ôm một tập giấy bóng kính, tre nứa vào, cười bảo chúng tôi:

-Sắp tổ chức lễ mừng “Hội đồng quân nhân cách mạng”, tôi nhờ mấy ông làm cho cây đèn kéo quân ... Giấy đây, các ông làm cho đẹp hơn cái đèn vừa rồi nhá!

Độ này, bọn địch hay tổ chức ra các lễ ạt. Nay lễ này, mai lễ nọ, cốt để che lấp các thất bại liên tiếp của chúng, chúng tôi biết lắm. Còn thằng Trị nói tạo việc làm đèn cho “lễ mừng Hội đồng quân nhân ...” là nó muốn thăm dò thái độ của chúng tôi đây. Chúng tôi mà nhận lời thì nó sẽ tha hồ làm rùm beng: “Đấy, mấy thằng chống “ly khai” ở chuồng cạp đã nghe ông Trị làm đèn mừng “Hội đồng quân nhân ...” đấy!

Chúng tôi từ chối:

-Đèn kéo quân à, chúng tôi không làm được!

Đoán được vì sao chúng tôi không nhận làm, thằng Trị hằm hằm giật lấy chỗ giấy và tre nửa quay ngoắt ra. Cả cái đời coi tù của nó ít người nào dám trái ý nó như thế này. Phải cái bây giờ đang có chủ trương “xả cản” chứ vào lúc đang khủng bố thì chúng tôi nhất định phải có người chết tươi vì bàn tay thẳng “hung thần” này trong dịp từ chối làm đèn ...

Liền mấy ngày chúng tôi không nghe thấy tiếng ầm ì ở bên lao 2 như trước. Rồi thấy địch dồn đến chuồng cạp từng toán rất đông anh em lao 2. Chúng nói với anh em:

-Quân đội cộng hòa đánh đổ chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm để diệt cộng có hiệu lực hơn, các anh đừng tưởng chúng tôi lỏng tay mà đã vội nhỡ...

Thì ra nhân lúc Ngô Đình Diệm bị lật đổ, anh em lao 2 đã nổi dậy đấu tranh chống chào cờ, chống học tập “tổ công” rất dữ. Anh em quyết trở lại cái thể lao 1 trước đây.

Tình hình Côn Đảo xem chừng không yên, thằng đại tá Trần Văn Tư phải ra Côn Đảo làm cái trò “phủ dụ” tỏ rằng chính quyền của chúng vẫn “như thường”. Thằng Tư vừa mới thay Nguyễn Văn Y bị bọn lật Diệm bắt giam trong dịp đảo chính.

Xuống chuồng cạp cùng với tên Sáu và một lũ nhân viên, tên Tư hỏi bốn chúng tôi:

-Ở đây bao lâu rồi?

-Hơn bốn năm rồi. Chúng tôi nói.

-Sao bị liệt?

-Vì người ta đánh đập, đày ải hết sức man rợ suốt bốn năm qua.

Tư quay sang nhìn Sáu. Sáu nói:

-Bây giờ đã cho họ ăn uống như lao 3, lao 4, được mở cửa hàng ngày và được chích thuốc...

Tư nói luôn:

-Cho ăn thêm rau và đồ tươi nữa... Ở đây có chỗ nào cho họ ở riêng ra không?

Sáu đáp:

-Dạ, báo cáo, đã tìm nhưng không có!

Tư gật gù:

-Thôi được, cho họ vào...

Sau đó cả đoàn chúng kéo đến lao 3 và lao 4 – tức là lao 2 dọn xuống. Đến đây, tên Tư không vào, chỉ chấp tau sau đít đi đi lại lại giận dữ ở ngoài hiên. Anh em lao 2 lúc này chống học tập và chống chào cờ đang bị cấm cố rất ngặt. Tên Tư đã ra lệnh khủng bố anh em và ngay lúc đó chúng đưa công an, binh lính... hơn ba trăm người qua đánh anh em. Đánh toàn bằng củi tạt và hèo. Đánh suốt từ 10 giờ sáng liền đến sẩm chiều. Hai lao 3 và 4 dầm máu nhưng anh em vẫn không chịu chào cờ, học tập. Anh em lại tiến lên đấu tranh quyết liệt hơn nữa và một cuộc tuyệt thực của cả hai lao nổ ra ngay trong khi thằng Tư vẫn còn ở đảo. Anh em tuyệt thực được bốn ngày, tên Sáu phải đặt giấy mời mỗi khám cử ra ba người đến “dinh tỉnh trưởng thương lượng”. Trong cuộc thương lượng này, địch phải tuyên bố bỏ học tập “tổ cộng”, bỏ hô khẩu hiệu, anh em tù được họp toàn lao để bầu ra tổng đại diện của mình. Địch cũng phải nhượng bộ nhiều ở các mặt ăn uống, làm khổ sai, chữa bệnh v.v...

Khi đại diện anh em hai lao 3 và 4 đến chuồng cạp báo tin thắng lợi này cho anh em hai lao bị địch nhốt ở đây thì đã có 13 anh chủ trương đấu tranh chính diện. Nửa tháng sau, theo gương 13 anh, toàn thể hai lao lại chống tuốt luôn cả chào cờ nữa. Đến lúc này lao 2 trở lại cái thể của lao 1...

Ở cả chuồng cạp lẫn lao 2, địch đều thất bại. Chúng tôi vui mừng không thể nào tả nổi. Có dịp gặp nhau chỉ nói chuyện này, chỉ phân tích chuyện này.

*

Giữa tháng 1-1964, chúng cho xe đưa chúng tôi ra cầu tàu:

-Trả tự do cho các ông!

Bọn Côn Đảo đưa tù ra đất liền đều nói “trả tự do” như vậy. Chữ “tự do” của địch thì có nhiều nghĩa lắm. Chúng “thịt” mình, chúng cũng nói là cho mình “tự do”. Chúng tôi đâu có nhẹ dạ.

Dời chuồng cọp, chúng tôi đều giữ kỹ cái túi con đã từng lận đận theo sát bên người suốt những năm dài ở tù. Trong cái túi con ấy có những kỷ niệm của các đồng chí đã hy sinh. Gặp anh em lao 2, chúng tôi sẽ trao cho những anh em cùng quê với người chết để gửi những vật kỷ niệm đó lại cho vợ con các đồng chí ấy.

Chúng tôi nhìn lần lượt lao 1, lao 2, lao 3, lao 4... vừa phấn khởi trước phong trào đấu tranh chung, vừa thương nhớ anh em. Anh em mình không ngừng đấu tranh đã thu được thắng lợi rất lớn. Nhưng kìa, cạnh lao 3, ngay trước mắt chuồng cọp đã mọc lên mái nhà lao 5, lao 6. Và còn nhiều giàn dáo đang bắc để xây cất thêm lao mới nữa. Anh em mình còn đổ xương máu, còn đau khổ.

Chúng tôi nằm ngồi ngổn ngang ở vệ đường đi, không ai dám nhắc rằng mình sẽ không bao giờ thấy lại Côn Đảo. Nhất là tôi, tôi vẫn nghĩ, đối với tôi có thể còn có lần thứ tư ra đảo.

Một đoàn chúng nó đến, tên phó tỉnh trưởng đi đầu dừng lại nói chuyện với chúng tôi:

-Chanhhs phủ cho các ồn về đất liền để trả lại “tự do” cho các ông. Các ông về thì đừng có chống đối kéo lại chết mực xương ở trong tù...

Bảo chúng tôi không chống đối có khác nào bảo chúng tôi xa lìa cách mạng. Nhưng thôi, thầy kệ chúng mày, lúc này không phải lúc đấu lý.

Một toán lính thủy khá đông lên bờ chơi bờ từ lúc nào bây giờ trở về tàu, ngất ngưỡng đi qua chúng tôi. Một người trạc năm mươi tuổi, mặt đỏ gay, phanh yếm ngực, hỏi bốn chúng tôi:

-Tại sao đến nổi liệt thể này?

-Chúng tôi là những người cộng sản đấu tranh cho sự nghiệp hòa bình, thống nhất đất nước, chống mọi chủ trương chia rẽ cho nên bị nhà cầm quyền đầy ải, hành hạ. Sau mấy năm trời, chúng tôi chết gần một ngàn người, nay chỉ còn có mấy chúng tôi...

-Ờ, các ông là cộng sản – người lính thủy có tuổi kia lẽ nhè – chúng tôi à, chúng tôi chỉ có đóp – Miệng hấn ngậm mạnh lại, quai hàm bần ra. Hấn giơ bàn tay lên, lẽ nhè – Miếng bít tết, hà, miếng bít tết bằng thể này chiên cho nóng lên... chiên bơ, rồi một ve... một ve rượu cho mạnh... Đóp... đóp...! Hà hà... có bít tết cho chúng tôi thì ông Diệm cũng được, ai cũng được! Cứ là sao có bít tết đóp thôi... Chúng tôi chẳng cộng sản, quốc gia gì hết. Bây giờ chỉ có đóp, đóp, đi hải quân như chúng tôi là đóp...

Tại tôi chỉ còn nghe thấy tiếng đóp... Hình như mỗi lần người này nói “đóp”, tôi lại nghe thấy hai hàm răng hấn va vào nhau.

Chúng tôi hỏi hấn:

-Ông đi hải quân thời nào?

-À, à... lâu rồi, từ thời Pháp, từ trước 1945 cơ. Đi nhiều nơi lắm. Đóp đủ thứ ngon, thứ lạ rồi... Mạcxây này, Tulu này, Mani này... Nơi nào cũng có thứ đóp, hay lắm, hà hà...

Đúng là hiện thân của “chủ nghĩa đóp”. Từ tác phong, dáng điệu, lời nói đến vẻ mặt, hấn ta rõ ràng là điển hình của một viên đạn thịt sẵn sàng bán mình cho bất kỳ thằng chủ nào, miễn sao trong miệng có cái gì nhai ngon... Chẳng lý tưởng, chẳng Tổ quốc, chẳng đồng bào gì cả. Chỉ có “đóp”. “Đóp” là trên hết. “Đóp” là muôn năm. Bọn cầm quyền cao cấp ở Sài Gòn cũng thế thôi, khác gì người lính nọ. Có khác là khác ở chỗ chúng không nói thẳng ra, chúng khoác lên người chúng một cái vỏ màu mè “quốc gia” và chúng toàn “đóp” đô la, “đóp” rất nhiều đô la mà thôi.

Tôi ngạc nhiên không hiểu tại sao anh lính này có thể diễn tả cái “chủ nghĩa đóp” của anh ta say mê như thế, hết lòng như thế, trắng trợn như thế!

Tàu dời bến... Núi Chúa mờ dần. Bốn bề nước xanh rồi đen kịt. Đêm tối buông xuống. Sao kín đầy trời và sóng biển đều đều rút xuống người chúng tôi. Những tiếng ú ớ. Những tiếng thì thầm. Những tiếng nôn ọe. Những tiếng lính chửi. Và tiếng máy ầm ì là cái nền buồn tẻ... Rồi trời mờ mờ sáng, bóng những con én biển liệng sà xuống. Đến cửa Hàm Tử, tàu bắt đầu êm. Nghe rõ tiếng nước sông xuôi dào dạt và tiếng những người chân chèo hối gọi nhau râm ran

trên các con thuyền...

Sáng ngày 16 tháng 1 năm 1964, chúng tôi cập bến Ba Son. Rồi về nhà tù Phú Lợi. Cũng lại lối đi như cũ Cầu Kiệu, Cầu Bông, Thủ Dầu Một, Nhị Bình... Chao, đời một người có thể lênhênh trôi nổi đến thế này ư!

Bọn quản đốc nhà tù Phú Lợi vẫn nhớ rõ chúng tôi. Gặp chúng tôi, chúng nói:

-Mấy ông cố nội lại về đây nữa à! Thôi cho mấy tướng về “trại dưỡng lão”.

Lần này về “trại dưỡng lão” thật, nghĩa là về xà lim nhốt người bệnh thật, không như lần trước đem xuống xà lim kỷ luật của “trại” Y. Về đây, chúng tôi ở chung với những tù hủi, tù lao và sự ăn uống ở “trại an dưỡng” chỉ hơn “trại” khỏe có một bữa chè nhạt hoét mỗi tuần.

Chúng tôi gọi “trại dưỡng lão” là “khu phi quân sự”. Vào đây, không phải làm bất cứ trò gì. Địch không mó đến ta, nếu ta không đụng đến chúng.

Chúng giam chúng tôi vào đây cốt để cô lập chúng tôi, không cho chúng tôi liên lạc với anh em tù Phú Lợi. Chúng hoàn toàn hết ý chí đánh phá chúng tôi rồi.

Nhưng chúng cô lập làm sao được chúng tôi! Riêng cái việc chuyển chúng tôi về Phú Lợi lọt vào tai anh em cũng đủ kích động tinh thần chiến đấu của anh em.

Ở trại Y, xà lim kỷ luật chặt ních tù chống học tập, chống chào cờ. 61 chị trước đây bị giam tại xà lim kỷ luật đã bị chúng đưa về “trại” F. Việc các chị đổi “trại” đã làm xôn xao nhà tù Phú Lợi một dạo. Địch bắt đổi “trại”, các chị không nghe. Các chị sợ về nơi khác, địch nhốt chúng với những người học tập, chào cờ thì như thể phong trào chống chính diện của phụ nữ bị lu mờ. Địch xô vào toan dùng vũ lực, nhưng các chị bố trí chống lại, chị nào có có võ, khỏe mạnh ra trấn cả ở ngoài đánh nhau với chúng. Các chị đứng móc tay vào nhau, địch không thể nào giằng tách ra được. Cuối cùng, chúng phải lừa các chị: thành linh một hôm, chúng khua keng báo động. Các chị ngỡ báo động thật vào trong khám nằm hết. Thế là chúng xông vào kéo chân, kéo tay các chị lôi đi. Các chị bám lấy đất vùng vẫy, kêu la. Quần áo các chị lê trên sỏi đá rách tả tơi, da thịt các chị chảy máu, thân thể các chị lóa lờ. Chúng kéo các chị từ “trại” Y về “trại” F chừng hơn một kilômét mà phải mất quá một buổi sáng.

Chúng tôi nghe chuyện này hết sức cảm phục. Người đàn bà khi quần áo rách nát, da thịt hơ hang thì thường e lệ, nhưng các chị đã không hề vì các chuyện đó mà ảnh hưởng đến việc đấu tranh bảo vệ khí tiết cách mạng của mình...

Ở Phú Lợi chẳng bao lâu đã đến Tết Giáp Thìn (1964). Chiều ngày 30, anh em nhà bếp làm một con lân múa từ nhà bếp múa lên “trại”. Con lân này ai trông thấy cũng phải cười, Nó bẹp, nó rách, nó tiều tụy, nó thiếu não quá chừng. Nó đã thể hiện được đúng dụng ý của anh em nhà bếp: để nó tượng trưng cho cái chế độ đang suy sụp, điêu tàn ở miền Nam. Đêm giao thừa cả Phú Lợi vang lên các bài hát cách mạng và kháng chiến. Các “trại” đều hát. Tiếng hát vọng ra tới ngoài, nhân dân thức nghe và bảo nhau: “Hay quá, không cần mở đài nữa!”.

Hai giờ sáng, mấy tiểu đoàn lính ập vào. Một cuộc khùng bố toàn diện diễn ra ở khắp các “trại”. Trận đòn “khai xuân” này hết sức ghê gớm, độc ác. Chúng đánh tù máu me đầm đìa mặt đất, máu chảy ra cả sàn, máu phọt lên cả tường. Bên trong đánh, bên ngoài xe hồng thập tự mở máy, ai bị gãy chân, gãy tay, ai bị vỡ đầu xẻ trán, quăng ra, xe cử việc chở đi cấp cứu. Hàng trăm tù đã đi bệnh viện trong trận khùng bố này. Dưới “trại” kỷ luật, khi đánh, bọn chúng chỉ hỏi:

-Mày chống “ly khai” ở Côn Đảo về hả?

-Đâu, mấy thằng chống “ly khai” ở Côn Đảo về đâu?

Chúng tưởng mấy chúng tôi bị nhốt ở đấy!

VỀ VỚI ĐẢNG, VỀ VỚI DÂN

Lật Dương Văn Minh, lên làm thủ tướng Nguyễn Khánh cần có những trò lừa bịp nhân dân, nên đã thả một số tù chính trị. Ba đồng chí Thuận, Bình, Một được trả tự do trong dịp này, và đã được đồng bào giúp đỡ đưa đường...

... Lên xe, tôi ngồi ở ngay sau lưng bác tài, thay luôn quần áo. Giấu bộ bà bà đen đang mặc

vào gầm ghế, mặc một cái quần kaki và một áo sơ-mi trắng vào. Chân xỏ dép lê. Lâu ngày không đi giày dép, bây giờ xỏ vào cứ muốn văng ra.

Xe chạy một quãng, tới một ngõ hẻm, chúng tôi xuống xe, người cùng đi dìu tôi chùng chục bước, lại gọi một xe tắcxi khác. Thay xe bốn bánh như vậy thì đến nơi. Vào một ngôi nhà ở phố... Vợ chồng chủ nhà đi làm vắng, chỉ có hai cháu nhỏ, một gái độ mười hai tuổi và một trai độ chín tuổi đang thơ thẩn chơi đánh chuyền.

Tôi ngồi nghỉ trên ghế. Căn nhà yên tĩnh, tiếng đồng hồ tích tắc đều đặn ở trong buồng. Và sau bảy, tám năm trời, lần đầu tiên tôi được bùng một chén trà nghi ngút khói, hương thơm phả vào mặt mà không phải nghĩ ngợi đối phó gì...

Cháu gái đứng ở góc tường nhìn tôi một lúc và từ từ đi tới nói khẽ: “Chú ơi chú, chú khổ quá, chú ơi”. Hai mắt cháu đỏ hoe và nước mắt chảy ra giàn giụa. Tôi cảm động hết sức, quàng vai lấy cháu, vỗ về: “Thôi cháu đừng khóc, cháu, có khổ rồi có sướng chứ cháu... Lau nước mắt đi cháu...”.

Cháu trai cũng đã đến bên tôi, ngược mắt nhìn tôi:

-Chú ơi, chú cho cháu đi theo với nhá!

Tôi cười, xoa đầu cháu. Cháu tự nhiên chạy vùng đi:

-Con có cai này cho chú coi nhé, cho chú coi cái này nhé...

Cháu mang ra một tập tranh do chính tay cháu vẽ. Thằng nhỏ rất có hoa tay, vẽ khéo thật. Phần lớn là tranh châm biếm vẽ Mỹ và Diệm, Khánh. Có một số tranh vẽ Quân giải phóng xung phong, lưỡi lê tô chì đỏ lòe. Cháu cười bảo tôi: “Hi, máu chúng nó chảy, máu Mỹ chảy...!”.

Thằng nhỏ khoe tranh xong leo ngay lên đùi tôi và câu chuyện chuyển sang chuyện vệ tinh nhân tạo của Liên Xô và của Mỹ. Thằng nhỏ nói vanh vách các thứ về tên lửa, vệ tinh, vũ trụ... Thú thật rằng nghe thằng nhỏ nói tôi học thêm được vô khối điều, mặc dù năm 1956, nằm ở xà lim Pêcarăngđơ, tôi đã lần mò được cuốn “Những khái niệm về thượng tầng không gian”, đọc hiểu một số kiến thức về môn khoa học mới mẻ này. Tôi nghe thằng nhỏ mà phục lẫn. Tôi nghĩ thầm: “Một thằng nhỏ ở Sài Gòn còn thế này thì chắc ở vùng giải phóng phải thế nào nữa!”.

Thằng nhỏ hết lời ca ngợi vệ tinh nhân tạo Liên Xô, hết lời chửi vệ tinh của Mỹ. Nó nói: “Liên Xô một cây! Mỹ còn thua xa, tên lửa của nó không mạn bằng tên lửa Liên Xô, chú ạ!”.

Hơn một ngày sống trong gia đình này, đúng là sống trong lòng yêu thương của nhân dân. Tôi không bao giờ quên được hai vợ chồng ông Y và hai cháu bé nọ. Tôi đã thấy lại cái quan hệ thật sự giữa người với nguwoif, sau tám năm trời rỗng rã xa Đảng, xa nhân dân.

Ngày mùng 1 tháng 5, tôi đến chỗ hẹn gặp anh Bình. Hôm nay ra phố, tôi đã nghiễm nhiên là một người dân Sài Gòn chính cống. Ngồi trên xe tắc xi, nhìn những phố xá quen thuộc, lòng tôi nao nao. Những kỷ niệm, những niềm xúc động dồn dập tới... Đây, chỗ này năm nào tôi gặp anh V. Hôm ấy trời đổ mưa rất to, chúng tôi phải tránh dưới cái mái hiên của cửa hiệu tạp hóa TH gần đấy. Còn góc phố này, cạnh cửa hiệu giải khát hẹp kia, tôi “móc” anh A. Nghe nói anh A đã hy sinh ở trong tù rồi. Lại thật, nhìn lại những chỗ này, tôi tưởng đâu vừa mới gặp anh V, anh A hôm qua, hôm kia vậy. Cũng cái đám đông xuôi ngược, chen lấn ồn ào này, cũng mấy chú bé bán kem đang xô đẩy nhau đùa trên hè thế này... Tôi như còn nghe rõ cả tiếng cười của anh A, nghe rõ cả tiếng mưa rơi trên mái hiên tôn và rõ cả những bong bóng mưa lênh bênh ở lòng cống ngập nước có những chiếc thuyền giấy trẻ con thả chơi, những quả dầu dừa trôi, ngập ngừng... Kia, ngôi nhà cơ sở tôi ở trước khi bị bắt... Lần cuối cùng tôi thấy nó là cái đêm 29 tháng 7, bọn Pêcarăngđơ đưa tôi đến tiệm Quốc dân... Người chủ nhà ngồi hóng mát ở ghế đầu ngoài hè, mấy đứa con nô bên cạnh... Bây giờ ngôi nhà này lạnh ngắt, tiêu điều. Anh ấy đâu? Các cháu đâu? Bị bắt? Hay là chết? Tôi muốn ngó lại mãi ngôi nhà. Trong mấy năm qua, gia đình anh chắc đã gặp phải rất nhiều đau thương cũng như hàng nghìn, hàng vạn gia đình khác ở miền Nam này.

Xe vẫn chạy. Phố phường vẫn diễn ra trước mắt tôi. Một cái xe Mỹ lao tới, cẩn thận kìa, tránh. Cái thằng Mỹ mặt dài ngoẵng đội mũ calô lái rất ẩu. Bác tài lắc đầu...

Sài Gòn ngày nay làm ăn khó khăn, nghèo nàn hơn Sài Gòn trước, đến bây giờ tôi khẳng định

điều nhận xét đó. Người đi làm thấy phờ phạc và quần áo phần nhiều nhàu nát, ố bẩn. Các bà buôn thúng bán bưng chỉ thấy gánh đi đều đều, không thấy dặt hàng xuống bán... Những gánh hàng thất thểu giạt từ hè phố này sang hè phố khác để rồi chốc nữa lại giạt trở về, thất thểu, ế ẩm. Những biển quảng cáo bằng đèn neon nhiều màu la liệt. Hình đàn bà không có thứ gì che, hình lưng đàn bà để hở, hình ngực đàn bà hở hên... Đấy nội dung của các biển quảng cáo... Xe lượn một cái khá ngoặt, nghiêng đi. Tránh một đồng rác ở đầu ngõ. Mỗi đầu ngõ hẻm, một đồng rác lù lù. Cái cảnh bình thường này, gần như một bộ phận không thể thiếu của Sài Gòn, chẳng khác những bức cảnh sát chỉ đường. Những đồng rác tú ụ, mỗi khi xe chạy qua, ruồi bay cất lên từng đàn a a, đen ngòm cả cửa kính. Chiếc xe tắc xi tôi đi từ nãy đã đè phải mấy cái bọc giấy. Mỗi bận bác tài lại lạy bậu chửi khế ở trong mồm và những người đi đường ù té nhảy vội lên hè. Thì ra xe đè phải các bọc cứt. Cứt phọt bắn ra tung tóe, lên cả xe. Sài Gòn rất nhiều nhà không có cầu tiêu. Cách tốt nhất là gói vào giấy quảng ra đường làm của công cộng. Thảo nào, khi ở dưới tàu há mồm, anh em lao 2 dặm đi dặm lại chúng tôi: “Về Sài Gòn, các anh đi đường mà thấy gói giấy, bọc giấy thì chó có nhặt. Nhặt là rầy đấy. Một là gói cứt, hai là bọc trẻ đẻ hoang người ta vất đi, đường phố Sài Gòn giờ nhan nhản hai thứ vô chủ ấy!”.

Thêm nhiều ngôi nhà năm sáu tầng thật. Nhưng có điều tôi nhận thấy ngay: không có những nhà đang xây, những nhà mới xây, ... Hà, việc xây nhà cửa ra cũng theo thời cuộc! Bây giờ rồi ren hơn, ít ai dám xây nhà, không như những năm 1954, 1955 trước.

Đến chỗ này, xe hơi cấm cò Mỹ chạy như điên. Chúng phóng bạt tê, vỏ rượu ở trong xe lẳng ra ngoài long lóc... Trên sân thượng một tòa nhà bốn tầng, mấy người Mỹ, đàn ông, đàn bà, trẻ con đứng ngó xuống. Tôi bất giác nhớ đến tên Mỹ trẻ, đeo kính trắng đứng trong chuồng cu tàu há nhìn xuống đám tù chúng tôi năm nào. Tôi lẩm bẩm: “Hừ, quân xâm lược vào khá đông rồi!”. Tôi vội chột dạ liếc nhìn bác tài. Bác ta có nghe thấy không? Bác ta đang mãi tránh một xe hiến binh Mỹ lồng lên chồm chồm ở giữa lòng đường. Không có chút thiện cảm nào đối với bọn Mỹ trong con mắt của bác ta cả.

Hôm ấy, tôi và anh Bình gặp nhau. Ngày mai chúng tôi lên đường ra vùng giải phóng. Ngày mai bao nhiêu? Ngày mai, mồng 2 tháng 5...

*

Trời còn sớm, tôi đã chia tay vợ chồng ông Y. Hai cháu nhỏ còn đang ngủ ngon, tôi vuốt tóc hai cháu đi ra cửa. Xe đã đến đón tôi và đang đậu ở ngoài kia. Hai anh Bình và Một ngồi chễm chệ trên xe rồi.

Vừa tới cửa, tôi dừng ngay lại. Một tiếng nổ rất to đình tai làm cho ngôi nhà rung đưa. Các cánh cửa rung lên và kính kêu lách cách một lúc lâu. Ông Y nói với theo tôi:

-Lại có thằng Mỹ về châu ông vãi!

Chiếc xe du lịch khá sang đưa chúng tôi ra “xa lộ” Biên Hòa. Ở tù, tôi đã nghe nói đến cái sân bay phản lực trá hình này đây. Không biết hình thù nó ra sao? Một vùng đất rộng và phẳng lì trải ra trước mắt. Ấn tượng trước tiên là thấy một sân bay. Rồi sau mới lại thấy là đường. Người lái xe bảo chúng tôi: “Biết bao gia đình, biết bao chùa chiền tan nát ở đây, các bác ạ, rồi còn biết bao người tù đây, máu chảy đầu rơi ở đây nữa chứ! ...”. Tôi ngồi thẩn ra, nhìn con đường giết người, con đường uống máu người này. Đâu rồi những phố cũ, đâu rồi những dãy nhà hai bên đường này? Và đâu nữa, núi Châu Thới? Núi Châu Thới bị bạt gần hết rồi. Chúng lấy đá núi làm “xa lộ” ... Hai bên “xa lộ” trống không, hiu quạnh. Im lìm, chỉ có tiếng bánh xe lăn.

Chúng tôi lại vòng trở lại. Tới một chỗ hẻm khác rồi lại đi. Người lái xe luôn tay chỉ cho chúng tôi xem những căn cứ của Mỹ. Đây căn cứ Mỹ, kia căn cứ Mỹ. Đó, dãy nhà trắng tinh đó, căn cứ Mỹ...; kia, đoàn xe đậu ở chỗ quanh ngã ba kia là xe của phái đoàn Mỹ... Hết căn cứ Mỹ lại “ấp chiến lược”. Những tấm biển sơn kẻ chữ cam bên đường “Ấp chiến lược số 7”, “Ấp chiến lược số 3”, “Ấp chiến lược số 69” ... “Ấp chiến lược” khác nhau chỉ ở con số, còn giống nhau như đúc ra từ một khuôn. Một con hào rộng mười thước ngập nước, những hàng dây thép gai rất dày, sau đó một bờ con chạch tua tua chông gai và nhọn hoắt... Sau bờ con chạch cắm chông lại một con hào ngập nước. Trong cùng là những mái nhà lợp xúp, chen chúc dưới mấy chòi canh. Rất ít bóng người. Loáng thoáng thấy mấy đứa trẻ lê la chơi ở đằng sau rào chông, bụng ỏng đít vòi,

mặt gầy xơ xác.

Xe cứ chạy, cứ chạy. Chúng tôi thức lại ngủ, thức lại ngủ. Đường càng xa Sài Gòn, tôi càng thấy lòng tràn ngập một niềm vui sướng khó tả, một niềm vui sướng bất ngát. Nhiều lúc ngồi trong xe nhìn bọn chúng ngó chúng tôi, tôi tưởng đâu như tôi đang ở trong một cơn mơ. Mới chỉ ngày nào chúng tôi bỏ ra nhật từng hộp cơm ở bậc cửa chuồng cạp cầu cút đá, mới chỉ ngày nào chúng tôi run cầm cập, rên lên vì rét sau một trận xối nước nửa đêm, mới chỉ ngày nào chúng tôi thêm một khoảng trời hẹp...

Xe chạy chậm dần và dừng lại. Chúng tôi xuống xe, bắt tay chào người lái và đi sâu vào bên trong đường. Chiếc xe phóng nhanh, biến sau lớp bụi mù mịt.

Chúng tôi dời đường cái chừng hơn một trăm mét thì trời nhòa tối. Và bên tai tôi vang lên tiếng nói quen thuộc của đài phát thanh Hà Nội. Đài phát thanh Hà Nội đang báo tin Quân giải phóng đánh đắm hàng không mẫu hạm Cađơ ở bến Sài Gòn. Thảo nào! Tiếng nổ sáng sớm hôm nay, tiếng nổ sáng sớm hôm nay là tiếng nổ đánh tàu Cađơ đấy!

Chung quanh tôi ran ran tiếng đài phát thanh Hà Nội. Đài mở tứ phía, nhiều quá, oang oang, thủ thủ, dữ dữ... Bầu trời đầy sao, ngày mai lại nắng. Hà Nội lúc này chắc cũng thế này. Tôi nhìn rõ mắt con vịt lông lánh, nghịch ngợm cạnh ông Thần Nông. Trời rộng quá...

Chúng tôi vào một căn nhà. Và sau bữa cháo gà, chủ khách bắt đầu chuyện trò vui vẻ. Bà con chỉ ra đầu xóm:

-Cái đồn kia, các bác thấy không, đó, cái đồng tùm lum đó, dài thiệt là dài đó, đồn chúng nó đó...

-Chà, cái đồn lớn thiệt, bao xa?

-Gì mà bao xa, nè, bây giờ chúng tôi yêu cầu nhổ nó là nhổ phẳng thôi, nếu bộ đội giải phóng quyết nhổ thì khó mấy nhổ cũng được.

Chúng tôi có nhiều cái tỏ ra bỡ ngỡ đến ngớ ngẩn. Chúng tôi hỏi:

-Gần nó sao đài mở nhiều và to vậy?

Bà con chưa hiểu ngay, một lúc mới cười phá lên:

-Ủa, thì đêm là của mình chớ sao! Tụi nó nghe rõ mồn một đó, nhưng sớm mai tụi nó cũng phải coi như không có nghe thấy cái gì hết, cứ lờ tuốt đi thôi... Vô nơi chúng tôi đâu có dễ, mấy bác...

Nói chuyện được một lúc, ở bên ngoài bước vào một người con trai, quần âu, áo sơ-mi, hai con mắt tươi cười, lạn lạn.

-Các bác đi đường mệt không, các bác? Người này hỏi, vồn vã.

Người chủ nhà giới thiệu:

-Bí thư chi bộ!

Tôi ngồi lặng đi, không ngờ. Tôi xúc động vô cùng. Tám năm trời nay mới lại thấy đồng chí bí thư chi bộ xă.

Vùng này là vùng tôi rất quen thuộc, Tôi hoạt động ở đây từ những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, ở đây tôi đã từng ăn dầm nằm dề với đồng bào hàng tháng trời liền. Tôi đã kết nạp từng đảng viên ở đây, tôi đã tổ chức từng chi bộ ở đây. Đồng bào vùng ở đây không mấy ai lạ tôi... Lúc này, ở xe vào, tôi định nín sẽ gặp lại các đồng chí cũ. Các đồng chí chắc vẫn bộ bà ba đen, vẫn cái túi nhái xách tay, khác chăng là ở mái đầu hẵn phải bạc trắng như tôi rồi mà thôi. Nhưng các đồng chí thấy đều không còn nữa! Người tù dayd, người mất tích, người hy sinh... Không một ai thuộc lớp trước còn lại! Tôi hỏi mấy người: "Có biết ai là Nguyễn Đức Thuận không?". Anh em nhìn nhau:

-Nguyễn Đức Thuận, Nguyễn Đức Thuận nào, hổng có nghe!

Chúng ta đã hy sinh nhiều trong cuộc đấu tranh sống mái với quân thù. Mhuwngx người làm cuộc kháng chiến lần thứ nhất đã ngã xuống gần hết. Những lớp trẻ mới lên của chúng ta tỏ ra vô cùng xứng đáng với lớp đàn anh, đã tỏ ra có nhiều năng lực hơn lớp đàn anh nữa.

Đồng chí bí thư chi bộ mới khoảng hai mươi bốn tuổi. Trong kháng chiến chống Pháp, đồng chí là chú thiếu niên, bây giờ chú thiếu niên ấy lãnh đạo cả một địa bàn du kích ở ngay bên sát địch thế này... Qua chuyện trò trao đổi, tôi rất mừng thấy đồng chí bí thư chi bộ bây giờ có trình độ của người huyện ủy viên trước. Đảng ta đã trưởng thành mau chóng!

Lưu lại chỗ này ít bữa, chúng tôi lại lên đường. Cùng đi với chúng tôi chặng này là một đơn vị du kích địa phương vừa mới phá xong một “ấp chiến lược” nay trở về căn cứ nhận luôn nhiệm vụ bảo vệ chúng tôi.

Địa phương tôi đến hôm nay cũng là nơi tôi hoạt động trước. Cũng lại những người quen xưa không còn nữa! Người tù đầy, người mất tích, người hy sinh.... Cũng lại lớp trẻ mới lên đầy triển vọng, tháo vát, thành thạo, lạc quan, táo bạo... Nghe giới thiệu tình hình địa phương, tôi thấy rõ bây giờ địa phương này đã lớn mạnh lên rất nhiều. Mọi mặt tổ chức, trang bị đều hơn ngày trước. Khí thế của nhân dân cũng đều, cũng vững hơn.

Tôi cố nói với anh em dẫu tôi đi ngang qua một con đường đá xánh tôi thường tới lui trong thời kỳ kháng chiến trước. Lúc bấy giờ đường đào chữ chi, cầu cống phá sập hết. Nay hố đã lấp, nhưng cỏ mọc ngập đầu, một lối mòn ngoằn ngoèo ở giữa: địch đã từ lâu không dám bén mảng tới đây. Tôi len lỏi giữa đám cỏ rậm, lòng băng khuâng. Nếu anh em không nói thì tôi không thể nhận ra đây là con đường quen thuộc. Còn một chút giống ngày xưa là cảnh hoang tàn bên đường. Những túp nhà bị thiêu đốt rụi, những lá cây tấp lửa kho cong, những cột nhà cháy xém, những chim khập vỡ ...

Lại đi. Đến một vùng tôi cũng đã từng khoạt động. Ở đây, đã một bạn tôi suýt chết trong một trận giặc Pháp càn. Hôm nay, tôi đến đây lại vào địch vừa tới bố và bị đánh thua chạy. Lúc còn cách mấy kilomet, chúng tôi đã nghe thấy tiếng súng nổ ran ở mạn này. Và bây giờ máu lênh láng trên đường hãy còn đó. Anh em chỉ những vũng máu: “Đây chúng nó chết ba đứa ...”, “Chỗ này nó chết một thằng thiếu úy!”. Hỉnh như phẳng phất còn mùi thuốc súng và mùi quần áo nhà binh.

Bất giác tôi ngẩng nhìn trời. Trời xanh lồng lộng, êm đềm mấy cụm mây bông. Đất nước này đẹp xong bọn cướp nước và bán nước thì tươi đẹp biết bao nhiêu!

Đi một quãng nữa, chúng tôi lọt vào giữa một dòng người đông nghịt. Ai cũng xẻng cuốc trong tay và ai cũng cười đùa rất nhộn. Đồng bào các vùng quanh đây đi phá đường. Nhìn những nét mặt tươi tắn, tôi cảm thấy hình như bà con tự động rủ nhau đi làm công việc phá đường này. Một cái gì thoải mái, vui vẻ, hồn nhiên trong con mắt, cụ cười, dáng đi của bà con. Cái cuốc, cái xẻng cũng có vẻ tênh tênh. Một toán con gái chân tay không, bước xăm xăm, vượt lên trên chúng tôi.

-Phá đường sao không mang xẻng cuốc, các cô?

Chúng tôi hỏi:

-Hổng phá, hổng phá!

-Vậy đi đâu?

-Tòng quân, chúng em đi tòng quân đây!

Tôi nhìn theo toán nữ thanh niên, lạ lùng: “Hình ảnh này ngày xưa đâu có!”.

Chúng tôi đến gần địa điểm cuối cùng. Một cổng chào cao có hàng chữ ở trên đỉnh: “Mỹ vào đây thì Mỹ chết ở đây!”.

Sau cổng chào, men theo cong đường làng một lúc thì đến trạm thông tin. Ảnh, báo, tài liệu ... Một lá cờ treo trên tường: ngôi sao vàng trên nền đỏ và xanh. Cờ Mặt trận! Không ai bảo ai, chúng tôi cùng bước cả vào và đến bên lá cờ. Tôi bồi hồi nói khẽ:

-Chiến đấu bao nhiêu năm cho đường lối của Mặt trận, bây giờ mới được thấy lá cờ đây!

Trạm thông tin này, tôi nhớ, vẫn ở trên nền trạm thông tin ngày trước. Hồi ấy, mỗi lần về qua đây công tác, tôi thường tạt vào trạm thông tin chốc lát xem tranh tường.

Vào sâu hơn nữa, khung cảnh tàn phá hiện ra rõ hơn. Những lũy tre bị mảnh bom, mảnh đạn chặt đứt ngang mình, rạp xuống. Những hố bom và hố đạn đại bác rải rác. Và cacnhs đồng ủa

đỏ, không một cọng cỏ xanh. Chết độc học đã ném xuống đây. Những khu vườn trắng xóa tro tàn nối tiếp nhau. Không hiểu chúng ném loại bom cháy gì mà tro toàn màu trắng xám. Những túp lều nhỏ xíu ẩn hiện dưới những lùm cây. Nhìn bên ngoài, tường đầu tàn tạ lắm nhưng bước vào trong nhà, một cảnh sinh hoạt bình thản, vui ấm, đập ngay vào mắt. Tiếng võng kẽo kẹt, bài ru em véo von, đứa bé bế em ngừng đập võng nhìn khách lạ và nhoẻn cười ... Cây đàn sáu dây, phím lõm treo trên tường. Một bộ tú lơ khơ, mấy cuốn sách in đá, mấy trái dừa cạnh một lưới mắc và ba ổ gà đang ấp ... Tối tối, những túp lều đỏ đèn và tiếng thanh niên nam nữ ới ới gọi nhau đi học, đi họp vang rất xa ... Đài lại ran ran khắp xa gần, đài mở ở bốn bề, mở cho đến câu tận cùng của bài Tiến quân ca ...

Cái gì đối với tôi cũng hết sức lạ. Từ túp lều nhỏ xíu nọ đến những đường hầm ngang dọc; từ người bí thư chi bộ trẻ tuổi đến anh chiến sĩ Giải phóng đội mũ vải cài lá ngụy trang, đeo tiểu liên; từ tiếng đài oang oang trong đêm tối đến dòng khẩu hiệu vắng ngang đường ... tất cả đối với tôi đều mới mẻ và lạ thay, lại gần gũi, thân yêu vô cùng. Tôi ngỡ ngàng nhìn, xem, nghe, hỏi. Tôi y hệt một người ở một vùng quê hẻo lánh lần đầu tiên ra chốn thị thành ...

Chỉ mới hơn mười ngày, hình ảnh Côn Đảo đã lùi rất xa vào dĩ vãng, còn chẳng chỉ là đôi chân vẫn tập tễnh, chưa khỏi liệt. Còn chẳng chỉ là những giây phút bàng hoàng sợ nhớ rằng mình vừa ở trong cũi chết đi ra. Còn chẳng chỉ là nỗi uất hận xen với những chua cay thỉnh thoảng lại trào lên ở trong lòng ...

Tâm trí tôi mãi chìm đắm trong những suy nghĩ mới. Lòng da xốn xang trước những cảnh cũ mà lạ, trước những người xưa mà mới, trước những bước đi đầy kỳ thú của tôi trong vùng du kích.

Gặp các đồng chí phụ trách, tôi biết nói gì đây? Ôi chao, lòng tôi khác nào nổi sóng. Cha mẹ sinh ra tôi, đó là lần thứ nhất tôi ra đời. Năm 1945, Cách mạng thành công, đó là lần thứ nhất tôi sống lại. Lần này, Đảng và nhân dân giải phóng tôi ra khỏi cái chết, tôi sống lại lần thứ hai.

Tôi đã sống vì tôi đã làm theo yêu cầu của Đảng: chiến đấu và chiến thắng!

Khi tôi ôm chầm lấy đồng chí thay mặt cấp ủy, nghe tiếng nói quen thân ngay sát bên tai: “Tưởng không bao giờ còn gặp lạ anh ...”, tôi thấy người tôi rạo rức không sao tả xiết. Tôi nghẹn ngào:

-Đảng và nhân dân đã tái sinh tôi!

Cùng lúc ấy, tôi tự nhủ: “Chớ khóc, chớ có khóc, nghe!”. Và mắt tôi cứ chớp hoài, chớp hoài. Chao, nếu lúc này tôi khóc được thật to.

6 - 1966

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>